

làng văn

107
Tháng 7, 93



SÁCH MỚI VỀ

(bổ-túc Thư-mục Làng Văn 1993 đã đăng trên số 105)

30 NGÀY THIÊN-QUÁN

Sách thiên-học, Nguyễn Duy Nhiên
dịch
14MK – 19GK

ANH VIỆT TỰ-ĐIỂN XÃ-HỘI-HỌC

(Danh-từ xã-hội-học)
BS Nguyễn Hoàng Mai
30MK – 40.50GK

BÊN KIA CỬA TỬ

Sách thiên-học
12MK – 16GK

BÚT KHẢO VỀ ĂN

Lê Văn Lan
10MK – 13.50GK

CÁT BỤI CHÂN AI

Hồi-ký, Tô Hoài
12MK – 16GK

CÂY CỎ MIỀN NAM (4)

Sách khoa-học, Phạm Hoàng Hộ
35MK – 47GK

CHUYỆN CỦA MỘT

NGƯỜI DI-CƯ

NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI

Tạp bút, Nguyễn Bá Trạc
10MK – 13.50GK

CUỘC CÁCH-MẠNG BỊ PHẢN-BỘI

Nhận-định
12MK – 16GK

DƯỚI BÓNG DỪA XANH

Truyện dài của Xuân Vũ
12MK – 16GK

ĐỒI LÁ KHÔ

Truyện ngắn, Nguyễn Tư
10MK – 13.50GK

GIẢI-ĐÁP NHỮNG

THẮC-MẮC VỀ TÌNH-DỤC

Sách giáo-dục sinh-lý người lớn
16MK – 22GK

MỘT CHÚT

HẠNH-PHÚC NHỎ

Truyện ngắn của Ngọc Lan
12MK – 16GK

SẢN-XUẤT VÀ

CẠNH-TRANH

Phạm Côn Sơn
7MK – 9.50GK

THIÊN-THẦN QUÉT LÁ

Truyện ngắn, Vĩnh Hảo
10 mỹ-kim – 13.50 gia-kim

TÌM HIỂU THÁNH-KINH

Sách thần-học
15MK – 20GK

TÌNH-YÊU

Sách Tâm-lý giáo-dục, Nguyễn Thi
dịch
10MK – 13.50GK

TRƯỚC BẾN VĂN LÂU

Truyện ngắn Việt Phương
10MK – 13.50GK

TỰ-DO KI-TÔ GIÁO VÀ GIẢI-PHÓNG

Nghị-luận.
8MK – 11GK

TỪ KHÁM LỚN

TỚI CÔN-ĐẢO

Hồi-ký lao-tù, An Khê
11MK – 15GK

VĨNH-BIỆT TÌNH EM

Truyện ngắn, Bùi Tĩnh
10MK – 13.50GK

Giá trên đây bao gồm cước-
phí đường thủy, bộ và thuế
(nếu có); muốn nhận sách gửi
bằng máy bay, xin thêm 50%
giá sách (độc-giả ở Hoa-kỳ và
Gia-nã-dại); hoặc 100% giá
sách (các nước khác).

Độc-giả dài hạn Làng Văn (có
mã-số) được bớt:

- 10%, nếu mua dưới 100
mỹ-kim (135 gia-kim)
- 15% nếu mua trên 100 mỹ-
kim (135 gia-kim)
- 25% nếu mua trên 500 mỹ-
kim (675 gia-kim)

(xin xem Thư-mục Làng Văn
1993 in trên Làng Văn số 105)

Thư-từ, chi-phiếu xin đề và
gửi về:

Làng Văn
P.O. Box 218
Station "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada

Tel: (416) 607-8010 / Fax: (416) 607-8011

Published 12 times a year

Publications Class Mail Reg. No: 8040

ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 10 - No 107 - June 1993

Năm thứ mười - số 107 - 15 tháng 7, 1993

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn thế-giới.....	2
Tin Việt-nam.....	6
Phái-đoàn Võ Văn Kiệt thăm-bại tại Úc.....	10
Cộng-đồng VN tiếp-xúc bà Irina Zisman.....	13
Ngoài ngõ.....	15
Tin tị-nạn.....	18
Vàng son một thuở, Lê Văn Lân.....	20
Kẻ và Cha, Tạ Quốc Tuấn.....	26
Thơ Tô Giang.....	28
Đôi điều về tiếng Việt, Hồng Huy.....	29
Mộng, Ngô Nguyễn Dũng.....	34
Thơ Trần Ngân Tiêu.....	37
Thơ Đông Vũ.....	38
Thơ Thanh Hữu Huyền.....	40
Nếu như đừng đối-diện, Việt Phương.....	41
Thơ Hồ Công Tâm.....	43
Thơ Phạm Hồng Đạm.....	47
Từ đỉnh trời tròn, Hồ Phổ Lại.....	48
Thơ Xuân Bích.....	52
Thơ Nguyễn Mạnh Tiến.....	53
Thơ Minh Tuấn.....	54
Cho nước theo dòng, Hồng Hoang.....	55
Kẻ khờ-khạo, Trương Mỹ Văn.....	59
Thơ Lâm Hảo Dũng.....	60
Con tàu nhỏ xuôi dòng thời-gian, Nguyễn Văn Thông.....	61
Thơ Thủy Trang.....	62
Đế mền, Quách Ngọc Trân.....	63
Thơ Huỳnh Liễu Ngạn.....	65
Thơ Trần Hoài Ngọc.....	69
Thơ Nguyễn Sĩ Long.....	70
Thơ Trương Ái Minh.....	72
Xóm cũ: Chùa Từ-án, Trần Lang.....	73
Thơ Nguyễn Hải Hà.....	75
Xóm Măng: Chuyện ông già đá, Kim Thành.....	76
Xếp Al Capone IV, Lê Xuân Nhị.....	78
Thơ Nguyễn Dũng.....	91
Quay trong cơn lốc, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	93
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	86
Thơ Hồ Ông.....	101
Thơ Cao Hoàng Nhân.....	92
Độc-giã thác-mắc, Bút Chì.....	102
Cái chết được báo trước, Nguyễn Anh Dũng.....	105
Diễn-đàn.....	107
Nhận được giới-thiệu.....	109
Nỗi buồn trong cõi văn chương của Việt Phương, Hồ Trường An.....	110
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	115
Nhắn tin tị-nạn.....	119

Tranh bìa: sơn dầu của Vi-Vi Võ Hùng Kiệt

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà - Bút Chì - Cao Tiêu - Đan Quế
Đào Huy Đán - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Du Thụy - Kiên Trung - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ngọc
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thăng - Tự Tình
Thái Văn Kiểm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích
ViVi Võ Hùng Kiệt

Cộng-tác:

Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tú - Diệu Tần
Dương Kim - Đặng Thị Quế Phượn
Đào Trường Phúc - Đoàn Tam - Đỗ Khánh Hoan
Huỳnh Liễu Ngạn - Hồ Ông - Hoài Châu
Kha Huyền - Kinh Tân - Lê Thụy Vi - Ngô Du Trung
Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Quốc Trụ - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Văn Thông - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Việt - Nguyễn Tư
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Hữu Nhật
Phạm Hoàng Hộ - Quỳ Hương - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thủy Trang - Thủy Sơn
Trần Mộng Tú - Trần Quang Hải
Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ - Văn Nương
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-hoa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui Nguyễn Tấn Phú - Hiếu Đệ - Nguyễn Khai
Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung
Thái Tuấn - Hồ Đức Vũ (Vết) - ViVi Võ Hùng Kiệt
Vũ Thái Hòa

Góp ảnh:

Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà	Hoa-kỳ:
Anh: Hoài Châu	Lê Xuân Phương (Dallas)
Đức: Ngô Việt Dũng	Trương Sỹ Lương (Houston)
Hòa-lan: Hồ Thị Chiến	Võ Thắng Tiết (Nam Cali.)
Na-uy: Dương Kim	Nguyễn Hùng (Bắc Cali.)
Nhật: Đỗ Thông Minh	Linh Phương (Florida)
Úc: Phạm Quang Ngọc	Nguyễn Huy Phước (N.J.)

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-dại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 40 quan; Úc: 10\$, Na-uy: 40 krone;
Nhật: 800 yen; Các nước khác: 5 mỹ-kim

Giá báo dài hạn, thể-lệ mua báo
và giá biểu quảng-cáo:

trang 114

tin văn

Kiên Trung phụ-trách

CAO-MIÊN: BẦU CỬ THÀNH CÔNG, NHƯNG RỒI SAO NỮA?

Cuộc bầu cử cuối tháng 5 vừa qua tại Cam bốt đã thành công ngoài sự mong đợi của UNTAC, cơ cấu do Liên Hiệp Quốc tổ chức, để tạm quản trị Cam bốt cho đến ngày quốc gia này có được một chính phủ dân chủ cai trị. Những vụ tám máu, như phe Khmer Đỏ đã hăm dọa, đã không xảy ra, mà ngược lại, nhiều thông tin viên quốc tế còn loan tin rằng, họ trông thấy cả lính Khmer Đỏ cũng đi bỏ phiếu.

Bên cạnh đó, cũng còn nhiều sự kiện xảy ra ngoài dự kiến của các nhà quan sát chính trị và cả của các phe liên hệ, thí dụ như việc đảng Nhân Dân Cam-bốt (CPP) của chính phủ bù nhìn đã không dành được đa số phiếu.

Kết quả kiểm 80% số phiếu cho thấy đảng FUNCINPEC của ông hoàng Ranariddh (con trai Sihanouk) đã dẫn đầu trong cuộc tuyển cử với trên 43% phiếu.

Quốc hội Lập Hiến của Cam bốt, gồm 120 ghế dân biểu như thế sẽ là một quốc hội liên hiệp, với khoảng trên 50% là FUNCINPEC (Mặt Trận Đoàn Kết Quốc Gia), gần 40% là CPP và 10% là Dân Chủ Cấp Tiến Phật Giáo (BLPD). Mười tám đảng phái lẻ tẻ còn lại sẽ chỉ còn có tối đa 3 ghế tại Quốc Hội để chia nhau.

Sau chiến thắng của FUNCINPEC, ông hoàng Sihanouk lại diễn trò chong chóng như đã làm trước nay trên sân khấu chính trị Cam bốt. Thoạt đầu, ông tuyên bố sẵn sàng thành lập chính phủ liên hiệp, nhưng chỉ một ngày sau lại lên tiếng "gặp nhiều khó khăn"

nên không làm được chuyện này.

Dĩ nhiên là sau bao nhiêu cố gắng tuyên truyền, mua chuộc, khủng bố để giành phiếu, chính phủ Hun Sen (thân VC) không hài lòng về kết quả này chút nào. Họ tuyên bố "có gian lận trong vụ bầu cử" và đòi tổ chức bầu lại ở bốn tỉnh.

Bầu cử đã xong, nhưng cuộc tranh chấp về chính trị và cả quân sự ở Cam-bốt chưa chắc đã chuyển sang giai đoạn sáng sủa hơn. Chính quyền Hun Sen, với hầu hết cán bộ là đảng viên Khmer Đỏ trước đây, không dễ gì từ bỏ quyền lực đang có, nhất là khi họ còn trong tay một lực lượng quân sự và công an cảnh sát vũ trang đầy đủ, trong lúc UNTAC chưa làm được gì trong nhiệm vụ giải giới các phe phái. Phe Sihanouk, mặc dù thắng phiếu nhưng không có thực lực quân sự. Cho đến nay, dù phe Khmer Đỏ chưa làm gì nhưng không ai tin rằng họ dễ dàng chấp nhận kết quả bầu cử và tự loại mình ra khỏi sinh hoạt chính trị quốc gia Cam-bốt khi sức mạnh quân sự còn nguyên vẹn và họ đang kiểm soát hơn 20% lãnh thổ Cam-bốt.

Dầu sao, thế giới cũng tạm cảm thấy nhẹ thở với những diễn tiến của cuộc bầu cử này.(kt)

DI DÂN BẤT HỢP PHÁP VÀO HOA KỲ

Hoa kỳ đang nhức đầu với sự xâm-nhập của những người nhập cảnh lậu từ Trung Hoa đến trong

nhều tháng nay. Đêm 6.6, giới chức cảnh sát và Di trú Hoa Kỳ đã vất vả đối-phó khi hàng chục người Trung Hoa bơi lồm ngổm vào bờ tại một bãi biển thuộc hạt Queens (New York City) từ chiếc tàu Golden Venture mắc cạn trong cơn đông bão.

Nhà chức trách Mỹ đã cấp cứu tại chỗ 295 người, đưa 27 người khác vào bệnh viện. Có khoảng 8 người chết và không biết bao nhiêu người mất tích. Những người này có thể đã chết đuối hay trốn được vào thành phố.

Thủy thủ đoàn người Nam dương của chiếc tàu cùng 8 tay gang-tơ Hoa-kiều thuộc đảng Bạch Hồ, trong đó có đảng trưởng Lý Hưng Hoài, 32 tuổi, đã bị bắt tại Nữ-ước. Những người mà họ chở lậu vào Mỹ được giao cho cơ quan Di trú Hoa kỳ quản thúc.

Những người nhập lậu vào Cựu Kim-sơn hôm 2.6 trước đó, thoát lưới cảnh-sát, đã được đảng Bạch Hồ chở bằng máy bay sang giam tại Nữ-ước, chờ thân-nhân của họ nộp đủ tiền mới thả ra. Cảnh-sát liên-bang Hoa-kỳ cũng đã khám-phá ra nhà giam này, giải-thoát các nạn-nhân và chuyển họ về nhà giam của chính-phủ, tiện-nghi hơn.

Tất cả những người đổ bộ bất hợp pháp đều là dân Hoa lục, phần nhiều từ tỉnh Phúc-kiến. Họ đã trả giá đến 30.000 ngàn mỹ kim mỗi đầu người để được đưa đi Mỹ.

Giới chức Di trú và cảnh sát Hoa Kỳ bao lâu nay đã nhức đầu với hoạt động của những tổ chức buôn người đặt bản doanh tại Hương Cảng và Nữ Ước. Từ tháng 8.1991 tới nay đã có 14 chuyến tàu nhập lậu dân Tàu vào Mỹ. Cơ quan di trú Hoa kỳ đã bắt giam gần 2.000 người trong những tháng qua; nhưng số người trốn thoát và hòa nhập vào cộng đồng Hoa kiều tại Mỹ cũng có thể không ít.

Những di dân được các tổ chức buôn người khuyến dùng lý do "bị nhà cầm quyền Bắc kinh đàn áp hạn chế sinh sản" để xin t nạn khi đến được Hoa Kỳ. Tuy nhiên theo



báo chí Mỹ, số di dân này - trình độ học vấn thấp, không biết tiếng Anh, không có nghề nghiệp - nếu thoát được cảnh sát cũng chỉ để rơi xuống đáy xã hội, chịu sự kiểm chế của các băng đảng tội ác hay sự bóc lột của các chủ hãng xưởng đồng hương.

Tổng-thống Hoa-kỳ Bill Clinton đã ra lệnh cho 12 cơ-quan liên-bang lập kế-hoạch chống lại làn sóng chơ lậu người vào Hoa-kỳ, và trừng-phạt nặng-nề những người chơ thuê. (kt và dtn)

LIÊN HIỆP QUỐC TRỪNG-PHẠT SỨ QUÂN SOMALIA

Hoạt động nhân đạo của quốc tế, khởi phát từ chiến dịch "Phục hồi Hi vọng" của Hoa kỳ dưới thời Tổng thống Bush nhằm cứu đói và đem lại hoà bình cho dân Somalia đã chuyển sang một diễn biến mới không đẹp chút nào.

Liên tiếp năm ngày từ 12.6, các phi cơ AC-130, trực thăng của Hoa Kỳ và sau đó bộ-binh Hồi-giáo đã tấn công vào khu đóng quân và các kho vũ khí, tiếp liệu của sứ quân Aidid (Aideed) tại Mogadistu (Somalia) để trả đũa vụ Aidid thảm-sát 23 lính Pakistan thuộc lực-lượng bảo-vệ hoà-bình của LHQ.

Các cuộc tấn công, thực hiện lệnh trừng phạt của Liên Hiệp Quốc diễn ra rất nhanh gọn, đã triệt hạ đài phát thanh, phá nổ nhiều kho đạn của Aidid và cuối cùng tấn-công vào tư dinh của Aidid. Aidid và đồng bọn đã kịp trốn thoát trước khi quân Hồi-giáo thuộc LHQ làm chủ các mục-tiêu.

Trước đó, lực lượng LHQ tại Somalia đã được Hội Đồng Bảo An cho phép sử dụng tất cả mọi biện pháp cần thiết để bắt giữ thủ phạm của cuộc tấn công quân LHQ ngày 5 tháng 6.

Sứ quân Mohamed Farah Aidid, thủ lĩnh nhóm lạc thảo đã phục kích lính Hồi quốc khi toán quân này thi hành sứ mạng kiểm tra và tịch thu kho vũ khí của ông ta, cãi

rằng lính LHQ đã gây hấn trước, định chiếm đài phát thanh của Aidid và trong cuộc chạm súng, có 75 lính Somalia thiệt mạng, hơn 200 bị thương. Phía quân Hồi có thêm 4 người tử thương và 34 người bị thương trong vụ tiến chiếm.

Các hoạt động cứu trợ tại Somalia hầu như tê liệt vì các nhân viên cứu trợ dân sự được khuyến cáo tìm nơi an toàn trú ngụ để tránh tên bay đạn lạc khi quân đội LHQ hành quân trừng phạt Aidid. Dân-chúng Somali đã nổi điên lên, biểu-tình tấn-công tất cả người ngoại-quốc nào họ trông thấy trên đường phố. Gia-nã-đại phải ra lệnh rút các đơn-vị cứu-trợ và bảo-vệ trở về. (kt và dtn)

PHỔ THÔNG ĐẦU PHIẾU Ở NAM PHI : 1994

Lịch sử nô lệ của người da đen và chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc tại Nam Phi sẽ chính thức chấm dứt vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 với cuộc tuyển cử đầu tiên áp dụng nguyên tắc mỗi người một phiếu. Hai mươi tám triệu người da đen ở Nam Phi cuối cùng cũng sẽ thấy quyền làm người và quyền được làm chủ cơ chế chính trị đất nước.

Việc phá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc sẽ giúp Nam Phi trở lại với cộng đồng kinh tế của thế giới khi các biện pháp phong tỏa kinh tế được giải tỏa. Nam Phi còn có hy vọng nhận được viện trợ quốc tế để tái thiết đất nước. Tuy nhiên, người Nam Phi không lạc quan lắm vì họ biết rõ rằng trong giai đoạn tới, quốc gia họ sẽ gặp nhiều khó khăn cả về chính trị lẫn kinh tế, đòi hỏi sự hợp tác chân thành giữa mọi người.

Hiện nay, sự khác biệt về giàu nghèo giữa người da trắng và da đen rất cao. Tỷ lệ thất nghiệp của người da đen là trên 50%, Hơn 7 triệu người da đen sống trong các "nhà" làm bằng bìa giấy và thùng rác. Hệ thống giáo dục dành cho người da đen gần như phá sản, có đến 60% học sinh da đen bỏ học ở

bậc trung và tiểu học.

Trong cuộc bầu cử sắp tới, đảng được đa số sẽ cử tổng thống thay thế ông De Klerk. Vai trò này đương nhiên sẽ thuộc về ông Nelson Mandela vì hiện nay, theo thăm dò, đảng Quốc Nghị Nam Phi (ANC) sẽ thắng tới thiểu 54% số ghế tại Quốc hội. Tuy nhiên, trong tháng Hai vừa qua, ANC và đảng Quốc Gia (National Party) của de Klerk đã thoả thuận dù ai thắng đi chăng nữa, mọi phe sẽ hợp tác để thành lập một chính phủ đoàn kết quốc gia trong thời gian chuyển tiếp kéo dài 5 năm để đoàn kết quốc dân, đem lại ổn định và bảo đảm chương trình tái thiết quốc gia thành công.

Theo Giám mục Desmond Tutu, một điểm lạc quan khác nữa là hai lãnh tụ Mandela và Buthelezi của ANC và Inkatha, hai tổ chức da đen vốn không hoà thuận với nhau từ lâu nay, sẽ gặp gỡ để giải quyết những dị biệt.

Dẫu sao, lịch sử Nam Phi đã bước sang một giai đoạn mới với những chuyển biến tích cực hơn và người ta hy vọng hàng ngày sẽ không còn phải đọc những bản tin về những cuộc thảm sát vô nghĩa tại Nam Phi. (kt)

BẮC HÀN THÔI ĐÒI RÚT KHỎI THỎA ƯỚC NGỪNG PHÁT TRIỂN VŨ KHÍ HẠCH TÂM

Hồi tháng Ba 1993, Bắc Hàn đã từ chối không cho Cơ Quan Năng Lượng Nguyên Tử Quốc Tế kiểm tra hai cơ sở nguyên tử và tuyên bố sẽ rút ra khỏi thỏa ước ngưng phát triển vũ khí hạch tâm. Việc này đã làm cho thế giới bản khoăn lo ngại, nghi ngờ nước cộng sản này đang sản xuất bom nguyên tử.

Trong một văn bản song phương (cùng công bố với Hoa Kỳ ngày 11 tháng Sáu) Bắc Hàn đã tạm thời thôi không đòi rút ra khỏi thỏa ước ngưng phát triển vũ khí hạch tâm nữa. Tuy nhiên họ nhấn mạnh chỉ tạm thời ngưng việc này "trong

thời gian họ thấy là cần thiết". Cùng trong thông cáo chung, Bắc Hàn còn thoả thuận ba nguyên tắc:

- cam kết chống lại việc đe dọa bằng hay sử dụng các loại vũ khí nguyên tử,

- ủng hộ việc thống nhất Nam - Bắc Hàn,

- hoà bình và an ninh trong một lãnh thổ Đại Hàn không có vũ khí hạch tâm, cùng tôn trọng chủ quyền của mỗi miền và không xen vào chuyện nội bộ của nhau.(kt)

HÔN LỄ CỦA THÁI TỬ NHẬT NARUHITO

Sau sáu năm kiên nhẫn theo đuổi, Thái tử Nhật Naruhito, 33 tuổi, đã được một thiếu nữ con nhà thường dân đồng ý kết hôn. Ngày hôn lễ, 9 tháng Sáu, đã được công bố là ngày quốc lễ. Sau phần nghi lễ ngắn gọn trang trọng theo cổ tục chỉ dài 15 phút tại đền thờ Thái dương Thần nữ tại Tokyo, các cuộc yến tiệc tốn kém hơn ba triệu mỹ-kim đã kéo dài trong ba ngày.

Hàng triệu người trên khắp thế giới đã được theo dõi trực tiếp truyền hình lễ cưới vương giả này, tuy nhiên, cả cha mẹ cô dâu, các quốc khách lẫn các hệ thống truyền hình đều không được phép tham dự phần nghi lễ chính thức trong đền thờ ở Hoàng cung Nhật.

Cô dâu Masako Owada, 29 tuổi, đã tốt nghiệp ưu hạng tại đại học Harvard (Hoa Kỳ), nói thông thạo nhiều thứ tiếng đã phải bỏ chức vụ trong Bộ Ngoại Giao Nhật bản khi chấp nhận trở thành vợ của người sẽ kế vị Nhật hoàng Akihito.

Với phụ nữ Nhật, Masako là biểu tượng của giới nữ lưu trí thức thời đại mới. Nhiều phụ nữ Nhật đã tiếc cho Masako phải từ bỏ sự nghiệp khi chấp nhận thành hôn với Naruhito, bị câu thúc trong nếp sống và nghi lễ hoàng gia. Một số người lạc quan tin rằng trong tư cách mới, Masako sẽ trở thành một nhà ngoại giao siêu hạng giúp ích nhiều cho quan hệ quốc tế của Nhật. Tuy nhiên nhiệm vụ đầu tiên

của Masako sẽ là sản xuất càng sớm càng tốt cho hoàng gia một hoàng tử nối dõi.

Ngay sau hôn lễ, Naruhito và Masako đã tháp-tùng Thiên-hoàng và Thiên-hậu Nhật đến làm lễ cầu tự tại một ngôi đền Thần đạo. (kt)

ÂU CHÂU: XÉT LẠI CHÍNH SÁCH TỊ NẠN

Trước những đổi thay về chính trị, khó khăn về kinh tế và những xung đột về chủng tộc trong nội bộ các nước, các thành viên cộng đồng Âu châu đã và đang thay đổi chính sách đối với người tị nạn và di trú.

Đi đầu trong số này là Đức quốc. Cuối tháng 5 vừa qua, chính phủ Đức đã hủy bỏ chính sách cho phép người người ngoại quốc tàm trú được đương nhiên hưởng "quyền tàm-trú" (*Right of Asylum*) khi đến Đức, một chính sách đã được áp dụng từ sau Đệ Nhị Thế Chiến đến nay.

Hàng triệu người hưởng quyền này đã trở thành một gánh nặng cho kinh tế Đức từ hàng chục năm nay. Chỉ riêng năm ngoái, hàng tháng đã có 60 ngàn người đến Đức quốc. Sau khi được phân loại, mặc dù không được công nhận tị nạn, những người này đã ở lại Đức với tư cách bất hợp pháp.

Chính phủ Đức đồng thời cũng đang xét lại chính sách về quốc tịch với 1,8 triệu người Thổ Nhĩ Kỳ đang cư trú trong nước. Những người này đã cư trú và làm những công việc hạ tiện phục vụ cho người Đức, có thể đến hàng chục năm nhưng không được hưởng quyền công dân và là trở thành đối tượng tấn công của các nhóm Tân Quốc xã từ nhiều năm nay.

Từ đầu năm 93, tại Đức những vụ tấn công người ngoại quốc, những người Đức gốc dân tộc khác đã trở nên thường xuyên và trầm trọng. Gần đây nhất là vụ Tân Quốc xã đốt nhà người Thổ tại Solingen, sát hại bốn em gái và một phụ nữ.

Người Thổ Nhĩ Kỳ và những

người dân Đức chống kỳ thị chủng tộc đã biểu tình, xuống đường để phản đối, đưa đến xô xát, bạo động.

Nước Pháp cũng vừa đưa ra những cải tổ trong chính sách di dân và tị nạn. Chính phủ Pháp chuyển qua Quốc Hội dự luật nhằm hạn chế việc nhập cư và hưởng quốc tịch của ngoại-nhân, chủ-yếu nhắm vào người Á-rập và da đen ở Phi-châu. Dự-luật này đã được thông-quá hôm 17.6 vừa qua với 480 phiếu thuận, 80 phiếu chống. (kt/dtn)

NGA: YELTSIN CÒN VẮT VÁ VỚI RUTSKOI

Thời hạn dành cho công việc xem xét dự thảo tân Hiến pháp của Cộng Hoà Nga, do Tổng thống Boris Yeltsin đưa ra, là ngày 16 tháng 6; tuy nhiên 700 đại biểu được triệu tập chắc chắn sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ này đúng thời gian.

Dự thảo Hiến pháp, nếu được thông quá, theo Yeltsin, sẽ đem lại hoà bình trật tự và ổn định tình hình đất nước Nga. Hiến pháp mới cũng tăng thêm nhiều quyền hành cho Tổng thống và xóa bỏ "Quốc hội Nhân dân", một cơ cấu đầy những thành phần cựu trào đang là một trở ngại chính trong tiến trình cải cách của Yeltsin.

Phó Tổng thống Alexander V. Rutskoi, bất đồng với Yeltsin từ trước cuộc trưng cầu dân ý ngày 25 tháng 4, vẫn tiếp tục chống đối, Rutskoi đã liên kết với các phần tử cộng sản bảo thủ để kêu gọi giải tán chính phủ của Yeltsin, lên án Tổng thống Nga đang thực hiện một "tội ác kinh tế chống lại nhân dân".

Sau khi Yeltsin thắng cuộc trưng cầu dân ý, Rutskoi đã bị tước mất nhiều quyền hạn và nhiệm vụ.(kt)

BOSNIA KHÓI LỬA

Tướng Pháp Merillion, chỉ huy

trường lực lượng duy trì hoà bình LHQ tại Bosnia, đã cảnh cáo các phe phái đang đánh nhau loạn xạ ở Bosnia rằng nếu họ tiếp tục không chịu tôn trọng các cam kết ngưng chiến, LHQ sẽ rút hết quân về.

Trong lúc người Serb tiếp tục tấn công các khu vực được LHQ công bố là "khu an toàn" (safe-haven) dành cho người Hồi giáo thì hai phe Hồi giáo Bosnia và người Croat Bosnia, vốn là đồng minh trước đây chống người Serb, lại gia tăng các cuộc chiến đấu giành đất. Người Hồi giáo và người Croat ở Bosnia đã quay ra đánh lẫn nhau từ sau khi thoả hiệp phân chia lãnh thổ để đổi lấy hoà bình được hai bên chấp thuận bị tan vỡ vì sự tẩy chay của người Serb. Khai thác cơ hội này, phe Serb tuyên bố sẽ thả và vũ trang cho số tù binh Croat bị họ bắt giữ trước đây, để số người này tham gia chống người Hồi giáo.

Chiến cuộc tàn bạo đến nỗi các đoàn xe cứu trợ do binh sĩ Anh quốc hộ tống đã bị tấn công, cướp bóc. Hàng chục tài xế bị bắn chết, 30 tài xế khác bị giữ làm con tin.

Phía Gia-nã-đại, 3 chiến-sĩ hoà-bình đã tử thương tại Bosnia, trong đó có hạ-sĩ Daniel Gunther, 24 tuổi, người Québec, chết hôm 17.6 mới đây vì đạn chống chiến-xa.

Lord Owen, đặc sứ của cộng đồng Âu châu, ngày 11 tháng 6 lại mời các phe phái liên hệ đến bàn hoà đàm tổ chức tuần tới tại Geneva.

Trong khi đó, Hội-đồng Bảo-an LHQ bỏ phiếu hôm 17.6, kêu gọi các nước tăng viện 7500 chiến-sĩ hoà-bình sang Bosnia. (kt)

KIM CAMPBELL, NỮ THỦ TƯỚNG ĐẦU TIÊN CỦA GIA-NÃ-ĐẠI

Kim Campbell, cựu Bộ Trưởng Tư pháp, đương kim Bộ trưởng Quốc Phòng, đã được bầu làm thủ lãnh đảng Bảo Thủ (Progressive Conservative) và trở thành Thủ

tướng thứ 19 của Gia-nã-đại, và là vị nữ thủ tướng đầu tiên của quốc-gia này. Bà Campbell thay thế thủ lãnh từ chức Brian Mulroney làm thủ-tướng cho đến cuộc bầu cử Quốc hội Liên bang sắp tới.

Cuộc bầu cử diễn ra sôi nổi tại Ottawa với gần hơn 3400 đại biểu đảng.

Kết quả vòng đầu phiếu thứ hai, bà Campbell được 53% và ông Jean Charest, bộ-trưởng Môi-sinh được 47% tổng-số phiếu.

THỔ-NHĨ-KỲ CÓ NỮ THỦ TƯỚNG

Hôm 13.6, bà Tansu Ciller, 47 tuổi, giáo-sư kinh-tế-học tốt-nghiệp đại-học tại Hoa-kỳ đã được đảng trung-lập khuynh hữu "Lối Thật" bầu làm lãnh-tụ với 933 trên 1170 phiếu bầu.

Bà là nữ thủ-tướng đầu-tiên của Thổ-nhĩ-kỳ, kế nhiệm Thủ-tướng Suleyman Demirel, vừa từ-chức tháng trước để lên thay tổng-thống Turgut Ozal đã quá-cổ. (dtn)

BẮC-KINH KHÔNG THỂ NGĂN NỔ ĐỨC ĐẠT-LAI LẠT-MA DỰ HỘI-NGHỊ NHÂN-QUYỀN TẠI ÁO-QUỐC

Mặc dù cố-gắng hết sức, Trung Cộng vẫn không ngăn nổi đức Đạt-lai Lạt-ma xuất-hiện tại đại-hội Nhân-quyền thế-giới, tổ-chức tại Vienna, Áo-quốc tháng 6 vừa qua.

Trung Cộng đã dùng đủ mọi thủ-đoạn ngoại-giao, hăm-dọa các nước, và ban tổ-chức cuối cùng chỉ chịu nhượng bộ một bước, bằng cách mời đức Đạt-lai Lạt-ma thuyết-trình với tư-cách phái-đoàn phi-chính-phủ, thay vì với tư-cách đại-diện Tây-tạng.

Gia-nã-đại là quốc-gia tích-cực bênh-vực cho quyền phát-biểu của đức Lạt-ma, vị lãnh-đạo tinh-thần của toàn dân Tây-tạng, một dân-tộc đang bị Trung Cộng tìm cách diệt chủng. (dtn)

BẮT ĐƯỢC HUNG-THỦ BẮN CHẾT ĐỨC HỒNG-Y MỄ-TÂY-CƠ

Cảnh-sát Mỹ ở San Diego, California, đã bắt được hai hung-thủ bắn chết đức Hồng-y Juan Posadas Ocampo tại phi-trường Guadalajara, Mê-trước đây.

Hai kẻ sát-nhân, Juan Castillo, 21 tuổi và Jose Quiroz, 22 tuổi, sẽ bị giải-giao cho nhà cầm quyền Mê. (dtn)

ESTONIA CĂNG THẲNG

Tình-trạng bang-giao giữa Nga và ba nước Baltics, vốn cùng nằm trong Liên-bang Xô-viết trước đây, đã trở nên căng thẳng khi phong-trào chống kiều-dân Nga tại Estonia lên cao trong đầu tháng 6 vừa qua.

Hôm 17.6, bộ Ngoại-giao Nga tại Mạc-tư-khoa đã chính-thức cảnh-cáo ba nước Baltic về chủ-trương "đối đầu nguy hiểm" này.

Nga tuyên-bố ngưng rút quân khỏi các nước Baltic cho tới khi nào họ cảm thấy nửa triệu kiều-dân Nga cư-trú tại đó được bảo-đảm an-ninh. Hiện nay Nga còn 7000 quân trú đóng tại Estonia từ thời Xô-viết, và theo lịch-trình, phải rút hết nội trong năm 1993 này.

Tại diễn-dàn LHQ trong tuần qua, Nga phản-đối luật bầu-cử mới của Estonia, theo đó, 500.000 người Estonia gốc Nga (1/3 dân-số) không được phép ứng-cử. Những người Nga này đã sinh sống tại Estonia từ nửa thế-kỷ nay, trong vụ đệ nhị thế chiến. Phần lớn, họ ra đời và lớn lên trên đất Estonia và nhiều người nổi tiếng Estonia rành hơn tiếng mẹ đẻ.

Đại-diện của nửa triệu dân Nga tại Estonia, Hội-đồng người Estonia nói tiếng Nga tuyên-bố, đạo luật kỳ-thị và chính-sách đàn-áp người thiểu-số Nga tại Estonia có thể dẫn tới bạo-loạn chính-trị và mở đầu phong-trào kháng-chiến đòi quyền tự-trị của người Nga tại Estonia. (dtn)



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ-trách

PHÁI-ĐOÀN QUÂN-SỰ TRUNG CỘNG SANG VN

Hôm 15.5, phái-đoàn quân-sự Trung Cộng do Thượng tướng Trì Hạo Điền, Bộ trưởng Quốc-phòng cầm đầu đã sang Việt-nam để giải-quyết vấn-đề tranh-chấp lãnh-thổ ở các vùng biên-giới và tại Trường-sa.

Tuy-nhiên cuộc thương-thảo ngăn-ngủi chưa đưa tới kết-quả nào, ngoại-trừ một bản thông-cáo chung, theo đó "hai bên sẽ không tiến-hành các hoạt-động làm phức-tạp thêm vấn-đề, trong khi chờ-đợi giải-quyết."

Hiện nay Trung Cộng vẫn tiến-hành bình-thường việc dò tìm dầu hỏa trong hải-phận Việt-nam. Hà-nội đã ngưng phản-đối từ lâu nên chắc sẽ không có "hoạt-động phức-tạp" nào khác. Dù vậy, Trung Cộng vẫn đòi hỏi phải có một sự cam-kết trên giấy mực theo sự yêu-cầu của công-ty khai-thác dầu hỏa của Mỹ.

RỪNG KRÔNG-NÔ, ĐẮC-LẮC BỊ PHÁ-HỦY TRẦM-TRỌNG

Krông-nô là một cánh rừng bạt

ngàn của tỉnh Đắc-lắc, hiện nay đã gần như trở thành đồi trọc vì nạn phá rừng vô tội vạ dưới chế-độ cộng-sản. Đồng-bào Ê-đê và M'ông tại địa-phương đã bó tay, không làm sao bảo-vệ được rừng khi Hà-nội đưa hàng chục ngàn di dân thuộc các giống Dao, Tày từ Lạng-sơn, Quảng-ninh, Hà-bắc vào phá rừng làm khu Kinh-tế mới. Gần 300 mẫu rừng đã bị đốt trụi. Nguyên-sinh bị tiêu-hủy. Nhiều cây gỗ cả ngàn tuổi bị hạ xuống, không mang đi được, nằm hư mục dần trên sườn núi.

Cộng-sản Việt-nam ngoài tội-ác hủy-hoại nhân-cách con dân, còn mang tội phá hỏng môi sinh và tài-nguyên quốc-gia. Tội nọ chồng tội kia không bao giờ rửa sạch. (dtn)

LOÀI BA-BA CŨNG KHÔNG YÊN THÂN

Gần đây, một số cán-bộ và thanh-niên thị-xã Hoà-bình đã tổ-chức lùng-sục đầm Quỳnh-lâm ở hữu ngạn sông Đà, bắt loài ba ba hiếm quí, tuổi thọ hàng ba, bốn trăm năm mang về bỏ vào bể cạn, bán vé cho đồng-bà vào xem.

Gần đây nhất, họ đã bắt được một con ba ba nặng 121 kí, dài 1,3

mét, rộng 1 mét, thọ hơn 300 tuổi, mang về bán vé cho người tò-mò vào xem. Bốn thanh-niên vạm-vỡ với câu liêm, gậy-gộc, đã đánh vật suốt 10 giờ liền mới bắt được con vật, trói bốn chân mang về treo ngược trong hồ. Con vật hiếm quí này đã chết khô sau 7 ngày đêm bị hành hạ. (dtn)

ĐỖ MƯỜI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI-NGHỊ PHÁT-HÀNH SÁCH

Không phải bộ-trưởng Văn-hóa hay Giáo-dục, cũng không phải thủ-tướng hay viên chức chính-phủ, mà là Đỗ Mười, Tổng Bí-thư đảng CSVN, đã tới nói chuyện tại Hội-nghị Phát-hành sách toàn quốc, nhóm ngày 17.5 tại Hà-nội.

Đỗ Mười thay mặt đảng và nhà nước, "biểu dương các cán-bộ và nhân-viên làm công-tác phát-hành sách" "đã có nhiều cố-gắng vươn lên, tích-cực đổi mới, lập nhiều thành-tích, góp phần vào cuộc đổi mới chung của toàn đảng, toàn dân."

Sau bài diễn văn giáo-huấn tràng giang đại hải, cuối cùng, Đỗ Mười chỉ thị: "Để làm tốt nhiệm-vụ, trước hết phải tăng-cường sự lãnh-đạo của Đảng đối với công-tác báo-chí, xuất-bản, in ấn và phát-hành." (dtn)

NẠN CHUỘT PHÁ LÚA TẠI ĐỒNG THÁP MƯỜI

Hai tỉnh Long-an và Đồng Tháp đã mất sạch 5.000 mẫu lúa hè-thu vì nạn chuột cắn phá.

Đây là giống chuột rất hiếm trong vùng này, chỉ nhỏ bằng ngón tay, không hiểu do đâu sinh sôi nảy nở ra hàng trăm ngàn con, kéo đi thành từng luồn, đi tới đâu cắn trụi tới đó.

Thường thì chuột đồng to bằng cổ tay, thịt thơm ngon, là một trong những món ăn khoái khẩu của nông dân. Trong những năm có quá nhiều chuột, nông-dân tổ-chức thành

từng tốp tay cầm đèn pin, tay cầm chĩa nhọn đi giết chuột. Giống này không biết sợ người, bám nhau nằm lúc-nhúc từng bầy trên các gò đất, chỉ khi nào bị tấn-công mới bỏ chạy. Một nông-dân khỏe-mạnh có thể giết tới hàng ngàn con chuột trong một đêm.

Riêng giống chuột mới vì cơ thể nhỏ bé, chạy nhảy rất nhanh, leo được lên tận ngọn lúa hay lẩn tránh dưới gốc cỏ nên rất khó giết.

Khi nông-dân vừa sạ lúa (tức là ném thóc giống thẳng xuống bùn thay vì ươm thành mạ rồi cấy), chuột đã kéo ra hàng chục ngàn con, ăn sạch thóc giống.

Chuột tập-trung từng bầy hàng mấy ngàn con, cắn phá mùa-màng cả đêm lẫn ngày, di-chuyển từ thửa ruộng này sang thửa ruộng khác. Có lần năm sáu bầy gặp nhau, kêu lít-chít inh tai, tranh nhau vượt qua kênh mương, nhiều con chết đuối, mấy hôm sau sinh thối, nổi lên đầy đặc trên mặt nước, gây ô-nhiễm cho toàn vùng.

Hiện nay các xã bị tàn-phá nặng nhất là Hưng-diên A, Hưng-diên B, Thạch-hưng và Thái-trị thuộc huyện Vĩnh-hưng, mất hơn 3.500 mẫu. Huyện Đồng-tháp mất hơn 1.000 mẫu. Nông-dân cố-gắng hợp sức diệt chuột, và cho tới đầu tháng 6, đã nộp được 2 triệu cái đuôi chuột để lãnh các giải thưởng bằng phân bón. (dtn)

MA-CÔ, TÚ-BÀ NGÀY CÀNG NHIỀU

Trong hoành-cảnh xã-hội khắc-nghiệt, số thiếu-nữ nhẹ dạ, đầu hàng nghịch-cảnh ngày càng đông. Bán dâm trong nước không khá, các cô lại đánh liều nhắm mắt đưa chân, theo các mã-giám-sinh thời-đại sang Nam-vang "làm ăn."

Công-an cửa biên-giới Mộc-bài (Tây-ninh) mới đây đã khám-phá nhiều vụ xuất-cảng gái "đấm bóp" sang Cao-miên. Gần nhất là vụ bắt được Trần Lập Chí, 66 tuổi và 10 cô gái nhỏ trên tuyến đường Sài-gòn sang khách-sạn Hoa Đô ở

Nam-vang. Các cô này tuổi từ 14 tới 17, có nhan-sắc, nhận trước mỗi cô 50 mỹ-kim để lại nhà cho cha mẹ rồi gạt nước mắt theo các tay buôn người lên đường.

Trần Lập Chí khai đã làm ăn trót-lọt nhiều vụ, mỗi tháng lãnh của "chủ" 150 mỹ-kim tiền lương, chi phí đi đường gồm ăn, ngủ, xe pháo do "chủ" bao hết.

Khách-sạn loại một sao tồi-tàn như Hoa Đô, với 24 phòng ngủ, chắt chắt không cần tới hàng mấy chục cô "đấm bóp" cho khách. Hoa Đô chỉ là một loại "tiền trạm". Tới Hoa-Đô xong, các cô sẽ được phân-phối tới các hãng "thịt người" khác. Rốt cuộc, chỉ có các tay lái buôn, đầu nậu, tú bà là phè-phỡn, các cô làm-lụng vất-vả, ăn ngủ thất thường, lại nhiễm vào cơ-thể đủ loại bệnh phong-tình, liệt-kháng,

chỉ sau vài năm là tàn phai nhan-sắc, trở thành đồ phế-thải, bị vất ra bên lề xã-hội.

Trăm điều cơ-cực này cũng chỉ phát-xuất từ một chế-độ hà-khắc, chỉ biết đè-nén, áp-chế con dân chứ không hề khai-hóa, giúp-đỡ và giáo-dục. (dtn)

GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ-LA

Giá vàng tại thành Hồ trong tháng 6.92 là 4.876.000 đồng 1 lượng.

Giá đô-la 10.650 đồng / 1 đô-la.

VC CHUẨN-BỊ DƯ-LUẬN ĐỂ TỔNG CÀN QUÉT PHẬT-GIÁO

Phong-trào tranh-đấu tự-do tôn-



giáo của Phật-giáo miền Trung đã lên cao-điểm qua cuộc biểu-tình 40.000 người tại Huế hôm 24.5 vừa qua. CSVN đã huy-động bộ-đội chính-quĩ, công-an, cảnh-sát tới đàn-áp bằng lựu-đạn cay, súng, gậy và vòi rồng.

Sau vụ biểu-tình bạo-động tại Huế hôm 24.5, CSVN đã bắt giữ nhiều tăng ni, Phật-tử, và chuẩn-bị dư-luận quốc-nội và quốc-tế để tổng càn quét Phật-giáo Việt-nam.

Theo bà Judy Stowe (đài BBC), lần đầu-tiên từ khi cầm quyền, Hà-nội đã cho chiếu lên màn ảnh truyền hình cảnh biểu-tình bạo-động chống chính-phủ tại Huế, dĩ-nhiên là kèm theo những lời bình-luận có tính-cách buộc tội Phật-giáo.

Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 1.6 cũng đã mượn lời sư sãi quốc-doanh, lên án cuộc đấu-tranh cho tự-do tôn-giáo của Phật-giáo Việt-nam ở chùa Linh-mụ, Huế.

Báo này mượn lời Hoà-thượng Đức Phương (Quyền Trưởng ban trị-sự Giáo-hội Phật-giáo CSVN), Thượng-tọa Giáo Quang (Chánh thư-ký ban trị-sự Giáo-hội Huế), nói rằng cuộc tranh-đấu của chùa Linh-mụ là “chưa phù-hợp với tinh-thần đạo pháp”, “đổi trắng thay đen”, “xuyên-tạc sự thực”, “do tham-vọng cá-nhân”, v.v. Các nhà sư thân chính-quyền CS này còn khen hành-động đàn-áp của Hà-nội là “tế-nhị, văn-hóa, có tác-dụng đoàn-kết, hòa-hợp.”

Ngoài sư sãi quốc-doanh, Hà-nội còn mượn lời trí-thức đồ và con buôn chính-trị như Tôn-thất Hanh, Nguyễn thị Văn Trang, lên án Phật-giáo “quá-khích, trái với đạo lý dân-tộc, hành-động phạm-pháp”. Thậm chí, họ còn nói: “Phật-giáo phải trả giá cho hành-động sai trái này.”

Để kết-luận, bài báo của tờ *Quân-đội nhân-dân* viết: “Một số phần-tử xấu lợi-dụng quyền tự-do tín-ngưỡng đã lấn tới gây rối, cản-trở giao-thông, phá xe của Nhà nước, khích-động gây bạo-loạn... Chúng tôi đề-nghị phải trừng-trị

ngghiêm-khắc những kẻ quá-khích quấy-rối trật-tự an-toàn xã-hội để những ai đó còn có ý đồ tương-tự hiểu được rằng mỗi quốc-gia đều có luật-lệ và kỷ-cương.”

Sau đó, trong cuộc họp báo tại Hà-nội, khi được hỏi về yêu-sách đòi tự-do tôn-giáo do Đại-đức Thích Hải Tạng ký chuyển, Vũ Quang, Trưởng ban tôn-giáo Trung-ương đảng trả lời rằng “nhà sư này đang nhảy Lambada” (một điệu khiêu-vũ khích-dâm, đàn ông và đàn bà cọ sát bộ-phận sinh-dục vào nhau).

Qua các sự kiện trên, người ta tiên đoán rằng Hà-nội đang tạo dư-luận để có lý-do “chính-đáng”, tấn-công tiêu-diệt chùa Linh-mụ và đàn-áp Phật-giáo-đồ trên toàn quốc.

Quả vậy, chỉ bốn ngày sau, CS đã công-khai bắt thêm ba đại đức Thích Hải Tạng, Trích Hải Tịnh và

Thích Trí Tụ, ghép tội “phá rối an-ninh trật-tự công-cộng.”

VC KỶ-NIỆM TRỌNG-THỂ TẾT MẬU THÂN

Hôm 30.5, CSVN đã làm lễ tưởng-thưởng cán-bộ hữu công trong chiến-dịch “Tổng tấn-công, Tổng khởi-nghĩa” Tết Mậu Thân 1968.

Nhân dịp này, thành Hồ làm lễ tưởng-niệm các phóng-viên, văn-nghệ-sĩ CS đã hi-sinh trong chiến-dịch. Không ai nhắc tới hàng ngàn dân-chúng miền Nam chết dưới làn đạn Bắc quân và hơn 3000 đồng Huế bị VC chôn sống tại Ba-đôn.

XỬ VỤ NỔ Mìn TẠI VN

Ngày 26 và 27.5, tòa-án nhân-dân thành Hồ đã xử “sơ-thẩm kiêm chung-thẩm” vụ án dự mưu nổ mìn



tại VN.

Theo cáo-trạng, chiều ngày 15.2, các anh Trần Mạnh Quỳnh và Lê Thiện Quang đã bị bắt khi vận-chuyển 6 kí chất nổ và 5 ngòi nổ từ Đồng-nai về Sài-gòn. VC sau đó bắt thêm cô Trần Thị Hương và các anh Lê Quang Trinh, Lê Trọng Quang và Bùi Gia Liêm, tịch-thu thêm 4 đồng hồ nổ chậm, 5 cục pin, một đoạn dây điện, một quả lựu-đạn, 2 xe Honda, 1 cassette và 2 máy ảnh.

Anh Trần Mạnh Quỳnh (Jimmy Trần), 42 tuổi, quê ở Huế là cựu trung-ủy quân-lực VNCH, bị bắt đi tù cải-tạo năm 1975, vượt trại năm 1978, vượt biên năm 1979, tái định-cư tại San Jose, California, Hoa-kỳ.

Năm 1990, anh Trần Mạnh Quỳnh lập Câu-lạc-bộ Trẻ, cùng các bạn Nguyễn Phùng, Nguyễn Văn Đăng, Trần Anh Tuấn và Hoàng Đức Minh, chuẩn-bị xâm-nhập hoạt-động chống Cộng tại VN.

Lần lượt từ 1991 tới 1992, cả nhóm này đã xâm-nhập VN qua hình-thức "du-lich", bắt tay với thành-phần yêu nước tại Sài-gòn, củng-cố tổ-chức.

Sau khi chiến-sĩ Lý Tống rải truyền-đơn, nhảy dù và bị bắt tại Sài-gòn, nhóm Trần Mạnh Quỳnh đổi tên thành Đoàn Thanh-niên Lý Tống, chuẩn-bị cho nổ một số địa-diểm trọng-yếu tại Sài-gòn để gây tiếng vang, chẳng may, nội-vụ đổ bể và một số đã sa vào tay cộng-sản.

Tòa VC xử anh Trần Mạnh Quỳnh (quốc-tịch Hoa-kỳ), 20 năm tù giam, 5 năm quản-chế.

Anh Lê Thiện Quang, 43 tuổi, quê ở Quảng-trị, nguyên chuẩn-ủy quân-lực VNCH, ngụ ở tỉnh Đồng-nai, bị xử 15 năm tù giam, 5 năm quản-chế.

Anh Lê Trọng Quang, 41 tuổi, quê Phan-thiết, ngụ ở quận I thành Hồ, bị xử 6 năm tù giam, 3 năm quản-chế.

Chị Trần Thị Hương, 33 tuổi, tiếp-viên nhà hàng, quê ở Quảng-

trị, ngụ tại Phú-nhuận, thành Hồ, bị xử 6 năm tù giam, 3 năm quản-chế.

Anh Lê Quang Trinh, 49 tuổi, thợ may, quê ở Huế, nguyên thiếu-ủy quân-lực VNCH, ngụ ở quận 8 thành Hồ, bị xử 5 năm tù giam, 3 năm quản-chế.

Ông Bùi Gia Liêm, 56 tuổi, quê ở Nghệ-an, nguyên đại-ủy quân-lực VNCH, ngụ ở quận I thành Hồ, bị xử 6 năm tù, 3 năm quản-chế.

Vụ án Trần Mạnh Quỳnh chứng-tỏ công-dân Việt-nam không bao giờ cúi đầu khuất-phục bạo-lực, và trong số những người con xa tổ-quốc không thiếu những chiến-sĩ can-trường nối-tiếp nhau trở về nước đấu-tranh cho xứ-sở.

VÕ VĂN KIẾT SANG ÂU VÀ MỸ-CHÂU

Theo tin từ *Kinh-tế Viễn-đông*, Thủ-tướng VC Võ Văn Kiệt sẽ công-du Anh, Pháp, Đức, Bỉ và Cuba từ 23.6 tới 10.7 này. Cùng đi với Kiệt, ngoài vợ y, còn có 4 bộ-trưởng, là Nguyễn Mạnh Cầm (Ngoại-giao), Lê Xuân Trung (Văn-phòng chính-phủ), Đặng Ngọc Xuân (Đầu-tư), Hồ Tế (Tài-chánh), Thống-đốc Ngân-hàng Cao Sĩ Kiêm, cố-vấn Nguyễn Đức Bình cùng 15 thứ-trưởng các bộ Năng-lượng, Thương-mại, Khoa-học, Bưu-tín Viễn-thông, v.v.

Ngoài các viên-chức chính-phủ, Võ Văn Kiệt còn mang vợ theo, y như tập-tục ngoại-giao tây-phương, mặc dù bộ Chính-trị Trung-ương Đảng đã khuyến-cáo là "cán-bộ cộng-tác nước ngoài muốn mang

vợ theo phải hỏi ý-kiến bộ Chính-trị Trung-ương Đảng." Điều-lệ này có thể không áp-dụng cho bộ Chính-trị mà Kiệt là một trong các thành-viên. Mặt khác, vợ Kiệt rất giỏi trong việc mượn thế của chồng để làm ăn riêng. Chỉ trong mấy năm Kiệt làm thủ-tướng, bà vợ đã lên tới hàng triệu-phú (*multi-millionaire*) trong xã-hội nghèo-khổ tại Việt-nam.

Mục-dích chuyến công-du của Võ Văn Kiệt là vận-động các nước Âu-châu cùng yêu-cầu Mỹ bãi bỏ lệnh cấm-vận Việt-nam, đồng-thời đi quảng-cáo doanh-nghiệp để kêu-gọi đầu-tư.

Cộng-đồng tị-nạn Việt-nam tại Âu-châu đã chuẩn-bị chu-đáo để "dàn chào trọng-thể" phái-đoàn bị gây của Kiệt, gồm cả biểu tình lớn và tuyệt thực phản đối.

Ngoài ra, trong khi Kiệt sang Âu-châu, một phái-đoàn kinh-tế và đầu-tư ngang cấp thứ trưởng cũng đã được VC gửi sang Québec, Montréal và Toronto để kêu gọi đầu tư. Nhóm này do Nguyễn Mai (Phó Chủ-nhiệm Ủy-ban Nhà nước về Hợp-tác và Đầu-tư) Nguyễn Đình Hoan (Phó Tổng Giám-đốc Khối Liên-lạc Quốc-tế, phụ trách Bắc Mỹ châu) và Vũ Chí Công (Tổng Giám-đốc khối Bắc Mỹ châu, bộ Ngoại-giao CSVN) cầm đầu. Buổi họp chiêu-dụ thương-gia Canada nhóm tại The Board of Trade Downtown Club, lầu 3, First Canadian Place (góc Bay và Adelaide) vào giờ ăn trưa ngày 28 tháng 6. (dtn)



Phái-Đoàn Vận-Động Đầu-Tư và Ngoại-Viện của Võ Văn Kiệt Thảm-Bại tại Úc-Châu

Dương Thượng Ngã
(tổng-hợp)

- . Đại-diện đức Hồng-ty ở Wellington (Tân Tây-lan) tham-gia biểu-tình chống CSVN. Thủ-tướng Jim Bilger tiếp-kiến cộng-đồng Việt-nam, nhận thỉnh-nguyện-thư về nhân-quyền VN.
- . Võ Văn Kiệt phải chui cửa hông phi-trường quân-sự ở Úc, chui cửa hậu vào trụ-sở Quốc-hội Úc, không quân-nhạc, không lễ-nghi; cùng lúc đó phái-đoàn Cộng-đồng Người Việt Tự-Do được mời vào cổng chính.
- . Không xin được một xu viện-trợ, Kiệt còn phải mang theo về một phái-đoàn điều-tra nhân-quyền của Úc!

Chuyến công-du bị gậy của phái-đoàn Võ Văn Kiệt, thủ-tướng CSVN tại các nước Tân Tây-lan và Úc-đại-lợi đã thảm-bại trước phản-ứng quá mạnh của cộng-đồng tị-nạn Việt-nam tại địa-phương.

Phái-đoàn CSVN, ngoài Thủ-tướng Võ Văn Kiệt và vợ là Phan Nương Cẩm còn có Đỗ Quốc Sam, Chủ-nhiệm Ủy ban Kế-hoạch Nhà nước và Bùi Văn Sướng, Thứ trưởng Giao-thông...

Cộng-đồng tị-nạn Việt-nam tại Tân Tây-lan dù ít người và hay tin trễ, cũng đã kịp tổ-chức biểu-tình lột mặt nạ phái-đoàn Võ Văn Kiệt hôm 25.5 tại tiền-đình Quốc-hội tại thủ-đô Wellington, với 200 người dự. Đại đa-số đồng-bào đi biểu-tình là những người đi từ miền Bắc xã-hội chủ-nghĩa, vốn đã chịu trăm cay nghìn đắng dưới chế-độ cộng-sản từ 1945 qua 1954 cho tới ngày bỏ nước ra đi.

Ngoài những chính-khách tiếng tăm của Tân Tây-lan, cùng tham-gia biểu-tình với người Việt còn có Đức Ông John Card, đại-diện đức

Hồng-y Wellington. Dịp này, Linh-mục Nguyễn Hữu Lễ đã trao cho Thủ-tướng Tân Tây-lan Jim Bilger bức thỉnh-nguyện-thư kèm danh-sách 538 tù-nhân chính-trị và tu-sĩ các tôn-giáo đang bị cộng-sản giam-cầm.

Các hệ-thống truyền-thanh và truyền-hình Tân Tây-lan đã tường-trình đầy-đủ về cuộc biểu-tình này.

Tại Úc hôm 26 và 27.5, khoảng 1500 đồng-bào tị-nạn từ khắp nơi tụ về thủ-đô Canberra của Úc, họp cùng 1000 đồng-bào cư-ngụ tại địa-phương, phản-đối sự có mặt của phái-đoàn Võ Văn Kiệt.

Cờ vàng ba sọc đỏ đã được cộng-đồng tị-nạn treo đầy trên thủ-đô nhỏ bé và xinh đẹp của Úc trong suốt hai ngày. Tại tiền-đình Quốc-hội Úc, hàng ngàn quả bong bóng bay kết thành từng chùm, treo 17 lá đại-kỳ VNCH để dẫn mặt phái-đoàn CSVN, trong khi chỉ có một lá cờ máu của VC do chính-phủ Úc treo chung trên dây kỳ-đài quốc-tế, và một lá nữa trong khuôn viên sứ-quán VC.

Phái-đoàn tị-nạn VN do ông Võ Minh Cương, chủ-tịch Cộng-đồng Người Việt tự-do liên-bang Úc-đại-lợi hướng-dẫn, cùng Đại đức Thích Quảng Ba, Linh-mục Vũ Đức Thông, Hiền-tài (Cao-đài) Nguyễn Chánh Giáo,... yết-kiến Thủ-tướng Úc Paul Keating để trình-bày nguyện-vọng của tập-thể 135.000 người Việt tại Úc, yêu-cầu chính-phủ Úc dừng áp-lực ngoại-giao yêu-cầu CSVN thực thi tự-do dân-chủ, tôn-trọng nhân-quyền, thả hết tù chính-trị, v.v.

Thủ-tướng Úc đề-nghị giàn-xếp một buổi họp chung giữa đại-diện cộng-đồng tị-nạn VN tại Úc và phái-đoàn CSVN, nhưng phái-đoàn Người Việt Tự-Do thẳng-thần từ-chối. Phái-đoàn tuyên-bố: "Võ Văn Kiệt không do dân VN bầu ra nên không đại-diện cho ai cả, ngoài đảng CSVN."

Quan-điểm và lập-trường của cộng-đồng Việt-nam khiến chính-phủ Úc xét lại những nghi-lễ tiếp-đón phái-đoàn CSVN. Lễ nghi tiếp-đón quốc-khách đã bị hủy bỏ. Phái-đoàn Võ Văn Kiệt phải đi nhờ máy bay quân-sự của Tân Tây-lan, đáp xuống phi-trường quân-sự của Úc vào lúc 4 giờ 30 chiều 26.5, và chui ra bằng cửa hông dành cho nhân-viên tạp dịch, được nhân-viên sứ-quán và đại-diện bộ Ngoại-giao tiếp-đón, đưa về khách-sạn Lakeside, nơi có hàng trăm cảnh-sát sắc-phục và thường-phục Úc bảo-vệ. Mọi chương-trình du-ngoại thủ-đô Úc đều bị hủy-bỏ.

Ngày 27.5, thay vì trải thảm đỏ ở cổng trước, bắn 21 phát đại-bác chào mừng Kiệt như lệ chào mừng thủ-tướng các nước tới thăm Quốc-hội Úc trước nay, Úc đã đón phái-đoàn Võ Văn Kiệt vào cổng hậu. Trong khi cũng đúng vào lúc đó, Quốc-hội Úc đón phái-đoàn Cộng-đồng Người Việt Tự-do liên-bang Úc-đại-lợi vào cổng chính.

Lãnh-tụ đối-lập tại Quốc-hội Úc, Tiến-sĩ John Hewson đã tiếp-rước nồng-nhiệt cộng-đồng tị-nạn Việt-nam, và loan-báo đã đưa vấn-đề nhân-quyền tại VN ra trước

lưỡng viện Quốc-hội đúng vào hai ngày 26 và 27.5, khi phái-đoàn Võ Văn Kiệt đang có mặt tại Úc.

Một quyết-nghị đã được Thượng-viện Úc thông-quá, gồm các điểm sau:

1.- *Đòi hỏi Hà-nội tuyệt-đối tôn-trọng những nguyên-tắc đã được minh-định trong bản Tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân-quyền của Liên-hiệp-quốc.*

2.- *Yêu-cầu Hà-nội chấm-dứt tức-khắc việc can thiệp vào nội-bộ của các tôn-giáo.*

3.- *Yêu-cầu Hà-nội phóng-thích tức-khắc và vô-diều-kiện tất cả các tù-nhân chính-trị và tù-nhân lương-tâm tại Việt-nam.*

Kèm theo điều 3 là danh-sách các tu-sĩ đang bị giam-giữ như HT Thích Huyền Quang, TT Thích Đức Nhuận, các đại-đức Thích Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Phúc Viên, Nguyên Giác, Thiện Tấn, v.v.

Tại Hạ-viện Úc, một quyết-nghị tương-tự gồm 4 điểm, do 6 dân-biểu đệ-trình đã được thông-quá hôm 26.5 trước đó, lên án sự

vi-phạm nhân-quyền của Hà-nội, đòi thực thi dân-chủ đa nguyên, đa đảng và thả tức-khắc tù-nhân chính-trị trong nước. Quyết-nghị của Hạ-viện còn đòi Võ Văn Kiệt chứng-minh cách sử-dụng tiền viện-trợ của Úc như thế nào.

Ngoài hai bản quyết-nghị nói trên, 108 dân-biểu và nghị-sĩ thuộc tất cả các đảng-phái chính-trị tại Úc đã ký tên vào một bản kháng-thư trao Võ Văn Kiệt, cảnh-cáo tập-đoàn Hà-nội về vấn-đề vi-phạm nhân-quyền, đàn-áp chính-trị tại Việt-nam.

Trong khi phái-đoàn đại-diện Cộng-đồng Người Việt Tự-Do vào cổng trước, phái-đoàn Võ Văn Kiệt vào cổng sau Quốc-hội Úc, đoàn biểu-tình bên ngoài chia ra làm hai khối. Khối lớn gồm khoảng 1500 người vây chặt tiền-đình Quốc-hội, diễn hoạt-cảnh trại tù Phan Đăng Lưu và đốt hình nộm Võ Văn Kiệt. Khối thứ hai khoảng 500 người canh giữ cửa hậu, phòng khi Kiệt ra bằng cổng này, mặc dù trong lịch-sử nước Úc, chưa bao giờ có

phái-đoàn "quốc-khách" nào ra vào Quốc-hội bằng cửa sau.

Quả thật, đồng-bào tại Úc đã đoán đúng. Sau khi nhận bài học nhân-quyền và phải cam-kết cho Úc sang Việt-nam điều-tra, Võ Văn Kiệt dẫn phái-đoàn lui-thủi theo cổng hậu ra về.

Đoàn xe của Kiệt chạy thực mạng ra cổng, mặc dù đã có mấy trăm cảnh-sát đã chiến, cảnh-sát sắc-phục, sở Bảo-vệ yếu-nhân và cảnh-sát chìm đứng ra ngăn đôi giữa đoàn biểu-tình Việt-nam và phái-đoàn CSVN. Xe của Kiệt được mấy xe cảnh-sát chạy bọc chung quanh để hộ-tống. Khoảng 500 đồng-bào canh gác cổng hậu đã hò "đả-đảo" vang dội. Nhiều người lao lại, dùng thủ-ngữ và giấy xích ném trúng xe Kiệt tới-tấp. Cảnh-sát chìm Úc đã bắt anh Hà Triệu Ngọc Luân, người đã ném trúng một giấy xích khóa đồng vào xe Kiệt làm móp một miếng, nhưng trả tự-do cho anh ngay sau đó, không buộc bất cứ tội nào.

Tối thứ sáu 28.5, sứ-quán phải



17 lá đại-kỳ Việt-Nam Cộng-Hòa bay phát-phối trên trụ-sở Quốc-hội Úc-dại-lợi; 1.500 đồng-bào biểu-tình đòi nhân-quyền VN tại cổng trước, 500 người "chặn đánh" Võ Văn Kiệt ở cổng sau (ảnh Ti-vi tuần-san, Úc)

dời địa-diểm dự-định cho Kiệt họp báo và thương-gia Úc để quảng-cáo đầu-tư. Bỏ khách-sạn Park Land Hotel (Sydney) mặc dù đã trả tiền thuê hội-trường rất đắt, và mặc dù 3/4 số khách thấy lộn-xộn đã bỏ ra về, sứ-quán đời Kiệt và chừng vài chục người khách còn lại sang khách-sạn Observatory nghèo-nàn, cổ-lỗ.

Dù hết sức kín-đáo, khoảng 50 đồng-bào cũng theo dấu kịp, tổ-chức đả-đảo suốt buổi.

Sáng thứ bảy 29.5, đồng-bào tại Banktown khám-phá tên Việt-gian Nguyễn Anh Tuấn dẫn một số cán-bộ VC đi mua sắm, liền gọi điện-thoại cho nhau báo tin. Chỉ trong vòng năm phút, hàng trăm đồng-bào đã đổ xô tới nơi, vây chặt "phái-đoàn" tới shopping. Việt gian thấy nguy vội-vàng phóng lên xe chạy thoát, bỏ mặc đám quan thầy (một người ở cấp bộ-trưởng) đứng ngơ-ngác trong vòng vây, mặt tái mét vì tưởng đâu sẽ không còn hồn xác về gặp Kiệt nữa.

Một số cán-bộ cộng-đồng tới kịp, đã cố thu-xếp không cho đồng-bào bạo-hành đám quan chức VC, và xoay sang tranh-luận với họ về những vấn-đề thuộc phạm-vi tự-do dân-chủ, kêu gọi xóa bỏ chủ-nghĩa và giải-thể chế-độ cộng-sản.

Bảo gì đám cán-bộ cao-cấp cũng "vâng dạ", "xin ghi nhận để chấp-hành" và "cảm ơn đồng-bào đã có lòng chỉ dạy" v.v. và v.v. khiến đồng-bào nản quá, gọi cảnh-sát yêu cầu đón taxi cho họ trở lại khách-sạn để họ khỏi lãnh một trận đòn hội chợ, không dẫn tới kết-quả nào mà cộng-đồng còn mang tiếng...

Chuyến công-du vận-động viện-trợ, kêu-gọi đầu-tư của Võ Văn Kiệt cuối cùng đã kết-thúc thê-thảm chưa từng có. Ngày 30.5, phái-đoàn được chính-phủ Úc dẫn đi xem ...mô sát ở tận Wallerback cho an-toàn.

Báo-chí trong nước cố thổi phồng "thành quả" của chuyến công-du nhưng cũng chỉ nhắc được hai văn-kiện mơ-hồ về "thỏa-thuận hợp-tác phát-triển giữa hai nước"



Võ Văn Kiệt, tội-phạm chiến-tranh, kẻ đã góp sức giết hại hàng triệu dân lành trong mấy mươi năm chiến-tranh (ảnh BS N.M.Tiến)



Hoạt-cảnh trại tù Phan Đăng Lưu: hình-ảnh sống-động nhất, vạch trần mặt thật của chiêu-bài "hoà-giải hòa-hợp dân-tộc" (ảnh báo Tiếng nói Người Việt, Úc)



Quang-cảnh cổng hậu Quốc-hội Úc, nơi Kiệt và phái-đoàn chui ra chui vào: cảnh-sát dã-chiến dày đặc (ảnh báo TNNV)

và "bản ghi nhớ những vấn-đề liên-quan tới dịch-vụ hàng-không giữa hai nước." Không có một hiệp-ước kinh-tế cụ-thể nào, và nhất là không được một penny viện-trợ!

Trong bản tin trên báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 28.5 đăng ảnh Võ Văn Kiệt cười méo-mó bên cạnh Thủ-tướng Paul Keating tươi rói.

Kiệt lên án những người săn đuổi y là "những kẻ từng gây tội-ác đối với nhân-dân Việt-nam nhưng lại la ó về nhân-quyền và dân-chủ." Y bảo, "muốn xem Việt-nam đổi mới thì về mà xem, Nhà nước sẵn sàng gác lại quá-khứ với sự khoan hồng nhân-đạo và chỉ nhìn về tương-lai."

Tương-lai của Kiệt, là tìm một mảnh đất dung thân tại một nước tự-do, trung-lập và làm cách nào chuyển hết gia-sản kếch-sù của bà vợ y sang các nhà băng ở Thụy-sĩ!

Kiệt cũng trách-móc giới-truyền-thông Úc "loan tin một chiều", nhắc lại những lời phẩm-bình của "thành-phần cực-đoan quá-khích VN tại Úc."

Một trong số những "thông-tin một chiều" đó là tờ báo toàn quốc *The Australian* chạy tin lớn ở trang 3: Kiệt phải nhượng-bộ trước áp-lực về nhân-quyền. Bên dưới là ảnh hình nộm của Kiệt mang bảng "tội-phạm chiến-tranh" đang bị đốt cháy. Bên dưới bản tin có đoạn viết: "Thủ-tướng VN đã phải nhượng-bộ trước yêu-sách của Úc về nhân-quyền, sau khi Thủ-tướng Keating nói toạc ra rằng: viện-trợ kinh-tế cho VN phải đi đôi với quyền tự-do của người dân trong nước."

Bài báo cho biết, trước khi bị Thủ-tướng Keating đặt vấn-đề, Võ Văn Kiệt đã bị Ngoại trưởng Úc phản-đối gay-gắt về vụ đàn-áp Phật-giáo đang xảy ra nghiêm-trọng tại Huế.

Cộng-đồng Việt-nam các nơi trên thế-giới nên rút tĩa kinh-nghiệm đối-phó với phái-đoàn VC tại Úc để chuẩn-bị phản-ứng đối với chuyến công-du sắp tới của Kiệt tại Âu-châu.

Cộng-Đồng VN tại Gia-Nã-Đại Tiếp-Xúc bà Irina Zisman, Đài Tiếng Nói Tự Do Mạc-Tư-Khoa

Kiên Trung & Dương Thượng Ngã

- . *Lập-trường của bà Zisman: không chấp-nhận cộng-sản; còn cộng-sản, không thể xây-dựng dân-chủ, vì lý-thuyết căn-bản của cộng-sản là độc tôn và độc quyền cai-trị.*
- . *Ba bữa ăn gây quỹ tại Toronto, Ottawa và Montréal đủ chi-phí phát-thanh về Việt-nam trong hai tháng.*
- . *Tiến tới thành-lập "Hội Bạn Đài Tiếng Nói Tự-Do", hội-viên trực-tiếp góp sức cho Đài lâu dài, đều-đặn, không áp-lực.*

Cộng đồng Việt tại Toronto, Ottawa và Montréal đã tiếp xúc với bà Irina Zisman, giám đốc đài phát thanh Tiếng nói Tự-Do Mạc Tư Khoa (Radio Irina) từ 10 đến 13.6 vừa qua.

Trưa ngày 10.6, tạp-chí *Làng Văn* tiếp bà Zisman trước tiên trong một buổi trà đàm kéo dài bốn giờ tại phòng họp của tòa-soạn. Buổi họp có mặt chủ-nhiệm, chủ bút cùng một số biên-tập-viên và thân-hữu, với mục-đích tìm hiểu hoạt-động của đài và quan-điểm chính-trị của người chủ-trương, để sau đó tìm phương-thức hỗ-trợ lâu dài.

Bà Zisman xác-nhận, bà làm việc vì yêu nghề ký-giả phát-thanh, thích độc-lập, không bị kiểm-duyet, không phụ-thuộc vào chính-sách nhất thời của chính-quyền hay bất cứ thế-lực nào. Bà thẳng-thắn nói rằng, bà yêu nước Nga, thương người yêu (Việt-nam) của bà và muốn giúp-thính-giả Việt-nam nghe đài hiểu rõ tin-tức thế-giới, giúp họ tranh-đấu đòi tự-do, nhân-quyền.

Về quan-điểm chính-trị, bà Zisman tỏ ra quan-tâm vấn-đề nhân-quyền tại Việt-nam. Bà tuyên-bố, hễ còn chính-phủ cộng-sản thì

không bao giờ có nhân-quyền và tự-do dân-chủ, vì lý-thuyết của cộng-sản là độc quyền cai-trị.

Bà Zisman cho biết, đài Irina bắt đầu phát từ ngày 20.7.1992 (20 tháng 7 là sinh-nhật người yêu của bà). Để phát-thanh liên-tục mỗi ngày 1 giờ, bà cần khoảng 6.500 mỹ-kim mỗi tháng, và nguồn tài-trợ lớn nhất mà hiện-tại bà trông-cậy là cộng-đồng Việt-nam tại hải-ngoại.

Nhà thờ Nga và Phật-giáo Tây-tạng giúp-đỡ đài trong thời-gian thành-lập. Phía cộng-đồng VN hải-ngoại, Tổ-chức Phục Hưng VN (theo khuynh-hướng hoà-hợp hoà-giải với CSVN) cũng yểm-trợ đài trong thời-gian đầu, sau đó là nhiều đoàn-thể chính-trị, tôn-giáo và xã-hội khác.

Về các ủy ban yểm-trợ đài phát-thanh Tiếng nói Tự-do (do Tổ-chức Phục Hưng khai sinh và ngấm-ngâm kiểm-soát), bà Zisman cho biết:

"Vào tháng 10 năm ngoái, 1992, tôi được biết rằng tại Hoa-kỳ đã thành-lập Ủy ban Trung-ương và một số ủy ban địa-phương ở các tiểu-bang để yểm-trợ Đài

bằng cách tổ-chức những bữa cơm gây quỹ, dạ-vũ, nói chuyện, v.v. Từ tháng 10.92 tới tháng 4.93, UB Trung-ương đã gửi cho đài những khoản tiền quyên góp qua hệ-thống các ủy-ban địa-phương, giúp thanh-toán phần lớn chi-phí của Đài. Nhưng quan-hệ giữa UB Trung-ương với Đài chúng tôi càng ngày càng có nhiều vấn-đề, vì tôi cảm thấy UB muốn ảnh-hưởng và can-thiệp vào hoạt-động của Đài."

Trong buổi họp tại tòa-soạn Làng Văn, chủ-nhiệm Nguyễn Hương thắc-mắc: "Chủ-trương của Irina là không chấp-nhận cộng-sản, còn chủ-trương của Phục Hưng là hoà-hợp hoà-giải với cộng-sản. Hai lập-trường hoàn-toàn đối-lập nhau, thế thì hai bên làm việc với nhau trên căn-bản nào?"

Ngày 18.6, sau khi rời Gia-nã-đại, bà Irina Zisman từ Hoa-thịnh-đốn, Hoa-kỳ đã cho phổ biến *Thư ngỏ*, trong đó có đoạn giải-thích như sau:

"Bắt đầu từ tháng 5 năm nay (1993), UB Trung-ương thông-báo gián-tiếp rằng không còn tiền nữa và bảo tôi tự đi vận-động những cộng-đồng VN ở Pháp, Bỉ, Đức, Canada, Úc, v.v.

Những chuyến đi đó tuy được thực-hiện dưới sự sắp-xếp của các ủy ban địa-phương, nhưng thật ra sở-dĩ đã thành-công được là do tôi đã bỏ thì giờ, công sức ra một cách không tính-toán, để thu-phục cảm-tình và niềm tin của những người có lòng.

Song, các ủy ban địa-phương,

trên căn-bản, vẫn nhận chỉ-thị của UB Trung-ương rằng phải gửi tiền thu được về UB Trung-ương, còn nếu tôi muốn trực-tiếp nhận tiền để cầm về ngay thì phải gửi điện-thư (fax) về UB Trung-ương giải-thích lý-do. Thư gửi đi nhưng hồi-âm lúc có lúc không, mà rốt cục về đại thể, tôi chỉ được biết một cách gián-tiếp rằng, để quyết-định về yêu-cầu của tôi, họ phải họp Đại-hội các ủy-ban!

Kết-quả là tình-hình tài-chính của Đài hiện nay rất gay-go, mắc nợ khá nhiều, và tôi cùng các cộng-sự-viên phải luôn luôn sống trong sự căng thẳng thần kinh, không biết chạy đâu để mượn tiền."

Nhắc lại, trong lần họp báo VN trước đây tại Hoa-thịnh-đốn (Hoa-kỳ), bà Zisman có đề-cập chuyện UB Trung-ương Yểm-trợ Đài (Phục Hưng) thông-báo cho bà biết là họ đã ...thành-lập "ban biên-tập" cho Đài, trong đó có nhiều cây bút "hòa-giải" và tả khuynh như Tôn-thất Thiện, Nguyễn Mộng Giác, v.v. UB Trung-ương còn nhấn mạnh rằng, bài nào của họ gửi tới, nếu không phát bà phải viết thư giải-thích lý-do.

Từ hôm bà Zisman công-bố chuyện này cho tới nay, không thấy UB Trung-ương gửi tiền tới nữa, và dĩ-nhiên, túi tiền (quyên của đồng bào) đã bị họ thất miện lại.

Hiện nay các ủy ban địa-phương còn làm việc với Đài, là những ủy ban ở xa xôi, có nhiều đoàn thể tham-dự nên ít chịu áp lực của UB Trung ương. Sự tiến-đón bà

Zisman tại Gia-nã-đại vừa qua cũng nằm trong trường-hợp này. Phần lớn công sức đóng-góp là của toàn-thể cộng-đồng, và một số thân-hữu, không chịu sự chi-phối của bất cứ đoàn thể nào.

Trong những ngày ở Toronto, sau buổi thảo-luận tại tòa-soạn Làng Văn, chủ bút Nguyễn Hữu Nghĩa gợi ý việc thành lập "Hội bạn Irina", nhờ một bác-sĩ thân-hữu của Đài ở Montréal và một ký giả ở Hoa-kỳ (cả hai cùng là thân-hữu của bà Zisman, đã đi Mạc-tư-khoa và hiểu rõ công việc của Đài) đứng ra điều-hành. Hội Bạn sẽ hoạt-động song song với các "ủy ban yểm-trợ", nhằm tạo phương-tiện hoạt-động trường-kỳ, hữu hiệu (và không áp-lực) cho Đài.

Trở lại Toronto, trưa ngày 11.6, bà Irina Zisman đã họp báo giới thiệu Đài trong một phòng họp mượn được tại trụ sở Quốc hội Tỉnh bang Ontario.

Trước một số báo Việt, Hoa và Gia-nã-đại, bà Zisman nói tiếng Việt, giới thiệu về sự hình thành, hoạt động của đài phát thanh và về chính con người Irina Zisman.

Buổi tối cùng ngày, hơn 200 người đã tham dự bữa ăn gây quỹ tổ chức tại nhà hàng House of Noodles ở phố Tàu Dundas - Spadina Toronto. Ban tổ-chức thu được khoảng 6.575 gia kim và 200 mỹ-kim cho đài, chưa kể tiền lời bán sách *Bút ký Irina*.

Trong các buổi tiếp xúc kể trên, bà Zisman đều khẳng định, bà muốn "dùng phương-tiện của đài



Tại phòng họp, tòa-soạn Làng Văn, tiếp-xúc, tìm hiểu, thảo-luận và tìm phương thức hỗ-tương

để thông-tin cho người Việt trong nước biết về trào-lưu dân-chủ tại hải-ngoại, nhất là tại Đông Âu và Liên-sô cũ", và đồng-thời để người Việt nhìn thấy, "nước Nga là một xứ sở trong sáng chứ không phải một cơn ác mộng của loài người."

Ngày 12.6, Văn Bút VN/Ontario tại Ottawa sắp-xếp cho bà Zisman gặp gỡ cộng đồng Việt-nam tại đây, kết-quả tài-chánh khá tốt.

Ngày 13.6, bà dự tiệc gây quỹ với cộng-đồng Việt-nam tại Montréal, do BS Lâm Thu Vân tổ-chức, thu được 7.200 gia-kim, gồm vé ăn, xổ số, bán sách và quỳên tặng.

Cũng trong bức *Thư ngỏ* gửi từ Hoa-thịnh-đốn, bà Zisman cho biết sẽ:

- Thành-lập các nhóm "*Bạn của đài phát-thanh Tiếng nói tự-do*", mỗi hội viên đóng góp một món tiền nhỏ đều-đặn hàng tháng, giúp đài có cơ-sở tài-chính vững chắc.

- Thiết-lập mối liên-lạc hai chiều giữa Bạn và Đài, để những người ủng-hộ biết rõ hoạt-động của Đài và giúp Đài thu-thập, ghi-nhận ý-kiến đóng-góp của Bạn.

- Kêu gọi các tổ-chức, đoàn-thể Việt-nam thường-xuyên giúp-đỡ Đài về tài-chính, tin-tức, bài vở, v.v.

Về các ủy ban yểm-trợ đài, bức *Thư ngỏ* kết-luận:

"Nếu ủy ban nào chấp-nhận đường lối, lập-trường chính-trị (chống cộng) của Đài và còn muốn tiếp-tục ủng-hộ Đài, chúng tôi cũng xem như những tổ-chức khác, và xin cộng-tác trong tinh-thần bằng-hữu."

Tin thêm, trong cùng thời gian bà Irina Zisman có mặt tại Gia-nã-đại, Làng Văn nhận được tin xướng ngôn-viên Hoàng Dung của đài Tiếng nói Tự-do Mạc-tư-khoa, nguyên là sinh-viên Việt-nam du-học tại Nga, đã chính thức xin tị nạn chính trị. (kt/dtn)

ngoài ngõ



TUYỆT THỰC TẠI TRỤ SỞ QUỐC HỘI GIA NÃ ĐẠI

Nhằm hỗ-trợ phong-trào đòi tự-do tôn-giáo trong nước, một cuộc tuyệt thực đã được Giáo hội PGVNTN Hải Ngoại tại Gia nã đại tổ chức ngày 1 tháng 6. 93 tại Ottawa, với 15 tăng ni và 200 đồng bào Phật tử đại diện cho các tổ chức Phật giáo ở Montréal, Ottawa, Toronto, Mississauga, Kitchener và Hamilton. Ngoài ra còn có 8 dân biểu Liên bang thuộc đảng Tự Do (Liberal).

Nhân dịp này, đại diện Giáo-hội cũng đã trình thỉnh nguyện thư cho Quốc hội và chính-phủ Gia-nã-đại. (kt)

HOẠT ĐỘNG QUỐC HẬN 30.4 TẠI ÂU CHÂU

Trong dịp kỷ niệm ngày 30 tháng Tư, cộng đồng người Việt đã tổ chức nhiều hoạt động đấu tranh chính trị tại nhiều nước ở Âu châu:

Biểu tình trước sứ quán CS ở Pháp:

Ngày 24.4, hai trăm người Việt thuộc các hội đoàn đã biểu tình đòi tự do dân chủ và nhân quyền cho VN trước sứ quán VC ở Paris.

Buổi tối cùng ngày, tại trung tâm văn hoá quận 14 (Paris), nhiều

đồng bào đã tham dự buổi hội thảo "Tất cả vì tự do dân chủ". Hội thảo có sự tham dự của đại diện Nghị hội Người Việt Tị Nạn tại Âu châu, Ủy ban Người Việt Tị Nạn Âu Châu Yểm trợ cuộc Tranh Đấu của Phật giáo quốc nội, Nhóm Thanh niên Thiện chí tại Ý và Liên Đảng Việt Nam Hải Ngoại.

Trong hội thảo, vấn đề cờ quốc gia đã lại gây sôi nổi khi Hội Cựu Tù Nhân dưới chế độ CS tố cáo nhóm Thông Luận đòi hủy bỏ cờ vàng ba sọc đỏ trong buổi họp của UB Thích Huyền Quang (17.4.93). Cả hội trường đã yêu cầu các đoàn thể quốc gia phải có thái độ mạnh mẽ với nhóm Nguyễn Gia Kiểng về vấn đề này.

Trao thỉnh nguyện thư cho Thượng viện Pháp và Hội đồng Liên Quốc Âu châu:

Một phái đoàn VN do ông Lại Thế Hùng, Chủ tịch Cộng đồng Người Việt Tị Nạn Âu Châu đã gặp Chủ tịch Thượng viện Pháp René Morony và Chủ tịch thường trực Hội Đồng Liên Quốc Âu châu Louis Jung ngày 28.4.

Trong buổi tiếp kiến, phái đoàn VN đã trao thỉnh nguyện thư với nội dung yêu cầu can thiệp cho tự do dân chủ ở VN đồng thời đặt vấn đề với chính phủ Pháp về việc làm của Ban Việt ngữ đài phát thanh RFI, hiện bị người Việt ở khắp thế-giới lên án là tiếp tay tuyên truyền cho bạo quyền CS.

Biểu tình, hội thảo tại Bonn:

Ngày 30.4, gần 1000 người Việt đã biểu tình tại công-trường Munster Platz, trung tâm thủ đô Bonn (Đức) sau đó, tiến về sứ quán Hà nội.

Buổi tối cùng ngày, khoảng 250 người tham dự "hội thảo hướng về quê hương" được tổ chức tại một trung tâm văn hoá ở Bonn. Cuộc hội thảo có cùng một nội dung như cuộc hội thảo tại Paris.

Hội thảo đấu tranh nhân quyền và tự do tín ngưỡng cho Việt Nam:

Cộng đồng tị nạn VN tại Hoà lan tổ chức hội thảo ở thành phố Harmelem, gần thủ đô Amsterdam, ngày 2 tháng 5.

Trong hội thảo này, Thượng tọa Thích Minh Tâm và Linh mục Trần Đức Hưng đã trình bày những biện pháp đàn áp tôn giáo của CS trong nước và phong trào đấu tranh của Phật giáo quốc nội hiện nay.

Hội thảo Quốc Hận tại Strasbourg:

Khoảng 200 đồng bào tại vùng Đông Pháp, Nam Đức và Bắc Thụy Sĩ đã tham dự hội thảo "Quốc hận" tổ chức tại Strasbourg, thủ đô Âu châu, ngày 8.5.93. Buổi hội thảo cũng do Cộng đồng Người Việt Tị Nạn tại Âu Châu và Nghị Hội Người Việt Âu Châu tổ chức. Các đề tài được trình bày trong dịp này gồm "Ý nghĩa ngày 30.4", "Các thể lực quốc tế với hiện tình VN", "mối tương giao Hà Nội - Bắc Kinh" và "Lý luận của những người mong chia quyền với bạo quyền CS VN". (kt)

NGUYỄN THỊ HỢP VÀ NGUYỄN ĐỒNG BÀY TRANH TẠI HOA KỲ

Tạp chí *The Elephant Ear* của trường Irvine Valley College đã trưng bày 50 bức tranh của vợ chồng họa sĩ Nguyễn Thị Hợp - Nguyễn Đồng trong hành lang triển lãm Phân khoa Mỹ thuật trường Đại học này.

Năm mươi tác phẩm được chọn nhằm đưa ra cái nhìn tổng quát về hoạt động mỹ thuật của hai họa sĩ từ những ngày định cư tại Âu châu đến quãng thời gian ở Hoa kỳ, gồm: tranh trên lụa của Nguyễn thị Hợp, tranh màu nước và sơn dầu của Nguyễn Đồng cùng tranh hai họa sĩ vẽ chung và một số tranh minh họa.

Toàn thể không khí các bức tranh triển lãm gợi lên niềm mơ ước một quê hương tươi đẹp của mọi thời.

Nguyễn thị Hợp và Nguyễn Đồng vượt biển năm 1979, đến Đức sống và làm việc cho tới 1985 di cư sang Hoa Kỳ. Đôi vợ chồng tài-hoa này đã có rất nhiều tranh in trên bìa *Làng Văn* từ 1984 tới nay.

Hai họa sĩ đã triển lãm tại Đức, Pháp, và từ 1985 đến nay liên tục triển lãm tại nhiều nơi ở Hoa Kỳ.

TRẠI HÈ LIÊN VÙNG 1993

Từ nhiều năm nay, thanh-niên sinh-viên miền Trung Tây Hoa-kỳ vẫn tổ-chức trại hè Về nguồn.

Năm 1993, Trại hè liên vùng sẽ mang tên "*Về Nguồn IV*", từ ngày 3 tháng 9 đến 6 tháng 9 tại Big Ridge State Park (Tennessee).

Chương trình sinh hoạt trại năm nay sẽ gồm đốt lửa trại, văn nghệ, thể thao, dạ vũ, các nhóm nói chuyện do các học giả từ khắp nơi ở Hoa Kỳ và Gia-nã-đại hướng dẫn... Đặc biệt, họa sĩ ViVi sẽ hướng dẫn vẽ cho các bạn trẻ yêu hội họa trong dịp này.

Liên lạc để biết thêm chi tiết: Ông Lâm Văn Trung hay cô Lâm Dương Diễm Hồng, ban Thanh Niên, Sinh Viên Knoxville, 1617 Cheney Rd., Knoxville, TN 37922. Điện thoại : (615) 694-8632 (kt)

HỘI TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ CSVN TẠI ÚC

Khoảng 200 tù-nhân chính-trị và nạn-nhân cộng-sản đã hội-thảo tại Police Youth Club, Cabramatta, ngoại-ô Sydney (Úc) hôm 23.5 vừa qua. Chương-trình do BS Nguyễn Mạnh Tiến, BS Vũ Ngọc Tấn, Nhà văn Phạm Quang Ngọc và các ông Nguyễn Trí Hòa, Vũ Mộng Giao tổ-chức.

Trong khoá hội, nhà văn Phạm Quang Ngọc nhận-định về tình-hình thế-giới và VN. Ông Vũ Mộng Giao vạch trần sự xảo-quyệt của cộng-sản trong chiêu-bài "hoà hợp hòa-giải", và BS Nguyễn Mạnh Tiến lật tẩy những thủ-đoạn gian manh của CS từ 1975 tới nay.

Buổi hội-thảo đưa ra nhiều ý-kiến đóng-góp rất đặc-sắc. Sau 5 giờ thảo-luận, khóa hội đề-cử BS Tiến liên-lạc với Tổng Hội Cựu Tù-nhân Chính-trị CSVN tại Hoa-kỳ (do nhạc-sĩ hưng ca Huỳnh Công

Ánh lãnh-đạo) hoặc để xúc-tiến thành-lập chi hội tại Úc, hoặc để tạo thế liên-kết hỗ-tương giữa cựu tù-nhân chính-trị ở hai châu.

Hội-nghị cũng biểu-quyết 6 nguyên-tắc căn-bản làm nền móng hoạt-động như sau (LV tóm-tắt):

1. Lập-trường chống cộng và giữ tư-cách tị-nạn.
2. Không hoà-hợp hòa-giải với CS.
3. Đấu-tranh cho nhân-quyền và dân-chủ tại VN.
4. Ủng-hộ và tham-gia các hoạt-động chống cộng.
5. Đề-cao cảnh-giác trước thủ-đoạn của CS.
6. Vạch mặt những kẻ hoạt đầu chính-trị trong cộng-đồng; tẩy-chay những hoạt-động thương-mại có lợi cho VC, cô-lập những kẻ trở cờ, phản-bội. (hhk)

PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO VN TẠI HỘI-NGHỊ NHÂN-QUYỀN TẠI ÁO-QUỐC

Đại-đức Thích Quảng Ba thuộc viện Phật-học Vạn Hạnh tại Úc đã cầm đầu phái-đoàn Phật-giáo VN tại Hội-nghị Thế-giới về Nhân-quyền nhóm tại Áo hôm 10.6 vừa qua, bên cạnh 1300 phái-đoàn từ 130 quốc-gia trên thế-giới về dự.

Cùng đi với Đại-đức Quảng Ba, còn có Thượng-tọa Viên Lý và Đại-đức Minh Dung (Hoa-kỳ).

Ngoài phái-đoàn của Phật-giáo, phía VN còn có hai phái-đoàn của các ông Võ Văn Ái và Trần Thanh Hiệp.

Sau năm ngày họp, Hội-nghị đã đưa ra 100 khuyến-cáo, trong đó 2 khuyến-cáo được ủng-hộ mạnh nhất là:

1. Thành-lập Phủ Cao-ủy LHQ đặc-trách Nhân-quyền.
2. Thành-lập Tòa-án Nhân-quyền quốc-tế. (hhk)

NGÀY QUÂN-LỰC 19.6 TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

Tổng Hội Cựu quân-nhân Quân-lực VNCH đã tổ-chức long-trọng

kỷ-niệm Ngày Quân-lực 19.6 như sau:

- Montréal: Tiếp-tân tại Trụ-sở Cộng-đồng Người Việt Quốc-gia, 6338 Victoria, Montréal, lúc 6 giờ chiều 18 tháng 6.

- Toronto: Chương-trình văn-nghệ đấu-tranh và ra mắt sách, tại số 179 King St., East, Toronto lúc 7 giờ 30 ngày 19 tháng 6.

- Ottawa: Văn-nghệ đấu-tranh, với Nguyệt Ánh, Chế Linh, Đoàn Chính tại trường Trung-học Glebe, góc Carling và Bronson, Ottawa, lúc 6 giờ chiều ngày 19 tháng 6.

- Calgary: Chào cờ và văn-nghệ tại Polish Canadian Culture Hall, lúc 12 giờ trưa ngày 3 tháng 7.

- Vancouver: Văn-nghệ và tiếp-tân tại Nhà hàng Hoàng-gia, 535 East Hasting St., Vancouver, lúc 6 giờ chiều ngày 19 tháng 6.

TUYÊN-BỐ CỦA HỘI CHIẾN SĨ VN TỰ DO VÙNG OTTAWA, GIA-NÃ-ĐẠI

Nhân ngày Quân-lực 19 tháng 6, Hội Chiến-sĩ VN Tự-do vùng Ottawa, Gia-nã-đại đã ra tuyên-bố 4 điểm (Làng Văn tóm-tắt) như sau:

1.-Không hề có hận-thù giữa 70 triệu đồng-bào VN với nhau nên không "hòa-giải hoà-hợp", "phản-tinh dân-tộc." Hiện nay chỉ có sự đối-ngịch quyền-lợi giữa thiểu-số CS thống-trị và đại khối dân-tộc.

2.-Con đường ngắn nhất, ôn-hòa nhất để xây-dựng đất nước là toàn dân và các lực-lượng yêu nước chủ-động tạo cơ-hội cho đảng CSVN phản-tinh, từ-bỏ quyền-lực, hành-động phù-hợp ý-nguyện dân-tộc.

3.-Sự phản-tinh đó thực-hiện cụ-thể, vô-điều-kiện, gồm:

- Thả hết tù chính-trị, ngưng đàn áp tu-sĩ và những người khác chính-kiến.

- Trả lại tài-sản cưỡng-đoạt của dân chúng và tôn-giáo trong 48 năm qua.

- Thừa nhận và thực-sự tôn-

trọng bản Tuyên-ngôn quốc-tế nhân-quyền.

- Giải-thể các cơ-sở đảng CSVN từ trung-ương tới địa-phương.

- Bãi chức tất cả đảng viên, cán bộ trong chính-quyền, quân-đội, công-an cảnh-sát.

- Yêu-cầu LHQ đứng ra tổ-chức Trung cầu dân ý hoặc bầu-cử tự-do.

4. Nếu CSVN ngoan-cố, bám vào quyền-lực để duy-trì đặc quyền, đặc lợi; đồng bào và các lực-lượng yêu nước tiếp-tục vận-động cộng-đồng thế-giới bao vây cô-lập chúng để nhân-dân vùng lên thực hiện cuộc cách mạng nhân bản, đập đổ bạo quyền.

NÓI CHUYỆN NHÂN-QUYỀN TẠI TORONTO

Cựu dân-biểu Phạm Duy Tuệ, đại diện cho Phong-trào Thống-nhất Xây-dựng Dân-chủ đã tới Toronto nói chuyện về các vụ vi-phạm nhân-quyền tại Việt-nam. Buổi nói chuyện tổ-chức tại Ukraine Centre, đường College, Toronto hôm 6.6 vừa qua, qui-tụ nhiều thành-phần trong cộng-đồng. (nhn)

HỘI-ĐỒNG VN TỰ-DO CHUẨN-BỊ TUYÊN-DƯƠNG ĐỢT III

Tiến-sĩ Lê Phước Sang, Chủ-

tịch Hội-đồng VNTD cho biết, Hội-đồng đang làm việc ráo-riết để chuẩn-bị tuyên-dương đợt III, những người:

- có công trong việc tranh-đấu cho nhân-quyền Việt-nam,

- có đóng-góp trong các công-trình văn-hóa, xã-hội, khoa-học và kỹ-thuật cho cộng-đồng Việt-nam tại hải-ngoại.

Hội-đồng sẽ thành-lập một Ủy ban Tuyên-dương trung-ương, có sự tham-gia của đại-chúng về ba mặt:

- cộng-đồng: mời đại-diện tất cả các tổ-chức và báo-chí Việt-nam.

- địa-phương: mời đại-diện tất cả các hội-đoàn tại mỗi địa-phương,

- chuyên-môn: lập các ban đề-cử chuyên-môn về văn-hóa, xã-hội và khoa-học kỹ-thuật.

Ủy ban Tuyên-dương Trung-ương đúc-kết các danh-sách đề-nghị từ các địa-phương, ban chuyên-môn và trung-ương, chung-thăm và chuyển cho Hội-đồng Việt-nam Tự-do. Hội-đồng sẽ xem xét, tuyên-dương trong cộng-đồng Việt-nam và vận-động Quốc-hội các nước bạn đưa vào danh-sách tuyên-dương tại Quốc-hội các nước này.

Trong tương-lai gần, Hội-đồng sẽ công-bố lịch-trình làm việc, địa-chỉ liên-lạc của Ủy ban Tuyên-dương Trung-ương và một số các tiêu-chuẩn đề-nghị. (dtn)

GÓP TEM GỬI BÁO CHO ĐỒNG-BÀO TỊ-NẠN

(độc-giả, thân-nhân góp tem, tòa-soạn tặng báo)

- ☐ Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (18 gia-kim)
- ☐ Tiền tem để gửi một năm báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (46 gia-kim)
- ☐ Xin vui lòng ghi đầy-đủ tên họ, số cá-nhân và địa-chỉ người nhận. Lưu ý: không thể gửi báo trực-tiếp tới các trại có ghi chữ "detention" hoặc "prison" ở Hương-cảng, trại Sikiew ở Thái-lan, trại Sungei Besi tại Mã-lai, và trại Pusan ở Đại-hàn. Ngoài ra, báo gửi sang các trại Galang (Nam-dương), Panat Nikhom (Thái-lan) rất dễ mất.
- ☐ Nếu quý vị không có thân-nhân tại các trại, tòa soạn sẽ chọn giùm người nhận và thông-báo trên báo.

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách

ĐẤU TRANH CHỐNG CƯỜNG BỨC HỒI HƯƠNG TẠI HƯƠNG CẢNG

Chính quyền Hương Cảng đã chuyển hàng ngàn thuyền nhân VN từ các phân trại 1, 2 và 3 của trại giam Whitehead sau khi thành công trong việc dập tắt cuộc đấu tranh của thuyền nhân tại đây bằng những biện pháp mua chuộc và đàn áp.

Sau vụ mổ bụng tự sát của ba thuyền nhân VN chống chuyển trại ngày 10.5. (xem LV số 106), ngày 24.5, một lực lượng cảnh sát đông đến hàng ngàn người đã xông vào trại bắt đi 9 người cầm đầu phong trào tranh đấu. Hiện họ bị giam tại trại Chi Ma Wan Upper Camp và Nei Kwu Chau, những trại có chế độ giam cầm khắt khe nhất ở Hương Cảng. Trong số các người bị bắt có anh Đặng Ngọc Giao, Tổng thư ký tạp chí *Tự Do*.

Tin từ Hương Cảng cho biết người tị nạn đã thua trong cuộc đàn áp này vì có một số thuyền nhân bị mua chuộc, trong số đó có cả những người đại diện cộng đồng. Khi được lệnh, có nhiều người đã tình nguyện chuyển trại, khiến cuộc biểu tình chống chuyển trại bị tan vỡ.

Con số thuyền nhân bị chuyển đổi phân tán khỏi các trại họ đang tạm trú lên đến mấy ngàn người. Cảnh sát Hương Cảng áp dụng cả việc công tay bắt đi để buộc thuyền nhân chuyển trại.

Người Việt hải ngoại muốn lên tiếng phản kháng các hành động thô bạo này và đòi hỏi phải trả quyền tị nạn cho thuyền nhân ở Hương Cảng, xin gửi fax hay thư theo địa chỉ sau:



Mr. Brian J. Bresnihan
Refugee Coordinator
Central Government Offices
6/F Main Wing, Lower
Albert Road, Hong Kong
Fax: 011-852-868-5074

CAO ỦY TỊ NẠN PHỦ QUYẾT KẾT-QUẢ THANH LỘC CỦA CHÍNH PHỦ PHI-LUẬT-TÂN

Bốn trường hợp của tị nạn Việt-nam bị chính phủ Phi-luật-tân khước từ và bác đơn kháng cáo đã được Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc dùng quyền phủ quyết để thừa nhận quyền tị nạn.

Ngày 31 tháng 3, bốn thuyền nhân VN tại Palawan đã được Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc trao giấy quyết định công nhận tình-trạng tị nạn.

Đây là lần đầu tiên Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc dùng quyền phủ quyết tại Phi-luật-tân, nơi tị nạn Việt-nam đã là nạn nhân thường xuyên của các biện pháp thanh lọc bất công và tham nhũng.

Trong bốn trường hợp vừa kể, có thuyền nhân Đỗ Văn Quá, cựu thiếu úy Không quân VNCH, được LAVAS (chương trình trợ Giúp Pháp Lý cho Người Tị Nạn) giúp lập hồ sơ.

Trên nguyên tắc, chính quyền sở tại thực hiện thanh lọc nhưng Cao Ủy có quyền phủ quyết kết quả nếu xét thấy có bất công. Trước đây, ngoại trừ ở Hương Cảng, Cao

Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc đã không sử dụng quyền này vì không muốn tự thú nhận là đã không chu toàn nhiệm vụ giám sát thanh lọc, để xảy ra bất công. Đồng thời Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc cũng sợ phải gánh trách nhiệm một khi chính quyền sở tại nổi giận chuyển gánh nặng thanh lọc sang cho Cao Ủy.

Phủ quyết quyết định của chính phủ Phi và công nhận quyền tị nạn của ông Quá là một trường hợp không làm không được đối với Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc.

Hồ sơ của ông Quá đã được Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đem ra điều trần tại Quốc Hội Hoa Kỳ dùng làm chứng cứ về các bất công trong thanh lọc. Dù có áp lực của Quốc Hội và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc vẫn ngậm hồ sơ của ông Quá đến cả năm sau, ngay cả sau khi đơn kháng cáo của đương sự bị chính quyền Phi bác, mới chịu giải quyết.

Dù đã cố tránh né, việc bốn hồ sơ của các ông Đỗ Văn Quá, Nguyễn Minh Châu, Lê Ngọc Bình và Quan Thái Luân (ba cựu quân nhân, một trường hợp đoàn tụ) được Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc quyết định công nhận tị nạn đã tạo thành một tiền lệ tại Palawan. Thuyền nhân tại đây đã biết rằng họ còn có một cơ hội thứ ba, sau khi bị loại thanh lọc và bác đơn kháng cáo. (kt)

TỊ NẠN TẠI CHỖ ? CON ĐAO HAI LƯỠI

Tại các trại tị nạn, sau khi việc đi định cư trở thành xa vời vì chính sách thanh lọc gắt gao và bất công cùng các biện pháp cưỡng bức hồi hương, người ta nói nhiều đến việc "tị nạn tại chỗ" như là một lối thoát cho thuyền nhân. Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng, Giám đốc chương trình LAVAS, đã phân tích vấn đề này như sau:

Theo luật tị nạn, có những người khi rời khỏi quê quán của họ không phải là tị nạn nhưng trở

thành tị nạn - và được chính phủ sở tại công nhận sau đó vì:

1. Tình hình thay đổi tại quê nhà họ (trường hợp các du học sinh VN năm 75, các du học sinh Trung Cộng sau biến cố Thiên An Môn...)

2. Trường hợp những người đang ở trong những trại tạm dung, có những hoạt động có thể dẫn đến sự trả thù hay trừng phạt khi hồi hương, dù rằng trước khi ra đi họ không bị chế độ ngược đãi.

Căn cứ trên những khái niệm này, một số người cho rằng để có thể hưởng quyền tị nạn tại chỗ, họ chỉ cần tham gia hoạt động chống đối chế độ trong nước là có thể tạo cho mình tư cách tị nạn.

Tuy nhiên, việc này không giản dị như thế. Luật tị nạn có những nguyên tắc riêng để bảo đảm không bị lạm-dùng. Một trong những nguyên tắc quan trọng là yếu tố khả tín (tin được) của lời khai. Trường hợp của những người tới trại rồi mới hoạt-động chính trị với dụng tâm tạo cho mình tư cách tị nạn, sẽ bị xét rất kỹ và có thể đưa đến kết luận "bất khả tín" và gây hậu-quả tai hại cho hồ sơ thanh lọc của họ. Hậu-quả này không những có hại cho cá nhân người khai mà còn có thể tạo thành kiến, nghi kỵ cho giới-chức phụ-trách thanh-lọc đối với hồ sơ của những người thực sự hội đủ điều kiện hưởng qui chế tị nạn tại chỗ.

Cũng theo Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng, trong hoàn cảnh thực tế của đồng bào trong các trại ở Hương Cảng và Đông Nam Á, yếu tố khả tín đang được dùng để bác các hồ sơ thanh lọc một cách vô tội vạ.

Điều nguy hiểm cho những người bị bác đơn xin tị nạn tại chỗ là khi hồi hương chắc chắn sẽ gặp nguy hiểm từ phía chính quyền CS.

Trong thoả ước về hồi hương ký kết giữa Cao Ủy Tị Nạn và Việt Cộng, Hà nội chỉ hứa sẽ không truy tố người hồi hương về tội vượt biên bất hợp pháp mà thôi, tất cả các tội tình khác vẫn bị trừng phạt. (kt)

BUU ĐIỆN HOA KỲ HẠI THUYỀN NHÂN VIỆT NAM

Ba mươi chín thuyền nhân Việt-nam tại trại tị nạn Whitehead (Hương Cảng), đã bị rút thanh lọc và bác đơn khiếu nại và chuyển trại để chuẩn bị cưỡng bức hồi hương chắc chắn sẽ gặp khó khăn với chính quyền CS vì một nhầm lẫn tai hại của Bưu điện Hoa Kỳ.

Những thuyền nhân này, gồm ông Nguyễn Quý Khánh và 38 người khác, đã thành lập một tổ chức lấy tên là Liên Minh Chống Cộng khoảng giữa năm 91 trong khu 8 trại Whitehead.

Họ bắt liên lạc với các tổ chức chính trị Việt-nam hải ngoại. Tháng 8, 91, họ gửi một danh sách thành viên, nội quy, chương trình hành động của tổ chức của họ cùng với một số hình ảnh sinh hoạt trong trại Whitehead cho một tổ chức ở Hoa Kỳ.

Vì thư viết bằng tiếng Việt, địa chỉ thiếu ZIP Code nên bị trả về; nhưng thay vì trả ngược về Hương Cảng, bưu điện Hoa Kỳ đã gửi lộn về Việt Nam. Ba tháng sau, bưu điện Việt-nam chuyển trả về Hương Cảng. Ngày 13 tháng 11, ông Khánh nhận lại thư trên bì có dấu niêm của bưu điện thành Hồ, phong bì chỉ còn lại có mấy tấm hình, thư từ tài liệu đã mất hết.

Các thuyền nhân liên quan trong vụ này đã báo với Cao Ủy Tị nạn để xin phủ quyết quyết định đánh rút thanh lọc họ của chính phủ Hương Cảng vì họ sẽ bị nguy hiểm khi bị trả về Việt-nam.

Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc đã từ chối giải quyết với lý do các con niêm và dấu trên bì thư là giả mạo. Nhóm người liên quan đã

phải tự liên lạc với bưu điện Hương Cảng để nhờ phối kiểm. Ngày 3 tháng 5, 93, Bưu điện Hương Cảng xác nhận các con dấu của bưu điện thành Hồ trên bì thư là thật.

Với xác nhận của Bưu điện Hương-cảng, các thuyền nhân đã có căn cứ để chứng minh họ sẽ gặp đàn áp khi bị trả về Việt-nam, nhất là sau khi vụ "lộn địa chỉ" và cuộc khiếu nại đã được báo chí Hương Cảng tường thuật rộng rãi.

Hiện một số hội đoàn Việt và quốc tế đã lên tiếng yêu cầu Hương Cảng không được hồi hương số thuyền nhân liên hệ đồng thời đòi hỏi Cao Ủy Tị Nạn Liên-hiệp-quốc tái xét cho họ hưởng tư cách tị nạn bằng cách sử dụng quyền phủ quyết. (kt)

THUYỀN TỊ-NẠN TỚI NAM DƯƠNG

Một thuyền tị-nạn chở 24 người, xuất-phát từ Cà-mau, đã cập vào đảo Galang, Nam-dương hôm 26.5 vừa qua. Theo lệnh cảnh-sát Nam-dương, tất cả các thuyền-nhân mới tới không ai được phép lên bờ. Người Việt tị-nạn chỉ được phép tiếp-tế nước ngọt và mì gói cho họ.

Theo kết-quả thẩm-vấn sơ khởi của cảnh-sát Nam-dương, trên thuyền không một ai là cựu quân-nhân VNCH, mà chỉ có một đại-úy bộ-đội và 2 thuyền-nhân từng bị cưỡng-bức hồi-hương, không chịu nổi sự đối xử hà-khắc của CS, đã phải vượt biên lần nữa.

Sang ngày 28.5, Cao ủy tị-nạn ra lệnh kéo chiếc thuyền và 24 người trên đó sang Pinang. Người ta phỏng đoán, sau đó chiếc thuyền sẽ bị xua trở ra biển. (HV Phương)

*Tham-gia góp tem thư gửi báo
sang các trại tù tị-nạn giúp đồng-bào
hiểu rõ tình-hình bên ngoài và giải buồn
trong những ngày tù-ngục*

Vàng Son Một Thuở

Lê Văn Lân



Phụ thân tôi thường khuyên, mỗi khi bước chân đến một danh lam thắng tích như đền đài, miếu điện, lăng tẩm, v.v.. cử chỉ đầu tiên người khách viếng phải làm là ngắm những tấm liễn, tấm hoành treo trên cổng chính hay ở chánh điện, hoặc ít nhất vài dòng đại tự viết trên vách. Hành động này là một cử chỉ tượng trưng long trọng, chứng tỏ mình đã thực sự thăm hay hành hương chốn đó. Tấm biển không những là tên gọi của nơi chốn, mà còn là linh hồn của nó được cô đọng và cụ thể hoá để biểu lộ sở nguyện hay mối xúc cảm của người xưa khi tạo dựng.

Bước vào một phủ đệ hay tư gia, hành động cần có là ngắm nghĩa, trầm trồ những bức nghi môn, hoành phi, tứ bình, trung

đường, đối liễn, v.v.. vì chúng là những vật khiến gia chủ hãnh diện về nề nếp, phong cách của gia thế mình.

Nơi phố thị, khoảng 50 năm trước ở Việt Nam, bảng hiệu của các hiệu buôn hay thương điểm là những món mà thượng chủ trân trọng chọn lựa kiểu, đặt làm và sửa một lễ cúng linh đình rồi mới treo lên vào ngày khai trương. Họ tin là chúng liên hệ đến sự phát đạt của việc kinh doanh, nên các chữ *xương, mỹ, hưng, thịnh, thắng, bảo, vĩnh, thành, phát*, v.v.. thường được chọn làm tên hiệu.

Những tấm biển, như đã nói trên, đã một thời đóng vai văn hoá mà tầm quan trọng vượt quá mục đích trang hoàng hay quảng cáo.

Một tấm biển ngày xưa khi

hoàn thành là công trình của biết bao tâm trí đắn đo chọn lựa và những bàn tay khéo léo viết, chạm, khắc, sơn...

Bài bút khảo này xin đưa quý vị trở về với một khía cạnh văn hoá cổ truyền mà ngày nay hầu như mai một hẳn.

Chữ viết trên các biển là các chữ nho đại tự mà người viết thường phải dùng những cây bút lông quân lớn bằng cổ tay. Khi viết đại tự, người viết áp dụng phương pháp huyền uyển nghĩa là cổ tay treo, hay nói rõ hơn là không một bộ phận nào của tay được chạm mặt bàn. Lực của thân người viết sẽ chuyển từ vai qua bắp tay, cùi chỏ,

cánh tay và cườm tay để đến các ngón cầm bút. Chữ nho đại tự phải có “gân”, “xương” mới đẹp. Để thực hiện một biển chữ, thư pháp gia có thể viết chữ thẳng trên mặt gỗ, nhưng thông thường họ viết trên giấy rồi mới dán lên gỗ để thợ khắc hoặc khảm, sau đó tới sự tiếp tay của thợ sơn, thếp, v.v..

Ở Trung Hoa, kiểu chữ đại tự viết biển được gọi là *bach cách* (pak k'e) vì phải chừa một khoảng trắng giữa các chữ. Những biển hoành đại tự xuất hiện khá sớm vào đời Hán hoặc có thể từ đời Tần trong các cung điện nhà vua. Truyền thống viết biển hoành tiếp tục phát triển qua tay các thư pháp gia danh tiếng đời Tùy, đời Đường mà chứng tích là những tấm biển của các thắng cảnh Trung Hoa.

Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa sâu đậm nên những liễn, hoành, nghi môn đã xuất hiện rất nhiều nơi ở những địa điểm cổ tích, nhất là ở ngoài Bắc, cái nôi của văn hoá cổ truyền Việt Nam. Hầu như mọi đình, chùa, miếu, đền đều có những bức biển viết theo lối này. Tại các làng nổi tiếng văn học, sản xuất nên những bậc đại khoa, trong các từ đường hay nhà thờ họ còn trưng nhiều cờ, biển vua ban như một vinh dự tối cao cho những người đỗ đạt.

Thần kinh Huế là cố đô của triều Nguyễn nên trong nhiều cung điện, lăng miếu, đương nhiên có rất nhiều đại tự khắc và biển treo. Cửa Ngọ Môn là cửa chính vào hoàng thành, xưa chỉ mở khi có vua ngự qua, có năm cửa như câu ca dao *Ngọ Môn năm cửa chín lầu, Cột cờ ba cấp, Phú Văn Lâu hai tầng*, nhưng chỉ cửa giữa mới thật là Ngọ Môn. Toàn thể các cửa làm bằng gạch đá Thanh và đá Non Nước. Dưới mỗi cửa cuốn làm xà bằng đồng. Phía trên cửa giữa có hai chữ Ngọ Môn bọc bằng vàng thật, mỗi chữ cao 0m365, rộng 0m38 nhưng những vàng ấy đã bị quân gian cạy trộm ngày 10.12.1943.

Trong các điện của hoàng thành, điện Thái Hoà là nơi thiết đại triều,

thường triều thì ở điện Cần Chánh. Chính giữa và ở trên điện treo tám biển sơn son thếp vàng đề ba chữ Thái Hoà Điện, phía dưới là ngự tọa. Ngoài ra trong Tử Cấm thành, các lăng tẩm cùng phủ đệ của thân vương, hoàng gia,... đều có những biển đại tự. Đau lòng thay, những tấm hoành, liễn, đối liễn dần dần bị trộm tháo gỡ và đem bán ở chợ trời.

Ở Nhật Bản, cách thức treo biển đại tự là *hengaku* (huyền giá) phát xuất cũng khá sớm. Nhiều biển đại tự vẫn còn thấy nơi các đền đài cổ tích, các đại thiền viện vùng Nara và Kyoto, thuộc thời đại Kamakura và Muromachi. Một số các biển đại tự khác thuộc thời Edo thì được treo nơi các phạn điểm, trà gia.

Theo ông Matsudaire Sadanobu, trong sách *Shuko Jusohu*, thì: Cách treo biển đại tự bắt đầu có từ đời Tần, Hán. Các thợ Nhật có thể hấp thụ truyền thống này từ những thư pháp gia tài ba đời Tùy và đời Đường.

Nước Phù Tang có rất nhiều biển đại tự được tạo ra do các thư pháp gia danh tiếng thuở xưa như Kukai, Onono Yoshiki, Michikaze, Hoàng đế Saga. Các biển đại tự của Nhật thường treo dọc. Trong cung vua ở Kyoto được trùng tu năm 1855 còn hai biển là Tử Thần Điện (Shishiiden) và Thừa Minh Môn (Jomeimon). *Tử thần* đây không có nghĩa là thần chết mà là *cung tía*. *Tử* là *tía*, *thần* là *cung của vua*. Lý do là vào đời Hán, trong cung hay đền vua thường trồng các cây phong vào mùa thu lá trở nên đỏ hay tím, do đó ngoài chữ Tử Thần (Cung Tía) còn gọi là Phong Thần hay Đan Thần.

Với óc mỹ thuật, người Nhật đã chế ra nhiều kiểu chữ viết biển mà học giả Shukozu đã sưu tập như sau:



Tử thần điện, Thừa minh môn (Hengaku)



Xuân hứng điện, Tử thần điện, Thường minh điện, Ôn minh điện

Điện là nơi vua ở nên các chữ đều mang ý nghĩa tốt đẹp như mùa xuân hứng khởi (Xuân Hứng điện), cung sắc tía (Tử Thần điện), thường xuyên yên ổn (Thường Ninh điện), ấm áp sáng sủa (Ôn Minh điện),...

Các kiểu đại tự viết biển được viết theo nhiều lối như triện thư, lệ thư, tập thể thư,... Đặc biệt có vài kiểu chữ treo ở cửa viết giống hình ông Thiện ông Ác đứng canh chùa như các chữ Trường Lạc môn, Tuyên Dương môn, Nghi Hoà môn, Kiến Lễ môn.



Trường lạc môn, Tuyên dương môn, Nghi-hoà môn, Kiến lễ môn

Việt Nam ta không có lối chữ biển kiểu cách như trên. Trước cổng chùa thường chỉ có hai bức tượng ông Thiện ông Ác.

Về hình thức, thì liễn là tám biển chữ treo dọc, hoành phi là tám biển chữ treo ngang (ta gọi tắt là bức hoành), liễn đối là hai tấm dài treo dọc hai bên.

Ngày xưa, những vị đẳng khoa đỗ đạt được vua ban cho cờ biển như câu thơ của cụ nghệ Yên Đỗ mô tả:

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai
(Vịnh ông tiến sĩ giấy)

Trong bài *Di chúc văn*, một lần nữa cụ nghệ Yên Đỗ lại nhắc đến cờ biển:

Kỷ biển đạo tiền cưu
Vu công bát cử nhân
tự dịch:

Cờ biển của vua ban ngày trước
Lúc đưa thầy con rước đầu tiên

Lại thuê một lũ thợ kèn
Vừa đi vừa thổi mỗi bên dăm
thăng.

Trong Đất lề quê thói, tác giả Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu biên khảo khá tường tận về tục treo biển đại tự của ông cha ta:

Hoành phi, câu đối treo trong nhà vừa để trang hoàng vừa để biểu lộ tâm tư đối với tiền nhân qua những hàng chữ viết lên giấy hay khắc vào gỗ. Giàu thì vàng son lộng lẫy, nghèo thì mua giấy hồng điều về xin chữ của các ông đồ, ông khoá trong làng...

Hầu hết là những câu ca tụng công ơn tổ tông, trồng cây đức đáp nền nhân để con cháu được hưởng và noi chí lâu dài. Ý nghĩa các câu này tuy hay nhưng vì nhiều nhà trưng thờ nên trở thành nhàm, sáo. Những câu tiêu biểu, phổ thông, áp dụng vào gia thế nào cũng hợp như:

Đức lưu quang (đức để lại sáng),

Đức duy hình (đức dày, truyền có tiếng thơm),

Ấm hà tư nguyên (uống nước nhớ nguồn),

Khắc xương quyết hậu (để tốt lành về sau)....

Tuy vậy vẫn có một số hoành phi, câu đối có ý nghĩa sâu sắc, hợp với gia thế người treo, không phải nhà nào cũng dùng được.

Ví dụ khách có dịp đi qua làng Nhị Khê (tỉnh Hà Đông) trông thấy một ngôi nhà thờ họ, nhìn lên bức hoành bốn chữ: *Khai quốc nguyên huân* (khai quốc công đầu) và câu đối liên:

*Công tề Lam nhạc thiên phong trĩ,
Khách cộng Tô giang nhất dải lưu.*
(Công nghiệp sánh bằng núi Lam ngàn ngọn cao thẳng,

Phúc trạch cùng với sông Tô một dải chảy dài)

thì có thể biết ngay là nhà thờ Úc Trai tướng công họ Nguyễn, không cần phải hỏi ai.

Vào nhà một người thấy bức hoành thờ đề *Cố quốc kiều mộc* (cây cao của nước cũ) dù chưa quen biết bao giờ cũng hiểu ngay là thế

gia vọng tộc của triều đại trước.

Thấy bốn chữ *Hưu hữu liệt quang* (vui có công nghiệp sáng rực) thì biết ngay là tiền nhân có võ công oanh liệt.

Hình thức của những bức liên, hoành, đối liên thường là hình chữ nhật treo dọc, treo ngang hoặc treo song đôi. Tuy nhiên vẫn có những bức biển câu kỳ có hình thức giống như một tấm giấy dài cuốn lại mà ở Huế gọi là hình *cuốn thơ*.



Cuốn thơ

Qua hình cuốn thơ trên, ta thấy ở giữa có hình chữ *thọ* viết giống cái đỉnh trầm. Chữ *thọ* này đi chung với năm con dơi (ngũ phúc) chạm chung quanh hàm ý chúc Phúc Thọ. Ở hai bên có hai ngọn bút lông nằm ẩn dưới hai mép cuốn thơ, nói lên ý nghĩa văn phong của gia thế người treo. Trên mặt cuốn thơ là những hình trang hoàng: mai, lan, trúc, mẫu đơn. Nền là những hình hờn văn chữ vạn và hình lục giác gọi là kim qui. Chạy

viền chung quanh là hình hoa và dây leo gọi là liên đăng.

Cũng trên phương diện trang trí, trên những câu đối, ngoài hàng chữ nhỏ ở giữa, người ta còn chạm khắc ở hai đầu hay hai bên viền những hình như cuốn thơ, những món trong bát bửu như sách, ống tiêu, quạt, ngọc như ý, chữ phúc, chữ thọ (hình 1); hình dơi, các đường hờn văn (hình 2, 3); hoặc chỉ có hình dơi ở hai đầu.

Trong quá trình hình thành bức liên, hoành, đối liên, nghi môn, v.v.. công lao của các tay thợ chạm, thợ sơn, thợ khảm chiếm phần quan trọng.

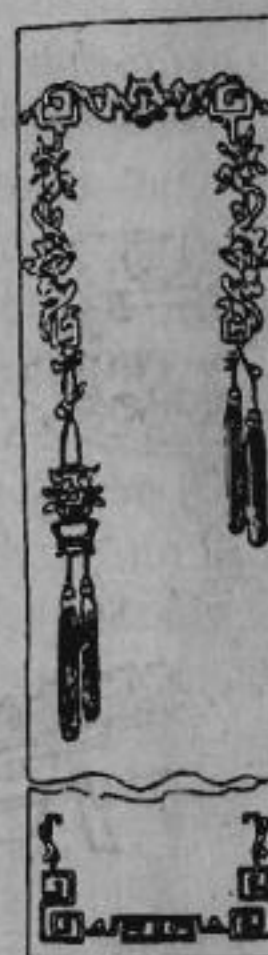
Người thợ chạm Việt Nam dùng những cái đục có lưỡi thép xeo xéo hình chân nai (hoẵng) và những cái dùi đục. Gỗ dùng là gỗ mít. Các vết nứt của mặt gỗ thường được trám bằng thạch cao trộn sơn rồi đánh cho lì mặt, xong mới đem sơn hoặc thép vàng.

Thợ sơn thờ tổ nghề là Trần Tương Công dưới triều vua Lê Nhân Tông (1443-1460). Ông nhân đi sứ bên Tàu đã học được nghề này ở tỉnh Hà Nam bên đó và đem về dạy lại cho dân ta. Thợ sơn dùng nhựa từ cây sơn (*Rhus-succedanea*) mà cách chế biến rất công phu.

Nhựa cây sơn được đựng trong một cái thúng hay sái, bịt kín bằng giấy không thấm nước do được



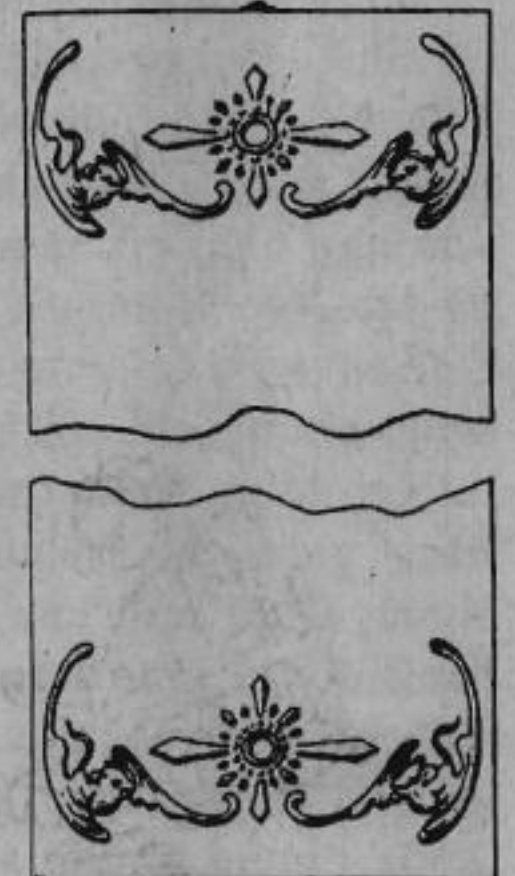
1



2



3



4

phết nhựa cây cày. Sơn đựng trong thúng có nhiều lớp. Lớp dưới cùng là *nước thiếc* dùng làm nhựa trám, bên trên là lớp *sơn óc* để trét ghe, trét thúng, rồi đến lớp *sơn gioi*. *Sơn gioi* có hai tầng: tầng dưới kém phẩm chất gọi là *sơn nhì*, tầng trên tốt hơn gọi là *sơn nhất*. Lớp sơn trên cùng của thúng gọi là *sơn mặt giàu*, đây là thành phần do sự biến hoá của các lớp sơn dưới nổi lên sau khi giữ sơn từ 2 cho đến 5 tháng. Người ta dùng muổng đánh nổi bọt lớp sơn mặt giàu này và cất riêng ra để dùng.

Từ các chất sơn nguyên thủy ấy, người thợ sơn áp dụng cho nhiều cách chế biến. Lớp sơn nhất hay sơn nhì được trộn với dầu cây

trầu nấu chín và quậy kỹ dùng để quang dầu các bàn ghế nên gọi là sơn dầu.

Muốn chế ra sơn màu thì có nhiều cách như sau: trộn ba phần sơn với một phần nhựa thông (thérébentine) và một chút phèn đen (sulfate de fer) thì thành ra màu cánh gián. Muốn làm sơn đen (sơn then) thì phải quậy kỹ, lâu và cho thêm một ít chàm. Muốn có màu nâu hạt dẻ thì thay thế phèn nửa phèn đen bằng sơn. Còn muốn có màu sơn thì trộn sơn nấu nóng với dầu trầu (*Aleurites moluccana*) rồi thêm sơn vào. Sơn tàu đất, sơn ta rẻ hơn, chế tạo bằng cách nấu đá đỏ (giả thạch), nghiền với nước bô kết. Sơn có đặc tính oxyt hoá mọi

thứ hoá chất và biến thành màu đen ngoại trừ chất sơn chu sa (vermillon de cinabre), oxyt bismuth và chất sulfur arsenic vàng. Màu chàm là màu duy nhất có gốc từ thực vật.

Những điều tỉ mỉ trên là công trình nghiên cứu của bác sĩ Pháp kiêm thảo mộc gia Balansa.

Muốn trám các lỗ hay khe hở của mặt gỗ trước khi sơn, người ta dùng sơn nhì và nước thiếc trộn với mặt cưa.

Muốn thép vàng, thép bạc, thép thiếc, thì trên mặt gỗ người ta sơn một lớp sơn thép bằng cách trộn sơn và dầu trầu. Khi lớp sơn này khô khoảng ba phần tư mới dát các tấm kim khí lên. Sau nhiều tháng chờ đợi, thợ thép mới quét lên mặt lớp kim khí đã thép một lớp sơn phủ (giống như sơn thép) bằng đất thố, bánh đúc và hột nhãn giã nát.

Muốn thép, gỗ cứng không tiện dùng bằng loại gỗ có lỗ như *cây mớ* (*manglietia glauca*) và *gỗ vàng tâm*. Gỗ này được trét với *sơn lơ* rồi đánh bằng *đá bọt*, sau đó được quét một lớp sơn *hom* và đánh với *đá gan gà*, cuối cùng mới *sơn lót* (sơn thịt) và đánh bằng *đá mài nhẵn*. Nếu là sơn đen thì đánh bằng than gỗ cây xoan, do đó mặt sơn mài nhẵn láng như sành sứ.

Lớp sơn này được hong khô bằng cách để trong chỗ ẩm hơn là chỗ khô ráo. Sau khi khô người ta mới trang trí, vẽ hoa bằng cách dùng một cái cọ đẹp gọi là *cái thép* để bôi sơn thép màu lên.

Các bức liễn, hoành có thể được giao cho thợ khảm để khảm xa cừ. Nghề khảm của nước ta có lẽ không phải học từ Tàu vì nó đã thịnh hành ở các xứ vùng Nam Hải trước công nguyên. Tổ nghề khảm của Việt Nam là ông Nguyễn Kim đời vua Lê Hiến Tông (1740-1787). Miền Bắc có nhiều làng chuyên về nghề khảm như làng Chuyên Nghiệp, Nam Định và Cự Lân.

Các thứ khảm thường là vỏ trai thường, ốc xa cừ hay ốc khảm. Gỗ để khảm là gỗ trắc và gụ. Những vỏ trai, ốc xa cừ được đập vỡ và đem dán lên tấm giấy có vẽ hình



Thợ chàm



Thợ khảm xà-cừ

được khảm. Sau đó được cắt xén bằng giũa, xong đặt vào mặt gỗ để nhét vào các chỗ khảm cho vừa khít.

Trở về vấn đề sơn mài của Việt Nam, trước kia ta chỉ thấy sử dụng giới hạn có ba màu: đen, đỏ, vàng. Nhưng từ khoảng hai thập niên 30, 40, người ta đã cải tiến được kỹ thuật, tăng tiến bằng sử dụng màu sắc để càng ngày càng phong phú.

Nguyên do khi các bột màu lúc trộn hoà tan với sơn nên bị oxyt hoá và trở nên đen hay xám xỉn. Do đó người ta phải tìm ra bí quyết pha sơn với các màu để vẽ.

- Vàng và bạc nguyên chất ở dạng lá mỏng hoặc rây nhỏ thành bột.

- Xanh lá cây, xanh lam, vàng, tím, trắng... thường ở dạng bột khó hoà tan.

- Hạt dành dành tào thành màu vàng trong.

- Vỏ trứng khảm vào tranh tạo ra màu trắng sáng.

- Vỏ trai, vỏ ốc tạo ra màu xanh, tím, hồng óng ánh.

- Màu đỏ thì vẫn dùng sơn biển chế từ chu sa (thần sa) ra, nhưng được pha ra thành nhiều sắc từ sẫm đến tươi.

Kỹ thuật sơn mài càng ngày càng cải tiến không những về màu thể hiện trực tiếp mà còn thể hiện theo lối gián tiếp, như muốn có màu xanh cánh cam thì đợt đầu sơn thép vàng lá, sau sẽ sơn cánh gián có pha hồ thủy, thành ra vàng lá khi nhìn qua lớp sơn cánh gián nhuộm xanh tạo nên màu xanh ve óng ánh. Kỹ thuật mài và đánh bóng bây giờ cũng tiến hơn xưa, nên sơn mài trở thành một nghệ thuật tạo hình độc đáo của Việt Nam.

Cũng nhân nói về sự cải tiến về vật liệu và kỹ thuật, tôi muốn đề cập đến các chữ nho đại tự đúc nổi bằng xi-măng trên các cột tam quan hay bức bình phong xây nề trước cửa nhà hoặc ở bể cạn. Tôi còn nhớ phụ thân tôi có tập Kiều mấy câu bằng chữ nôm và tự tay viết theo kiểu chữ lệ rồi mượn thợ đúc nổi gắn lên bức bình phong sau

bể cạn trong nhà. Bài tập Kiều này nói lên cái nhân tản bình dị của ông như sau:

*Còn non còn nước còn dài
Phẩm đề thêm một vài lời*

thêm hoa

*Huệ lan thơm nức một nhà
Vào trong phong nhã mặn mà*

hơn xưa

Khi rượu sớm lúc trà trưa

Khi xem hoa nở khi chờ

trăng lên.

Xi-măng cứng làm cho những nét chữ sắc cạnh nên đúc được các chữ như ý muốn, không giống như với ngày xưa.

Nhìn chung, ta thấy có một sự tiến triển về vật liệu và kỹ thuật trong nghệ thuật tạo hình, nhưng nội dung tinh thần văn hoá cổ lại phai dần và mất hẳn. Tuy nhiên, một điểm độc đáo là vào cuối thế kỷ 19, một vài nhà thờ Công giáo vùng Ninh Bình, Thanh Hoá, dưới sự đốc công và góp ý của linh mục Trần Lục, đã được kiến trúc mô phỏng theo các đền chùa, nghĩa là có tam quan, có mái cong, có chạm trổ phù điêu theo các mẫu mỹ nghệ cổ truyền. Linh mục Trần Lục sinh năm 1825 dưới triều Minh Mạng, có tên ban đầu là Phê-rô Hữu, sau đổi là Phê-rô Triêm. Về sau, vì giữ chức thầy Sáu (hay phó tế, theo cách gọi của chủng viện, nên được cải thành cha Sáu và nho hoá thành

Trần Lục) theo đức tin Thiên Chúa, nhưng đầu óc nghệ thuật vẫn mang tinh thần Việt Nam. Cha Trần Lục rất thông chữ nho, do đó khi xây cất nhà thờ Phát Diệm, ở mặt chính phía nam có khắc bốn chữ đại tự: Thánh Cung Bảo Toà, hai bên là hàng chữ Hán nhỏ ghi ngày thứ năm tuần Thánh năm Kỷ Hợi, Thành Thái niên hiệu (tức 1899).

Ở một nhà thờ khác xây năm 1825 của xứ Hảo Nho - nơi linh mục Đắc Lộ đã đến giảng đạo ở cửa Thần Phù cách đây 300 năm - mặt tiền cửa giữa nhà thờ có chữ Thiên Từ Đường, hai bên là hai cửa nhỏ đề chữ Hữu Do và Tả Do.

Lại một nhà thờ khác, nhà thờ họ Vinh Trung xây năm 1891 thuộc hạt Kim Sơn, trên cổng tam quan, ở giữa cũng như hai bên có đúc chữ nho theo kiểu chân và kiểu triện rất đẹp.

Các kiến trúc cổ tích của Thiên Chúa giáo trên chứng tỏ tâm thức của các linh mục Việt Nam thời trước vẫn nằm trong mẫu số và tâm thức chung của dân tộc về nghệ thuật. Dần dà về sau, dưới uy quyền và ảnh hưởng của các thừa sai Tây phương (nhất là Pháp), các giáo đường hay nhà nguyện đã xây theo kiểu gothic hay La Mã. Những hình tượng nghệ thuật Việt Nam như các chữ đại tự, các hình chạm trổ rồng phượng, mai lan cúc trúc



không còn được dùng nữa.

Theo tôi, các tín đồ Thiên Chúa giáo Việt Nam thuở ban đầu đã muốn có một đường lối thờ Thiên Chúa chân thành theo tâm thức Việt Nam. (Đặc biệt ở các xứ đạo Xích Thổ và Khoan Dụ thuộc Phát Diệm, nhà thờ sáng tối đánh mõ gõ để nhắc bốn đạo đi lễ đọc kinh. Mõ này làm bằng gỗ hình cá chép cao cỡ tầm người. Sở dĩ phải là cá chép vì mắt cá không nhắm nên được coi là không bao giờ ngủ). Vấn đề tâm thức quả là yếu tố cốt tủy để nhận định và phê phán một sự kiện lịch sử một cách không sai lầm.

Điều bất hạnh của dân tộc Việt Nam là liên tục bị lôi cuốn vào những cơn lốc lịch sử biến loạn. Thiên thời, địa cảnh, nhân tình ít có những giai đoạn thuận lợi mà lại lắm cam go. Suốt thế kỷ 19, đã tam xâm lược, thôn tính, đồng hoá củachủ nghĩa thực dân đã viện cớ tôn giáo bị bức bách để bành trướng thế lực và đất đai. Thêm vào đó, sự u muội, cổ hủ, thiếu uyển

chuyển thức thời của vua quan ta thời trước đã xô đẩy đất nước vào vòng lệ thuộc Pháp hơn 80 năm. Tuy vậy tâm thức của những tín đồ Thiên Chúa giáo cùng những người chân đất Việt Nam luôn luôn nóng hơi

ấm tinh thần dân tộc cổ truyền mà các kiến trúc mỹ thuật của những giáo đường xây hồi cuối thế kỷ là một bằng chứng.

Điều bất hạnh khác cho văn hoá ta là những đứt đoạn trầm trọng vì biến loạn lịch sử, không thể liên tục phát triển xuyên suốt. Nhìn gương nước Nhật, dân trí của họ thật cao, vừa duy tân vừa tôn cổ một cách khéo léo. Nền văn hoá của họ như một cái cây mà cành lá mạnh vươn cao nhưng gốc dưới vẫn vững chắc nhờ bám sâu vào lòng đất. Nước Việt Nam ta vào cuối thế kỷ 20 này lại đi vào vết xe cũ của lịch sử. Ta vừa bị các thế lực ngoại nhân uy hiếp, vừa chịu thêm tà thuyết cộng sản khiến lòng dân ly tán, xã hội bất ổn. Một lần nữa, văn

hoá Việt Nam lại lâm vào cơn trọng bệnh, ngắc ngoải thảm thương. Những quý vật trong bảo tàng viện hay các cổ tích vốn đã còn lại ít ỏi sau những lần loạn lạc, nay lại đang thất thoát ra ngoài. Thêm vào đó, ngay cả những di ảnh, kỷ vật tư gia có tính cách tài liệu, sau 1975 cũng bị chiến dịch quét sạch tàn dư "Mỹ ngụy" của cộng sản thiêu hủy. Thật chua chát và khôi hài khi muốn viết về văn hoá Việt Nam, người ta phải tìm kiếm tài liệu nằm ở Pháp, Ý, Nhật, Trung Hoa, v.v..

Những tấm hoành, liễn xưa chỉ còn là những di tích văn hoá của một thuở vàng son. Chúng là một trong những ứng dụng về kỹ thuật của nền văn hoá "chữ nho", nghệ phẩm của những thư pháp gia hay các tay thủ công khéo ở những thế kỷ trước. Tôi nói nền văn hoá "chữ nho" vì trước đây, chữ nho đã là một linh tự. Chữ thánh hiền được người xưa tôn sùng về đủ mọi khía cạnh. Về nội dung, chữ nho mang ý nghĩa thâm sâu uyên áo, chuyên chở đủ các ngành nho, y, lý, bốc. Về hình thức, chữ nho hiện diện trong mọi trường hợp và ở khắp nơi. Người xưa đã sống với chữ nho từ cái tên chữ được đặt khi mới học vỡ lòng, đến những bức đối liễn chúc mừng, cờ biển khi đỗ đạt, thăng quan, tãn gia, cưới vợ, ma chay, v.v.. Ngay đến lúc nhắm mắt lìa đời vẫn liên hệ đến chữ nho qua cái tên hèm, tên thụy ghi trên bài vị bàn thờ, bia mộ chí...

Đã qua rồi cái thời đại mà các nghề thủ công như chạm, khắc, sơn, khảm đã đưa chữ nho phổ biến trên các vật liệu cho người đời trân trọng đặt trên chánh điện, bàn thờ, v.v.. Một khi chữ nho mất thế đứng trong xã hội thì các nghề trên cũng mai một hay chuyển hướng. Đó là luật đào thải tự nhiên hay diễn tiến của những đợt hưng phế trên dòng lịch sử. Tuy nhiên sự bảo tồn cổ vật không nên vì thế mà sơ sót, bởi lẽ ôn cố nhi tri tân luôn luôn là cái túi khôn giúp hậu thế sinh tồn và phát triển... □

khép sách

*Khép sách... cho hồn tôi bay xa
cho tim tôi đập tiếng quê nhà
cho em chợt hiện nơi dòng lệ
thấy cả bà con cả mẹ cha!
Khép sách cho hồn tôi ngẩn ngơ
tại sao con nhện cứ giăng tơ?
tại sao tôi nhớ ca dao mãi?
buồn đến trắng thu cũng tỏ mờ!
Khép sách... quên đi thuở rất hiền
vượt ngàn lên núi tưởng lên tiên
gối đầu bóng súng năm mơ mộng
trưa rất bình yên sao chẳng yên?
Khép sách bây giờ rất hổ người
sống chỉ thêm tuổi để nhớ đời
sa trường chưa bọc thây da ngựa
lưu lạc về đâu ở xứ người?
Khép sách... có buồn sách lắm không?
chìm đi hồi Núi, Biển, Hồ, Sông!
hồi con mới gặm từng trang chữ
gặm nát giùm ta những mảnh lòng!*

trần trung tá

mơ thức trong đêm

*Văng vặc đỉnh đêm ánh ngọc rơi
Cành trắng sao nở rữ ngang trời
Làm sao húng được chùm hoa mộng
Đem thả giữa dòng năm tháng trôi.
Từng giải mây ngà buông thướt tha
Sợi tơ ai dệt rắng nhung pha
Làm sao may được cho thành áo
Quà tặng xưa sau em có ta
Có ngọn gió nồng hương sứ bay
Phong trần mấy gánh nặng trên vai
Làm sao hoá được thành đôi hạc
Theo gió mình về bến thiên thai.
Có trái tim già thoáng ngẩn ngơ
Lạc thuyền trôi sóng giữa không bờ
Làm sao tìm được con sông cũ
Sồi đá cội nguồn ru giấc mơ...*

b.h.t.

Kẻ và Chạ

Tạ Quốc Tuấn

Kính dâng
GS Nguyễn Khắc Kham

Trong các địa danh Việt Nam, chúng ta thấy có một số tên gồm hai thành tố: thành tố thứ nhất là từ “kẻ” và thành tố thứ hai là từ chỉ một đặc điểm về địa lý hay kinh tế của địa phương mang tên đó. Điểm đáng chú ý là cả hai từ thành tố này đều là những từ Việt ngữ thuần túy. Tuy nhiên, vì là từ Việt ngữ thuần túy nên ngày xưa, khi Hán tự còn được coi là ngôn ngữ chính trong các giao dịch với hoặc của chính quyền và là văn tự được dùng trong các tài liệu công cũng như tư, người ta đã không thể nào ghi các địa danh này bằng Hán tự. Vì thế, để ghi chép các tên đó bằng Hán tự, người ta đã phải đặt một “tên chữ” cho địa phương, nghĩa là một tên có thể ghi chép bằng Hán tự được. Chẳng hạn:

Tỉnh Hà Đông: kẻ Vẽ (Ngạc Vĩ), kẻ Noi (Nội Duệ), kẻ Đô (Cầm Đa), kẻ Trôi (Lôi Xá), kẻ Mọc (Nhân Mục).

Tỉnh Sơn Tây: kẻ Thốn (Thuần Nội), kẻ Thày (Lật Sài), kẻ So (Sơn Lộ), kẻ Bún (Phúng Thượng), kẻ Mía (Cam Giá).

Tỉnh Hải Dương: kẻ Sặt (Tráng Liệt).

Tỉnh Hưng Yên: kẻ Xuôi (Thụy

Lôi).

Tỉnh Thanh Hoá: kẻ Bôn (Cổ Bôn), kẻ Nưa (Cổ Ninh, sau đổi là Cổ Định).

Trong các thí dụ trên, các tên đặt trong dấu ngoặc đơn là “tên chữ”.

“Kẻ” ở đây có khi được ghi bằng Hán tự là “Cổ”, cũng có khi bằng “Cau”.

Theo Từ Tùg Thạch, tác giả sách *Việt gian Lưu vực Nhân dân sử* (1), từ “Cổ” là từ phiên âm một từ của người Choang và có nghĩa là “cái”. Vẫn theo ông, người Choang xưa vốn gốc người Tây Âu. Tây Âu là một trong những chi tộc của giống Bách Việt. Từ Bách Việt chỉ những nhóm người Việt ở rải rác khắp miền Hoa Nam mà sử sách thường gọi chung là miền Giang Nam (tức là miền nam sông Dương tử) hay Lĩnh Nam (miền nam núi Ngũ Lĩnh). Sử sách Trung Hoa nói nhiều nhất đến Dương Việt, Đông Việt, Mân Việt, Nam Việt, Tây Âu và Lạc Việt. Dương Việt là chi tộc sống ở hạ lưu sông Dương Tử. Đông Việt còn gọi là Đông Âu, trong thời Tần (201-206 tr.CN) và Hán (206 tr. CN-221 s.CN) đóng

đô ở Vĩnh Ninh (tức Vĩnh Gia, nay là Chiết Giang). Người Mân Việt thì ở đất Mân trung (nay là Phúc Kiến). Nam Việt có đô ở Quảng Châu (nay là Quảng Đông). Tây Âu ở phía nam sông Ly (nay là Quảng Tây), trên lưu vực sông Tây (hay Tây giang), sông Tả (tức Tả giang), sông Hữu (hay Hữu giang), ở miền nam hai tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây, miền Tứ Xuyên và miền bắc Quý Châu, Vân Nam. Về sau họ dời sang hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây cũng như có những nhóm di sang sống ở miền thượng lưu các sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương ở miền bắc nước Việt Nam ngày nay. Lạc Việt là nhóm người thuộc Việt tộc sống ở cực nam địa bàn của Bách Việt, nay là miền bắc Việt Nam.

Mặt khác, Cổ Viêm Vũ, tác giả sách *Thiên hạ Quận quốc Lợi bệnh thư* lại cho rằng người Choang là



con cháu người Việt xưa. Từ Tùng Thạch cũng đồng ý như vậy, và còn nói thêm là người Choang tối sơ vào bán đảo Hoa Ấn là tổ tiên của người San và người Lào. Ở Văn Nam về sau họ chia thành các bộ lạc lớn Ai Lao và Bắc. Nói cách khác, tổ tiên người Choang ngày nay là người Tây Âu thời Xuân Thu (722-484 tr. CN) Chiến quốc (403-221 tr. CN) bên Trung Hoa, mà người Tày ở Việt Bắc ngày nay có cùng một tổ, tức là hậu duệ của người Tây Âu.

Quay trở về từ “Cổ”, theo Từ Tùng Thạch, người Choang có thói quen đặt từ “Cổ” trước một từ khác để chỉ tên đất. Thí dụ chúng ta thấy những địa danh sau ở hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (vốn là địa bàn sinh sống của người Choang như đã nói ở trên):

Tỉnh Quảng Đông: Cổ Đô (ở huyện Nam Hải), Cổ Lâu (ở huyện Thuận Đức), Cổ Đầu (ở huyện Tân Hội), Cổ Đường (ở huyện Tam Thủy).

Tỉnh Quảng Tây: Cổ Trúc (ở huyện Quế Lâm), Cổ Định (ở huyện Dương Sóc), Cổ Lạc (ở huyện Nghĩa Ninh), Cổ Luyện (ở huyện Liễu Giang), Cổ Đình (ở huyện Lạc Dung).

Cũng có vài địa phương đã phiên từ “Cổ” thành “Quả”, “Quá”, “Cô” hay “Ca”.

Lại nữa, tại hai nước Ngô và Việt thời Xuân Thu (nay là hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang) cũng có nhiều địa danh mang từ “Cầu” (Hoa ngữ đọc là “kou”) và từ này gần với âm của từ “Cổ” (Hoa ngữ đọc là “ku”). Thí dụ ở Giang Tô có núi Cầu Khúc, có huyện Cầu Dung; còn ở Chiết Giang có núi Cầu Vô, núi Cầu Dư, v.v... Đây là chưa kể việc ngày xưa nước Ngô mang tên là Câu Ngô và vua nước Việt có tên là Câu Tiễn.

Vậy từ Việt ngữ “kẻ” có thể có nghĩa tương đương với từ Hoa ngữ “cổ” (với những biến thể *quả, quá, cô, ca* hay *cầu*) phiên âm một từ Choang ngữ, dùng nhiều nhất ở miền Quảng Đông và Quảng Tây.

Nếu giả thuyết này đúng, chúng ta thử tìm hiểu xem “kẻ” có nghĩa gì.

Ngày nay khi giải thích nghĩa của từ “kẻ”, người ta thường cho rằng từ này có nghĩa là “làng”. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng trong Việt ngữ cổ còn có một từ khác cũng được dùng để chỉ làng; đó là “chạ”. Vậy “chạ” và “kẻ” khác nhau như thế nào?

Chúng tôi nghĩ rằng “kẻ” và “chạ” có lẽ có liên quan đến các từ Mã ngữ “laki” và “desa”.

Trong một bài biên khảo nhan đề *So sánh Việt ngữ và Mã ngữ* (2), chúng tôi trình bày những điểm giống nhau giữa ngôn ngữ của hai dân tộc Việt Nam và Mã Lai về các khía cạnh từ ngữ, cú pháp, văn pháp, v.v... khiến cho chúng ta nghĩ rằng hai ngôn ngữ này có liên hệ nguồn gốc với nhau. Mặt khác, trong một bài biên khảo khác, *Ngữ nghĩa từ “cái”* (3), chúng tôi cũng đã trình bày quan điểm riêng, cho rằng có thể từ “cái” do từ Mã ngữ “laki” mà ra. “Laki” và “cái” cùng có nghĩa là *lớn, to lớn; chính, chính yếu; hay thủ lĩnh, lãnh tụ, lãnh đạo*.

Rất có thể thoát đầu từ “kẻ” mang ý nghĩa nguyên thủy như “laki”, nghĩa là lớn, chính, và thủ lĩnh. Sau với thời gian, nó được dùng một cách cụ thể hơn để chỉ một tập thể những người sống chung với nhau có tổ chức, do một hay nhiều người lãnh đạo. Vì có tổ chức, có lãnh đạo nên tập thể đó đã thu hút được nhiều người qui tụ mà trở nên to lớn. Mặt khác, chúng ta cũng nên nhớ rằng ở Việt Nam, làng là đơn vị nòng cốt và căn bản của tổ chức hành chính, là một tiểu quốc gia, một quốc gia thu hẹp. Trước khi vua Hùng dựng nước, người dân Việt qui tụ lại với nhau theo từng tập thể một. Tập thể đó có lẽ gọi là “kẻ” hoặc một danh xưng nào đó trong có từ hay nghĩa của “kẻ” hoặc “laki”, bởi vì nó có những đặc tính to lớn, chính yếu và lãnh đạo. Chính những tập thể này đã được vua Hùng tập hợp lại thành một tập thể mới và lớn hơn dưới

quyền lãnh đạo của nhà vua, gọi là “nước”. Tuy đã có nước, các “kẻ” vẫn được duy trì và giữ được tính tự trị, như diễn tả qua câu “Phép vua thua lệ làng”.

Từ “kẻ” được dùng mãi cho tới ngày nay (tuy không thông dụng như xưa). Vì “kẻ” là từ thuần túy Việt ngữ, người Trung Hoa khi đô hộ nước Việt không thể ghi từ đó bằng Hán tự được nên phải dùng một từ khác thay thế. Từ thay thế đó là “cổ” hay các từ tương đương. Mặt khác, vì muốn xoá sạch vết tích của một nền văn hoá sáng chói không thua gì văn hoá Trung Hoa hầu khiến người dân bị thống trị phải quên đi quá khứ huy hoàng của mình và cũng để dễ dàng thực hiện chính sách Hoa hoá người Việt, chính phủ đô hộ Trung Hoa đã thay thế tổ chức “kẻ” Việt Nam bằng tổ chức hành chính “hương” của mình. Do đó từ thời Bắc thuộc (207 tr. CN-939 s.CN) trở đi, từ “làng” hay “hương” đã từ từ thay thế từ “kẻ”.

Tuy nhiên, ngoài sự giống nhau về các nghĩa nói trên, chúng ta còn thấy vần “ki” của từ “laki” rất gần với âm của từ “kẻ” trong Việt ngữ. Thực vậy, trong Mã ngữ, hai nguyên âm “i” và “e” có thể dùng thay thế cho nhau vì đọc gần giống nhau. Chẳng hạn từ “sempang” (ngã tư) có thể viết là “simpang”, hay từ “penang” (nang cau, mo cau) cũng có thể viết là “pinang”. Chỉ cổ điều đáng tiếc là chúng ta không rõ thời xưa từ Việt cổ “kẻ” có phát âm như bây giờ (với âm “e”) không, hay nó phát âm như vần “ki” trong từ Mã ngữ “laki”. Dù sao thì sau một thời gian, vần “la” bị biến mất vì một lý do nào đó, chỉ còn lại vần “ki”, sau biến thành “kẻ”. Việc biến mất một vần không phải là một hiện tượng hãn hữu. Trong Việt ngữ có nhiều từ gốc ở từ Mã ngữ mà một vần đã bị biến mất. Thí dụ: ibu = bu hay u (mẹ), bapa = ba (cha), ikan = cá, makan = ăn, lagi = lại, sudah = đã, sungai = sông, bunga = bông (hoa).

Như vậy, ba từ “kẻ” của Việt

ngữ, "laki" của Mã ngữ và "cổ" của Choang ngữ có lẽ đã có liên hệ nguồn gốc với nhau. Rất có thể từ Việt ngữ "kẻ" và từ Choang ngữ "cổ" bắt nguồn từ từ Mã ngữ "laki".

Vì "kẻ" có liên hệ với "laki" và "cổ", chúng ta có thể nói là từ địa danh Việt ngữ cổ "kẻ", diễn tả một ngôi làng lớn, lớn chẳng những về phương diện diện tích và nhân số mà còn cả về tầm quan trọng nữa, với nghĩa là chính yếu hay đóng vai trò lãnh đạo trong vùng. Căn cứ vào vị thế của các địa phương mang tên bắt đầu bằng từ "kẻ", chúng ta thấy nhận xét trên đúng. Đây là chưa kể các địa phương mang tên bắt đầu bằng từ "kẻ" đều ở trong vùng cư ngụ của những thổ dân Việt đầu tiên, trong khi lại có thuyết cho rằng những người này thuộc chủng tộc Mã Lai.

Còn như từ "chạ", thì Từ điển

hay ba làng cùng thờ một ông thần trong thời phong kiến, ví dụ: làng trên chạ dưới.

Tiếng Việt do Văn Tân chủ biên đã đưa ra ba định nghĩa:

1. Tổ chức giao hảo giữa hai 2. Đông người, không có trật tự, kỷ luật; chẳng hạn: chạ người, chạ việc.

3. Chung đụng với nhau, tỉ như: Nào người phượng chạ loan chung (Kiều), hay "chung chạ".

Các nghĩa này đều nêu ra các đặc tính của thuật ngữ hành chính Việt cổ "chạ".

Chúng tôi nghĩ có thể là từ Việt ngữ "chạ" bắt nguồn từ từ Mã Lai "desa" mà sau một thời gian, vần "de" đã biến mất, còn lại vần "sa" có âm gần với âm "chạ" của Việt ngữ. "Desa" có nghĩa là "xóm", tức là một đơn vị hành chính nhỏ hơn làng. Chúng ta thường nói "làng chạ" cũng như vẫn nói "làng xóm".

Một "chạ" là một cộng đồng nhỏ, gồm một số người sống chung với nhau tại một địa điểm nào đó. "Chạ" ở đây có nghĩa là không to lớn, không đóng vai trò chính yếu hay lãnh đạo trong vùng vì trong tập thể đó, người dân chỉ sống chung đụng với nhau thôi chứ không có tổ chức cơ cấu như trong "kẻ". Từ này ngụ ý chỉ trạng thái quần cư nhiều hơn là ý niệm đơn vị địa phương. Có lẽ cũng vì tính cách không quan trọng và nhỏ bé của "chạ" mà chúng ta thấy là hầu như không có địa danh nào mang từ "chạ" cả. □

1. Trung hoa Thư cục, Thượng Hải 1947.

2. Sắp in.

3. Vietnam Weekly News, Dallas, Texas, số 170 ra ngày 1.8.1992, tr. 17 & 28; số 171 ra ngày 8.8.1992, tr. 17 & 28.

thao thức

Tôi không thể nào ngủ được
Những đêm nằm vắt tay lên trán
Thao thức canh thâu
Tôi không thể nào ngủ được
bởi vì đâu?
Hỡi chị hỡi anh hỡi đồng bào thân mến
Con sông nào đẩy tôi ra biển
để lòng tôi cứ mãi thương bờ
Những đêm nằm mê thiếp trong mơ
thấy quê hương vẫn đầy ác quỷ
Những bóng ma trôi chập chờn nghĩa địa
mồ mả không yên còn nổi chi người!
Đau xót vô vàn tổ quốc mến thương ơi!
Thương quá lắm mẹ tôi
Nửa đời làm chị nuôi chiến sĩ
manh áo vá vai chân lấm tay bùn
tóc bạc lưng còng đang phải sống cô đơn.
Thương quá lắm cha tôi
vào Vệ quốc quân từ ngày đầu kháng chiến
nắm mặt nằm gai, cơm sắn, muỗi rừng
tưởng đâu rằng được nối gót Quang Trung
ai dè chết dưới bàn tay của Đảng
bởi lẽ sinh ra thuộc thành phần tư sản
nên hữu công vẫn bị xử như thù
Thương quá lắm anh tôi rục chết trong tù
bởi những tư duy ngược chiều Cộng sản
dưới đáy mồ sâu hồn còn ai oán
nhớ thương đời khi ngoài tuổi đôi mươi.
Thương rất nhiều những đứa em tôi
cả gái cả trai đều phải làm nghĩa vụ
đứa Thanh niên Xung phong, đứa vào quân sự

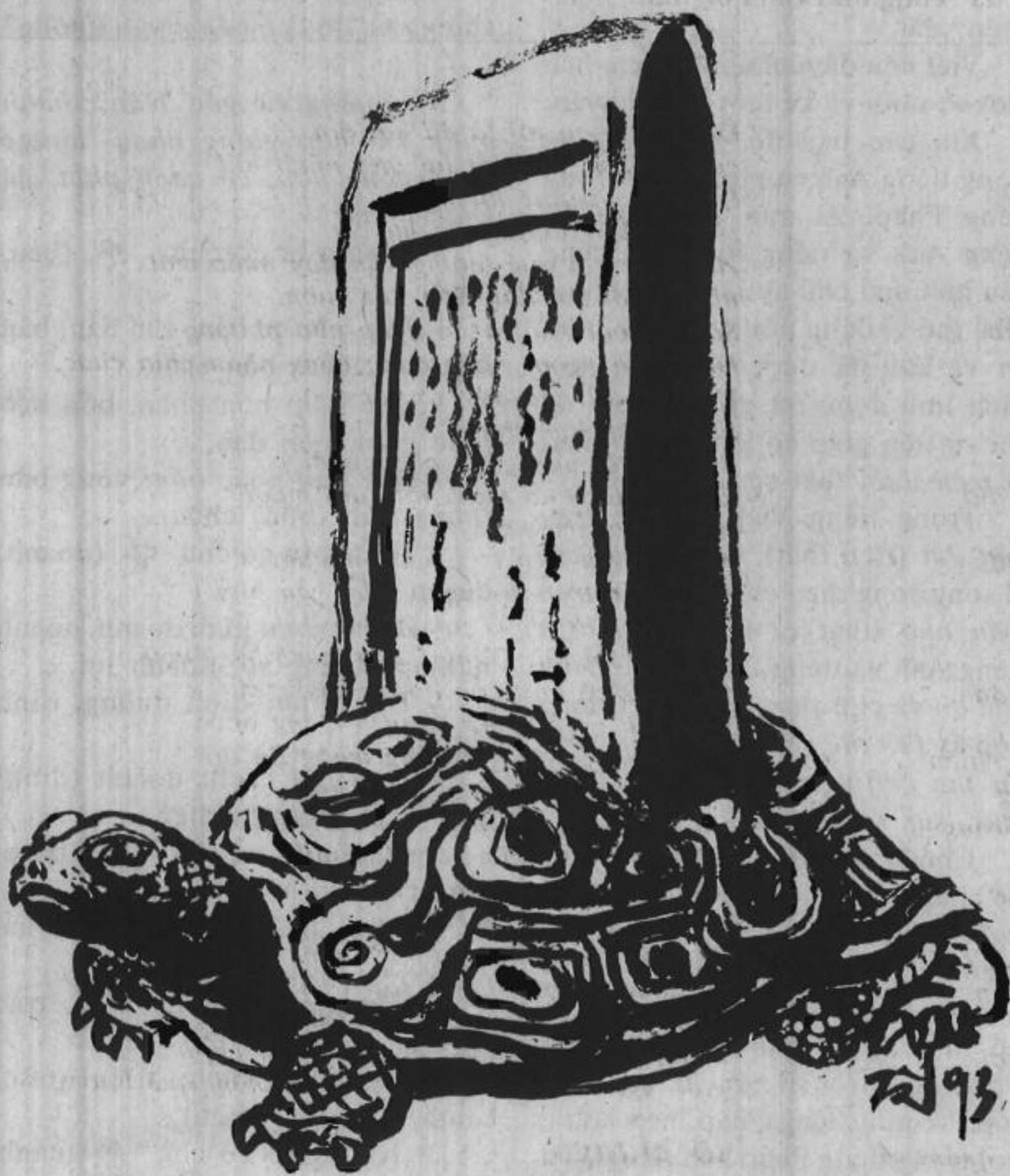
Đảng bắt em tôi là đã hai đời
cả gia đình còn sót lại một mình tôi!
Giờ ngó lại quê hương
tôi lại thấy lòng đau như cắt
Hết giặc rồi quê hương vẫn đầy nước mắt
những xót xa, đau đớn, tủi buồn.
Sóng ngoại nhân tràn ngập phố phường
Đảng với ngoại nhân đang cùng nhau chia chác.
Cả dân tôi, giờ đây xơ xác
làm mướn làm thuê
đổ mồ hôi nước mắt cho người.
Em gái tôi tuổi mười tám đôi mươi
bỏ lớp bỏ trường
có em phải bán tròn nuôi miệng!
Đất nước tôi mấy ngàn năm văn hiến
sao bây giờ tôi tả tan hoang
hãy trả lời tôi, Đảng Cộng sản Việt Nam!
Chỉ còn có một con đường phải tới
Hỡi anh em tôi giờ đang ở Công an
Hỡi anh em tôi giờ đang trong Bộ đội
hãy vùng lên để cứu giống nòi.
Già trẻ gái trai, tất cả mọi người
chúng ta phải vùng lên làm lại.
Không cần phải súng gươm,
chỉ cần óc và tim kết trái
đủ làm nên đông tố kinh hoàng
xô đám con tàu Cộng sản Việt Nam.
Tôi sẽ ngủ những đêm dài êm ái
trong giấc mơ không ác quỷ chập chờn
giấc ngủ ngon lành trong mộng thấm quê hương.

tô giang

Đôi Điều Về Tiếng Việt

(II)

Hồng Huy



Cũng như lần trước, hôm nay chúng tôi xin nêu lên một số điểm đáng lưu ý trong tiếng Việt. Nói cách khác, đây là một nồi canh tập tàng, hi vọng có một món rau nào đó hợp khẩu vị của các bạn.

1. Những chữ đôi gồm một chữ gốc Hán và một chữ thuần Việt, chữ Việt là nghĩa của chữ Hán: Thì giờ, danh tiếng, tùy theo, tuyển chọn, nhần nhịn, canh gác, thương buôn, in ấn, v.v...

Trong số nêu trên, chúng tôi chỉ xin đặc biệt phân tích ba từ kể sau cùng.

Canh gác: Đây là một chữ đôi đặc biệt, khó kiếm được một cặp khác tương tự. Hai chữ *canh* và *gác* đều có nghĩa là *coi giữ*. Chữ *canh* gốc Hán (更), chữ *gác* gốc Pháp (garde). Trước khi một số chữ Pháp được đưa vào tiếng Việt, Việt ngữ chưa có chữ *gác* theo nghĩa này. Chỉ có chữ *gác* nghĩa là *lầu*, gốc ở chữ *các* (閣), như *trên gác*, *lầu son gác tía*, và chữ *gác* nghĩa là *để lên trên*, là *thời*, gốc ở chữ *các* (擱) như *gác chân*, *gác bút* (thời không viết nữa).

Trong tiếng Việt, những chữ gốc Pháp không hiếm, nhưng dù đã được sử dụng lâu rồi, chúng vẫn mang mãi dấu vết tiếng Pháp. Riêng chữ *canh gác* này, nếu không truy kỹ lý lịch, thì cũng dễ tưởng rằng nó không liên hệ gì với tiếng Pháp.

Thương buôn, in ấn. Đây là hai từ do Cộng sản Việt Nam mới tạo ra gần đây.

Trong bài trước, chúng tôi đã có nói đại ý chúng ta có thể tạo ra từ mới để phong phú hoá tiếng Việt, nhưng liệu có nên tạo ra tiếng mới theo kiểu này không?

Trong tiếng Việt, nói về việc mua bán hàng hay trao đổi hàng hoá, đã có sẵn những từ rất thông dụng mà nghĩa đã ổn định, như về động từ thì có *buôn bán*, *thương mại*, *mậu dịch*; về danh từ thì có *nhà buôn*, *lái buôn*, *thương gia*. Tại sao lại phải đặt ra thêm từ *thương buôn* nữa? Tại Việt Nam gần đây, từ này được dùng làm danh từ,

cũng giống như trường hợp từ *lái xe* được dùng làm danh từ, nghe rất lạ tai.

Thí dụ: - Các *thương buôn* đã đầu cơ, khiến hàng hoá tăng giá.

- Lớp học về luật giao thông đã tập hợp được hai trăm *lái xe*.

Tại sao phải tránh hai từ *lái buôn* và *tài xế*?

Cũng trong chiều hướng tránh dùng chữ cũ, từ *in* ấn ra đời để thay cho từ *ấn loát*. Tại sao phải thay? Các nhà văn hoá cộng sản sợ người ta không hiểu *ấn loát* là gì chăng? Xin quý vị yên tâm. Trong tiếng Việt, không thiếu gì những từ gốc Hán, nếu tách riêng từng chữ để hiểu cấu tạo thì khó, nhưng vì đã được dùng lâu rồi, ai cũng hiểu đúng và dùng đúng. Như các từ *lãnh tụ*, *cự phách*, nếu tách ra từng chữ thì chỉ ai biết chữ Hán mới hiểu, nhưng chắc chắn trong thông dụng, mọi người đều hiểu và dùng đúng hai từ ấy.

Riêng từ *ấn loát* (印刷) có chữ *loát* hơi khó hiểu. Chữ này có nghĩa *chà xát*, *chải cho sạch*. Ngày xưa, in bản gỗ, thợ in đặt giấy lên mặt bản gỗ có khắc chữ rồi vuốt qua, trước khi in phải chùi bản in cho sạch, rồi bôi mực lên. Tất cả các động tác ấy đều qui vào chữ *loát*.

Nhưng trong thực tế, đâu có cần phải hiểu riêng nghĩa chữ *loát* mới hiểu được nghĩa của từ *ấn loát*. Còn nếu nói để cho dễ hiểu hơn, thì tại sao không dùng chữ *in* không thôi, mà phải thêm chữ *ấn* vào làm gì?

2. Những cặp từ chữ đôi có một chữ ngược nghĩa nhưng lại là đồng nghĩa: áo ấm - áo lạnh, đánh bại - đánh thắng, ra đời - vào đời, thầy học - thầy dạy, trên thuyền - dưới thuyền, trên đất - dưới đất, v.v...

Ra đời và vào đời là nghĩa của hai từ gốc Hán *xuất thế* và *nhập thế*. Nhưng, trong khi cặp *nhập thế* và *vào đời* dùng không khác nhau vì đều có nghĩa là *đi vào cuộc sống nhân sinh*, thì cặp *xuất thế* và *ra đời* lại dùng khác. Theo thói quen, *xuất thế* thường được dùng theo

nghĩa thoát tục nhiều hơn theo nghĩa *xuất hiện ở trần thế* (như Tề Thiên xuất thế). Còn *ra đời* thì luôn luôn được dùng theo nghĩa *sinh ra ở đời*, hoặc *bắt đầu sống như một người lớn*.

Thầy học và *thầy dạy* đồng nghĩa, nhưng cách dùng hơi khác.

Thí dụ: Ông ấy là *thầy học* của tôi.

Thầy học luôn luôn là *thầy dạy* chữ. Nhưng *thầy dạy* có thể không phải *dạy chữ*, và khi đặt câu, phải nói rõ là *dạy môn gì*.

Thí dụ: Ông ấy là *thầy dạy tiếng Anh* (võ) cho tôi.

Trên thuyền - *dưới thuyền*, *trên đất* - *dưới đất*, v.v... Đây là trường hợp sử dụng linh động giới từ trong tiếng Việt: giới từ ngược nghĩa, nhưng ý của câu vẫn là một.

Thí dụ: - gia đình ấy quanh năm sống *dưới* (trên) thuyền.

- Không có ghế, họ ngồi *dưới* (trên) đất.

Viết đến đây, chúng tôi xin nêu một so sánh và kể một câu chuyện.

Xin các bạn để ý giới từ *on* trong tiếng Anh và giới từ *sur* trong tiếng Pháp. Ai mới bắt đầu học tiếng Anh và tiếng Pháp thì cũng đều hiểu hai chữ ấy là *trên*. Nhưng điều thú vị đáng nói là ba chữ *trên*, *on* và *sur* đã được sử dụng một cách linh động rất giống nhau, để chỉ sự tiếp giáp có khi không phải là *trên dưới* thật sự.

Trong tiếng Việt, ta nói: *trên mặt đất* (trên thật), *trên vách* (chỉ là song song theo chiều đứng), *trên trần nhà* (thật ra là ở dưới), thì tiếng Anh và tiếng Pháp cũng dùng chữ *on* và chữ *sur* cho cả ba trường hợp ấy (*on the ground*, *on the wall*, *on the ceiling*; *sur le sol*, *sur le mur*, *sur le plafond*).

Chúng tôi nêu so sánh trên cốt để chứng minh một điều: đã là sinh ngữ, thì tiếng nào cũng có sử dụng biến báo.

Hồi còn ở trung học, chúng tôi có một người bạn rất giỏi tiếng Pháp, giỏi trội so với các bạn cùng lớp. Vì giỏi tiếng Pháp, nên anh ta coi trọng tiếng Pháp hơn tiếng Việt.

Anh ta hay nêu những thí dụ để chê tiếng Việt không tinh xác bằng tiếng Pháp. Theo anh, tiếng Việt nói *dưới gốc cây*, *dưới bóng cây*, *dưới chân một ngọn đồi*, là sai. Và, cũng theo anh ta, tiếng Pháp nói: *au pied d'un arbre*, à l'ombre d'un arbre, *au pied d'une colline* đúng hơn nhiều. Nhưng anh ta quên rằng người Pháp vẫn nói "Le papillon se pose sur le plafond". Nếu hiểu theo kiểu *dưới gốc cây* thì phải chui xuống dưới cái gốc cây ấy, thì với câu tiếng Pháp kia, con bướm phải bay lên phía trần nhà mà đậu.

Tóm lại, giới từ tiếng Việt có cách sử dụng rất linh động, nhưng nhờ thói quen, người Việt không bao giờ hiểu lầm. Chỉ xin nêu thêm trường hợp của chữ *ngoài*.

Thí dụ: Chơi *ngoài* nắng.

Đi *ngoài* mưa.

Đứng *ngoài* gió.

Có người Việt nào hiểu lầm ba chữ *ngoài* đó là ở *bên ngoài* không?

3. Những từ gốc Hán, thành phần kết hợp giống nhau, nhưng tùy trường hợp, có cách phát âm khác nhau:

* Những từ có chữ 本 (bản, bốn):

- Đọc *bản*: tư bản, căn bản, bản sắc, bản thảo, bản chất,...

- Đọc *bốn*: bốn phạm, bốn bảo (gốc gác), bốn đạo,...

- Đọc *bản* hoặc *bốn*: vong bản (bốn), bản (bốn) chức,...

* Những từ có chữ 營 (doanh, dinh):

- Đọc *doanh*: kinh doanh, doanh nghiệp, doanh số, doanh lợi,...

- Đọc *dinh*: dinh dưỡng, dinh thự,...

- Đọc hai cách: doanh (dinh) trại, dinh (doanh) điền,...

* Những từ có chữ 朝 (triều, trào):

- Đọc *triều*: thủy triều, hải triều,...

- Đọc *trào*: phong trào, trào lưu,...

- Đọc hai cách: triều (trào) đình, bãi trào (triều),...

* Những từ có chữ 景 (cảnh,

kiếng):

Sở dĩ chữ này có cách đọc thứ hai là *kiếng* là do triều Nguyễn bắt dân kiếng tên hoàng tử Cảnh. Cách đọc thứ hai thông dụng ở Nam và Trung phần.

Ngày nay lệnh cấm không còn hiệu lực nữa, nhưng cách đọc trại đã trở thành ổn định ở một số từ: Cây kiếng, cá kiếng, lính kiếng, quê kiếng, một kiếng chùa....

Thật ra, nếu muốn, chúng ta vẫn có thể đổi những chữ *kiếng* trong các từ kể trên ra chữ *cảnh* mà không bị ai chê trách gì. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ cứ dùng chữ *kiếng*, thì có vẻ uyển chuyển hơn.

Và một điều đáng để ý nữa là chỉ trong những từ ghép thông tục nửa Hán nửa Nôm, chữ *cảnh* mới tồn tại ở dạng đọc trại ra *kiếng* mà thôi. Còn ở những từ thuần Hán, đa phần là những từ trừu tượng, thì chữ *cảnh* vẫn phải đọc là *cảnh*, không ai viết hay đọc hoàn *kiếng*, *kiếng* ngộ bao giờ.

* Những từ có chữ 𠂔 (nghĩa): Đứng một mình, chữ này chỉ được đọc một cách là *nghĩa*. Nhưng trong một số ít trường hợp, khi ghép thành địa danh, và trong một vài thành ngữ, chữ này lại được đọc thành *ngãi*: Quảng Ngãi (cũng có thể đọc Quảng Nghĩa).

Chúng tôi không hiểu tại sao những địa danh khác như Nghĩa Sơn (một hòn đảo trong vùng biển Bình Định), Tùng Nghĩa (gần Đà Lạt) không hề được đọc trại thành Ngãi Sơn, Tùng Ngãi. Có phải Quảng Ngãi là do giọng địa phương đọc trại mà thành?

Ngoài ra, trong những thành ngữ *nhân tình nhân ngãi*, *già nhân ngãi non vợ chồng*, *tham vàng bỏ ngãi*, chữ *ngãi* đã quá quen tai, nếu miễn cưỡng thay vào đó chữ *nghĩa*, chính thì có chính nhưng chắc không hay bằng.

Cùng theo kiểu đó, tỉnh lỵ của Bình Định viết là 歸仁, theo lẽ thì có thể đọc là Qui Nhơn hoặc Qui Nhân, nhưng nếu có ai các cơ đọc Qui Nhân, thì thiên hạ sẽ tưởng người ấy là Tàu mới học tiếng Việt

cối riêng

Em gửi cho ta gói ô mai
Nhắc thời xanh trẻ đã phôi phai
Bao nhiêu cay đắng như bèo giạt
Vui ở trường giang ngọn sóng dài
Em gửi cho ta lạng ruốc bông
Gói xôi tình nghĩa vẫn thơm nồng
Suýt nhai cả lưỡi trong thương tưởng
Nước mắt trôi theo túi một dòng
Em gửi cho ta cây thuốc lá
Thấy đời phiêu hốt giữa trần ai
Tưởng đâu sương khói chiều sơn dã
Từ phổi tuôn theo nỗi cảm hoài.
Em gửi cho ta chiếc gối thêu
Tùng đêm kim chỉ trối hồn theo
Đời nay tình nghĩa như rơm rác
Mà vẫn còn đây một dáng kiều.
Hãy gửi cho ta một chút em
Như lời hứa hẹn ở trong tim
Mai sau dù có bao dâu biển
Em mãi trong tình một cối riêng.

hà huyền chi

ngay.

* Những từ có chữ 當 (đương, đáng, đang): Theo cách phát âm chính thức, chữ này chỉ được đọc là *đương* và *đáng* thôi. Nhưng theo thói quen, trong một số trường hợp, nó được đọc là *đang*.

- Đọc *đương*: đương chức, đương nhiệm, đương đường, đương đầu, đương sự, đương triều, đảm đương (gánh vác),...

- Đọc *đáng*: thỏa đáng, xứng đáng,...

- Đọc *đang*: đảm đang, đang tâm,...

Đảm đang chính thật cũng là *đảm đương*, nhưng thói quen sử dụng đã gán cho từ *đảm đang* cái nghĩa là *tháo vát*, *đa năng* khi nói về một phụ nữ, không ai dùng tính từ này cho nam giới.

Riêng từ *đảm đương* thì vẫn giữ nghĩa động từ là *gánh vác*.

Đang tâm nguyên đọc là *đáng*

tâm (nhấn tâm, nở lòng, cam đành), nhưng phát âm bỏ dấu sắc quen rồi. Ngày nay, trong những câu tiếng Việt như dưới đây, nếu đọc là *đáng tâm*, thì nghe không thuận tai:

. Nó không tốt, nhưng nó khổ quá, không giúp thì không *đang tâm*.

. Sao anh *đang tâm* hành hạ đứa trẻ như vậy?

4. Những cặp từ song sinh, một bên trồn thành phần kết hợp là gốc Hán, một bên có pha chữ Việt:

Phàm những từ hoặc thành ngữ gốc Hán, một khi được dịch trồn vẹn ra tiếng Việt, thì thường vẫn giữ nguyên nghĩa gốc, trừ một số rất ít trường hợp sẽ nói ở phần cuối tiểu mục này.

Thí dụ: Nói: "Những người vô gia cư, vô nghề nghiệp" hoặc nói: "Những người không cửa nhà, không nghề nghiệp" thì cũng không



khác gì nhau..

Nếu không nói “thiên nhai hải giác” mà nói “chân trời góc biển” thì cũng vậy.

Nhưng phải coi chừng những nhóm chữ chỉ được Việt hóa một phần. Đặc biệt là những từ và những thành ngữ có chữ vô (無) được dịch ra là không.

Xin nêu từng cặp:

- *Vô trách nhiệm*: không có tinh thần trách nhiệm.

- *Không trách nhiệm*: không chịu trách nhiệm (đối với một việc nào đó).

- *Vô đạo*: Không có đạo đức.

- *Không đạo*: không theo một tôn giáo nào, không theo đạo Thiên Chúa.

- *Vô hậu*: tuyệt tự (không con). Cư xử không tình nghĩa (người Huế hay dùng chữ *vô hậu* theo nghĩa này. Thí dụ: Thằng này ăn nói vô hậu).

- *Không hậu*: không đơm, không có ý vị về sau (Trà này *không hậu*, uống rồi không thấy ngọt giọng).

- *Vô kể*: vô số, rất nhiều

- *Không kể*: không tính tới.

- *Vô ơn*: không biết ơn, xử bạc đối với người mình đã chịu ơn.

- *Không ơn*: không có ơn nghĩa gì.

Hai từ này có tác dụng ngược chiều. *Vô ơn* dành cho người đã chịu ơn, *không ơn* dành cho người có thể làm ơn. *Không ơn* hay đi cặp với *không nghĩa*.

Thí dụ: Đối với họ, chúng ta là những người *không ơn* (không nghĩa), sao lại đòi họ phải cảm ơn?

- *Vô cùng*: rất, hết sức (dùng làm trạng từ: giỏi vô cùng, nhiều vô cùng); không bờ bến (dùng như tính từ hoặc danh từ: cõi vô cùng, cái vô cùng).

- *Không cùng*: không hết, không dứt (thường được dùng cho thời gian: câu chuyện không cùng, nghĩ mãi không cùng).

- *Vô duyên*: không có duyên phận, không duyên dáng.

- *Không duyên*: chỉ có nghĩa là không duyên phận.

Muốn nói không duyên dáng, không thể nói *không duyên* mà phải nói *không có duyên*. Cũng hạn chế như vậy, chữ *hữu duyên* chỉ có nghĩa là *có duyên phận* chứ không có nghĩa là *duyên dáng*.

Nhân đề cập đến chữ vô, chúng tôi xin nêu luôn ở đây những rắc rối do chữ này gây ra trong tiếng Việt.

Ở phần trên, rắc rối nằm những chỗ chữ vô được thay bằng chữ không. Dưới đây, rắc rối xảy ra khi một từ, hoặc một từ ngữ khởi đầu bằng chữ vô, được kéo dài ra.

- *Vô ý*: không cẩn thận, sơ xuất, bất cẩn.

- *Vô ý thức*: không có chủ kiến, không hiểu biết.

Trong cuộc sống hằng ngày, phê bình ai là *vô ý* thì không sao, chứ nói người nào đó là *vô ý thức*, thì chắc là sinh chuyện.

- *Vô giá*: hết sức quý báu.

- *Vô giá trị*: không có giá trị gì.

- *Vô tư*: không thiên vị, không có đầu óc tư lợi.

- *Vô tư lự*: không lo nghĩ.

Thật ra, trong hai từ trên, hai chữ *tư* chỉ đồng âm, nhưng viết khác. Trong *vô tư* là chữ 私 (riêng), trong *vô tư lự*, là chữ 思 (nghĩ). Sở dĩ nêu ra đây vì có người hay dùng lầm chữ *vô tư* theo nghĩa *ít lo nghĩ* (vô tư lự).

Thí dụ: Tính anh ta *vô tư*, hễ đặt mình xuống là ngủ ngay một lèo cho tới sáng.

- *Vô tội*: không có tội gì.

- *Vô tội vạ*: bừa bãi, bất chấp hậu quả (chỉ dùng làm trạng từ).

Ở đầu tiểu mục này, chúng tôi có nói rằng các từ ngữ gốc Hán một khi được dịch trọn ra tiếng Việt, thì giữ nguyên nghĩa. Nhưng sau đây là một biệt lệ.

- *Vô thủy vô chung*: không thể biết chỗ khởi đầu và chỗ tận cùng. Thí dụ: Dòng thời gian vô thủy vô chung.

- *Không đầu không cuối*: lộn xộn, không có thứ tự. Thí dụ: Ăn nói không đầu không cuối gì cả.

5. Những từ ngữ được tạo thành

bằng cách thêm chữ phía sau: Trong những từ ngữ này, chữ gốc là chữ đầu, riêng nó đã có nghĩa. Những chữ thêm phía sau chỉ là chữ đệm, hoặc đệm để làm cho nghĩa mạnh hơn, hoặc đệm để có ý trào lộng.

- *Dốt đặc cán mai*: rất dốt, không biết một chữ nào hết.

Truy nguyên cấu tạo của thành ngữ này chắc hơi khó và mất thì giờ. Chúng tôi thử phân tích. *Dốt đặc* nghĩa là rất dốt, hoàn toàn dốt. Nhưng tại sao lại nói là *dốt đặc*?

Về trái cây, chữ *dốt* chỉ liên hệ đến trái me. Trái me, lúc còn xanh thì ruột dính vỏ, lúc chín thì ruột tộp lại. Khi sắp chín, vỏ bóc được nhưng ruột vẫn còn đây. Ở giai đoạn này, trái me được gọi là *dốt*. Me dốt vẫn còn *đặc*. Xuất xứ của hình dung từ *dốt đặc* là ở đây chăng?

Mai là dụng cụ đào đất. Khi sử dụng, người đào cầm cán xấn xuống và bẩy (nạy) đất ra. Vì thế, cán mai phải làm bằng gỗ chắc hoặc tre đặc ruột.

Kết hợp hai phần *dốt đặc* với *đặc như cán mai* thành *dốt đặc cán mai*.

Cấu tạo theo kiểu này, còn nhiều thành ngữ khác như: Đứng ngay cán tán, chết ngay đơ cán cuốc.

Những chữ trong các từ ngữ đôi dài ra theo kiểu trào lộng, kết với nhau theo lối liên hoàn: chữ hai nối với chữ một, chữ ba nối với chữ hai, v.v..

- *Tuyệt cú mèo*: một mình chữ *tuyệt* cũng đã có nghĩa là *rất hay, rất giỏi*... Có thêm phía sau một tính từ nào đó, như *hảo, khéo*, nghĩa sẽ rõ ràng hơn. Nhưng như vậy, lời lẽ vẫn nằm trong vòng nghiêm chỉnh. Muốn trào lộng hoá nó thì phải làm sao?

Trong thơ xưa, có thể *tuyệt cú* (4 câu, 7 hoặc 5 chữ), và một câu thơ hoặc một bài thơ hết sức hay cũng được xưng tụng là *tuyệt cú*. Nhà tạo chữ chộp ngay chữ này, và *tuyệt* đôi dài thành *tuyệt cú*.

Thí dụ: Thịt chó mà nấu ngon

đến thế này thì là *tuyệt cú* rồi, chớ còn đòi gì nữa!

Nhưng đã có hai, sao lại chẳng có ba? Bền nghĩ cách đòi thêm nữa. Chim cú có loại *cú mèo*. Nhà tạo chữ bèn câu nó vào, thành *tuyệt cú mèo*.

Nhưng không phải ngôn ngữ lúc nào cũng đòi ra. Có khi nó thun lại. Hay nói đúng hơn, nó dài ra rồi co lại, có khi chỉ còn một chữ, mà không phải là chữ gốc, khiến có người không hiểu. Thí dụ: chữ *thoòng*.

Trước 1975, thỉnh thoảng trong những bài báo sinh dùng tiếng lóng, có xuất hiện chữ này. *Thoòng* có nghĩa là chết.

Thí dụ: - Nó *thoòng* hôm qua, chớ đâu còn sống mà mày tính đến mượn tiền?

- Bây giờ một mình nó làm chủ công ty vì thằng anh nó *thoòng* rồi.

Cứ theo ngữ cảnh (context), người đọc vẫn hiểu được *thoòng* là chết, nhưng cách dùng chữ làm có

người ngơ ngác. Tại sao chết lại gọi là *thoòng*?

Nguyên ủy có lẽ như sau: Để nói lên ý *đã hư nát cả rồi, đã hết sạch rồi, hoặc đã chết rồi*, ta có chữ *tiêu*. Trong chữ Hán, *tiêu* thường đi với *tán* nên trong tiếng Việt, *tiêu* cũng đòi dài thành *tiêu tán*. Tới đây, điều đáng để ý là *tiêu tán* dùng hẹp hơn *tiêu*.

Thí dụ: - Cơ nghiệp của ông ta *tiêu* rồi (dùng cho sự vật).

- Tao tưởng nó *tiêu* trong tai nạn đó rồi (dùng cho người).

- Cơ nghiệp ấy *tiêu tán* rồi (chỉ dùng cho sự vật).

Đường đen đục khuôn được gọi là đường tán. Một cục đường ấy gọi là một *tán đường*. Ráp nối cặp này với cặp trước, người tạo chữ có *tiêu tán đường*. Bộ ba này có thể dùng cho cả người lẫn sự vật.

Nhưng nếu muốn nói tắt? Dùng trở lại chữ *tiêu* thì đúng ý, nhưng có khác nào *mèo lại hoàn mèo*? Mà nếu dùng chữ *đường* thì không đúng ý. Các đại gia tiếng lóng bèn

đọc chữ *đường* theo giọng Quảng Đông thành ra *thoòng*. Ai chê, ai chịu, cứ việc tùy hỉ.

Chúng tôi xin hỏi nhỏ các bạn nam giới một câu, xin đừng để các bà các cô nghe. Các bạn có thấy ngôn ngữ cũng có khi giống chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam không? Khi dài thì cũng thật là dài, khi ngắn thì cũng thật là ngắn.

Cuối cùng, chúng tôi xin nêu một từ, nghe giản dị và dễ hiểu, nhưng phân tích không dễ: *cam go*.

Chắc ai cũng hiểu *cam go* theo nghĩa *đầy khó khăn, đầy thử thách*. Nhưng phải chăng đây là từ kết hợp hai từ *cam khổ* và *gay go*?

- *Cam khổ*: cam là ngọt, khổ là đắng. *Đồng cam cộng khổ* nghĩa là sướng khổ cùng chịu. Riêng trong từ rút gọn *cam khổ*, nghĩa chữ *khổ* trội hẳn. Thí dụ: Lúc sinh thời, ông ấy đã chịu đủ điều cam khổ. Câu này có nghĩa là khi còn sống, ông ấy đã phải chịu nhiều khó khăn, có nghĩa cuộc đời ông ta có khổ mà cũng có sướng. Trong từ *cam khổ*, chữ *cam* thường mất nghĩa.

- *Gay go*: khó khăn. *Gay* là chữ chính, riêng nó cũng có nghĩa là *không dễ, không trơn tru*. *Go* là chữ đệm, không có nghĩa riêng, như chữ *tru* trong cặp *trơn tru*, sẽ trong cặp *suôn sẻ* vậy.

Bây giờ, để kết hợp *gay go* và *cam khổ*, thì ở từ *cam khổ* có thể lấy chữ nào cũng được, nhưng ở từ *gay go* thì nhất thiết phải lấy chữ *gay*, chớ sáo lại dùng chữ *go* là chữ đệm?

Trước khi chấm dứt, chúng tôi xin nêu một nghi vấn.

Có người quả quyết rằng, từ *cam go* nói đây do Tổng thống Ngô Đình Diệm đưa ra đầu tiên trong một bài huấn từ nào đó, trong khi ông còn tại chức.

Hiện nay, chúng tôi không sẵn trong tay bộ *Qui pháp Vựng tập* của thời Đệ Nhất Cộng Hoà nên không biết chắc lời nhận định trên có đúng hay không. Nhưng chúng tôi tra các bộ tự điển chữ Nôm, chữ Việt xuất bản trước 1945, thì quả không thấy chữ ấy. □



Mộng

Ngô Nguyên Dũng



Nhà trọ của Barbara ở phía bắc phố chính, nơi có nhiều dân ngoại quốc cư ngụ. Tôi tới đó vào một trưa nắng ấm. Tuyết chưa tan hẳn, còn bám nhớp nhúa trên vỉa hè, lẹp nhẹp dưới bước chân giày ống. Khu phố này, ít khi tôi lui tới. Nhưng mỗi khi có dịp ghé ngang, lòng tôi lại dấy lên niềm hân hoan kỳ lạ, như thể vừa lạc vào chốn khác, không phải không gian trật tự buồn chán trong những khu vực có đông người bản xứ sinh sống.

Phía dưới, bên phải cổng nhà là một hiệu tạp hoá Thổ-nhĩ-kỳ. Cửa kính bày nhiều loại hàng rẻ tiền. Có máy tính điện tử, đồng hồ treo tường mạ kền, nhiều kiểu dao bấm, thậm Ba-tư, máy phát thanh cầm tay và bệ bộn nhiều thứ khác nữa. Bên trái là tiệm ăn Ý. Tôi dừng lại theo dõi cách làm Pizza của người đầu bếp. Anh ta vốc một khoanh bột vo sẵn cất trong hộc bàn, đặt lên thớt gỗ rắc bột tươi, lấy tay đập bẹp rồi tung lên không. Vừa tung vừa xoay. Chiếc bánh càng lúc càng loe rộng. Bàn tay lăm bột trắng của người đầu bếp quay tròn dẻo quẹo, uyển chuyển như người hát xiệc Trung hoa. Tôi gật gù tán thưởng. Nhưng hấp dẫn tôi nhất vẫn là luồng khói bốc ra từ chiếc lò nướng sạm sù. Mỗi lần anh ta mở nắp lò, dùng bàn xản đẩy vào hoặc xúc ra một chiếc bánh, khói ấm lại thốc ra luồng tuồng, ám mờ lớp kính một đôi mới theo khe cửa hé, trào ra ngoài. Thơm ngát mùi bột nổi hoà với tinh dầu Origano ngọt nồng và hương cà chua dịu dịu. Tôi nao nao nhận ra đó chính là chất sống đa dạng đa sắc mà tôi hằng yêu thích.

Tôi, Nhuận, Marie và cả Barbara thật ra chỉ là những đứa trẻ bị bắt lìa quá sớm khỏi vòng ôm gia đình. Chúng tôi lớn dần, đã bao phen va chạm và vấp ngã trước sỏi đá cuộc đời, nhưng tâm hồn lúc nào cũng hồn nhiên như một tập vở mới. Vẫn còn đó nguyên vẹn trong tôi những kỷ niệm ấu thời. Đôi

khi, như lúc tôi chăm chú theo dõi tài làm bánh của người đầu bếp Ý, hồn tôi lại hoang mang nhớ về một mảnh quá khứ cất vụn từ tấm khăn khổng lồ của một ảo thuật gia. Ông ta phủ khăn lên một chiếc cũi sắt nhốt con cọp trắng, dùng dũa thần gõ vài cái, rồi kéo mạnh. Con cọp biến mất. Giữa lòng cũi rộng thênh chỉ thấy một hạt nút áo xa cừ lấp lánh dưới ánh đèn rọi cực mạnh. Tôi run rẩy thấy lại hạt nút áo đứt rơi trong ổ rơm nhà ngoại sau trò đùa vật với Nghị, người bạn ấu thơ nghèo khó của tôi.

Tại sao trưa nay, trước khi vào nhà trọ của Barbara, dùng chân trước một hiệu ăn bình dân Ý, tôi lại nhớ tới Nghị? Có bao giờ Nghị là bạn thân của tôi? Nghị chỉ là một đứa trẻ nhà quê cặp kè nô giỡn cùng tôi một mùa hè trẻ nhỏ ngẩn ngui, rồi bật tin. Hè năm sau, về lại quê ngoại, biết rằng Nghị đã theo ba má dọn sang làng khác, tôi cảm thấy một nỗi lưu luyến rất người lớn vương mắc trong trái tim nhiều cảm xúc. Và tôi quên đi, thật sự quên đi. Mãi hơn hai mươi năm sau, tại một nơi xa quê nhà bần bật, chợt hồn tôi lao chao quay về. Mảnh khăn thời gian che chiếc cũi tiếm thức vừa mở xoạc, không phải con bạch hổ nghênh ngang hung bạo, mà chỉ là hạt nút áo còn con cất giấu hình ảnh một người bạn quê mùa nghịch ngợm.

Tôi đem theo gương mặt nhiều góc cạnh của Nghị bước lên thang lầu. Màu da mặt nắng của nó lấp đầy thị giác tôi khi tôi mở cửa bước vào phòng trọ của Barbara ở tầng ba. Mùi ẩm gắt bít bùng bên trong không át nổi mùi tóc và da thịt khét nắng của Nghị còn ấm nồng trong khứu giác tôi. Giác quan tôi đồng loạt tê buốt theo hồi ức ào ạt xô về. Tôi tới bên khung kính phòng khách, kéo cần mở chéch cho không khí tươi lành ủa vào. Cửa trông xuống đường phố bên dưới. Tiếng động đầu trưa loáng thoáng như từ cõi xa vọng lại... Tuyết lạnh khiến tôi chạnh nghĩ tới mùa nắng nhiệt đới. Nắng nhảy đùa chơi với

trên sông rạch ngập ngọn phù sa. Nắng tô vàng đồng lúa trổ đồng đồng bụ bẫm. Nắng soi một vệt hoan hỉ trong lấm lúa nhà ngoại nhiều bóng tối, lâu lâu vang lên tiếng chác lưỡi "tắc ke..è" quanh quẽ. Nơi đó là chỗ tôi và Nghị thường vào trốn nắng buổi trưa. Nghị lớn hơn tôi vài tuổi, mép đã lún phún lông tơ. Nó gọi tôi bằng tên, xưng tui. Tôi "mày, tao" với Nghị. Trong vũng sáng hồi ức tôi, chợt bùng lên mãnh liệt hai đốm mắt long lánh của người bạn nhỏ, sáng như cặp mắt thú trong đêm. Và tiếng cười giòn tan như bông lửa reo trong lò đất.

Trưa ấy, sau trò rượt đuổi ngoài vườn cây ăn trái nhà ngoại, thấm mệt, Nghị đề nghị ra mé nương hái nhãn lồng. Tôi hưởng ứng ngay, vì tò mò muốn biết nhãn lồng là loại cây trái gì. Nghị chỉ tôi đám dây bò loăn xoăn trong cỏ, cúi xuống hái một loại trái có lớp vỏ bọc ngoài màu cánh kiến, giúi vào tay tôi, ra lệnh:

- Ăn đi!

Tôi ngần ngừ, trong lúc Nghị đã cúi hái thêm trái khác, bóc vỏ, đưa lên miệng mút mút ngon lành. Tôi bắt chước làm theo. Vị nhãn lồng chua dịu, thơm nhẹ. Tôi thích thú, lục lạo hái bỏ đầy hai túi quần cụt, rủ Nghị đem vô lấm lúa ngồi ăn cho mát. Nghị gật đầu hờn hờ. Nó luôn luôn tán thành mọi ý kiến của tôi, dấu kỳ quái.

Khí mát dễ chịu trong lấm lúa khiến tôi quên đi mùi ẩm mốc khó chịu. Bên phải là vựa lúa xây lổng lẻo bằng một khung tre đan khít. Bên trái là cây rơm, thức ăn dành cho trâu bò vào mùa mưa. Má tôi kể, ngoại là người duy nhất trong làng có nuôi hai con bò. Đất miệt vườn không có nhiều đồng cỏ, hai con bò được thả rong trong vườn trồng cây ăn trái. Bà ngoại nói, nuôi con bò cái để vắt sữa, còn nuôi con bò đực để cho con cái khỏi "một mình". Ngoại không dùng lối nói "cô đơn", "cô độc" hay "lẻ loi", mà dùng chữ "một

mình", nghe thật ngộ. Cả giọng nói và diện mạo của ngoại nữa, gồm một phần thương hại, một phần chia sẻ và nhiều phần vui tươi. Thuở đó, tôi nào hiểu cái tâm trạng "một mình" của con người, nói chi tới chuyện cảm thông nỗi "một mình" của loài cầm thú. Có lẽ bà ngoại là người đầu tiên phác họa trong trí tôi tấm tranh vẽ niềm xúc cảm trùu tượng ấy.

Tuy Nghị lớn hơn tôi ba tuổi, nhưng chỉ cao hơn tôi một chút. Nó trông khỏe mạnh ở màu da rám nắng và vóc dáng cùi cùi săn chắc. Chúng tôi leo lên nóc ổ rơm, dấu dỏ vật. Mỗi lần tôi tưởng mình sắp bị Nghị vật ngã tới nơi thì lực ghì nơi thắt lưng tôi chợt lỏng ra. Tôi thừa cơ siết lấy cổ Nghị. Nó chống trả yếu ớt. Tôi gom hết sức, thắt mạnh, dùng chân ngáng lấy ống quyển Nghị. Cả người Nghị đột ngột mềm nhũn như sợi bún, ngã xuống. Trước khi rơi, tay nó còn bám lấy chéo áo tôi kéo xoạc. Hàng nút áo đứt tung. Tôi hoảng hốt kêu lên:

- Thôi, chết! Đứt hết nút áo tao rồi!

Nghị cũng sợ sệt không kém, mặt thờ thẫn, không thốt ra lời. Tôi ngồi xuống tìm lượm những hạt nút áo đứt rơi. Cả thấy là năm. Tôi và Nghị mò mẫm hoài, chỉ tìm thấy một. Nghị giơ hạt nút áo làm bằng vỏ ốc xa cừ ra vệt nắng soi lặc vào lấm lúa, chặc lưỡi hỏi:

- Có sao không Trung?

- Không biết.

- Có bị má đánh đòn không Trung?

- Cũng không biết nữa.

Tôi ngó xuống thân áo sơ-mi xố toạc hai mảnh, lo âu nghĩ tới ánh mắt nghiêm nghị của cha. Tôi vật người xuống đồng rơm, thở dài rất người lớn.

Nghị vẫn còn sẫm soi ngắm hạt nút áo trong rãnh sáng, nói một câu không ăn nhập vào đâu:

- Hột nút coi ngộ hết sức.

Tôi thở ra:

- Làm bằng vỏ ốc xa cừ đó.

Hai mắt Nghị sáng lên:

- Vậy à?

- Ừ, mày biết ốc xà cừ không?

- Không, tui chỉ mới biết ốc gạo, ốc len, ốc bưu, ốc ngựa, chớ chưa nghe nói tới ốc xà cừ bao giờ.

Tôi khoác lác:

- Xà cừ là một loại ốc biển lớn bằng nắm tay, có con còn toả ánh sáng trong bóng tối, có con chết rồi mà áp vô tai, vẫn còn nghe tiếng gió biển thổi vi vu.

Nghị nghệt mặt ra nhìn tôi. Chúng tôi im lặng đối lâu. Trên mái lá, tiếng một con cóc kêu "tắc... tắc...", dứt khoát rồi rạc như tiếng nuốt. Nghị nằm xuống bên tôi, mềm giọng:

- Tui chưa thấy biển bao giờ.

Tôi ví von:

- Biển là những con sông tụ lại mà thành. Nước sông lạt, nước biển mặn. Vì sao nước biển mặn, không ai biết.

Nghị lại mân mê hạt nút áo trong tay, giọng ngại ngùng:

- Trung... Trung... cho tui hột nút xà cừ này nghen!

Tôi bật ngồi dậy, hỏi:

- Để làm gì?

Nghị bối rối:

- Để... để chơi vậy mà.

Tôi giao hẹn:

- Ừ, tao tặng mày đó, nhưng trưa mai mày nhớ dẫn tao đi hớt cá lia thia, nghe không?

Nghị gật đầu lia lịa. Trong vùng nửa tối nửa sáng, tôi thấy hai mắt Nghị rục lên long lanh như hai hạt nút áo còn nguyên vẹn tấm lòng đại dương mang mang vô tận. Hơi mát trong lấm lúa nhà ngoại hoà cùng tiếng các kè chốc chốc lại vang lên buồn bã là điệu ru êm ả, đưa chúng tôi vào giấc ngủ trưa thơm lành. Lúc tỉnh giấc, tôi nhận ra một chân và cánh tay Nghị quắp lấy đùi và thả rơi trên ngực tôi nóng hực. Vết nắng khi nãy đã dờ chỗ, kẻ lên khuôn mặt Nghị một đường sáng tươm mờ hời. Cõi lòng trẻ thơ tôi băng khuâng không ngờ. Tôi bắt đầu đặt câu hỏi về linh hồn của tinh vật và của tất cả loài thú. Tôi tin rằng có. Tôi tin vào sự xếp đặt của đất trời vô hình. Nếu

không, sao lại có chuyện vào một trưa nắng oi miền quê, một đứa trẻ thành thị nằm ngủ quên trong ổ rơm bên cạnh một đứa trẻ nhà quê? Con cóc kè lúc nãy đã bật tiếng. Bàn tay Nghị vo tròn đặt trên ngực tôi. Tôi biết, trong đó là hạt nút xà cừ độc nhất tìm được trong đồng rơm. Một cảm giác lâng lâng kỳ lạ dâng lên trong tôi. Biển lớn nào vừa dậy sóng, bắt tôi xoe mắt nhìn lên mái nhà xám xỉn chênh vênh, chao mờ trong bóng tối ẩm ướt.

Mùa bãi trường năm sau, tôi lại cùng ba má và anh chị em về quê ngoại nghỉ hè. Tìm tôi thất lạc rồi xa khi hay tin Nghị đã theo gia đình dọn sang làng khác. Lắm lúa nhà ngoại, vào một trưa nắng gắt, bỗng phụt cháy tan hoang. Ngoại đang cho xây lại lấm lúa khác. Cả dịp hè năm đó, tôi buồn rầu vì thiếu bạn và mất chỗ đùa nghịch thân thuộc. Tôi cứ hỏi ngoại, tại sao lại xảy ra hoả hoạn? Ngoại bảo, không biết. Điều "không biết" ấy là đám cháy thứ hai đốt rụi những hoa lá hồn nhiên trong tôi. Thiêu hủy vô tình tiếng các kè náo lòng. Hoả táng cả những hạt nút áo đánh rơi trong ổ rơm còn buốt xót cảm xúc trên thịt da thơ ấu.

Tôi rời chỗ đứng cạnh cửa sổ, vào nhà bếp, mở tủ lạnh xem xét. Loại thức ăn nào đã quá hạn, tôi ném vào thùng rác. Chai sữa tươi chưa mở, hạn phẩm chất còn hai ngày. Tôi ngó lên kệ, tình cờ thấy hộp ca-cao. Tôi rót sữa ra tô, cho vào máy vi ba. Tiếng máy hoạt động lè xè như truyền vào căn bếp đang hôn mê những giọt máu hồi sinh. Tôi chấm bánh mì khoanh với sữa ca-cao, ngồi ăn bên chiếc bàn con cạnh khung cửa nhìn xuống sân nhà sau. Tôi thấy những hàng dây phơi áo no nắng lập đông. Đâu đây vẳng lại tiếng bò câu cóc rúc đòi tình. Thỉnh thoảng vài cánh qua than lượn vài vòng trên không rồi đáp xuống mái nhà bên kia. Một đợt tuyết mỏng tung lên. Không gian cửa mình hoảng hốt giãy lất rồi đột ngột chìm vào tĩnh lặng xé

trưa.

Phòng ngủ của Barbara tối mịt. Tôi kéo màn cho ánh sáng tuôn vào. Tôi đứng giữa luồng nắng vấy bụi, thấy lại nét mặt mời gọi rã rượi của người đàn bà trẻ. Căn phòng ngậm đầy mùi hương đầm đầm nữ tính. Bàn điểm trang con đặt trước tấm gương ba cánh kê bên giường ngủ. Nệm giường trái phảng phiu khăn lụa màu râu bắp. Tôi lấy tay ấn thử. Cảm giác mềm mại quyến rũ, nhưng lạnh. Bây giờ tôi mới nhận ra hơi giá buốt trong căn nhà đã lâu không mở lò sưởi. Tôi co ro ngồi xuống mép giường. Tự dưng tôi nhớ nhà quá đỗi. Đoạn hồi tưởng mới này còn nhen lửa nóng, khiến tôi bần thần như choáng hơi men. Tôi tháo giày, cong lưng ngả xuống mặt nệm, tưởng tượng đó là ổ rơm nhà ngoại ngày xưa. Với vuông ngực trần niên thiếu. Với nắng hè leo lẻo. Với tiếng chim ốc cao, chằng nghịch kêu rới bên kia lạch. Và với Nghị. Không biết giờ này Nghị ở đâu và đang làm gì bên đó? Chắc hẳn Nghị đã lấy vợ, có con. Có khi nào Nghị chạnh nhớ tới người bạn nhỏ kiêu kỳ năm xưa?... Tôi thiếp vào giấc ngủ ngày dịu dàng mùi kẹo chanh thời niên thiếu.

*

* *

Tiếng cửa đóng sập lay tôi tỉnh giấc. Nắng đã nhạt bên ngoài ô kính. Tôi ngỡ mình nghe lầm. Nhưng không, tiếp theo là tiếng chân người lệt xệt giẫm trên sàn nhà lót thảm. Tôi bật ngồi dậy, hoang mang chờ đợi, hai mắt mở lớn nhìn ra cánh cửa khép hờ. Một bóng xám án lấp khe sáng nghiêng. Khung cửa từ từ lay động. Tôi há miệng tỉnh khẩu, không tin vào mắt mình. Barbara. Người đàn bà trẻ trở về bất ngờ như một hồn ma. Tấm thân mảnh khảnh mặc gọn bộ áo chên ngắn trên đầu gối. Cặp chân dài mang vớ lưới đen tuyền. Màu mặt xanh như lá. Hai vòm mắt tó đen. Đôi môi màu dâu chín.

Barbara nhìn mà dường như không thấy tôi. Nàng thần nhiên

bước vào phòng, khép cửa, lặng lẽ cởi giày, rồi tới ngồi xuống cạnh bàn điểm trang. Trước tiên Barbara tháo đôi bông tai, cẩn thận cất vào hộp con. Sau đó nàng thoa thuốc tẩy lên mặt, xoa đều, rút giấy lụa chặm rãi lau sạch dấu phấn son.

Tôi trở người theo dõi từng cử chỉ nàng. Tim tôi như ngừng đập. Tôi không dám thở mạnh, sợ đẩy động bầu không khí mê đắm cổ kính toát ra từ mỗi động tác của người đàn bà. Toàn thân tôi hoá thạch nặng nề. Thần trí tôi mê muội chơi vơi giữa hư tưởng và thực tại, lăm lăm như đứa trẻ đã có lần nghĩ ra cảnh đại dương ngút ngàn trong hạt nút áo tí hon.

Barbara xô ghế đứng dậy, thông thả kéo phéc-mơ-tuya, tụt áo xuống chân. Thân thể nàng gọn gàng trắng muốt như một búp linh lan. Hai vòm ngực phơi phới sức sống. Thắt lưng thon trên gò mông vun đầy gợi cảm. Xong, Barbara tới mở tủ, lấy áo choàng khoác lên người, cột lại dây lưng. Tôi nín thở nhìn theo cánh tay nàng mở khoá học bàn điểm trang, lấy ra một quyển sổ con. Nàng không mở đọc hay ghi thêm điều chi, chỉ đặt lên bàn như sợ quên, như nhẩn nhủ. Rồi nàng bước lại giường... Cả người tôi vã mồ hôi đầm đìa. Tôi tưởng Barbara sẽ hoảng hốt kêu lên khi thấy tôi nằm đó. Nhưng không, nàng thản nhiên kéo một góc chăn, chuôi vào. Khi tay tôi chạm vào thịt da nàng, tôi vội vàng thu lại. Barbara chỉ là một tảng băng lạnh, lạnh đến rất da...

Lúc ấy tôi mới thật sự thức giấc. Màu chiều xám phủ đầy căn phòng còn ảm ảo mộng. Tôi lau mồ hôi rịn trên trán, ngó quanh quất, cảm thấy sợ sệt vu vơ, vì giấc chiêm bao còn tươi như con cá mắc lưới, giẫy giụa tuyệt vọng.

Tôi lồm cồm ngồi dậy, bước xuống giường, mang giày tới bật công-tắc đèn. Tôi bụm miệng ngăn lại tiếng kêu kinh ngạc khi thấy trên mặt bàn điểm trang cuốn sổ tay nằm sờ sờ đó, nửa như thách thức nửa như trêu ghẹo. Tôi hấp tấp

đời phụ ta rồi em nữa sao?

Đời phụ ta rồi em nữa sao?

Vết thương này nữa nhói cơn đau
Dò sông, dò biển chừng như dễ
Đâu biết lòng em cũng thắm sâu!

Ngai đó trong tim chừ bỏ trống
Tuồng em ngự trị đến trăm năm
Ta ôm giấc ngủ bao nhiêu mộng
Tình giấc mình ta, giận gối chăn
Ta biết đời ta tẻ đã lâu

Từ khi ta lỡ nhảy lên tàu
Quê hương đồng đội đều quay mặt
Chẳng phải vì em mới bể dâu!

Trong tim réo rắt tiếng đàn cầm
Năm tháng trong ta cứ bạc dần
Tổ quốc trên lưng càng nặng trĩu
Trong chân mảnh đạn nhức vô ngần

Cái tuổi thanh xuân lắm bất bình
Không hèn mà mang tiếng đào binh
Bàng môn tả đạn đeo vây hãm
Nghĩ lại đường gươm hận chính mình.

trần ngân tiêu



tắt đèn, mặc áo khoác, xô cửa chạy xuống thang lầu chệnh vênh màu chiều.

Về tới nhà, tôi nhận được tin Barbara vừa qua đời xế trưa này. Tôi không còn tin ở ngũ quan mình nữa, đứng tựa vào tường nhà, run rẩy. Tôi mừng tượng thấy ra nơi góc nhà, gần chân cầu thang, hồn ma con bé tóc vàng ngồi ôm con búp-bê lấm lem bẩn thỉu, hai cặp mắt trắng nhợt nhác nhìn tôi như hai hạt nút áo đánh rơi năm nào.

*

* *

"...Tôi vẫn đi tìm đó chứ, từ thuở còn thanh xuân cho đến bây giờ, nửa đời đã trôi qua. Tìm cái gì, tôi không rõ, chỉ biết rằng tôi chưa gặp. Cuộc hôn nhân đầu tiên với T. chỉ là sự gán bó bằng bột. Chúng tôi còn quá trẻ. Tôi chưa ý thức được bốn phận làm vợ. T. chưa đóng giới vai trò một người chồng. Mang thai lần đầu tiên, tôi

không giữ được. Tôi qui mọi tội lỗi cho T. Nếu đêm ấy T. đừng uống rượu, đừng gây sự cãi vã và đừng đẩy tôi ngã chúi vào cạnh bàn, có lẽ đời sống tôi đã đổi khác. Tôi không bao giờ tha thứ T. về chuyện bạo hành gớm ghiếc đó. Tôi có ý trừng phạt T. bằng sự im lặng. Nhưng chỉ sau vài ngày, tôi lỡ mờ hiểu rằng mọi chuyện đều vô nghĩa. T., tôi và đứa trẻ chết non trong bụng đều vô tội. Có lỗi chẳng là sự ngẫu nhiên đã khiến tôi gặp T., yêu T. và nông nổi nhận T. làm chồng. Tôi tỏ bày với T. những suy nghĩ này, chàng tỏ vẻ không hiểu. Tôi càng giải thích, T. càng ngờ nghệch, còn có ý bảo tôi bị chứng suy nhược thần kinh. Từ giây phút ấy tôi biết mình lằm to vì đã nhận lời làm vợ T. vì T. chưa hề hiểu tôi, chưa hề chia sẻ cùng tôi bất kỳ vấn đề nào. Chàng chỉ có một khuôn mặt ưa nhìn, một thân thể bắt mắt và sức làm tình dẻo dai cuồng

nhiet. Tôi đã lẫn lộn, không tách biệt được cái đẹp thân xác với cái đẹp tâm hồn. Tôi đã để lý trí nô lệ, tuân phục nhục cảm mình, mù quáng tới độ không thấy ra bản tính tâm thường của T. Chưa lần nào T. nhắc tới chuyện về thăm thân nhân. Chưa lần nào T. bỏ công sửa soạn một bữa điểm tâm mang vào phòng ngủ để làm vui lòng tôi. Và quan trọng nhất, sau lần hư thai, chưa lần nào T. tỏ ra hối tiếc. Tôi có thể tha thứ T. mọi chuyện, nhưng chuyện này thì không. Hình ảnh T. khởi sự mờ nhạt trong tôi. Tự dưng tôi thấy khuôn mặt chàng không còn quyến rũ, thân thể chàng không còn lôi cuốn nữa. Từ tính chàng càng lúc càng yếu dần để rồi cuối cùng hoàn toàn mất hẳn hấp lực. Chúng tôi ly dị nhau vào tháng mười. Hôm ấy mưa rơi lất phất. Trọn đêm trước tôi không ngủ được. Sáng dậy, tôi trang điểm thật đậm để che giấu hai quầng mắt thâm và thân sắc bạc nhược trên mặt mình. Điều khiến tôi khổ sở không ít là trước đó, tuy chúng tôi đã ly thân, nhưng lâu lâu T. lại gọi điện thoại xin tới thăm tôi. Mỗi lần như vậy tôi lại mất ngủ vì bận tâm. T. nài nỉ, xin tôi trở lại sống chung với chàng. T. sử dụng mọi thủ đoạn để thuyết phục tôi. Chàng vuốt ve tự ái tôi chưa đủ, còn cố tình khơi dậy dục cảm tôi bằng những món trớn lợi lả. T. làm. Điều này càng chứng tỏ rằng T. chẳng hiểu chút nào tâm tính tôi. Dù vậy tôi vẫn không bao giờ quên được ngày mưa tháng mười năm ấy. Sau khi ký tên vào tờ giấy ly hôn, trước khi từ biệt nhau, T. đưa tay cho tôi

bắt. Tôi nhận ra màu xanh nâu nùng trong ánh mắt chàng. T. kéo tôi vào lòng, siết chặt lần cuối. Tự dưng, không hiểu tại sao, nước mắt tôi ứa ra đầy khoé. Từ khoảnh khắc ấy, tôi biết rằng dù gì chăng nữa T. vẫn để lại trong tôi một vết cháy..."

"...Tôi quen M. trong một buổi hội thảo của giới trí thức tả khuynh. Họ kết án Hoa kỳ đã tham dự vào cuộc chiến Việt Nam. Họ phản đối chuyện tổng thống Nixon ra lệnh dội bom Bắc Việt. Họ cổ động giới trẻ biểu tình hoan hô các lãnh tụ cộng sản, đả đảo chính sách bành trướng đế quốc của Hoa kỳ, đòi Hoa kỳ ngưng tiếp viện Nam Việt. Tất cả đều nức lòng chống chiến tranh, cổ vũ chuyện khai phóng tình dục. M. là một trong những người trong ban tổ chức. Chàng tranh luận gãy gọn, đối đáp nhanh nhẹn và tỏ vẻ rành rẽ các kế hoạch quân sự của Ngũ giác đài trong vấn đề chiến tranh Việt Nam. Sau buổi họp, thấy tôi đứng tần ngần chờ xe buýt, chàng đề nghị chở tôi về. Chúng tôi quen nhau từ đó. M. là đối cực với T. Gương mặt M. không ưa nhìn, thân hình M. không nở nang săn chắc, nhưng tia nhìn chàng sau lớp kính cận toát ra một sức tự tin, nửa cương nghị nửa mời gọi cảm tính. Tóc M. dài chạm vai, có vẻ như ít chăm sóc. M. để râu quai hàm, áo quần loàng xoàng, trông khác thường như chỗ trọ của chàng. Nhà trọ M. có hai phòng nằm dưới mái nhà, đồ đạc bày biện ngổn ngang như một hiệu tạp hoá. M. bảo, đời sống chàng là một chuỗi thời gian tạm.

Tôi rơi vào cõi không gian và thời gian không bền của M. với nhiều khám phá. Mọi sự điều mới lạ. Dấu hiệu "make love, not war" to tướng dán trong phòng ngủ. Tranh hoa văn đông phương, gỗ khắc Phi châu, những món cổ ngoạn Nam Mỹ và vô số cây kiểng bày trên bệ cửa sổ, trong góc nhà khiến tôi hoa mắt, tưởng mình là con bé Alice lạc chân vào thế giới kỳ quan. M. mở ra những cánh cửa đón tôi vào. Chuyện trao đổi dục cảm với M. là một ân sủng. Chàng soi vào góc tối bản năng tôi những tia sáng ấm áp nhất, dịu dàng nhất. Khi gần gũi M., tôi cảm nhận rằng M. không những là một người tình mà còn là một người anh, người cha đang khơi quật trong tôi vô số cảm xúc tuyệt vời. Tôi còn bắt chước M., tập hút cần sa để trợ dục cảm. Những lúc kẻ cận M., tôi quên mất chính mình, chỉ còn thấy M. sáng ngời như một sứ giả trời ban xuống. Tôi học được ở M. nhiều lãnh vực khác như triết học, tôn giáo, văn chương, âm nhạc, và nhất là chính trị. Đối với M., chế độ tư bản chính là nguyên nhân gây ra mọi nhiễu sự. Chàng lên án thế giới tự do, gọi các lãnh tụ tư bản là những tên đồ tể của chính sách thực dân mới, những thể chế dân chủ là các lò sát sinh nhân tính. Lúc ấy tôi chưa thấy mặt trái của ngôn ngữ chàng. Tôi bị vẻ hào nhoáng trí thức thời thượng làm hoa mắt. Quan niệm tưởng như khoáng đại tuyệt đối của M. đã che mờ ý thức tôi. Cho tới một hôm, tình cờ tôi xem được cảnh quân đội giải phóng Nam Việt sát hại dã man dân lành vô tội trong cuộc tổng công kích đầu năm mới. Trước đó M. hằng say kết tội thảm trạng tại Mỹ Lai bao nhiêu, thì lần này chàng đứng đưng bấy nhiêu. Tôi hỏi tại sao, M. đáp gọn, biết đâu chừng đó chỉ là mảnh khoé tuyên truyền của đế quốc Hoa kỳ. Tôi ngỡ ngàng, sau đó nghĩ lại, cảm thấy thất vọng vô cùng. Thì ra tất cả chỉ là trò đùa bịp lớn. Lúc nào tôi cũng là đứa trẻ bị cái đẹp đánh lừa. T. là vẻ đẹp bên ngoài,

nụ hôn

Thở vào nhau nổi tàn phai
Trán em thấp thoáng có vài nếp nhăn
Bờ môi lạnh ngắt ái ân
Tình không đủ ấm cõi trăm năm buồn.

đông vũ



M. là vẻ đẹp bên trong. Điều làm tôi chưa xót nhất là mọi nhân sinh quan của M. chỉ có một nửa giá trị. Quan niệm chàng chống chênh tênh tạt, đáng thương như những nạn nhân vô can trong vụ tàn sát tập thể ở Huế hay ở Mỹ Lai. Tại một xứ sở yên lành, M. cùng các bạn cùng chí hướng lớn tiếng phản đối một phe, và im lặng cho phép một phe thẳng tay sát hại người vô tội.

"Một lần, tôi đặt vấn đề tranh luận với M. Chàng to tiếng bảo tôi bảo thủ, tư tưởng còn ấu trĩ, không bắt kịp trào lưu tiến hoá của nhân loại. Tôi bắt đầu ghê tởm cách sử dụng ngôn ngữ của M. Con bé Alice ngâm thơ vừa nhận ra trong thế giới huyền diệu đẹp đẽ kia còn có thêm những mặt nạ trá hình. Từ khi thấy rõ cá tính tạt nguyên của M., sợi dây liên lạc giữa hai chúng tôi càng ngày càng lỏng lẻo. Cho tới một lúc, tôi quyết định cắt đứt mọi liên hệ xác thịt với M., chỉ xem chàng như một người bạn tốt. Dù sao tôi cũng cảm ơn M. Nhờ chàng mà tôi biết được những bản ngã phức tạp của con người qua quan niệm của Freud. Tôi còn biết thêm triết lý sâu sắc của Phật giáo trong cuộc hành trình ngược vào nội tâm, để rồi ngờ ngợ hiểu rằng, mỗi linh hồn người có thể được ví như một chấm sao chớp tắt trong vũ trụ vô biên. Tôi bàng hoàng chiêm nghiệm lại sinh mệnh mình. Tôi đặt ra những nghi vấn, mình là ai, từ đâu tới, sẽ về nơi nào?

"Cuộc hạnh ngộ với bà L. đã giúp tôi giải toả phần nào những hoài nghi này. Bà L. nghiên cứu nhiều về khoa chiêm tinh và các khoa học đông phương huyền bí khác. Không biết có phải nhờ bà L. soi lối hay không, mà đôi lúc tôi cảm nhận rõ ràng mục đích đời sống mình. Và tôi khởi công đi tìm. Tôi lao vào trò chơi sắc dục làm phương tiện như giống thú tới mùa tình yêu, nó nức tìm cách thoả mãn khát vọng thân xác. Tôi là người đàn bà da đỏ mê cuồng đuổi theo những con bướm ngồn ngộn phấn sắc. Tôi bám theo chơi với, nhắm

mắt phục tùng cảm tính..."

"...Từ dạo chung sống với T., tôi đã trở lại với âm nhạc. T. đã dẫn tôi bước vào thế giới nhạc cổ điển. Sau này quen M., tôi còn làm quen với loại nhạc thính phòng. Tôi học thêm Anh và Pháp ngữ, tập luyện thêm năng khiếu đàn dương cầm mà tôi bắt đầu học từ năm sáu tuổi. Mỗi lần ngồi bên phím đàn, tay sửa soạn nhấn phím là tôi thấy lại trong trí những khuôn mặt đàn ông đồng hành với tôi những đoạn đời ngắn, dài. Nhưng sắc nét nhất vẫn là khuôn mặt cha tôi và mùi thuốc vớ thơm lừng mỗi lần ông tới gần. Ông hay để tôi nhồi thuốc vào ống điếu. Rồi ông đặt tôi lên đùi rung nhẹ, một tay giữ vai tôi, tay kia bật lửa mời thuốc. Cha là người thứ nhất khuyến khích tôi học đàn. Một sáng chủ nhật, sau lễ nhà thờ, trong khi cha mẹ tôi còn mãi mê chuyện trò với vị mục sư giáo xứ thì tôi lò dò trèo lên ghế con kê cạnh cánh dương cầm đặt bên trái điện thờ, loay hoay mở nắp và say sưa nhấn phím. Mẹ tôi xanh mặt, chạy lại phát vào mông tôi mấy cái vỗ tội vô lễ. Cha tôi bế tôi lên, vỗ về. Vị mục sư dễ tính, nựng má tôi, bảo: 'Con bé xem chừng yêu âm nhạc.' Tôi gục mặt vào vai cha, cảm thấy an lành trong hương thuốc vớ toả thoang thoang. Sau đó tôi được học đàn. Mỗi năm tới mùa Giáng Sinh, vào đêm thánh, tôi lại đệm cho anh Horst hát bài 'Đêm an lành'. Rồi tôi đàn những đoản khúc vui cho cha mẹ khiêu vũ. Rồi cha tôi đàn một bài luân vũ cho anh Horst và tôi xoay tròn. Khi anh Horst vỡ tiếng, những mùa Giáng Sinh chỉ còn lại tiếng đàn tôi lẻ loi tấu nhịp. Năm cha tôi qua đời vì ung thư phổi, một khoảng thời gian sau anh Horst rời gia đình sang Mỹ châu sinh sống, tôi không còn thiết tha với âm nhạc nữa. Cây đàn dương cầm nằm cô đơn nơi góc phòng khách, vẫn được mẹ tôi lau chùi bóng loáng, nhưng những phím nhạc đã quắt queo sai nhịp.

"Từ ngày về chung sống với T., tôi mới dò dẫm tìm lại kỷ niệm. T.

có một sở thích tương đối lạ, chàng chỉ nghe nhạc cổ điển. Tôi yêu nhiều loại nhạc. Đối với tôi, âm nhạc là một cánh đồng hoa, mỗi loài có một hương sắc riêng, vì vậy khi quen và yêu M., tôi chấp nhận khuynh hướng âm nhạc của chàng một cách dễ dàng. M. lại biết gảy tây ban cầm. Tôi tập hát từ đấy. Một hôm tôi được người bạn giới thiệu vào giúp vui trong quán rượu tầng thứ ba mươi bảy. Nơi ấy, tôi vẫn thường ghé lại sau những cuộc vui khuya. Địa điểm đẹp, không khí ấm áp, ẩm khách trẻ trung phóng khoáng. Người phụ diễn trước tôi là một nam thanh niên có giọng ca ấm như men rượu lúa mạch. Anh ca nhiều loại nhạc bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Nhưng truyền cảm nhất là những ca khúc thính phòng bằng tiếng Pháp. 'Ne me quitte pas' và 'Merci, chérie': 'Les feuilles mortes' và 'Non, je ne regrette rien'. Lần đầu tiên tôi nghe một giọng nam hát 'Non, je ne regrette rien'. Thật lạ, thật gợi cảm ở cách chuyển âm bằng tiếng nấc. Nghe như luyến tiếc, mà lại dứt khoát như một bút lửa. Tôi mến chàng ca sĩ 'không hối tiếc điều chi' từ đấy. Đúng hơn, tôi yêu giọng ca chứ không phải con người. J.H trở chuyện rất vụng về, cứ chỉ lúng túng, mắt ít khi nhìn thẳng người đối diện. Dù anh có gương mặt khôi ngô và hai bàn tay bút tháp hoa dạng, tôi vẫn không cảm thấy xúc động khi nghe anh tỏ lời tán tỉnh. Tôi chỉ đắm say một J.H. khi ngồi bên phím đàn, trong vũng đèn hình quầng sáng rực, khi một J.H. ngẩng mặt đắm mê cất giọng. Khi đó anh hoá thành một người hoàn toàn khác. Những ngón tay không còn thừa thãi vương vís rút ra dút vào túi quần mà nhấn rải nháy nhót trên những phím âm thanh. Tia mắt không còn ngượng ngập luống cuống mà đắm đuối thán hoá như cặp đồng tử mẫn xạ uốn éo theo tiếng tiêu mê hoặc. Nghe anh hát, tôi chơi với tưởng tượng mình đang giao hoan cùng âm nhạc, thấy ra tiếng hát anh tràn

trường ghì lấy tâm hồn tôi mềm mại dâng hiến. Với một giọng hát như thế, tôi không lấy gì làm lạ, khi J.H. báo tin sẽ thôi việc tại đây để cộng tác dài hạn với một quán nhạc nổi tiếng trong thành phố.

Trong khoảng thời gian đàn ca phụ diễn tại đây, tôi kết thân với M., một cô hầu bàn trẻ tuổi dễ mến. Chỉ qua vài lần chuyện trò, tôi cảm nhận ra điều lạ lùng, rằng M. chính là người bạn mà tôi tìm kiếm bấy lâu nay. Không những chúng tôi hợp nhau ở quan niệm sống phóng khoáng, mà còn gần gũi nhau ở tính miễn cảm với ngoại giới vô hình. Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa, khi biết rằng M. đang sống chung với T. và N., hai người đàn ông Á đông. Đã có lần M. bảo, cuộc sống của cô coi như đã yên. Những nỗ lực truy tìm của tuổi trẻ đã ngưng lắng. Những ngày hè da đỏ ngẩn ngui không còn gọi thức những khao khát không tên. Tâm tư của M. làm tôi ngẩn ngơ tự hỏi, còn tôi?..."

"...Khuôn mặt T. nhu mì quá. Tôi thường để ý quan sát cách nhìn, và nhất là hai bàn tay của một người đàn ông. Tia mắt T. thường bàn thần xa vắng. Đôi bàn tay anh mảnh khảnh, trắng xanh. Tôi không lấy gì làm lạ khi T. thổ lộ rằng, anh đang tập tễnh viết văn.

T. nói ít. Cứ chỉ anh đôi lúc trông lúng túng ngờ nghệch như của một đứa trẻ. T. cho rằng anh chưa sống qua thời tuổi trẻ, vì vừa chớm lớn đã là gia đình sang sinh sống tại một chốn phong thổ hoàn toàn xa lạ. Chồi cây ấu thơ trong anh không trở thêm hoa lá sum sê, mà vẫn giữ lại màu xanh bầm giập trong băng lạnh lưu vong. Tâm sự của T. làm tôi xúc động. Tôi chạnh nghĩ tới bản thân và thăm so sánh T. với những nhân dáng trong vọng tưởng mình. T. có những điểm dị cũng như đồng dạng với chân dung đàn ông mà tôi thường phác họa sau nhiều lần tĩnh tâm theo lời chỉ dẫn của bà L. Cũng màu tóc và màu mắt sẫm. Cũng vóc người vừa tầm. Cũng cái thần sắc mê đắm tuyệt đối khi nhắc tới các bộ môn mỹ thuật. Và nét trẻ con bơ vơ ẩn trong cử chỉ anh. Anh gọi trong trí tôi hình ảnh loài ó biển. Trên không, trong im lặng phẳng lì, con ó biển chuyển động nhịp nhàng. Hai cánh soãi rộng lướt phẳng trong không gian bất tiếng. Cặp mắt sáng quắc quét tìm mồi dưới mặt biển yên sóng. T. nào biết, đôi khi tôi muốn làm con cá ngờ nghệch ấy..."

Đọc tới đây, tôi cảm động ngẩng đầu trông ra màu nắng xanh

biếc bên ngoài. Tôi đặt úp quyển nhật ký của Barbara lên đùi, ngẩng mặt lăm lăm ngược nhìn vô định.

Sau khi hoàn tất chuyện hoá táng Barbara; tôi, Nhuận và Marie cho đăng một mẫu rao vặt bán đồ đặc trong nhà nàg. Nhuận và Marie không giữ lại thứ gì, ngoài mấy chậu cây cảnh. Tôi chỉ lấy bức tượng Phật Di Lạc bằng đồng đen về làm kỷ niệm, và cuốn nhật ký nằm trên mặt bàn điểm trang trong phòng ngủ. Vẫn chỗ đó.

Một trưa nắng đẹp, tôi bắc ghế ngồi trong vũng sáng soi vào phòng khách, đem tập nhật ký ra đọc. Tôi thấy lại khuôn mặt Barbara ẩn hiện giữa những trang chữ chỉ chít uyển chuyển. Hương nước hoa Chanel ngọt dịu, tiếng bày chim rủ nhau tới sẫm soi trong chén nước cuộn cuộn mây trời một xế trưa nào trong trẻo trở về. Mái đầu đàn bà tóc xoã phơi trên mặt gối trắng tinh. Nụ cười bãi hoải trên gương mặt mát máu. Barbara, Barbara, tôi kêu thầm... Tôi không có ý định đem quăng đời ngẩn ngui nhiều thăng trầm của Barbara vào văn chương. Chữ nghĩa tôi không đủ rộng để chứa sức tàn phá không thương xót của định mệnh nàg. Và nghĩ lại, chuyện văn chương đối với tôi chỉ là những mưa đông trái mùa, tới rồi đi, chỉ lưu lại những gầy đổ chán chường. Sau này, biết có ai ngời xuống lật lại những dòng chữ mùa nước lớn mà thương cảm?

Tôi chỉ thắc mắc tại sao Barbara không nhắc tới đứa con trong bụng và người đã tạo ra nó. Vì quá hoang đường nên không biết hay nàg cố tình muốn quên? Có những điều luôn luôn được giấu kín, nhưng từ đây về sau, mỗi khi nhìn một luồng nắng đi lạc tôi sẽ nhớ lại trưa hôm nào ngủ quên trong nhà trọ Barbara, tôi đã mộng mị quàng xiên, thấy nàg trở về nằm xuống cạnh tôi; bóng nàg và bóng Nghị năm xưa run rẩy cuộn vào nhau thành một khối hoá ngọc rạng rỡ trong tâm tưởng tôi. □

nụ cười đem tặng

Từ xưa, dâu nghĩ có hôm nay
Bỏ nước ra đi sống những ngày,
Tìm giấu quê nhà, mờ ánh mắt
Dò phương trời cũ, huyệt tâm tay
Lại còn năm tháng nhàu thương nhớ
Rời cũng gạo tiền, độn đắng cay
Sót lại nụ cười hồi mới đến
Cắt làm đôi mảnh tặng nhau đây!

thanh hữu huyền



Có lẽ tôi sẽ không bao giờ biết được điều đó, nếu như không mượn cuốn tập của Như. Điều đã làm cho tôi ngạc nhiên và thức trắng đêm. Ngày thi gần kề, bài vở chồng chất lên, kín cả mặt bàn mà tôi chưa “ngón” được chữ nào. Tại sao chuyện như vậy lại có thể xảy ra trong gia đình chúng tôi? Tôi không biết, cũng không dám tin. Nếu như không có lá thư nằm vô tình trong tập vở của Như, thì tất cả vẫn còn y như cũ. Tôi và Như vẫn là bạn thân của nhau; và điều đau đớn nhất cho tôi là chị tôi, người tôi kính mến nhất nhà, nay tình cảm đó đã lung lay.

Chị tôi, người ta nói, “hồng nhan đa truân”. Có đúng không? Sau lần trả lễ đính hôn lại cho anh Bằng, hình như chị bị trắc trở trên đường tình duyên rất nhiều. Với anh Hào rồi cũng chết trận; anh Linh cũng bỏ chị, đám cưới với một người con gái khác. Chị u sầu, ủ ẻ.

Chuỗi ngày dài đưa đám những cuộc tình của chị ảm đạm như mùa Đông xứ Huế, rồi cũng qua. Chị trỗi dậy, như cành non đầu xuân, vươn lên, tươi mạnh. Ai cũng ngạc nhiên, mừng giùm cho chị đã quên đi những ngày tăm tối cũ. Ra đường chị bất chấp những lời dị

ngộ lúc trước. Chị ngẩng mặt nhìn đời, bước tới. Không còn ủ dột che nón giữa đám đông. Như con nhộng lột xác, chị trở thành con bướm rực rỡ hơn lúc nào. Chị tôi là hình ảnh tôi tôn ngưỡng. Chị một tay nuôi anh em chúng tôi. Từ ngày ba chúng tôi qua đời. Mẹ tôi hình như thần vía đều đi theo ba tôi, người chỉ lên chùa tụng niệm, lặng lẽ như một chiếc bóng.

Sau khi tốt nghiệp, chị tôi xin được ở lại dạy học tại một trường công lập

trong thành phố. Thành phố mà mẹ con chúng tôi sống hiu quạnh sau ngày ba tôi bị Việt cộng chôn sống. Cuộc sống trong gia đình chúng tôi nhờ vào đồng lương dạy học của chị. Không nói ra chắc ai cũng biết là rất chật vật. Trải qua những cuộc tình không may, chị tôi đã thề ở vậy nuôi gia đình. Nhưng bây giờ? Hết rồi. Người chị cũng là người thầy, người cha của tôi lại có một lá thư tình. Lá thư viết dở bằng nét



Nếu Như

Đừng

Đối-Diện

Việt Phương

bút học trò của Nhự. Thằng khốn nạn, đã lợi dụng tôi đến học bài chung với một âm mưu khác. Nhự bằng tuổi tôi trên mặt giấy tờ nhưng thực tế thì Nhự lớn hơn tôi hai tuổi. Tôi nghĩ đó cũng là một cách để trốn quân dịch. Nhự có vẻ lớn hơn số tuổi thật của Nhự, vì Nhự trông già dặn và hiểu biết hơn tôi nhiều. Tôi và Nhự thường trao đổi bài vở lẫn nhau, nhưng đa số thì tôi hỏi Nhự nhiều hơn những bài vở không theo kịp ở lớp. Nhự nổi tiếng trong trường nhờ học giỏi, lại có nhiều tài vật như làm thơ, hát hay và giỏi đóng kịch...

Hôm sau, tôi trả lại cuốn tập với lá thư vẫn còn gấp sẵn trong đó cho Nhự. Tôi không nói năng gì hết và quay lưng. Từ đó, tôi và Nhự giận nhau. Thật ra, tôi giận Nhự thì đúng hơn. Tôi không cho Nhự tìm cách để gần tôi nữa. Và tôi cũng giận luôn chị tôi. Đến giờ chị tôi dạy, tôi vào lớp, ứa gan nhìn hai người thỉnh thoảng liếc mắt đưa tình với nhau. Tôi ghét chị tôi lắm và bỏ giờ học của chị tôi sau đó.

Đến tuần lễ thứ hai. Chị tôi trở về kêu tôi ra vườn nói chuyện. Tôi giận dữ, vùng vằng bước theo chị. Ra tới chiếc xích đu được máng dưới tàn cây ổi, chị ngồi xuống và nhường một khoảng trống ra đầu cho tôi ngồi cạnh. Hai chị em mỗi người nhìn một hướng. Tôi lơ đãng nhìn con chim sâu đang chuyền cành trên cây hạnh đào. Chị tôi dang háng vài cái, thói quen này tôi đã thấy từ chị mỗi khi đứng trước đám học sinh, sắp sửa tuyên bố một lời gì đó.

- Em giận chị điều gì phải không?

Tôi im lặng. Chị tiếp:

- Chị biết em giận chị. Em cứ nói ra đi, đừng để trong bụng, chị em mình thôi mà.

Tôi giận dữ nhặt viên sỏi ném vào con chim sâu. Chú chim giật mình hốt hoảng vụt cánh bay mất. Giọng chị tôi vẫn mềm mại bên cạnh:

- Em giận chị về chuyện của Nhự?

Tôi xoay người lại, trừng mắt nhìn chị, nói cho hả cơn giận kéo dài mấy tuần lễ nay:

- Chị biết rồi mà còn hỏi chị nữa? Chị biết là chị đang làm cái gì không? Em thật không hiểu chị. Chị đẹp như vậy, lại học giỏi. Mới ra trường thôi, chị đã được dạy đệ nhị cấp rồi. Chị có thiếu chi cơ hội? Tại sao chị lại đâm đầu vô ngõ cụt như thế? Nhự là bạn em mà, nó là học trò của chị đó. Trong trường người ta đồn thầy Thanh theo chị, sao chị không chấp nhận thầy? Ông đâu có thua chị thằng Nhự? Chị biết chuyện này đổ bể ra, chị không thể nào sống yên được đâu! Lúc xưa chị là hoa khôi của Đại học Sư phạm, chị trả lễ cưới, chị yêu đương lung tung, cả thành phố này ai cũng biết, mà cũng đã khổ vì chị. Tại sao chị không nghĩ cho mà chứ?

Chị tôi cúi đầu khóc rung rức, chị nói trong tiếng nấc:

- Tình cảm đến chị cưỡng lại không được em ơi, lần này là chị thật tình. Chị không sợ dư luận đâu nhưng thành phố này khó sống quá.

Tôi trợn mắt, hốt hoảng nhìn chị:

- Chị muốn đi nơi khác? Chị có điên không? Chị nghĩ là thằng Nhự có thể đem hạnh phúc lại cho chị? Hắn chỉ là một đứa con nít như em thôi, cuối niên học mới lấy bằng tú tài bán. Chị mù lòa, thiếu thực tế quá đi.

Chị tôi trừng mắt nhìn tôi, giọng vẫn cố dịu xuống:

- Em đừng gọi người ta là thằng này thằng nọ, nghe mất dạy quá. Chị chỉ mới nghĩ tới mà thôi.

Tôi không còn đủ bình tĩnh nữa, hét lớn:

- Chị nói em mất dạy? Nó là bạn của em mà, xưa nay chơi với nó em vẫn gọi là mày tao. Tại sao chị không chịu nhìn rõ sự thật chứ?

- Em phải nhìn rõ sự thật mới đúng. Chị với Nhự là thật lòng.

Tôi đứng bật dậy. Chiếc ghế xích đu chao động một đầu. Tôi bước đi nhưng miệng vẫn nói:

- Em không thêm cái lý với chị

nữa. Dù sao chị cũng là cô giáo của em.

Chị tôi nói với theo, giọng yếu đuối, tôi biết chị đang khóc:

- Xin em đừng nói chuyện này cho mà biết.

Tôi quay lại nhìn chị, đáp:

- Em không phải là đứa con làm mẹ buồn lòng trong gia đình đâu.

Chị tôi òa khóc, tôi hối hận cúi đầu bước nhanh vào nhà.

Sáng hôm sau, chị tôi gõ cửa phòng tôi. Rồi không đợi tôi trả lời, chị tung cửa bước vào, cất giọng ồn ào như muốn gây sự:

- Hôm nay em phải đi học. Em học ban A, Vạn vật là hệ số 4, em cố gắng đi chứ. Hôm nay chị dạy ôn lại rồi cho ra đề thi thử vào tuần tới. Em phải có mặt. Không phải giận chị rồi giận luôn cả tương lai của em đâu.

Tôi lấy gối trùm đầu lại, chị tôi giận dữ xông tới giật cái gối ra:

- Em phải biết quý tương lai của em chứ!

Tôi lườm bầu ngời dậy, cãi bướng:

- Tương lai của em thì đâu có ăn nhằm chi đến chị?

Chị tôi ngậy người nhìn tôi, xong. Chị quăng cái gối lại phía tôi:

- Được! Chị biết em ngon.

Chị tôi đi ra, đóng cửa cái rầm sau lưng. Tôi chống đầu lơ đãng nhìn vạt nắng đầu ngày nhảy múa trên bàn học. Cả mấy tuần lễ nay, tôi không nhét được một chữ vào đầu. Nhự cũng không còn tới nhà tôi thức khuya học bài chung như trước. Bây giờ, thì đã đến lúc Nhự tránh mặt tôi.

Hình như tôi ngồi đó rất lâu, đến khi nghe tiếng xe gắn máy của chị tôi nổ ngoài sân, tôi mới tỉnh ngủ hẳn, vội vàng nhảy xuống giường...

Tôi bắt gặp đôi mắt của chị tôi ánh lên một chút, khi tôi bước vào lớp học. Tôi lí nhí vài câu xin lỗi vì đi trễ rồi vội vàng rút vào chỗ ngồi. Tôi giờ sách ra, mắt len lén nhìn Nhự, khuôn mặt hắn tỉnh bơ đang chăm chú nhìn chị tôi. Tôi thấy giận tất cả mọi người một cách

vô cố.

Cuộc chiến tranh lạnh giữa tôi và chị tôi vẫn tiếp tục căng thẳng. Tôi đâm ra biếng nhác học hành. Tôi thường đạp xe đi lang thang, nhìn chiều xuống trên sông Hương. Tôi mất hết. Thằng bạn thân đi về có nhau. Người chị tôi yêu nhất đời. Tôi không thể nào tâm sự được với ai. Trăm lần không vụn lần không. Câu chuyện như một ung nhọt trong tâm hồn tôi, đau nhức luôn luôn.

*

* *

Chị tôi đang chơi trò chơi lấy giấy gói lửa. Giấy đã cháy, và mọi người trong thành phố đã biết. Tôi nghĩ má tôi là người biết chuyện sau cùng. Má tôi không nói gì hết, người như chiếc áo dài lam đã sờn, rũ xuống, như mọi lần người đi lễ Phật về cời ra máng trên vách. Tôi vào phòng má tôi mỗi tối vấn an người, thường thấy má tôi nằm co quắp như con tôm khô. Má tôi lặng lẽ khóc. Tôi biết người đau buồn lắm. Tôi cũng không khác gì hơn. Cuộc thi đã có kết quả, không có tên tôi. Tôi cũng chẳng ngạc nhiên, vì tôi đã biết trước kết quả từ những bài làm của mình. Tôi có học hành gì đâu? Như đậu Uu và không biết đã biến đi đâu mất. Chị tôi cũng bỏ thành phố này đi khi niên học vừa chấm dứt. Tôi đoán chị tôi đi với Nhự. Người ta bảo con gái Huế khi đã yêu thì bất chấp hậu quả. Tôi không biết đúng

hay sai? Nhưng trong trường hợp của chị tôi thì không sai một ly. Tôi chán nản bỏ luôn kỳ thi thứ hai, đăng lính. Má tôi nghe tin càng buồn thêm. Nguồn tài chánh gia đình giờ đây chỉ nhờ vào vườn trái cây thừa thớt.

Trước khi lên đường, tôi kêu mấy đứa em của tôi vào phòng. Bây giờ chỉ còn tôi là lớn nhất. Chị tôi cách tôi hai người anh, nhưng tất cả đều đã qua đời, một từ trong bụng má tôi và một chết trận trước ba tôi tám tháng. Sau tôi có ba đứa em, đứa lớn nhất đang học lớp đệ tứ trường Đồng Khánh. Hai đứa nhỏ,

tàn phai

Lời mật ngọt đã chứa mầm phản trắc
Môi kẻ môi, tâm nhíp đã chia đôi
Tay vuốt ve, móng vuốt đã đâm chồi
Hương phấn lạt bên xác thân kẻ lạ.

Nhan sắc ấy sớm tàn theo nắng hạ
Mây thu buồn hờ hững đọng trên vai
Gió đông, chiều ẩn khuất bóng đêm dài
Vàng trắng cũ hắt hiu ngoài khung cửa
Có thương tiếc cũng chẳng còn nhau nữa
Mất nhau rồi, đổ vỡ đã kề bên
Kỷ niệm xưa, nỗi buồn bã không tên
Sẽ nhàn nhạt, sẽ tàn phai hư ảo

Trong âu yếm đã có phần gương gao
Đối diện nhau, nhìn chẳng thấy mắt nhau
Mất nhau rồi, còn chẳng vết thương đau
Vẫn nhỏ máu nơi đáy hồn thiên cổ.

hồ công tâm

một đứa học đệ lục trường Quốc Học và một đứa sắp lên lớp nhất trường Lê Lợi. Tôi nhìn những đôi mắt trẻ dại của lũ em tôi mà lòng thất lại.

Tôi nói:

- Gia đình mình vô phước, nên anh em chúng ta đã mất ba sớm và phải khổ như vậy. Anh đi rồi các em hãy ngoan, chăm sóc lẫn nhau, hiếu thảo với mẹ. Anh coi như là con bất hiếu rồi - Tôi chảy nước mắt - Anh trông mong vào các em. Anh không còn hy vọng vào chính anh cũng như chị Đoan nữa. Có một điều anh mong các em nhớ, là dù bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải rán học lên, đừng như anh mà khổ suốt đời đó.

Thảo Mi gục mặt vào ngực tôi khóc. Tôi thương con bé hiền hòa, không đẹp như chị Đoan nhưng rất nết na. Cơm canh hai bữa đều nhờ vào đôi tay của Thảo Mi. Tan học xong là vội vàng leo lên xe, đạp nước rút về nhà lo cho gia đình. Bé Đình và Thảo Vi còn bé quá. Tôi giang tay ôm cả ba chúng nó vào lòng. Anh em của chúng tôi như bầy gà xa mẹ. Mẹ tôi yếu đuối quá



làm sao bảo bọc được lũ em của tôi?

Tối hôm đó, đợi bé Đình và Thảo Vi ngủ xong, tôi cùng Thảo Mi ra vườn tâm sự suốt đêm. Chưa bao giờ tôi nói chuyện một cách đàng hoàng với Thảo Mi như vậy. Bây giờ tôi mới biết Thảo Mi không là đứa con nít như tôi thường nghĩ trước đây. Thảo Mi khôn ngoan và dịu dàng, cái khôn của một thiếu nữ có giáo dục. Thì ra, Thảo Mi đã trưởng thành từ bao giờ mà tôi không hề biết. Dưới mắt tôi, Thảo Mi lúc xưa chỉ là một con bé rụt rè thỉnh thoảng bị tôi sai vặt ủi giùm cái áo, tìm giúp chiếc giày bị chó tha...

Sau đêm đó, tôi tin tưởng Thảo Mi có thể lo được cho hai em và lên đường. Má tôi than mệt không chịu tiễn tôi. Tôi biết người đang khóc trong phòng. Trong thâm tâm tôi cũng không muốn má tôi tiễn đưa, tôi sợ những giọt nước mắt của má tôi từ sau ngày ba tôi mất. Má tôi khóc như người mắc bệnh chảy nước mắt kinh niên. Không biết nước ở đâu mà lúc nào cũng chực chờ trào ra hai hốc mắt của má tôi.

Mỗi lần tôi bắt gặp đôi mắt mờ đục của người là tôi không thể nào ngủ được đêm đó. Tôi thao thức về những đường gân máu trong mắt má tôi. Mỗi đường gân là một chia cách, một tan hoang trong gia đình chúng tôi.

Má tôi đỏ, sự hiện hữu chỉ là chiếc bóng ra vào âm thầm trong nhà; má tôi biếng nhác nói năng. Căn nhà chỉ có tiếng động của chén đĩa trong mỗi bữa ăn. Mạnh ai nấy theo đuổi từng ý nghĩ riêng tư của mình. Bé Thảo Vi dù cho muốn nói điều gì cũng không dám, lúc nào cũng cúi mặt xuống chén cơm, thỉnh thoảng lại len lén nhìn người khác. Tôi sợ không khí ấy vô cùng. Tôi thương các em tôi, cười cũng không dám lớn tiếng. Mỗi người trong gia đình chúng tôi đều có một khoảng cách với nhau, tôi không hiểu tại sao? Lắm lúc, tôi cũng muốn làm một người đàn ông thật sự trong gia đình để xua đi những u ám cùng không khí lúc nào cũng lạnh lẽo. Nhưng tôi làm không được. Quyền uy ở trong tay chị tôi. Bây giờ chị không có mặt, tôi mới thấy mất mát một cái gì đó thật khó nói. Như là một điểm tựa. Nhất là các em tôi. Tôi biết điều đó rất rõ.

Đôi khi tôi tự đứng ngoài bản ngã mình để nhìn vào. Tôi thấy tôi là một con người thất bại. Các em tôi cũng là những đứa bé thất bại. Thất bại ngay từ khi chưa biết nhận ra cuộc sống. Tôi thương và đau xót cho các em tôi. Chúng nó chưa bao giờ thật sự có hạnh phúc. Nhất là hạnh phúc do ba tôi ban phát. Trái lại, người đã mang đi tất cả những gì thuộc về tuổi thơ của chúng.

Nhiều khi tôi muốn cùng bé Đình xách ná ra vườn rình những chú chim se sẻ. Nhưng tôi không làm được. Tôi chỉ đứng nhìn Đình chơi một mình, một bóng. Có lúc tôi chợt xúc động, khi thấy bé Thảo Vi đang nâng niu con búp bê nho nhóp, gãy mất một cánh tay, từ ngoài vườn bước vào. Tôi muốn vuốt tóc bé Thảo Vi một cái, rồi cúi

xuống hôn lên mái tóc có mùi nắng đó, và lau những giọt mồ hôi còn lăn đọng dưới những sợi tóc mai của bé. Nhưng tôi cũng làm không được. Tôi không biết mãnh lực nào khiến tôi bị hút chặt tại chỗ. Và trở mặt nhìn. Hoặc tôi chỉ biết nhẩn mặt khi Thảo Mi làm một điều gì đó không vừa ý. Tôi quá ích kỷ. Tôi tiếc ngay cả nụ cười, lời khen đối với các em tôi. Giờ đây, trước lúc ra đi, tôi mới biết tôi không còn cơ hội đền bù cho các em tôi nữa.

Tôi là người cuối cùng leo lên chiếc xe nhà binh GMC. Tim tôi chợt thất lại khi thấy Thảo Mi ôm cặp nấp sau gốc cây phượng vĩ. Tiếng ve kêu mới nào ruột làm sao. Tôi thấy Thảo Mi đang lau nước

mắt. Tối hôm qua Thảo Mi đã hứa với tôi là không đưa tôi đi, nhưng bây giờ lại thấy con bé trốn học đứng đó, như sợ tôi bắt gặp. Tôi không dám nhìn Thảo Mi lâu, cũng không dám ra một dấu hiệu gì để chứng tỏ cho Thảo Mi biết là tôi đã thấy Thảo Mi. Tôi không còn cảm được nước mắt. Tôi ngược mặt lên trời để cố ngăn lại sự xúc động của tôi. Tôi thấy những cánh phượng đang chảy máu giữa bầu trời xanh mùa hạ.

*

* *

Những lá thư nhận được từ Thảo Mi dần dần thưa thớt. Tôi không có khái niệm rõ rệt về cuộc sống của gia đình tôi hiện tại. Má



và các em vẫn thường, luôn luôn là những câu không thể nào thiếu trong các thư của Thảo Mi gửi cho tôi. Tôi yên tâm một phần nào. Cuộc chiến đã bắt đầu dữ dội từ hai phía. Mỹ đã rút hết quân về nước của họ. Đôi lúc tôi cũng có những cảm giác thật bơ vơ. Tôi không người yêu, không thư từ để làm đẹp thêm cuộc đời. Hai mươi tuổi đối với tôi lúc bấy giờ như là hai mươi năm khó trôi nhất. Cuộc đời lính chiến của tôi ngày như thu dần lại với nỗi chết. Tôi lạc lõng ngay chính trên quê hương mình. Ngày nào cũng có một vài chiến hữu bên cạnh tôi ra đi. Có người chết không toàn vẹn hình hài. Tôi thấy xác thân của chúng tôi sao mà quá rẻ rúng. Nhưng tôi vẫn chiến đấu. Tôi vẫn hy vọng, vẫn sống và vẫn tự hào, vì ít ra tôi cũng đã góp một phần vào quê hương và tổ quốc của mình.

Ngày về phép đầu tiên trong cuộc đời nhà binh của tôi, là ngày lễ ra làm cho tôi vui mừng lắm. Nhưng không. Tôi như là một thằng Mán, thằng Mường lạc vào phố chợ. Tôi càng lạc loài hơn với thành phố mà tôi đã lớn lên, đã mơ mộng. Hình như mọi vật đều đã thay đổi. Có nhiều quán cà phê hơn, và những khuôn mặt non chẹt làm dáng suy tư ra vẻ thời thượng trong khói thuốc. Nhạc phản chiến rì rào ru ngủ từng ngõ ngách. Phố Huế khô cứng, như bị một sức ép vô hình nào đó. Những mái tóc dài Hippie chum đầu vào nhau thì thảo luận thời sự. Những lồng ngực hẹp cùng với những chiếc sơ mi bó chặt thân mình. Những chiếc quần ống loa lét phết. Chưa bao giờ tôi thấy thanh niên bạc nhược như lúc này. Những thanh niên cùng số tuổi của tôi may mắn không phải ra chiến trường, ở lại học làm người trí thức, suy tư nghiền ngẫm về những chủ thuyết lạ lùng.

Tôi không uống được hết ly nước sinh tố. Tôi đá ghế đi ra ngoài. Những con mắt trong quán quay về phía tôi bằng những tia nhìn không thiện cảm. Tôi chiến

đấu cho ai? Tôi suy nghĩ về điều này rất lung trên đường trở về nhà.

Người tôi gặp đầu tiên là Thảo Vi, bé lúng túng trong tư thế không biết nên đứng hay ngồi, vì bận bịu một đứa nhỏ trong tay. Cuối cùng, Thảo Vi ngồi xuống, nhìn tôi rất lâu, bé mới buộc miệng la lên. Anh Hảo. Anh Hảo. Tôi tò mò nhìn đứa bé trai trong lòng Thảo Vi. Đứa bé khoảng một tuổi mấy tháng chi đó. Tôi hỏi. Con ai. Thảo Vi nói con chị Đoan. Thảo nào nó có đôi mắt giống như Nhự. Không cần đoán tôi cũng biết chị Đoan dạo đó ra đi là vì sao.

Tôi đặt ba-lô xuống nền nhà, vuốt tóc Thảo Vi:

- Con bé chừ lớn quá hỉ?

Thảo Vi cười:

- Em học lớp bảy trường Đồng Khánh rồi đó.

- Lớp bảy là lớp mấy?

- Lớp đệ lục đó. Họ đổi rồi.

Tôi à à. Hỏi tiếp:

- Thảo Vi có nhớ anh không?

Thảo Vi vuốt vuốt mái tóc thưa của đứa bé trong lòng, chớp mắt:

- Nhớ chứ.

Tôi nhìn đứa bé một lần nữa, quỳ xuống bên cạnh Thảo Vi, cầm bàn tay bé bé xinh xinh của đứa bé, bàn tay trắng hồng bụ bẫm:

- Nó tên chi?

- Dạ, Đức. Mạ bảo cuộc tình của chị Đoan lại đứt nữa.

Tôi bật cười:

- Em như bà cụ non. Mạ đi lễ chùa hử? Nhà sao im vắng quá, mấy đứa kia đâu rồi?

Mặt Thảo Vi bỗng chùng xuống:

- Mạ ngủ trong phòng. Chị Mi đi bán hàng chưa về. Anh Đình đi học buổi chiều. Em học buổi sáng.

Tôi đứng dậy tiến đến phòng của má tôi. Nhẹ nhẹ mở cửa, vẫn dáng nằm cong như con tôm khô, má tôi xoay lưng ra phía tôi. Một niềm đau chột nhói trong ngực tôi. Tôi bước vào ngồi xuống mé giường người. Tôi lay vai người, kêu nho nhỏ. Mạ. Mạ. Má tôi chợt mình thức giấc. Tôi thấy người ngồi dậy, đôi tay quờ quạng phía trước. Tôi hốt hoảng, giọng thất

thanh:

- Mạ. Mất mạ sao vậy?

Giọng má tôi mừng rỡ:

- Chao ôi! Thằng Hảo đó phải không? Con làm cho mạ ngày đêm ngủ không được. Mạ mới vừa chớp mắt đây thôi. Mạ có nằm mơ không con?

Tôi cầm hai bàn tay nhăn nheo của má tôi áp lên mặt mình:

- Không. Con về thăm mạ đây.

Má tôi lần mò bàn tay khô nhám của người lên khuôn mặt tôi, một lúc bà mới thốt lên lời:

- Con khóc đó hả con. Đàn ông con trai mà khóc lóc chi. Sao mà con ốm quá đi?

Tôi cố nuốt nước mắt:

- Không, con khỏe hơn trước mạ à.

- Đừng giấu mạ.

Tôi không ngăn được nữa. Tôi òa khóc, nói trong nước mắt, tức tưởi:

- Sao không ai cho con biết hết vậy? Mất mạ bị đã bao lâu rồi?

- Không sao đâu con ơi. Mạ có mất cũng như không. Tiếc làm chi. Mạ không làm được chi hết, mọi việc trong nhà cũng nhờ một tay con Mi thôi, nó phải bỏ học đi buôn bán với người ta để nuôi gia đình. Lại thêm con Đoan đem đứa con của nó về vất ở đó rồi đi biệt tăm biệt dạng luôn.

Tôi nghiêng rằng:

- Chị Đoan thật là quá đáng.

- Thôi con à. Mạ biết nó cũng có nỗi khổ tâm của nó. Nó sống ở thành phố này không nổi đâu. Mẹ góa con côi biết sống làm sao, đành phải đem thằng con này về đây nhờ mạ nuôi dùm. Nó không biết mạ bị mù lòa đâu con.

Tôi vẫn còn giận:

- Sao không viết thư kêu chị ấy về?

Má tôi cúi đầu nói như để chính mình nghe:

- Coi như mạ vô phúc, không có đứa con gái này.

Bóng đêm đã đổ xuống bên ngoài, tôi nghe bàng hoàng. Tôi như từ một tỉnh cầu nào xa lạ rút

vào căn nhà này. Mọi việc đã thay đổi một cách không ngờ. Bấy lâu nay vì bận bịu, Thảo Mi không có thì giờ viết thư cho tôi, nhưng đó không phải là lý do chính. Thảo Mi không muốn cho tôi bận tâm về gia đình nhiều. Vì nếu có cũng trở thành vô ích vì tôi đâu thể giúp đỡ được nhiều. Lương lính quèn tới tháng lãnh ra đã bị chặn lại trừ nợ gần hết. Làm sao để phụ giúp thêm? Càng nghĩ, tôi càng thương Thảo Mi nhiều hơn. Thương tà áo trắng nhỏ bé, lẻ loi dưới gốc phượng già lần cuối cùng tôi gặp mặt. Tuổi hoa bướm của Thảo Mi đã mất, không bao giờ nín lại được.

Hình như Thảo Mi đã tan chợ về. Tôi nghe có tiếng nói của Mi và Vi, hai chị em đang lú lo chi đó. Tôi dìu má tôi đứng dậy. Thảo Mi ào tới cửa phòng, giọng sùng sục:

- Anh Hảo...

Thảo Mi ôm mặt khóc, cổ kèm hăm âm thanh trong cuống họng. Tôi dìu má tôi ngồi xuống chiếc ghế nơi bàn ăn, vỗ vỗ vào tay người:

- Mạ ngồi đây, con đi tắm một chút rồi cùng lo cơm nước với em Mi.

Má tôi nắm lấy tay tôi, day day:

- Con nhớ thấp nhang cho ba và anh con nghe.

Tôi dạ thật lớn như để trấn an người. Tôi ra nấu cho Thảo Mi theo tôi xuống bếp. Thảo Mi không kèm nổi xúc động, ôm tôi khóc òa. Tôi vuốt lưng Thảo Mi. Im lặng cho nỗi đau thấm vào ruột gan.

Một lúc sau, tôi nói:

- Tội nghiệp cho em quá. Sao em không viết gì trong thư cho anh hết?

Thảo Mi đẩy tôi ra, loay hoay đóng gạo vào nồi, ấp úng:

- Em không muốn làm anh lo. Anh đào ngũ về thì nguy hơn nữa. Nhưng thật em sợ lắm anh à. Nhất là lúc biết được mạ không thấy đường. Trời ơi, anh biết không? Em không biết phải làm sao nữa? Nhà lại không có tiền. Em, em...

Thảo Mi cúi đầu khóc tiếp, tôi nhìn Thảo Mi gầy ốm như một bà

già. Áo quần xốc xếch. Mười bảy tuổi em tôi. Không phải, tôi không thể nào ngờ được cơ cực đã cày ủi lên em những vết hằn. Mái tóc mười bảy khô cháy như cỏ mùa hạ. Em tôi đã không đẹp rồi lại không được chăm sóc, trông thật tàn tạ. Không biết mỗi lần soi gương có làm em tôi buồn? Chắc không, thì giờ đâu để làm dáng với đời. Vai em tôi nhô cao như lúc nào cũng chuẩn bị để gồng quang gánh nặng.

Tôi bước tới bên Thảo Mi:

- Sao em không gọi chị Đoan về lúc ấy?

Thảo Mi đổ nước vào nồi, vừa nói:

- Chị Đoan vào Nha Trang làm việc cho sở Mỹ, nghe nói bán hàng P.X. chi đó, rồi lấy Mỹ luôn, lúc ấy chị theo chồng về Mỹ rồi. Em nghĩ như vậy cũng tốt. Chị muốn quên dĩ vãng, quên anh Nhựt, đó cũng là giải pháp. Nhưng người ta nói xấu chị quá. Thiên hạ thật là độc miệng, họ bảo chị ấy mẹ Mỹ.

Tôi quệt diêm nhúm lửa giùm Thảo Mi, buộc miệng hỏi:

- Thành Nhựt đâu rồi, em có nghe tin tức gì về nó không?

- Em không biết. Anh ấy bỏ đi mất dạng sau khi nghe tin chị Đoan có bầu của anh.

- Vậy mà anh cứ tưởng hai người đó sống chung với nhau chứ!

Lửa đã sáng lên một góc bếp. Thảo Mi đặt nồi cơm lên bếp. Rồi xoay qua tôi:

- Anh đi tắm cho mát đi, để đó em lo cho. À, mà anh được phép mấy ngày?

- Tuần sau anh đi.

Giọng Thảo Mi buồn buồn:

- Mau vậy à?

Tôi không đáp, quay lưng bước vào phòng tắm. Tôi cởi bộ đồ lính ra, mới chợt thấy rằng mình còn quá trẻ. Quá trẻ để lăn vào vòng chiến, quá trẻ để chứng kiến những mất mát của mình. Ba tôi, anh tôi nằm xuống. Chị tôi bỏ đi, má tôi mất ánh sáng, các em tôi mất tuổi thơ. Tôi mất tôi. Bởi vì tôi không nhận ra được mình khi tôi cầm cây súng bắn điên cuồng, bắn ra những

tức tưởi cho bạn bè của mình đã chết không kịp nhắm mắt. Mới đó thôi. Mới trước đó mấy phút còn chuyện cho nhau vài hơi thuốc. Mới đó thôi. Sống còn chỉ là một sát na. Tôi không biết tôi sẽ chết bất cứ lúc nào. Một tuần sau tôi lại được đẩy tới một vùng chiến khác. Tôi chiến đấu, vì tôi là chiến sĩ. Nghề của tôi là làm lính. Mà làm lính cho ai? Chiến đấu cho ai? Câu hỏi từ trong quán cà phê lúc chiều chợt thức dậy khi gáo nước lạnh đầu tiên được dội xuống từ đầu tôi. Những tướng lĩnh phu nhân buôn bán lương thực với quân địch của mình, tin đồn tổng thống buôn lậu ma túy,... đủ thứ tin làm lung lay ý chí chiến đấu của tôi. Những bản nhạc đêm đêm vọng trên tiền đồn tưởng chừng đầu súng mềm ra, chảy queo lại như nhựa đốt. Những bản nhạc phản đối chiến tranh, những người chưa bao giờ biết mùi thuốc súng là gì lại phản đối chiến tranh. Những người không biết ai đã giành từng tấc đất cho mình bình an để ngồi đó viết những bài ca quy hàng. Tôi đâm ra chán nản, già cỗi. Tuổi hai mươi của tôi đâu rồi? Sao tôi nhiều ưu tư thế?

*

* *

Những ngày sống cùng má và các em của tôi lúc đó là những ngày hạnh phúc nhất trong đời tôi. Tôi đã biết yêu thương các em. Chiến tranh dạy cho tôi lòng hận thù. Cuộc sống của các em tôi dạy cho tôi lòng thương yêu. Thành Đình nay đã cao lớn, sáng sủa chờ hàng ra chợ cho chị, rồi về trông bé Đức cho Thảo Vi đi học. Trưa, Thảo Vi mang cơm ra cho chị rồi về giữ bé Đức cho anh Đình đi học. Cuộc sống cứ thế vẫn trôi. Không một lời than phiền. Hai đứa sau học rất giỏi. Nghe Thảo Mi khoe như vậy. Tôi mừng lắm. Ít ra, chúng cũng hơn tôi. Thảo Mi dạy em còn khéo hơn chị Đoan dạy chúng tôi, mặc dầu Mi học hành chẳng đến đâu hết, chẳng cần phải qua một trường sư phạm như chị tôi. Tôi biết Thảo Mi thành công là nhờ ở

tấm lòng biết yêu thương và hy sinh. Tôi mang ơn Thảo Mi. Tôi cũng biết má và hai em nhỏ của tôi cũng mang ơn Thảo Mi lắm.

Tôi chợt thấy mình mất hết, khi được lệnh bỏ súng đầu hàng. Tôi vừa chửi thề vừa rã theo đoàn quân. Mạnh ai nấy chạy. Tôi tuột quần vắt áo. Tôi vắt bỏ tất cả cái anh hùng của mình. Tôi khóc. Và tôi chạy. Hèn quá! Tôi hèn quá. Tôi nguyên rủa, và tôi chạy. Thế nhưng tôi cũng leo được lên tàu Mỹ để ra chạy ra nước ngoài. Đó là những ngày cuối cùng trước khi đất nước hoàn toàn lọt vào tay Cộng sản.

*
* *
*

Năm 1978, trong một lá thư tôi nhận được của Thảo Mi, trong thư có đoạn viết: "...Anh Hảo có biết không, ông Nhựt giờ này là cán bộ Phòng Thông Tin thành phố đó. Ông có ghé nhà một lần để hỏi tin tức chị Đoan, nhưng mẹ và tụi em không tiếp. Thành Đình học giỏi như vậy nhưng thi mấy lần cũng không được đậu vào đại học. Nhà mình thuộc thành phần có tội với cách mạng. Vì ba có tội. Chắc anh biết rồi chứ gì? Thảo Vi thấy không hy vọng gì vào Đại học nữa, nên có bằng trung học phổ thông xong, là theo em đi buôn bán luôn, cũng có đồng ra đồng vào. Mẹ vẫn khoẻ, anh khỏi lo cho gia đình. Anh có cơ hội nhớ ghé thăm chị Đoan. Địa chỉ của chị:..."

Tôi lại thương cho lũ em chúng tôi quá, Thảo Mi viết thư cho tôi lúc nào cũng vậy, không một lời than phiền, mà lúc nào cũng khoẻ, anh khỏi lo. Làm sao mà yên tâm được? Lúc xưa má bị mù mất mà em có cho tôi biết đâu? Thành Đình, bé Thảo Vi, lũ em của tôi nay đã ở tuổi vào Đại Học. Họ chôn sống ba tôi năm Mậu Thân, lúc thành Đình, bé Vi còn bé tí, chưa biết gì. Nay họ lại chôn luôn tương lai của chúng nó.

Tôi theo địa chỉ đó đi tìm chị Đoan. Nhà chị nằm trên ngọn đồi. Chị khá giả lắm. Hai chị em nhìn nhau không vui cũng không

tháng bảy cho em

*Tháng bảy về cho mưa giăng giăng
Áo phong sương ướt bấy nhiều lần
Ta nghe se lạnh nhiều hơn trước
Khi biết em về nơi xa xăm.*

*Tháng bảy về, em xõa tóc bay
Ta nhìn mây trắng, nhìn mê say
Tóc em dài quá, tầm tay với
Năm ngón đan vào, ôi tóc mây*

*Tháng bảy về, anh mơ với thu
Nghe nước hồ dâng mộng ước chờ
Nghe như suối chảy bờ đá vắng
Nghe lá trên cành rụng cánh thư.*

*Chiếc lá hôm qua giạt bên đường
Theo gió gọi mời kiếp tha phương
Tình em như lá mùa thu rủ
Rơi rụng vào anh không tiếc thương.*

*Tháng bảy về mà em có hay
Trên trời một chút nắng hây hây
Nắng trưa hoá kiếp niềm thiêu đốt
Ta cũng hóa thành kẻ cuồng say.*

*Anh vẫn ngồi đây như chiêm bao
Và đang mở cửa gọi thu vào
Ôi em bên lén tình cô gái
Trong chiều chỉ có ta với nhau.*

phạm hồng đậm

buồn. Khác với những dự tính trong đầu của tôi. Chị lạnh lùng và cư xử với tôi như một người Mỹ. Chị có hai đứa con, giống ba nhiều hơn má. Tôi đoán vậy vì không thấy một chút Á Đông nào trên người hai đứa bé. Chị nói chuyện với tôi, nhưng thỉnh thoảng lại quay qua quát hai đứa con đừng giành đồ chơi lẫn nhau. Dĩ nhiên là bằng tiếng Mỹ. Tôi nghe khó chịu lắm. Hình như chị không muốn giữ tôi lại. Có lẽ chị không muốn tôi gặp mặt chồng chị, hoặc chồng của chị không muốn gặp mặt tôi hay bất cứ ai bà con bên chị. Tôi cũng nghe nói có nhiều trường hợp những người chồng Mỹ sợ phải liên lạc với bà con từ bên kia vòng trái đất của vợ mình lắm. Phien hà giúp đỡ chăng?

Trước khi tôi về, chị nói với tôi:
- Chị có viết thư về hỏi thăm thành Đức, nghe nói nó dạo này lớn lắm.

Tối hôm đó, tôi nằm trong motel nhớ tới lời nói của chị. Thì ra chị chẳng quan tâm gì đến má và mấy đứa em tôi. Chị chỉ nhớ thành Đức con của chị và có thể là Nhựt nữa. Thời gian thay đổi chị Đoan rất nhiều. Có lẽ tôi không bao giờ biết được điều đó nếu như không có lá thư của Thảo Mi. Và có lẽ tôi cũng không bao giờ biết được điều đó, nếu như không hăm hở lái xe sáu tiếng đồng hồ để tìm đến chị tôi. Chiếc xe cũ tội nghiệp đang nằm nghỉ xả hơi ngoài kia. Ngày mai tôi sẽ trở về chốn cũ. Tôi sẽ ghi danh đi học.

Nếu như...có lẽ...



Từ Đỉnh Trời Tròn

Hồ Phổ Lại



*Cho mẹ Xứ và con xí xon
thương yêu của chị*

Tôi gặp bà Thừa nhân dịp ghé chùa xin lễ cầu siêu cho mẹ tôi vừa mất. Lần đầu tiên gặp gỡ, từ hình dáng đến thái độ, bà Thừa không có gì khiến tôi phải chú ý ngoài chuyện bà ngồi đọc sách, ngay trong bếp mà khi thấy có người vào không nhìn lên, cũng không chào hỏi. Trong lúc nói chuyện với chị Hoa, một chị bạn đọc thân rất thích

làm công quả cho chùa, tôi để ý theo dõi thì thấy, đầu đôi mắt có vẻ chăm chú nhìn vào trang sách, nhưng bàn tay bà Thừa lại gõ nhẹ trên mặt bàn, môi mấp máy như đang hát. Sau khi trao tiền cho chị Hoa nhờ lo giùm buổi lễ, tôi ra về. Lúc đi ngang qua chỗ bà Thừa ngồi, tôi nhìn bà kỹ hơn, mong bà nước mắt lên để được trao đổi một lời chào. Bà vẫn ngồi yên, tay gõ nhịp, môi mấp máy. Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Một người đàn bà ở lứa tuổi bà Thừa, sống ở xứ người mà

vẫn có thể vượt lên mọi nỗi lo toan để thản nhiên và tĩnh táo như vậy kể ra cũng đáng phục.

Lần thứ hai ghé chùa, tôi lại gặp bà Thừa. Hôm ấy chùa đang rộn ràng chuẩn bị lễ Vu Lan. Bà Thừa không đọc sách mà ngồi yên trên chiếc ghế nhỏ trong góc bếp. Thái độ bà dửng dưng, cái nhìn thờ ơ, không vui cũng không buồn. Bà không bắt chuyện với ai. Không chào hỏi khi có người đến, cũng không từ giã khi có kẻ về. Giữa không khí rộn rịp, hình như cũng không ai buồn để ý đến sự hiện diện của bà Thừa, ngoài tôi.

Ngày đưa cả gia đình lên chùa dự lễ, tôi không thấy bà Thừa đâu. Sau khi xong mọi việc cúng quảy, lúc sắp đến giờ ăn, tôi hỏi chị Hoa:

- Hôm nay bà Thừa không đến chùa sao?

- Ngày nào mà bà đó không có mặt ở đây.

Thấy tôi đưa mắt tìm kiếm, chị Hoa chỉ tay ra phía sau chùa:

- Bà ấy đến từ sáng sớm, ngồi ở phía sau kia.

Tôi nhón gót nhìn qua cửa sổ nhà bếp. Bà Thừa đang ngồi nhìn xe chạy. Nhìn mâm cơm dọn sẵn trên bàn, tôi đề nghị:

- Hay mình mời bà ta vô ăn cơm?

Chị Hoa lưỡng lự:

- Chị muốn mời thì cứ mời, nhưng tôi nghĩ là bà ta sẽ không vô đâu.

Được sự đồng ý, tôi vọt lẹ ra phía sau, hăm hở tiến đến trước mặt bà Thừa:

- Xin mời chị vô dùng chén cơm lạt với chúng tôi.

Cặp mắt vẫn không rời dòng xe luân chuyển trước mặt, bà Thừa không hề tỏ vẻ gì có nghe tôi nói hoặc ít ra là có thấy tôi hiện diện. Hay là bà lãng tai? Tôi thầm nghĩ và nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh bà:

- Chị Thừa, hôm nay là lễ cầu siêu của mẹ tôi. Xin mời chị vào thọ trai với chúng tôi.

Sau khi tôi lặp lại ba bốn lần mỗi lần một lớn hơn, bà Thừa mới chịu dời cặp mắt từ dòng xe trên

đường qua đậu ở mặt tôi. Trong đôi mắt mờ dần, tôi thấy có chút tia sáng xuất hiện. Bà ta ngáy người nhìn tôi, môi mấp máy. Đang chờ đợi để nghe câu trả lời thì tôi giật mình vì thấy bà lại thần thờ bỏ rơi khuôn mặt tôi để trở về dòng xe trước mặt. Vừa ngạc nhiên vừa bàng hoàng, tôi nhìn bà chăm bẵm. Tuy áo quần xốc xếch, tóc tai bờ phờ, khuôn mặt bà Thừa vẫn còn phẳng phất những nét thanh tú, đều đặn của một thời xuân sắc. Đôi mắt dài và lớn, chiếc mũi thẳng, cặp môi thanh tú, nhất là hàm răng, khi mấp máy, lộ ra đều đặn và trắng bóng.

Rồi bà Thừa, tôi đi vào bếp, lấy chiếc đĩa giấy sắp lên đó một ít bánh chay và một ly nước ngọt, rồi lễ mễ bung ra để cạnh bà. Khi tôi trở vào, chị Hoa phê bình:

- Chị có đem ra cũng vô ích, bà ta sẽ không đụng tới đâu!

Nhìn chị Hoa tôi muốn hỏi thêm nhưng thấy trong bếp còn đông người nên lại thôi.

Cơm nước xong, tôi ở lại phụ chị Hoa dọn dẹp và cũng để lán la hỏi chuyện về bà Thừa. Trước đó tôi có ra sau chùa, hi vọng thấy bà Thừa đã ăn hết phần quà tôi mang biếu. Nhưng không. Dĩa thức ăn vẫn còn nguyên. Ly nước ngọt không vơi chút nào, lại đầy cả bụi. Tờ giấy lau miệng tôi cẩn thận kèm theo, bay đâu mất. Nhìn bà Thừa ngồi bất động, tôi áy náy muốn giúp đỡ, nhưng qua đôi mắt vô hồn của bà, tôi biết tôi bất lực. đành lủi thủi đi vào, nghe chị Hoa kể chuyện.

Thời còn ở Sài Gòn, bà Thừa dạy sử ở một trường trung học. Chồng bà là một luật sư danh tiếng. Lúc còn trẻ bà Thừa rất đẹp, ông Thừa cũng thuộc loại đẹp trai. Cả hai đều xuất thân từ những gia đình quan lại ở Huế. Sau khi lấy nhau, họ dời vào Sài Gòn sinh sống. Cuộc sống của họ đầy đủ và sung túc. Cả ba đứa con, hai gái một trai, đều thừa hưởng sắc đẹp và sự thông minh của cả cha lẫn mẹ. Nhìn cuộc sống của họ, bạn bè quen biết ai ai

cũng thêm muốn. Căn nhà của họ ở đường Trương Minh Giảng to như một dinh thự, ban ngày rợp bóng cây, ban đêm chan hoà mùi hương của hoa cỏ lạ. Chiều chiều, tiếng dương cầm của cô gái lớn vượt tường cao, vẽ nên hình ảnh sang giàu, trường giả.

Nhưng thời gian không dừng lại. Biến động 75 làm họ phải thay đổi. Trong lúc bà con, bạn bè xôn xao, chạy vạy khắp nơi để tìm cách ra đi thì họ đóng cửa lại, lo âu về của chìm của nổi, cái mất cái còn. Tòa án đóng cửa, ông Thừa bị nghỉ việc. Số vốn kèch xù họ gửi ở ngân hàng cũng khó có cơ đòi lại. Họ dò hỏi. Họ tìm cách thu hồi những gì đã mất. Bà Thừa cho người làm và tài xế nghỉ việc. Vườn hoa trước sân bị bứng đi để thay bằng những luống khoai lang xanh ngấn ngát. Cô gái lớn nghỉ học đàn, sáng sáng xách giỏ đi chợ. Cậu con trai hết vào "Xẹt" bơi lội để chiều chiều phụ bố xách nước tưới vườn rau. Thuở trước họ đã ít giao thiệp. Bạn bè của họ đều là những người cùng giới. Bây giờ, người ta thấy ông Thừa bỏ chiếc áo vét, khoác chiếc sơ-mi không ủi, đi họp phường khóm, ngồi bệt xuống đất chuyện trò với những người lao động mới quen. Bà Thừa thì sẵn sàng vờ vập, chào hỏi khi gặp bác xích lô đầu ngõ,...

Họ sống khôn ngoan, tính toán, theo thời và chờ đợi. Họ tìm đủ mọi cách, kể cả chuyện cầu cạnh, biếu xén bà con xa gần ngoài Bắc vô, hi vọng gỡ được phần nào số vốn để ở ngân hàng. Những bữa cơm sang trọng đãi đằng, những món quà đáng giá biếu xén,... nhưng số vốn vẫn tan mát tận đâu đâu.

Qua năm thứ ba, họ bắt đầu hiểu. Họ thối chí, không buồn tiếp đón bà con cán bộ nữa. Đôi lương quyền của bà Thừa nhờ cao dần. Còn ông Thừa, khi cười mắt đã có đuôi.

Họ tính chuyện ra đi. Gian nhà họ đang ở quá lớn, số vốn còn lại trong vàng và hột xoàn cũng quá nhiều. Đi một lần, không thể đem

theo hết, mà lỡ không may bị bắt, ở tù về sẽ không có nhà để ở. Họ bèn chia làm hai đợt. Ông Thừa và hai đứa con lớn đi trước, bà Thừa và đứa con gái nhỏ ở lại làm nền.

Sau hai lần đi hụt, lần thứ ba ông Thừa thành công. Bà Thừa tươi tỉnh, hớn hở xuất hiện lại ở nhà bà con, bạn bè. Mừng chồng con đi thoát, bà Thừa còn mừng hơn vì đã kịp thời phân tán tài sản. Trước khi ông Thừa đi, họ đã cẩn thận chia số vàng và hột xoàn ra làm hai phần. Một nửa dùng để trang trải tiền ghe và để cho bà Thừa làm vốn, nửa còn lại họ nhét vào trong hai bao gạo một tạ, đem gửi ở nhà chị người làm thân tín mà bà Thừa đem từ Huế vào. Chị này làm cho bà Thừa mãi cho đến sau 75 mới nghỉ việc, ra buôn bán ở chợ trời và đã có chồng con.

Nửa năm trôi qua, tin tức về ông Thừa và hai đứa con vẫn chưa có. Bà Thừa nóng nảy như ngồi trên lửa. Bà hỏi thăm khắp nơi. Bà cúng kiếng, cầu nguyện ở chùa, ở đền và ở cả nhà thờ. Rồi một năm, tin xa vẫn chưa có. Theo lời khuyên của vài thân nhân còn lại, bà Thừa và cô con gái nhỏ chuẩn bị ra đi. Bà hy vọng qua bên kia bờ đại dương, bà có thể kiếm được chồng con trôi giạt đâu đó.

Trước khi ra đi, bà Thừa đến nhà chị người làm chở hai bao gạo về. Đêm đó, sau khi đóng kỹ mọi cánh cửa, hai mẹ con lui cui đổ gạo ra giữa nhà. Gạo, toàn là gạo, trắng tinh, tràn trề. Vàng và hột xoàn đã biến mất.

Tờ mờ sáng hôm sau, bà Thừa hốt hoảng chạy tới nhà chị người làm đập cửa. Cửa mở, chị người làm xuất hiện. Khi bà trở ra, mắt bà còn vương ngấn nước, mặt hầm hầm, áo quần xốc xếch. Về nhà, bà cảm phần kể cho cô gái út nghe câu chuyện vừa xảy ra. Khi được hỏi về số của giấu trong hai bao gạo, chị người làm thần nhiên trả lời: "Sao cô không nói thật với con? Mấy tháng trước thằng cu bị bệnh, nhà hết tiền, ông xã con gọi người tới bán luôn hai bao gạo. Hôm qua

nghe cô định tới lấy lại, con mới vội vàng vay mượn khắp nơi mua hai bao khác trả cho cô”.

Chị ta nói láo. Khi đem gởi, ông Thừa đã cẩn thận ghi ngoài hai bao bố hai dấu hiệu riêng bằng mực xanh, kín đáo nhưng dễ nhận. Lúc chở về, hai dấu hiệu đó vẫn còn nguyên, chỉ có vàng và hột xoàn là không còn. Ngày ra khơi đã ấn định. Tiền bạc đã chùng đủ. Hai mắt bà Thừa trũng sâu hơn nữa. Khoé miệng trễ hẳn xuống. Tóc lốm đốm bạc. Chuyến đi đó bà Thừa thành công.

Sau thời gian tạm trú ngắn ngủi ở đảo, mẹ con bà Thừa tới Canada. Bà được một họ đạo bảo trợ. Họ lo lắng cho bà và bé Thùy hết sức đầy đủ. Ngoài chuyện mượn nhà cho ở, cung cấp tiền bạc để ăn tiêu, họ còn lo cả vấn đề tiêu khiển cho mẹ con bà nữa. Bé Thùy lớn nhanh như thổi. Bà Thừa thì trễ hẳn lại, mơn mớn ra. Nhưng tin tức của ông Thừa và hai đứa con lớn vẫn bần bật. Bạn bè cũ ai cũng mừng cho bà đã quên được nỗi buồn xưa.

Chưa đến một năm sau ngày định cư, vài gia đình người Việt sống gần, nhận được giấy mời đến nhà thờ dự lễ cưới của bà Thừa. Bà thành hôn với một trong những người bảo trợ. Ông này độc thân, tuổi mới ba mươi, lại vừa thừa hưởng một gia tài kếch xù của cha mẹ. Cơ xưởng làm ăn của ông không những ở rải rác khắp Canada mà còn tận bên Mỹ nữa. Ngày hôn lễ, bà Thừa xuất hiện lộng lẫy trong chiếc áo cô dâu. Bé Thùy cũng rực rỡ không kém gì mẹ trong tà áo phù dâu. Tuy lớn hơn chồng cả chục tuổi, nhưng nhờ dáng dấp nhỏ nhắn, thanh lịch, khi bà Thừa khoác tay người chồng ngoại quốc, không ai thấy có gì chênh lệch lắm.

Từ đó bà Thừa lại sống cuộc đời sung sướng, có phần hơn xưa nữa. Bà du lịch khắp nơi. Khi theo chồng coi ngó những cơ xưởng thương mại, lúc đi thăm bạn bè, bà con rải rác khắp bốn phương trời. Ai cũng mừng cho bà may mắn. Suốt hai năm dài, bà Thừa hoàn

toàn sống trong nhung lụa.

Một ngày, sau chuyến Âu du thăm người chị họ trở về, bà được ông chồng trẻ báo tin muốn li dị với bà. Tưởng mình nghe lầm, bà Thừa đứng chết lặng hồi lâu rồi mới mở miệng:

- Tôi có lỗi gì?

- Bà không có lỗi gì hết. Chỉ vì tôi đã yêu người khác và đã hết yêu bà.

- Ông đã chán vợ ngoại quốc nên muốn trở về với người Canada chứ gì?

- Bà làm rồi! Lần này tôi cũng yêu một cô gái người Việt, như bà. Tôi vốn thích đàn bà Á đông.

Rồi ông ta thản nhiên cho biết người ông định lấy không ai khác hơn là bé Thùy. Lúc đó bà Thừa mới thật sự nổi giận:

- Nhưng nó là con tôi, ông không có quyền.

- Đâu có luật nào cấm tôi lấy con riêng của vợ? Thùy đã mười tám tuổi và nó cũng yêu tôi.

Thấy bà Thừa vừa chửi rủa vừa đập phá đồ đạc, người đàn ông cảnh cáo:

- Tôi biết là hồi xưa bà rất độc tài, nhưng bà nên nhớ kỹ, đây không phải là Việt Nam. Bà hành hung bé Thùy hay đập phá đồ đạc là tôi gọi cảnh sát liền.

Nói xong, ông ta đứng lên đi ra cửa, vừa đi vừa nói:

- Bà có thể ở lại đợi toà phân xử. Tôi sẽ chu cấp cho bà theo luật định.

Độ nửa giờ sau, người đàn ông trở về. Trong phòng riêng, bé Thùy đang thu dọn đồ đạc. Xong xuôi nó đi ra, lướt qua mặt mẹ, khoác tay người đàn ông nó sắp gọi là chồng. Thùy không chào, cũng không nhìn mẹ. Mặt nó hất cao, hai mắt mở lớn, nhìn thẳng. Cả hai ra cửa. Tiếng xe nổ dòn. Và họ đi mất.

Suốt đêm đó bà Thừa không hề chợp mắt. Có một nỗi gì to lớn và ghê gớm hơn cả nỗi buồn ào ạt tràn đến dày xéo cõi lòng bà. Dáng người thanh mảnh. Khuôn mặt bướng bỉnh, cao ngạo hất lên. Đôi mắt mở lớn. Hình ảnh của bé Thùy

đã làm sống lại trong ký ức bà Thừa một cái gì xưa cũ tưởng đã vùi chôn theo ngày tháng. Rồi lòng lũng quanh quẩn bên bà, cái xác nhẹ tênh, lạnh lẽo của ông Thừa bập bênh trên mặt sóng. Rồi ánh mắt náo nức của người chị gái ngày cất bước ra đi. Rồi tiếng khóc lạnh lạnh của cô em dâu một đêm nào vang vọng trước cổng lớn nhà bà. Tất cả đồng loạt rù rề nhau, chấp chới trở về. Vù vù. Réo gọi. Khóc than. Nứu kéo... Giữa gian nhà vắng lặng, trên chiếc giường rộng lớn, bà Thừa nằm co ro, run rẩy. Bà sợ. Bà sợ một cái gì vô hình đang rình rập đâu đây. Luynes quỳnh, lập cập, bà mở cửa phóng chạy ra đường. Bà đi lang thang. Dầu đêm sâu. Dầu gió rét. Thất thểu. Xiêu vẹo. Sáng mai lại, cảnh sát gặp bà nằm bất tỉnh trên con đường dẫn vào rừng, thân thể gầy như hóa đá. Họ chở bà vào nhà thương. Khi được cứu sống, bà hoàn toàn ngơ ngác và chỉ trả lời mọi câu hỏi bằng mỗi một câu: “Tôi về nhà mẹ tôi ở làng V.X. Phải đợi qua hai chuyến đò ngang” bằng tiếng Pháp rất đúng văn phạm. Rồi thôi.

Sáng hôm sau, cảnh sát phải nhờ cộng đồng người Việt nơi đó tìm hiểu lai lịch bà Thừa. Khi biết bà chỉ có một mình, cơ quan xã hội và đại diện cộng đồng đem bà gởi tạm nơi một gia đình người Việt có dư phòng trống. Gặp đồng hương, bà Thừa vẫn không mừng rỡ. Bà ăn, ngủ tùy tiện, không theo giờ giấc nào nhất định. Chỉ một tuần sau, gia đình đó phải báo cảnh sát. Nửa đêm bà Thừa mở cửa, yên lặng bỏ đi mất. Sở trách nhiệm, họ không nhận cho bà cư ngụ nữa. Cơ quan xã hội liên lạc với người chồng cũ của bà. Từ Mỹ, ông ta điện thoại về yêu cầu họ nói chuyện thẳng với luật sư riêng của gia đình.

Sau khi hiệp sức nhau nghiên cứu tình trạng tâm lý của bà Thừa, họ đồng ý gửi bà vào ở trong một viện dưỡng lão từ đầu tuổi bà chưa đủ để phải vào ở đó.

Ở viện dưỡng lão, bà Thừa

đúng là một thân chủ lý tưởng. Bà không bao giờ gây tiếng động lớn, không phản đối, không đòi hỏi bất cứ điều gì. Họ bảo đi thì bà đi, bảo đứng thì bà đứng. Nhưng cũng chỉ ba ngày sau, bà y tá trưởng hết hoảng gọi điện thoại cầu cứu ông chủ tịch hội người Việt. Đã ba ngày, bà Thừa không chịu ăn bất cứ món gì họ cung cấp. Khi được dẫn xuống nhà ăn, bà Thừa thần thờ ngồi vào bàn. Không ăn, không nhìn kẻ đối diện. Bà yên lặng nhìn ra đường cho đến khi giờ ăn chấm dứt. Họ đem khay thức ăn vào tận phòng. Nhìn thấy, bà lẳng lẳng quay mặt vào vách. Họ đã thử hết

cho bà thì bà không chịu mở miệng. Cho người thiện nguyện đến gọi chuyện, bà nhắm nghiền hai mắt, như ngủ. Theo họ, hình như bà đang chìm đắm, đang bận bịu trong một thế giới nào khác quen thuộc và hấp dẫn hơn. Tuy vậy, bà chưa gây ra điều gì phiền nhiễu nên viện dưỡng lão vẫn để bà ở lại.

Sau khi bàn tán với ông chủ tịch hội người Việt, hàng ngày họ cho xe chở bà đến chùa. Ở chùa có đồng hương lui tới, có cơm Việt Nam, có không khí quen thuộc, họ hy vọng bà sẽ hồi tỉnh. Theo lời chị Hoa thì từ ngày tới chùa, bà Thừa

có ăn uống chút đỉnh, đầu không thường xuyên. Nhưng giữa tiếng người nói chuyện, giữa tiếng chuông mõ đổ hồi, bà Thừa vẫn tiếp tục yên lặng. Chưa ai thấy bà mở miệng. Bà luôn luôn đứng đưng, lơ lảo như ở chỗ không người.

Lúc chị Hoa ngừng kể cũng là lúc tôi thấy chiếc xe lớn bên ngoài có sơn hình cái xe lăn, chạy đến đậu trước chùa. Chị Hoa chồm đầu qua cửa sổ, gọi lớn:

- Chị Thừa, xe tới rồi đó.

Chị Hoa vừa gọi vừa chỉ tay ra đường. Bà Thừa ngồi yên, không nhúc nhích. Người tài xế chừng sốt ruột, mở cửa xe bước xuống. Ông ta đi thẳng ra sau chùa. Phải chăng ngày nào bà Thừa cũng ngồi cùng một chỗ? Nhìn thấy người tài xế, bà Thừa có vẻ hoảng sợ. Bà vội vàng đứng lên, lùi thúi theo ông ta ra xe. Bà đứng lên quá vội, vạt áo dài hất đổ hết đĩa thức ăn tôi mang biểu lúc trưa.

Bà Thừa ra xe, tôi cũng từ giã chị Hoa ra về, lòng băng khuâng vô hạn. Một dĩ vãng. Một cuộc đời. Những gì đã có. Những gì không còn nữa. Tất cả lần lượt qua đi. Như đám bèo trôi. Như bọt nước nổi.

Nhân một dịp ghé Montreal, gặp lại nhóm bạn bè cũ hàn huyên, chuyện xa chuyện gần, tôi có nhắc đến bà Thừa. Trong số người hiện diện hôm ấy có cả chị Tường Vân, một người có họ hàng xa với bà, và do đó, biết khá nhiều về cuộc đời bà.

Bà Thừa khuê danh là Tôn Nữ Bội Trân, thuộc một gia đình gồm ba chị em. Người chị là Bội Hoàn, cậu em út là Tôn Thất Kha. Cha Bội Trân chết khi cả ba còn nhỏ. Mẹ Bội Trân phải tảo tần nuôi ba con nhỏ. Tuy nhà nghèo nhưng Bội Trân và Bội Hoàn đẹp lòng lấy. Năm Bội Trân lên mười sáu tuổi thì Bội Hoàn đi lấy chồng. Cuối năm đó mẹ nàng cũng mất sau một cơn bệnh dai dẳng. Bội Trân và Kha được bà dì ruột ở cùng làng nhận nuôi. Bội Hoàn thì sống với chồng ở thành nội. Chồng Bội Hoàn là



con trai duy nhất của một trong những gia đình giàu có nhất Huế, thời đó. Từ ngày cưới, Bội Hoàn đã sống những ngày dài nhung lụa. Nhờ đẹp, Bội Hoàn được chồng say mê. Nhờ là con dâu độc nhất, Bội Hoàn được cả gia đình chồng chiều chuộng. Điều duy nhất họ mong mỗi nơi Bội Hoàn là mau sanh cho họ những đứa cháu trai nối dõi. Hai năm qua, kể từ ngày cưới, chưa lần nào Bội Hoàn có triệu chứng mang thai đâu nàng đã chạy chữa đủ thầy đủ thuốc. Nghe lời bày biểu của bạn bè, Bội Hoàn đi cầu đảo, coi bói khắp nơi. Ông thầy bói mà Bội Hoàn tin tưởng nhất đã bình rằng, đâu từ nhiều kiếp trước, Bội Hoàn mang nghiệp báo rất nặng. Muốn thoát nghiệp, Bội Hoàn phải tự giải cứu lấy mình. Từ đó Bội Hoàn siêng năng ăn chay, cúng dường, bố thí, tụng kinh cầu phước. Nàng trở nên tín đồ trung kiên của nhà chùa.

Lúc Bội Trân xách va-ly đến nhà chị cũng là lúc Bội Hoàn hăng say lao mình vào cửa Phật để cầu con. Từ ngày có em gái về thay thế, coi ngó mọi việc trong ngoài, Bội Hoàn càng vắng nhà nhiều hơn nữa. Phần Bội Trân, từ nhỏ đã phải sống những ngày dài thiếu hụt với mẹ. Về nhà dì, lại phải sống khép nép bên ông dượng và bảy em họ. Lúc đặt chân vào giang sơn nhà chị gái, Bội Trân thấy như lạc vào một thế giới thần thoại, điểm ảo nào. Bội Trân choáng ngợp, lao đao mờ mắt trước sự sang giàu của nhà anh rể. Bội Hoàn hay vắng nhà, Bội Trân có đủ tự do của một bà chủ nhỏ. Có những ngày rằm, mồng một, Bội Hoàn ngủ luôn ở chùa.

Hơn một năm sau, kể từ ngày Bội Trân đến ngụ nhà chị, một hôm giữa đêm khuya, thấy khó ở, Bội Hoàn gọi xe trở về nhà. Nhà trên, đèn phòng khách đã tắt. Sợ làm mất giấc ngủ của chồng, Bội Hoàn ra sau bếp gọi người làm mở cửa. Lăn mò lên nhà trên, nhìn qua cánh cửa khép hờ của phòng ngủ, dưới ánh đèn mờ, Bội Hoàn thấy chồng mình và cô em gái đang nhún nhảy trên

chiếc giường lò xo rộng lớn. Nàng lặng người, đứng chết sững. Nghe tiếng động, nhìn ra thấy bóng vợ, chồng Bội Hoàn quơ áo khoác vào mình rồi bước ra phòng khách ngồi hút thuốc. Bội Trân cũng từ từ mặc áo, lẩn bước ra theo. Cả hai đều bình tĩnh. Hình như họ đã chuẩn bị cảnh này từ lâu lắm rồi. Chỉ có Bội Hoàn là không hề hay biết gì cả. Nước mắt nàng tuôn như mưa:

- Sao anh lại nở nhả tâm làm chuyện tồi bại như vậy?

Bội Hoàn hỏi, trong tiếng nước nở.

- Đâu phải lỗi tại anh. Vì em không có con.

Chồng Bội Hoàn vừa nói lên một sự thật. Không gượng nhẹ. Cũng không thương xót. Cả một thời yêu nhau trước khi cưới. Mấy năm trời hạnh phúc bên nhau. Tất cả đã qua và đã hết. Nhìn em gái, Bội Hoàn dò dẫm:

- Còn cô, sao cô nở lấy chồng tôi?

Đôi mắt mở lớn, khuôn mặt ngược cao, Bội Trân trả lời như đã có suy tính trước:

- Em đã có bầu. Anh ấy cũng là chồng của em nữa.

Những lời rành rọt ấy được phát ra từ cái miệng của đứa em ruột. Đứa em mà Bội Hoàn đã săn sóc từ lúc nó còn nhỏ. Đứa em mà Bội Hoàn đã lặn lội về tận làng quê dẫn lên, nuôi cho ăn học. Nhìn vẻ thách thức của Bội Trân, nhìn vẻ lạnh lùng của chồng, Bội Hoàn biết là họ đã quyết định. Đó là chung cuộc của tình nghĩa vợ chồng. Cũng là chung cuộc của tình huyết thống. Cảnh vật chao đảo. Cặp mắt mờ dần. Bội Hoàn ngã ra bất tỉnh. Nàng nằm liệt giường suốt cả tuần lễ. Khi Bội Hoàn ngồi lên được thì cha mẹ chồng nàng qua thăm. Họ hờn hờ ra lệnh cho Bội Hoàn phải chính thức nhận Bội Trân làm vợ kế. Nhìn Bội Trân ngهنh ngang ra vô sai biểu, la hét người làm. Nhìn sự yêu chiều, săn đón không cần giấu giếm của chồng dành cho em gái. Nhìn sự quý mến đặc biệt của cha mẹ chồng đối với con dâu mới, Bội Hoàn tủi thân và hiểu rằng nàng đã mất hẳn chỗ đứng trong nhà. Nàng lủi thủi xếp dọn khăn gói lên ở hẳn trong chùa. Lúc rời nhà, Bội Hoàn nhìn thấy nổi bằng lòng, mãn nguyện tràn ngập trên khuôn mặt mọi người thân. Nàng

giọt buồn đêm mưa

*Có phải cơn mưa chiều thứ bảy
đưa nhau vào chiều rộng đam mê
ngây thơ em bỏ quên khờ dại,
vội vã trao nhau tuổi dậy thì!*

*Có phải giọt mưa chiều thứ bảy
rơi tan giờ hẹn ước ngày mong,
đưa nhau vào giấc buồn phiền khúc
để hát ru ngày tháng cuối đông!*

*Có phải trận mưa chiều thứ bảy
bay ngang thành phố lúc lên đèn
có hai kẻ ôm mình cô độc,
để thấy tình yêu vội lớn thêm!*

*Gió thổi đêm mưa vào vũ trụ,
hay vào rong ruổi của đời trai*

*của đời con gái nhiều đêm thức
nhiều cả bơ vơ giữa tiếng người!*

*Ngày cũ, ta quen những hẹn hò,
sang mùa hiện tại vẫn dành cho
những đêm mưa gió và khung cửa
và khoảng không gian nhớ nhạt nhoà!*

*Có phải đêm mưa làm thức giấc,
những hoang vu lạnh của ngày qua
những bản khoăn lớn trong chờ đợi,
và những chan hoà của xót xa!*

*Đêm vẫn diu mưa qua bóng tối,
qua bàng bạc nhớ đáng tiền thân,
thoáng nghe gõ cửa mùa trần trở
ta thét mơ hồ gọi cố nhân!*

xuân bích

cúi đầu bước ra, cố cho lòng chìm ngập trong hai từ "hỉ xả". Từ đó Bội Hoàn trở nên ni cô Tịnh Nguyên của chùa TĐ. Và Bội Trân là phu nhân chính thức của ông luật sư Thừa. Dễ dàng. Mau lẹ.

Để tránh sự đàm tiếu của bà con, bạn bè, đôi vợ chồng mới đưa nhau vào sinh sống ở Sài gòn. Với vốn liếng sẵn có của cha mẹ, họ tậu xe, tậu nhà. Con cái họ lần lượt ra đời. Bên ngoài, đó là một gia đình lý tưởng, khó ai bì kịp. Sài gòn đông đúc, xô bồ. Câu chuyện của Bội Trân mờ dần. Bao nhiêu năm dâu biển trôi qua. Năm mờ của ni cô Tịnh Nguyên an táng sau chùa, cô đã úa biết bao nhiêu lần. Nỗi vui buồn được thời gian gột rửa, phai dần đi.

Cho đến một ngày, Kha lừng lững xuất hiện trước ngưỡng cửa nhà chị. Kha đã vào quân đội. Dĩ vãng côi cút, hun đúc Kha một ý chí hơn người. Trên đường binh nghiệp, Kha dũng dạc cất bước bằng đôi hia bảy dặm. Chàng cũng đã có vợ có con. Ngày đám cưới, Kha có báo tin cho chị nhưng Bội Trân không trả lời. Khi được đổi vào làm việc ở Sài gòn, Kha vẫn

đến thăm chị. Quanh Kha, cuộc sống hối hả. Ngoài chiến trường, đồng đội lớp lớp ngã xuống. Kha đâu còn gì, ngoài chút tình của người chị ruột. Và từ đó Kha đi lại với anh chị. Hai gia đình trở nên kháng khí. Mấy năm sau, Kha được làm tỉnh trưởng Châu Đốc. Mỗi lần có dịp lên Sài gòn, chàng đều ghé thăm anh chị và không quên mang đủ thứ quà địa phương cũng như những món quà ngoại quốc hiếm có do dân buôn lậu chuyển qua từ biên giới. Chàng được anh chị và cả các cháu tiếp đón ân cần, niềm nở.

Nhưng rồi chính phủ đó bị lật đổ để thay bằng một chính phủ khác. Kha mất chỗ dựa, mất luôn chân tỉnh trưởng. Mấy gian nhà Kha tậu được ở lục tỉnh, ở miền Trung, bị niêm phong. Kha cùng một số bạn bè bị giữ điều tra về tội tham nhũng. Trong những ngày sôi động đó, người ta thấy ông bà Thừa chạy ra chạy vô sở công an. Họ cũng xăng xái tới lui thăm viếng, giúp đỡ vợ con Kha tận tình.

Kha bị kết án, phải nằm khám Chí Hoà mấy năm. Trong nỗi buồn rầu, lo lắng, Kha luôn luôn tự an ủi

là vợ con chàng đã có anh chị đỡ đần mọi việc lúc chàng vắng nhà.

Sau khi Kha có án, theo lời giải thích ân cần và cặn kẽ của anh chị, vợ Kha đem hết vòng vàng và hột xoàn đến gửi tù sắt nhà chị. Vợ chồng Kha sợ chính phủ mới lên, sau khi thu tóm của nôi, sẽ tịch thu tới của chìm. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, khi vào nhà lao mới xách cho chồng, vợ Kha đã bắt đầu than vãn:

- Tuần trước em tới nhà anh chị xin lấy hai cây vàng để chi xài và nộp xách cho anh, em phải đi lại tất cả ba lần mới gặp được, mà chị Thừa chỉ đưa cho em có một chỉ, còn cần nhân: "Cậu Kha tù tội, ở nhà vợ phải sinh sống tiện tiện chứ cứ lấy vốn ra ăn như vậy thì rồi núi cũng lở"...

Kha nhẹ nhàng an ủi vợ:

- Chị Trân tánh tình cẩn thận, có lo là cũng lo cho gia đình mình, đâu có gì đáng cho em phải giận!

Những lần sau vào thăm chồng, vợ Kha khóc lóc:

- Anh phải làm sao chứ em không thể tiếp tục sống cảnh này hoài được. Tiền bạc mình gửi mà mỗi lần em tới lấy là mặt mày anh chị sưng xía như mình đi xin.

Cuối năm thứ hai, nghe vợ kể lại là lúc đến lấy vàng đã phải nghe Bội Trân dằn vặt: "Mợ lành lặn như vậy sao không chịu tìm cách mua bán làm ăn, cứ nằm ngửa ăn bám của chồng, không sợ nhà chồng khinh bỉ sao?". Suy tính, đắn đo, Kha nhấn tin xin được gặp vợ chồng bà Thừa. Mãi một tháng sau bà Thừa mới lờ mờ đến một mình. Khi nghe Kha kể lại những lời than phiền của vợ, bà Thừa máng em xa xả:

- Cậu đúng là thứ đàn ông nhu nhược. Có con phải dạy. Có vợ phải biết tập cho nên người. Vợ cậu hư đốn, vô tích sự như vậy mà cậu cứ đợi lên đầu, hèn gì cậu ở tù cũng phải....

Thấy chị giận dữ, quày quả bỏ đi, Kha hối hận. Phải chăng chàng đã quá nuông chiều vợ?

Lúc mãn hạn tù, vợ chồng Kha

ngủ quên mười năm

Ngủ quên trong trái tim gầy
Ân tình trĩu nặng từ ngày ra đi
Hẹn thề chờ đợi mà chi?
Đò ngang lỡ chuyến, người đi không về!

Ngủ quên trong cội u mê
Để người ở lại, e chờ đợi mong
Mười năm đứng ngóng ngồi trông
Tuổi xuân bỏ lỡ, má hồng nhạt phai.

Ngủ quên trong cội trần ai,
Lỡ quên không gửi cành mai cho người.
Thì thôi xin gửi nụ cười
Mười năm tình lỡ, cả đời lao đao.

Ngủ quên cơn mộng xanh xao
Mưa trên mái ngói ngọt ngào tiếng ru
Mười năm cơn mộng phù du
Giật mình tỉnh dậy, thiên thu còn sầu.

nguyễn mạnh tiến



sắm sửa lễ vật đến đèn ơn và xin lại số vốn đã gởi. Ông bà Thừa vui vẻ, vồn vã tiếp đón. Khi nghe Kha nhắc đến chuyện lấy của về, bà Thừa ngọt ngào giải thích:

- Cậu mới ra tù, biết đâu chính phủ mới còn cho người ngầm theo dõi. Cứ để anh chị giữ gìn một thời gian nữa, coi ra sao đã! Mất đi đâu! Vội vàng quá về sau có hối cũng không kịp nữa.

Bà còn chồm người tới trước, đặt tay lên vai Kha, ngậm ngùi:

- Mình chỉ có hai chị em côi cút, không thương mến và lo lắng cho cậu, chị còn lo cho ai nữa? Nhà anh chị tường cao cổng dày, ai muốn vô lọt cũng khó. Nhà cậu mới chỉ có hai vợ chồng và ba đứa con nhỏ, ôm đông của về, chị lo lắm!

tiếp thêm nhánh củi

Ở lại người chờ tin
Một ngày mai đất nước
Sẽ hát khúc thanh bình
Cho thỏa niềm mong ước
Ngày đi ta tâm nguyện
Đem về cờ tự do
Cắm giữa lòng đất Việt
Cờ hạnh phúc ấm no
Dù ngăn cách đại dương
Nhưng ngại gì biên giới
Vì chúng ta chung đường
Chung trái tim nóng hổi
Ta nhóm ngọn lửa hồng
Người tiếp thêm nhánh củi
Ngọn lửa sẽ sáng bừng
Xua tan bầu trời tối
Đã mấy mùa ly biệt
Niềm tin có mòn không
Hay vẫn còn tha thiết
Như máu đỏ một dòng
Người hãy tin ngày về
Sẽ không còn xa lắm
Sao đêm bão tới bờ
Ngày mai tràn nắng ấm

minh tuần

54 làng văn

Thôi, cậu mới cầm một cây về làm vốn, lúc nào ổn ổn rồi lên lấy hết một lần cho tiện.

Rồi họ ân cần giữ vợ chồng Kha lại ăn cơm. Trong bữa cơm, ông Thừa để mặc vợ nhắc lại tình nghĩa, kỷ niệm chị em xưa cũ.

Hôm ấy hai vợ chồng Kha nhận cây vàng ra về trong nỗi an ủi là bà Thừa nói cũng có lý.

Biển số 75 ào ạt ập đến. Người đi kẻ ở. Kha cũng nôn nóng chạy đến hỏi ý kiến anh chị. Họ rành ròi giải thích:

- Biết đi đâu bây giờ? Anh đọc báo thấy tại ngoại quốc còn không có công ăn việc làm, mình kéo nhau qua đó, biết lấy gì nuôi con?

Kha nao núng, hoang mang đành ở lại. Lúc mọi sĩ quan đi học tập, Kha không trình diện. Chàng nghĩ mình thuộc loại đã từng bị tù với chính phủ cũ rồi. Tuy vậy Kha vẫn sợ. Chàng có ý định đưa gia đình về Huế để tránh diêm chỉ. Kha đến bàn với anh chị, đồng thời xin lại số vốn đã gởi để về quê. Lần nào ghé nhà Kha cũng chỉ được gặp mấy đứa cháu và nghe chúng nó trả lời: "Ba mẹ con đi vắng rồi".

Một đêm khuya, đang ngủ, Kha bị công an ập vào nhà còng tay dẫn đi vì có kẻ tố cáo là chàng trốn học tập. Sáng hôm sau, vợ Kha tất tả chạy lại nhà ông bà Thừa báo tin. Bà Thừa ân cần giúi vào tay vợ Kha chiếc khoen vàng một chỉ:

- Mợ thấy chưa? Anh chị có bao giờ nói sai. Để tài sản ở nhà anh chị có phải chắc hơn không? Mợ thiệt là có phước.

Về sau, lối xóm thấy vợ Kha thì thòp tới lui nhà anh chị chồng hoài, nhưng không mấy khi gặp được bà Thừa. Cho đến một hôm, cũng giữa đêm khuya, vợ con Kha bị xe công an đến xúc bỏ lên vùng kinh tế mới. Chỉ độ một tháng sau khi bị đưa đi, vợ Kha trốn về Sài Gòn lần mò tới lại nhà anh chị chồng. Hôm ấy hai cánh cửa sắt nhà bà Thừa mở rộng, nhưng hai cánh cửa trong lại đóng im ỉm. Người ta thấy vợ Kha đứng đợi gần suốt một ngày. Cho đến chiều cánh cửa trong mới hé

mở. Ba đứa con bà Thừa xuất hiện. Cô gái lớn xắn tay áo hừng hỏ xô vợ Kha ra cổng. Cậu con trai và đứa con gái nhỏ thì đấm đá vợ Kha túi bụi. Lối xóm tò mò bu lại xem. Qua hai cánh cửa khép hờ, người ta nghe được giọng nói the thé của bà Thừa:

- Tổng đầu nó đi! Đóng cửa lại!

Hai cô con gái lạnh lệ xông vào nhắc hai cánh tay. Cậu con trai bỏ hai ống cẳng. Vợ Kha bị nhắc bổng lên, vất ra đường. Lồm cồm bò dậy, vợ Kha nín hai cánh cổng gào khóc the thảm.

Khi trời tối hẳn, hai cánh cửa trong nhà mới nhẹ nhàng mở ra lần nữa. Ông bà Thừa xuất hiện. Ông Thừa tay chống nạnh, mắt long sông sọc:

- Mợ trốn từ vùng kinh tế mới về, phải không? Cả hai vợ chồng mợ đều chống phá "cách mạng". Liệu hồn rồi cũng đi tù như chồng, con cái bỏ không ai nuôi.

Nói xong, ông ta quay lại, bước vào nhà. Bà Thừa mặt mày đỏ lừng, hấp tấp nói lời chồng:

- Mợ là thứ người vong ân bội nghĩa. Không có con gái già này, thử hỏi bấy lâu nay mẹ con mợ lấy c. gì để đổ vào miệng?

Rồi như chưa hả giận, bà vung tay thách thức:

- Tôi nói thật, mợ có ức thì cứ đi thưa đi! Thứ của hối lộ đó, mợ khai ra coi, xem ai phải đi tù!

Rồi bà quày quả vô nhà, đóng kín cửa lại. Vợ Kha đứng dựa cổng khóc cho đến khuya. Từ đó, không ai còn thấy vợ Kha trở lại. Và ông bà Thừa cũng lần lượt ra đi.

Kể xong câu chuyện, chị Tường Vân ngậm ngùi kết luận:

- Sau 75, chuyện lừa đảo xảy ra nhan nhản. Nhưng lừa chị, gạt em cạn lạng như bà Thừa, thì kể cũng ít có người dám làm...

Mọi khuôn mặt nghe chuyện đều ngẩn ra, bàng hoàng. Riêng tôi vừa lắng nghe chuyện vừa nhớ lại hình dáng của bà Thừa: Bộ tịch lơ lảo. Cái nhìn đờ đẫn. Bất giác tôi run sợ, đầu không biết rõ, đích thực tôi sợ cái gì!

Cho Nước Theo Dòng

Hồng Hoang

*Người yêu tôi ơi
Chuyện tình mình sao buồn như lá úa
Em hãy ngồi lại đây
Ta cùng nghiêng vai gánh lấy nỗi sầu
Đừng buông tiếng khóc
Vì mình chỉ là những dòng sông...*

Giọng hát êm dịu, ngọt ngào và thu hút hồn người! Đây là cảm tưởng đầu tiên của tôi khi vừa bước chân vào nhà hàng Biển Ngọt.

Tôi nghiêng đầu để nhìn cho rõ mặt chàng ca sĩ. Một người da đen! Khuôn mặt đen đó, dĩ nhiên, nổi bật lên giữa những khuôn mặt da trắng khác. Bản nhạc đang ở điệu Chacha nhưng người ta cứ phải đi theo điệu Slow vì không còn chỗ trống để di chuyển trên sàn nhảy. Từng cặp và từng cặp đi nhau. Phải nói là họ đang chen nhau để có một chỗ đứng. Khuôn mặt chàng ca sĩ cứ lúc ẩn lúc hiện phía bên kia sàn nhảy, trông giống như cái màn ảnh truyền hình đang bị trục trặc kỹ thuật. Giàn âm thanh được thiết kế thật là tuyệt hảo. Tuy nổi nhưng không ồn, không tạo cảm tưởng như những nhát búa đập chan chát vào tai. Tự nhiên tôi cười một mình.

Chàng của tôi, Walter, đang im lặng thưởng thức món ăn mà chàng ưa thích. Tôm hùm hấp rượu vang có lớp sốt cà chua chan lên trên. Biết nói sao bây giờ, tôm hùm thì tôi thích còn nước sốt cà chua thì không. Tánh

tôi ít khi phản đối, bởi thế tôi đã ngồi lặng thinh khi Walter kêu món ăn này cho hai người. Nếu ngồi trong một nhà hàng sang trọng và lịch sự như thế này mà phải cầm cái nĩa để cào cào hắt hắt lớp cà chua phủ trên mấy miếng tôm ... thì trông không được thanh nhã cho lắm. Dĩ nhiên tôi đâu muốn làm chuyện đó. Thế thì sao? Thì há miệng ra ăn chứ sao nữa! Walter ngẩng lên nhìn tôi:

- Em ăn trông ngon miệng lắm.
- Thật hử anh?

Tôi hỏi lại và ngạc nhiên với chính mình. Walter trả lời một cách tự nhiên:

- Em ăn trông vô tư như một đứa trẻ đang ăn miếng bánh ngọt. Anh chưa từng thấy bao giờ.

Tôi ngỡ ngàng nhìn lại đĩa thức ăn. Walter nhận xét không sai chút nào cả. Tôi đã ăn ngấu nghiến mà không hay. Tôi nuốt những miếng tôm hùm có dính cà chua đỏ đỏ trôi tuồn xuống cổ họng như nuốt những miếng sương sa. Tôi đâu có dễ ăn như vậy bao giờ? Hình như là nhờ ở tiếng hát? Chàng ca sĩ vẫn tiếp tục rót giọng hát ngọt lịm vào tâm tư tôi. Giọng hát tình tự. Vuốt ve.

*Anh không thể dùng lời
để diễn tả*

Tình anh với em

Đưa em vào mùa hạ

Hay đưa em vào mùa xuân



*Mùa nào cũng chưa đủ
Cho anh trao gửi
cuộc tình mình...*

Trời ơi! Chẳng lẽ tôi gào thét lên ở đây? Một tiếng gào tha thiết. Một tiếng thét êm ái. Rằng tôi thông cảm với lòng người ..

Tôi thở dài nhẹ nhẹ, chỉ sợ Walter hay được, nhưng không, chàng vẫn bình thản đưa vào miệng miếng tôm cuối cùng trong đĩa. Ước gì tôi được nghe tiếng hát này mỗi buổi tối. Chắc là tôi sẽ dễ ngủ hơn, dễ ăn hơn và dễ tỉnh hơn. Cái thân hình gầy gầy của tôi sẽ thêm được chút da thịt cho ưa nhìn hơn. Thỉnh thoảng, Walter ngấm nghĩa tôi rồi phê bình:

- Em hơi gầy đó. Hãy cố gắng ăn nhiều nhiều cho lên cân thêm tý nữa.

Đàn bà cần phải mát da mát thịt mới hấp dẫn đàn ông.

Chàng nói đúng, nhưng tôi biết làm sao bây giờ? Kén ăn kén uống là cái bịnh kinh niên từ thuở nhỏ. Mấy năm gần đây lại mang thêm cái bịnh khó ngủ thật là bực mình. Đi ngủ phải đúng giờ. Trễ hơn hoặc sớm hơn chừng tiếng đồng hồ là mất giấc trọn vẹn. Đang ngủ mà tiếng mèo nhảy trên nóc nhà cũng choàng tỉnh. Tiếng ai ho ở cuối hành lang cũng mở mắt...

Ở xứ này, các bà các cô phải giữ gìn cách ăn uống kỷ lưỡng lắm. Kiêng thứ nọ, cử thứ kia, nếu không thì vòng eo sẽ lớn hơn vòng ngực. Còn tôi, chả cần phải giữ, cái eo cũng nhỏ xịu y như eo con nít. Nhưng ác hại thay, một cô gái gầy gò thì bộ ngực có khi nào nở nang cho được? Đôi lúc tôi hơi mặc cảm về bộ ngực phẳng như phi trường của mình, nhưng Walter đã khéo léo an ủi:

- Anh yêu em, yêu luôn cả tánh tình lẫn cách sống chứ đâu phải chỉ có thể xác. Bộ ngực đầy hay bộ ngực lép đâu có gì khác nhau!

Đó là điểm rất dễ yêu của Walter. Lúc nào chàng cũng tế nhị trong lời ăn tiếng nói. Nếu không, có lẽ tôi đã không yêu chàng. Tôi yên lặng nhìn chàng, nhìn đôi mắt xanh, trong như mắt mèo. Sống mũi thẳng như hình vẽ. Một chút râu mép khiến cho nụ cười chàng thêm quyến rũ.

Walter hớp một chút rượu, mỉm cười tỏ vẻ hài lòng về bữa ăn, dĩ nhiên! Tay chàng tìm tay tôi trên bàn, siết nhẹ:

- Em à!

- Gì anh?

- Em biết không, đôi khi anh chợt nghĩ, nếu ngày nào đó, em không còn là người yêu đầu của anh, chắc anh... không biết nữa...buồn lắm em ơi...

Walter ngáp ngừng bỏ lửng câu nói. Chàng nhìn ngọn nến trắng trên bàn. Ánh lửa đang chao động nhẹ nhàng. Ánh lửa mềm mại, yếu ớt và lung linh như thể có linh hồn. Ngọn nến đang sống đó phải không? Nếu phải thì đó là một cuộc sống tàn lụi. Mang tia sáng đến cho loài người, cuối cùng, ngọn nến nhận về cho mình là bóng tối mênh mông. Tôi muốn thờ dài,

nhưng kịp ngưng lại. Kỳ cục quá. Tự nhiên lại cảm thấy xót thương cho thân phận của ngọn nến. Mà có ai nhìn thấy được linh hồn ngọn nến giống như mình đang nhìn thấy không? Tôi chăm chú mãi vào cái điểm lập lòe, mỏng manh đó, quên mất rằng Walter vẫn ngồi kia. Rồi bàn tay tôi bị lay nhẹ:

- Em, nghĩ gì vậy?

Mắt tôi phải chớp chớp mấy lần mới trở về với thực tại được. Tôi nói thật nhỏ:

- Em nghĩ về cuộc sống quá phức tạp này. Tại sao yêu nhau? Tại sao làm khổ nhau? Trước tiên, hai con người cố gắng tìm một lối nào ngắn nhất để đến gần nhau. Khi đã được đứng chung nhau ở một điểm, họ lại không chịu cố gắng xác định cho rõ đó là điểm khởi hành hay là điểm kết cuộc! Từ chỗ không xác định được, họ cảm thấy bất khoan, rồi họ day nghiến nhau. Có thể cấu xé nhau cũng nên. Cuối cùng họ lại chạy loanh quanh để tìm một lối nào nhanh nhất để rời xa nhau.

- Em suy tư nhiều quá. Hình như em không mấy hài lòng về tình trạng ly dị của anh?

- Không phải vậy đâu, Walter. Em chỉ nói để mà nói. Em chẳng đặt vấn đề hài lòng hay không.

- Ừ, thôi. Mình ra nhảy bản này nghe em.

Chúng tôi đứng lên. Sàn nhảy vẫn còn đầy nghẹt người. Vừa nhích chân chen vào được là lỗ mũi tôi ngửi ngáy muốn hắt hơi bởi những mùi nước hoa khác nhau đang quện lẫn trong không khí. Qua bờ vai Walter, tôi nhìn chàng ca sĩ và mỉm cười. Chàng nhìn tôi, nét mặt không thay đổi. Tiếng hát chàng vẫn tiếp nối lên nhẹ vào hồn người. Âm điệu thưa và chậm. Những bước chân di động cũng chậm như thể lưu luyến ở một vị trí không muốn thay đổi. Nụ cười và ánh mắt tôi vẫn trao về chàng. Thiết tha. Nồng nàn.

- Xin cảm ơn quý vị, chúng tôi xin được tạm ngưng trong chốc lát.

Tiếng vỗ tay bùng lên như tiếng pháo nổ dồn. Tôi bàng hoàng đi theo Walter trở về chỗ ngồi. Chàng gọi

món bánh ngọt ăn tráng miệng. Tôi kêu thêm ly nước trái thơm chua chua. Walter ăn chậm rãi giống như một khúc phim quay không đủ tốc độ. Chàng đang suy nghĩ một điều gì đó có vẻ quan trọng. Tôi nửa muốn hỏi nửa không. Mơ hồ trong tôi đang có một nỗi trống vắng, thiếu sót. Tôi đang ray rứt về một cái gì đó mong lung lắm, không thể xác định. Walter chợt bỏ cái muỗng xuống trong lúc miếng bánh vẫn còn hơn phân nửa trong đĩa.

- Em có nghĩ là mình nên chính thức thành hôn với nhau không?

Tôi do dự đưa ngón tay gọt gọt những bọt nước bám ngoài thành ly. Trời ơi, nếu chàng hỏi tôi câu này trong ngày hôm qua, thì tôi đã trả lời xong rồi. Đêm nay, tâm hồn tôi đang lạc lối. Chàng đã chọn sai lúc để hỏi một câu quan trọng! Tôi không trả lời được! Walter hít một hơi thật dài:

- Anh hiểu, em cũng cần phải có thời gian để suy nghĩ. Nhưng, mình yêu nhau hơn một năm rồi...

Tôi vẫn ngồi yên, mặc cho Walter nói. Giọng chàng trầm trầm, chậm rãi. Chàng đang cố thuyết phục, ru ngủ, nhưng chàng không hay rằng tâm hồn tôi đang tan loãng ra theo dư âm giọng hát. Tôi đang khao khát, chờ đợi cho tiếng hát trở lại. Rõ ràng là tôi không thích cái lối "tạm nghĩ" này!

- Trả lời anh đi?

- Trả lời gì cơ?

- Em chấp nhận lời cầu hôn của anh không? Anh cần có em.

- Ừ... thì... chấp nhận!

Walter chồm người qua hôn tôi trong lúc tôi vẫn nhận thức một cách mơ hồ rằng mình đã nghe và đã nói những câu gì gì đó không rõ nghĩa lắm...

Tôi đến nhà hàng Biển Ngọt chỉ có một mình. Tối nay, Walter phải đến nhà người vợ trước để đón hai đứa con chàng đi ăn. Walter đã muốn tôi cùng đi, nhưng tôi từ chối, viện lý do rằng cha con chàng phải cần một khoảng thời gian riêng tư để tâm sự với nhau. Đây chỉ là một cách nói khéo. Nếu phải nói thẳng thừng ra,

thì tôi mới chính là người cần có một khoảng thời gian riêng tư. Tôi muốn được nghe chàng ca sĩ da đen hát. Tôi muốn thưởng thức tiếng hát với sự bình thản của tâm hồn.

Cô chiêu đãi đưa tôi đến chiếc bàn ở sát cửa kiếng bên trái. Từ nơi này, tôi có thể nhìn xuống thấy gần phân nửa thành phố Vancouver về đêm. Hàng triệu ánh đèn lấp lánh bên dưới và xa xa trông giống như một tấm thảm dát kim tuyến. Ngọn nến trắng trên bàn trông lả lơi như đang nhún nhảy theo một điệu nhạc trầm lắng. Tôi mở bản thực đơn ra, liếc mắt từ trên xuống dưới. Từ trái sang phải. Đảo đi đảo lại mấy lần vẫn chưa chọn được món ăn. Tôi xếp tờ thực đơn lại, ngồi yên lắng nghe.

*Ta, vẫn từng đêm rồi từng đêm
Trong bóng tối, nằm im chờ giấc
mộng*

*Thấy em mỉm cười với nụ hôn
ngoan*

*Ta, yêu em tình như biển rộng...
Em, hãy ở lại, đừng bỏ nhau mà
đi*

Tôi nghe hồn mình ấm áp bởi giọng hát nồng nàn như âm hưởng của một thời tâm tình vụng dại. Lời chàng như thể tình tự với riêng tôi, rót mật vào môi tôi, vuốt ve vào má tôi ... Cảm xúc bỗng nhiên bị đứt đoạn khi cô chiêu đãi dừng lại trước mặt tôi với đĩa tôm hùm có lớp sốt cà chua chan lên trên. Tôi mở to mắt nhìn cô ta đang thân nhiên đặt đĩa thức ăn xuống bàn. Tiếp theo là ly rượu màu hồng nhung. Rồi cô đặt nhánh hoa hồng đỏ thắm nằm vắt ngang trên miệng ly rượu. Sau cùng là mảnh giấy nhỏ gấp đôi. Cô mỉm cười:

- Chúc bà ăn ngon miệng.
- Ô.. mà.. chắc cô làm rồi đó ? Tôi chưa kêu món ăn mà ?
- Thưa bà, tôi không làm đâu. Đúng là bà chưa kêu món ăn, nhưng một người khác đã yêu cầu tôi tiếp đãi bà bữa ăn tối này từ lúc bà mới bước vào.
- Người nào thế ? Nhưng tại sao lại là món ăn này ?
- Một người không muốn nói tên.
- Nhưng tôi không thích món này và không biết uống rượu.
- Bà vẫn có thể kêu thứ khác. Tôi nghĩ, người ấy không ép bà phải ăn

món này. Còn ly rượu thì cứ dùng làm vật trang trí cho nhánh hoa thêm dài các, thế thôi.

- Ủ nhỉ, cô chờ tôi ly nước trái thơm, nhiều nhiều đường một chút.

Cô ta mỉm cười quay đi. Tôi cầm mảnh giấy lên đọc. "Xin được hân hạnh mời cô bữa ăn tối nay. Có lẽ hơi đường đột, nhưng sự bất ngờ nào cũng làm vương vấn lòng người. Chúc cô ăn thật ngon và xin nhận cành hoa hồng này, vì nó diễn tả được ngôn ngữ của sự im lặng." Chữ ký xoắn lại như hình tròn ốc.

Tôi đảo mắt nhìn chung quanh. Không thấy ai nhìn mình, làm sao đoán được ai? Chàng ca sĩ đang say sưa xuống giọng diễn tả những nốt nhạc thấp nhất. Những nốt nhạc trầm, nếu muốn được trao gởi đến người nghe một cách trung thực, có lẽ phải cần đến cái giọng trầm đặc biệt của những người da đen như chàng. Tôi nhìn lại đĩa tôm hùm, ly rượu và cành hoa. Ước gì tôi được ngồi nhìn mãi những thứ này? Ngọn nến trắng nữa. Lấp lờ. Tôi tối. Sang sáng.

Ly nước trái thơm được mang tới. Tôi uống một ngụm rồi bắt đầu ăn. Chỉ được phân nửa, tôi buông nĩa xuống. Không làm sao nuốt thêm nổi. Một người đàn ông đầu sói đi tới, nghiêng mình nói:

- Xin mời cô khiêu vũ?
- Tôi mỉm cười :
- Cảm ơn nhã ý của ông, nhưng tôi chưa thích ra sàn nhảy bây giờ.
- Người đàn ông nhún vai quay đi. Tôi nhìn theo sau lưng hắn, cảm thấy bất mãn. Cái đầu sói là điểm thứ nhất tôi không thích; cử chỉ nhún vai là điểm thứ hai tôi không ưa. Ví dù hắn có mang đến cả chục nhánh hoa để tặng, tôi cũng chưa hết ghét. Nhưng, hoa kia có phải là của hắn hay không? Cũng hơi bức mình đấy!

Tôi bỏ cái khăn ăn lên bàn, đứng dậy định ra về. Nhưng, ở cái góc độ cuối cùng của tia mắt, tôi phát hiện có một người đang đi tới. Một khuôn mặt da đen. Và một nụ cười để lộ hàm răng trắng bóng, đều đặn. Tiếng nói phát ra êm và nhẹ:

- Chào cô, buổi tối đẹp chứ ?

- Thì cũng ... được thôi.
- Tại sao ? Hình như cô không được vui?
- Không biết nữa, nhưng cũng chẳng có gì buồn.
- Cô có định mời tôi ngồi đây không?
- Tôi ... muốn đi về.
- Đêm chưa khuya mà! Nếu không có gì vội, mong cô hãy ngồi lại thêm giây lát.
- Cũng được, mời anh ngồi. Tôi thích tiếng hát của anh.
- Thật ư? Tôi sẽ hát riêng cho cô nghe, nếu cô không từ chối.
- Tại sao tôi phải từ chối? Nhưng khi hát riêng cho tôi, liệu nó còn hay như hát chung cho mọi người không?
- Hãy đặt câu hỏi ngược lại là khi nghe hát riêng, nó còn hay như cô vẫn nghe hát chung với mọi người không?

- Tôi bật cười:
- Anh nói chuyện cũng hay không thua gì hát.
- Thật vậy sao? Cảm ơn. Kìa cô ngồi đi chứ?
- Vâng, thì ngồi.

Tôi dời ánh mắt mình ra khỏi nụ cười trắng bóng của hàm răng chàng. Có một chút ngỡ ngàng trong tôi. Tại sao chàng đến? Nụ cười của chàng quyến rũ hết sức. Nụ cười của chàng đã làm mờ đi điểm tương phản của cái sống mũi thấp và hơi thô.

- Cô nghĩ gì thế?
- Nghĩ về một sự bất ngờ.
- "Sự bất ngờ nào cũng làm vương vấn lòng người", phải không?
- Mắt tôi mở tròn:
- Ô! Thì ra anh là người đã tặng hoa và bữa ăn. Tại sao?
- Tại nụ cười và ánh mắt của cô bữa trước. Nó như thể là một sự bất ngờ. Lòng tôi thành ra vấn vương. Dù chưa nghe một câu nói, dù chưa bày tỏ một nỗi niềm, tôi vẫn hiểu ...Ngoại trừ .. cái tên của cô thì chưa đoán ra!
- Tên tôi là July.
- July! Cái tên nghe ấm áp lòng người, dĩ nhiên, vì nó là biểu tượng của mùa hè. Cô biết tôi tên không nhỉ?
- Chắc là không.
- Hàng mi dày của chàng chớp

chớp :

- Mẹ tôi đã đặt tên cho tôi bằng tất cả sự hân học và đầy nghiêm của bà. Tôi tên Junk ! Nghĩa là đồ bỏ, đồ vô dụng, đồ thừa thãi.

- La nhỉ!

- Có gì lạ đâu. Tại mẹ tôi không thích con trai. Tại mẹ tôi thù ghét ba tôi.

- Một mối thù nằm giữa tình vợ chồng ư?

- Mẹ tôi nói, ba tôi là thứ đàn ông vô tích sự, để con trai làm chi để có thêm những thằng con trai hư đốn cho đời này! Ngày trước, ông nội tôi chết, gia tài còn lại là một nông trại khá lớn. Mẹ tôi đã làm khi nghĩ rằng, cái nông trại đó sẽ là một bảo đảm cho tương lai nếu mẹ nhận lời cầu hôn của ba. Cô biết mà, nông trại là một khu đất cần phải được canh tác, trồng trọt mới sinh huê lợi. Người ta nói đất để ra vàng, không có nghĩa là ngồi yên nhìn mà thấy vàng. Thế nhưng, ba tôi chẳng buồn mớ tay vào miếng đất, miếng cát gì hết. Ba tôi ngồi không ăn. Ăn gì? Cạp đất ăn có được đâu! Cuối cùng thì bán đi. Bán được nhiều tiền rồi lại sinh tật. Cờ bạc. Rượu chè. Những thứ đó, tiền có chất như núi cũng phải lở. Mẹ tôi đã buồn khổ, oán hận. Năm tôi được sáu tuổi thì mẹ bỏ tôi lại chỉ dất chị tôi ra đi. Bà đâu hiểu rằng, cha tôi không những chỉ vô trách nhiệm với vợ mà còn không hiểu gì là trách nhiệm với con. Bỏ tôi lại là một việc làm tàn nhẫn. Năm mười bốn tuổi, tôi trở thành kẻ lang thang. Hận cha thì nhiều, ghét mẹ thì ít, vì dù sao mẹ cũng đã từng mang nặng đẻ đau... Đời tôi buồn lắm, cô ạ!

- Thôi, những thứ đó đã là dĩ vãng. Mỗi người đều có một hoàn cảnh khác nhau. Mình nói chuyện hiện tại đi.

- Ừ, thì chuyện hiện tại. Người đàn ông đi chung với cô hôm trước là ai vậy?

- Là Walter, người yêu của tôi.

- Cô có biết là cô vừa dội một ly nước lạnh vào mặt tôi không?

- Tôi không cố ý như thế...

Cô chiều dài đi tới:

- Junk ! Ban nhạc đang chờ anh

kia.

- Ừ, cảm ơn em.

Chàng nhìn tôi :

- Rất tiếc là tôi phải trở lại hát. Mong cô vui lòng chờ đến giờ cuối, chúng ta sẽ tiếp tục câu chuyện.

- Tôi muốn về bây giờ.

- Đừng về! Hãy chờ tôi thêm một tiếng đồng hồ nữa. Đừng để tôi cô đơn trên đường về đêm nay. Tôi năn nỉ July cũng như cầu xin Chúa. Chưa có ai chờ tôi ở đây lần nào, mong cô hãy làm người đầu tiên chờ đợi. Nếu có thể bỏ được buổi hát, tôi sẽ không ngần ngại gì mà không ra về ngay bây giờ. Nhưng, July ạ! Tôi còn phải trả nợ áo cơm.

Lòng tôi mềm nhũn trước ánh mắt khẩn cầu của chàng. Tôi gật đầu một cách vô thức. Chàng nở nụ cười trước khi quay đi. Một nụ cười có ma lực quyến rũ người vào sa ngã.

Chúng tôi quàng tay nhau đi ra khỏi nhà hàng như một đôi tình nhân hay một cặp vợ chồng. Junk chạy xe thật chậm trên đường phố Vancouver đang ngủ yên lúc nửa đêm về sáng. Thỉnh thoảng lắm mới thấy một chiếc xe xuất hiện. Cả hai vẫn im lặng. Tôi biết là Walter đang chờ tôi gọi điện thoại cho chàng. Hồi chiều chàng đã dặn tôi như thế. Nếu chàng biết giờ này tôi đang ngồi trên xe với người đàn ông khác, chàng sẽ nghĩ sao? Tôi xoay qua hỏi:

- Sao anh chạy chậm quá vậy?

Khuya rồi.

- Anh muốn kéo cho thì giờ dài thêm.

- Chi vậy?

- Buồn quá. Anh không muốn trở về nhà đêm nay. Tự nhiên anh cảm thấy sợ nỗi cô đơn, sợ sự trống vắng của căn gác trọ. Em thử nghĩ, cuộc sống của một ca sĩ như anh, đâu có gì hãnh diện. Đêm đêm mang tiếng hát cho người, rồi ai sẽ hát cho mình mỗi khi mình cần được nghe một giọng hát? Trong lúc mọi người đang ăn uống, cười đùa vui vẻ thì anh phải uốn giọng diễn tả những nỗi lòng bằng âm thanh, bằng sóng nhạc. Trước mắt anh, họ khiêu vũ, họ hôn nhau, họ trao nhau những ánh mắt

tình tự... Tự nhiên mình phải làm một nhân chứng bất đắc dĩ. Người ta đắm đắm ngay bên cạnh mà mình thì đưa tay với hoài không tới. Có lẽ anh là một thứ vô dụng giống như cái tên của mẹ đặt cho. Vô dụng đến độ không thực hiện nổi cho mình dù chỉ một mơ ước nhỏ, một người yêu dấu chẳng hạn. Biết bao nhiêu khuôn mặt tình ái đi qua không dấu vết lưu lại. Những cuộc tình ngắn ngủi... một đêm. Chán lắm, em ơi! Những tiếng nói không bảo chứng của tình yêu vẫn được lặp đi, lặp lại không nhàm chán. Những cô gái ngủ với người đàn ông này đêm nay rồi đêm mai có người đàn ông khác thay thế...

- Em đồng ý với anh. Người ta dễ dãi nghe và tin, không mấy may lo sợ!

Junk cho xe dừng lại ở một nhà hàng cất toàn bằng cây gỗ tròn, đen đen mốc mốc, nhưng họ đã treo bảng đóng cửa. Chàng cho xe chạy tiếp, lăm lăm:

- Lâu quá không vào đây nên anh không nhớ họ đóng cửa mấy giờ.

- Đã hơn nửa đêm rồi, chắc chỗ nào cũng đóng cửa hoặc đang chuẩn bị đóng cửa.

Junk lặng thinh tiếp tục lái xe chậm chậm qua hết đường phố này đến đường phố khác. Cuối cùng chàng cho xe chạy vào bãi đậu phía sau của một cao ốc. Tôi hỏi:

- Đây là đâu vậy?

- Nơi anh ở.

- Anh phải cho em về chứ?

- Tại sao về?

- Đã hơn nửa đêm rồi còn gì.

Junk cười nhẹ:

- Thời gian có bao giờ dừng lại đâu mà em phải lo nghĩ? Hãy nghĩ về những gì mình muốn làm, và làm một cách thoải mái. Ngày và đêm vẫn thay phiên nhau đi qua, em có níu lại được đâu mà phải xác định cho rõ là nửa ngày hay nửa đêm.

- Em không muốn vào nhà anh.

Junk lặng lẽ tắt máy xe. Chàng ngồi im nhìn tôi. Trong bóng tối lơ mơ, tôi chỉ nhận biết như vậy chứ không thấy rõ được mắt chàng. Khuôn mặt đó đang hướng về phía tôi.

- July à, em phải biết, khi đã là một con nước, khi đã là một dòng sông, hãy để cho con nước chảy, hãy để cho dòng sông trôi. Chúng mình là những thứ gì đó đang bị cuốn trôi theo dòng đời. Em đừng cố gắng bơi ngược lại, vừa phí sức vừa chẳng được gì. Em phải hiểu lòng mình.

- Em hiểu chứ sao không. Em đã có người yêu, em không thể vào nhà người đàn ông khác lúc nửa đêm như thế này.

Junk tìm được bàn tay tôi trong bóng tối, giọng chàng thấp xuống :

- Em đã hiểu lầm về tình yêu rồi đó. Em chỉ mới là một kẻ chạy quanh chạy quẩn chứ lòng em chưa thật sự yêu. Tình em chưa dừng lại ở Walter như em vẫn tưởng. Walter chỉ là một người đàn ông ở bên cạnh em chứ chưa phải là người đàn ông ở trong tim em. Anh đã đọc được điều này trong ánh mắt em, trên nụ cười em.

Tôi lặng thinh. Junk chồm người qua ôm gọn lấy vai tôi. Trong bức màn sâu thẳm của bóng đêm, tôi không còn nhìn thấy được khuôn mặt mang màu da đen cháy của chàng nữa. Hơi thở chàng cứ tới tấp phả vào mắt mũi tôi, thơm nồng nàn mùi hương của người khác phái. Tôi tưởng tượng đến nụ cười quyến rũ của chàng khi nụ hôn vừa tới. Ngất ngây. Say đắm. Chàng đã nói đúng. Tôi chưa yêu Walter thật sự. Tại sao? Tại vì tôi còn có thể nói dối Walter để một mình tìm đến với chàng. Tôi đã lén Walter trao về chàng ánh mắt tình tứ...

Chàng thì thầm:

- Mình đi vào nhà ghen em?

Tôi gật gật đầu. Chàng mở cửa xe, dịu tôi bước lên những bậc thềm. Cả hai dừng lại trên lối đi. Ánh mắt tôi khép lại khi vừa nhìn thấy được một khối đen ngòm đang cúi xuống trên mặt mình. Nụ môi hôn ngọt lịm đang giết chết sức đề kháng trong thân thể tôi. Tất cả chỉ còn là sự buông xuôi. Hường ứng. Cảm giác bây giờ là lâng lâng. Thoải mái. Háo hức. Tò mò. Và dĩ nhiên, tôi hiểu rõ là mình không còn muốn ngăn cản một con nước đang chảy. Một dòng sông đang trôi... ●

Kẻ Khờ Khạo

Anton Chekhov

Trương Mỹ Vân dịch



LDG: Anton Chekhov (1860-1904) là một văn sĩ Nga sinh tại thành phố Taganrog, ven biển Azov. Ngay lúc còn học y khoa ông đã nuôi sống gia đình bằng cách viết truyện ngắn và sau khi tốt nghiệp, ông bỏ nghề bác sĩ để tiếp tục nghiệp văn vào lúc tuyển tập truyện ngắn của ông bắt đầu nổi tiếng. Ông sáng tác trên một ngàn truyện ngắn và nhiều

kịch bản với các đề tài chính như sự bất lực của đám người nghèo khổ và những ngộ nhận giữa con người. Lòng trắc ẩn đã khiến ông tìm hiểu tâm trạng và số phận của đám tù nhân Nga thường bị xã hội bạc đãi. Ông đã gây ảnh hưởng lớn lao đối với các nhà văn Anh Mỹ nổi tiếng như Katherine Mansfield (1888-1923) và Ernest Hemingway (1899-1961).

Truyện "Kẻ khờ khạo" được dịch từ nguyên tác A Nincompoop với bối cảnh là xã hội Nga vào thế kỷ 19 dưới thời Nga hoàng, nội dung đề cập một đề tài quen thuộc trong các tác phẩm của Chekhov: sự bất lực của những kẻ yếu thế, thường bị người khác lợi dụng và xã hội chà đạp...

Cách đây vài hôm, tôi cho gọi cô giáo dạy kèm các con tôi là Julia Vassilyevna vào thư phòng để hỏi chuyện. Tôi bảo cô:

- Ngồi xuống đi, cô Julia. Tôi muốn thanh toán tiền lương của cô. Mặc dầu cô cần tiền nhưng lúc nào cũng giữ đúng khuôn phép và chẳng bao giờ chịu hỏi tôi. Thế nào, tôi và cô đã thỏa thuận về tiền lương cô rồi chứ? Ba mươi đồng một tháng phải không?

Julia đáp ứng:

- Bốn mươi.

- Đâu có, ba mươi chứ. Tôi đã ghi sổ hân hoi và bao giờ cũng trả lương các cô giáo dạy con tôi ba mươi đồng. Cô làm việc ở đây được hai tháng.

- Hai tháng năm ngày.

- Đúng vồn vẹn hai tháng. Tôi có ghi sổ mà. Như thế lương cô sáu

mươi rúp-bô, trừ đi chín ngày chủ nhật cô không dạy cháu Kolya mà chỉ đi dạo thôi. Và thêm ba ngày lễ nữa...

Mặt Julia đỏ bừng lên, bàn tay mân mê tà áo tuy không nói được lời nào. Tôi bảo tiếp:

- Ba ngày lễ, trừ đi mười hai rúp-bô. Bốn ngày cháu Kolya bị bệnh không học được và cô chỉ chơi với bé Vanya thôi. Ngoài ra còn thêm ba ngày cô đau răng nên nhà tôi cho cô nghỉ việc buổi chiều. Để tôi tính xem nào. Mười hai cộng bảy là mười chín, trừ vào số lương, cô còn lại bốn mươi một rúp-bô, có đúng thế không?

Mặt Julia mọng đỏ, rơm rớm và đôi môi run rẩy. Nàng khẽ ho, tiếng ho khô của người bối rối và đưa khăn thấm nước mắt nhưng tuyệt nhiên không hề thốt lên được một lời.

- Sau Tết cô làm vỡ chén trà, vậy trừ đi hai rúp-bô. Thật ra chén trà đó trị giá hơn thế vì là vật gia truyền, nhưng thôi, tôi chịu thiệt thòi cũng được. Lại còn chuyện cô bắt cần để cháu Kolya leo cây làm rách áo khoác của cháu nữa, vậy trừ đi mười rúp-bô. Và cô sơ ý để bà giúp việc lấy cặp đôi giày của Vanya. Cô phải cẩn thận canh chừng mọi việc trong nhà này chứ! Cô ăn lương hàng hoàng mà! Vậy trừ đi năm rúp-bô. Ngày mười tháng giêng vừa qua, tôi có đưa trước cho cô mười rúp-bô.

Julia thì thào:

- Đâu có.

- Tôi có ghi sổ hân hoi mà.

- Thôi... cũng được.

- Nào, bốn mươi một trừ đi hai mươi bảy còn lại mười bốn rúp-bô.

Đôi mắt Julia giờ đây đầy lệ và mồ hôi đầm lấm tẩm trên trán, trên mũi nàng. Thật tội nghiệp cho nàng quá!

Giọng Julia run rẩy:

- Lần duy nhất tôi được trả tiền trước là lúc bà chủ đưa cho tôi ba đồng. Thế thôi.

- Thật không? Vậy mà tôi không biết nên chẳng hề ghi vào sổ! Mười bốn trừ đi ba còn lại mười một rúp-bô. Này, tiền đây cô. Ba, ba, ba, một và một. Lương cô đây.

Tôi đưa cho Julia mười một rúp-bô. Julia cầm lấy và với bàn tay run run, nàng nhét tiền vào túi áo rồi thì thào:

- Cảm ơn ông.

Tôi đứng bật dậy và đi quanh phòng. Con giận khiến tôi không còn nhìn được nữa. Tôi hỏi nàng:

- Cảm ơn tôi... Tại sao?

- Về món tiền này.

- Nhưng cô thừa biết tôi đã lừa gạt cô, bóc lột cô. Tôi đã thực sự ăn chặn tiền lương cô. Thế tại sao cô lại cảm ơn tôi?

- Vì các nơi tôi kèm trẻ trước đây không hề trả lương cho tôi.

- Họ không hề trả lương cho cô thật sao? Tháo nào! Tôi chỉ đùa thử với cô, cho cô một bài học tàn nhẫn để dạy cô mà thôi... Tôi sẽ trả lương cô đúng tám mươi rúp-bô. Này, lương cô đây, trong phong bì này... Tại sao cô có thể nhu nhược đến thế? Tại sao cô không có một lời phản đối? Tại sao cô lại im lặng như vậy? Có thể nào trên đời này lại có những người yếu đuối, khờ khạo đến vậy?

Julia cười méo xệch và tôi đọc được trên mặt nàng câu trả lời: "Có thể lắm chứ!"

Tôi xin lỗi Julia về bài học tàn nhẫn này và đưa cho nàng tám mươi rúp-bô. Julia trở mặt ngạc nhiên và lẩm bầm "Cảm ơn ông" nhiều lần rồi bước ra khỏi phòng. Tôi nhìn theo nàng và ngẫm nghĩ: "Muốn lợi dụng và bóc lột kẻ yếu thế trên đời này thật ra không khó".

tỳ kheo đau yếu

Ta thêm được làm cát vàng em bước
Mạn thuyền trôi xuyên suốt bến sông Hằng
Ôi cái gã tỳ kheo đau yếu nhất
Mộng hoa trời tế độ rắc mên mang.
Xô lệch núi hỡi chân gầy có mồi?
Mộng xanh ời chậm rải lá khô vàng
Tâm cố định để quên đời ngũ trược
Cái là ta sẽ cháy giữa mùa trăng!
Ngàn năm nữa trong ta bà sắc uẩn
Vẫn diệt sinh từng giây phút không ngừng
Ta bỗng thấy mắt trần say đắm đuối
Một cô nương bồ tát dạo trong sương.
Rồi những lúc trầm tư bên suối vắng
Hồn lang thang đi nhặt lá bồ đề
Đi nhặt mãi đến muôn đời suốt kiếp
Bồ tát xưa thành Phật gọi hương đưa.

lâm hảo dũng



Con Tàu Nhỏ Xuôi Dòng Thời Gian

Arnold Berwick
Nguyễn Văn Thông
dịch



Năm lên mười, tôi đã trải qua những tháng hè đáng ghi nhớ nhất trong đời, ở vùng tây Na Uy, tại một trang trại miền núi nơi ba tôi đã sinh ra. Ghi đậm nét nhất trong tôi là thời gian tôi sống bên cạnh ông nội Jorgen.

Điểm đầu tiên làm tôi chú ý là bộ ria đầy và đôi vai rộng của ông. Điều thứ hai là ông có thể làm mọi việc. Suốt mùa hè ông bận rộn cắt cỏ bằng lưỡi hái, cào lại và phơi trên những giàn phơi cỏ. Khô rồi, ông lấy dây thừng bó thành từng bó lớn, công trên lưng từng bó một đem chất vào kho. Ông còn mài lưỡi hái bằng đá mài, làm thịt heo, muối cá, xay lúa mạch, trồng và nhổ khoai để dành. Ông phải tăng thời gian làm việc trong mùa hè ngắn ngủi để nuôi cả nhà và đàn gia súc suốt mùa đông dài tuyết trắng. Mỗi ngày ông chỉ ngừng tay khi ăn cơm và ngủ.

Thế mà ông vẫn thu xếp để dành thì giờ cho riêng hai ông cháu. Một ngày nọ, sau một chuyến đi chợ xa, ông nội đưa cho tôi một con dao trong cái bao da. Ông nói:

- Cho cháu đây. Bây giờ xem ông này.

Ông ngồi xuống cạnh tôi, rút con dao ra khỏi bao và cắt một nhánh cây rồng ruột. Với bàn tay sắc sù, ông chỉ tôi cách khoét nhánh cây thành một ống sáo.

Ngày hôm nay, sau 63 năm dài, mỗi khi nghe tiếng sáo, tôi lại nghĩ tới ông nội tôi. Đời sống ở một trang trại miền núi xa xóm làng, chợ búa đòi hỏi ông phải tạo ra những thứ ông cần. Với tôi, một đứa trẻ Mỹ, tôi cứ nghĩ rằng cần gì thì cứ đi mua. Không biết ông nội có biết tôi nghĩ thế không, nhưng hình như ông có ý dạy tôi điều gì, vì một ngày kia ông bảo:

- Đi với ông, ông chỉ cho cháu cái này.

Tôi theo ông vào hầm nhà, đến cái bàn mộc kê cạnh cửa sổ. Ông nói:

- Cháu cần có một cái tàu nhỏ để đi chơi hồ.

Ông có ý chỉ cái hồ nhỏ cách nhà vài dặm. Ý kiến thật tuyệt, nhưng nhìn quanh tôi chẳng thấy tàu đâu. Ông nội cầm một miếng gỗ dài khoảng ba gang tay lên, bảo:

- Cái tàu đây này, cháu có thể làm ra nó.

Rồi ông đưa cho tôi cái búa lưỡi sắc như dao, chỉ cách sử dụng. Thoạt đầu tôi đẽo miếng gỗ thành hình cánh cung, sau đó theo lời ông chỉ dạy, tôi đục đến lòng chiếc tàu.

Thường mỗi lần hai ông cháu xuống hầm nhà sửa chiếc cào gỗ hay mài vật dụng, ông trả lời những thắc mắc của tôi và cho thêm ý kiến nhưng không hề đụng tay vào chiếc tàu. Ông muốn tôi tự làm lấy. Ông nói:

- Cháu sẽ tự tay hoàn thành chiếc tàu và đó là điều quan trọng. Không ai có thể cho cháu cái tự cháu làm ra.

Những lời ấy vang vang trong đầu tôi khi tôi bắt tay làm.

Cuối cùng tôi cũng đục xong lòng tàu, dựng cột và giương buồm lên. Chiếc tàu nhìn không giống

lắm nhưng tôi hãnh diện vì mình đã làm được.

Rồi với tác phẩm vừa hoàn thành, tôi chạy về hướng bờ hồ. Tôi leo lên triền núi, vào rừng và đi theo con đường dốc. Tôi băng qua những dòng suối nhỏ, đạp trên những đám rêu mềm, leo lên những bậc đá trơn trượt, cao mãi, cao mãi đến tận bìa rừng. Sau chừng bốn hay năm dặm, tôi đến cái hồ nhỏ do những băng đá tan ra đọng lại. Chung quanh bờ thoải thoải là những hòn đá đủ hình đủ cỡ.

Tôi thả chiếc tàu xuống nước, ngồi mơ màng trong làn gió thoảng thổi chiếc tàu của tôi về phía bờ bên kia. Không khí trong lành thanh khiết. Không một tiếng động. Thỉnh thoảng mới có một tiếng chim kêu.

Tôi đi thả tàu nhiều lần. Có lần mây đen kéo đến, đổ xuống ào ạt từng khối nước. Tôi ép mình trú dưới một tảng đá lớn, cảm thấy hơi



hình như....

Hình như....
mắt chỉ rưng rưng
khi nhìn người ấy
dừng đứng
với mình
Hình như....
môi chỉ lặng thinh
khi người ấy đã
vô tình quay đi
Hình như....
tim chỉ thăm thẳm
mười hai năm,
biết còn gì...
cho nhau!

thủy trang

62 làng văn

ấm của nó tỏa ra và nghĩ tới bài *Tảng đá muôn thuở* (...Hãy để tôi ẩn mình vào đá). Qua màn mưa, chiếc tàu nhỏ nhấp nhô trên những đợt sóng khiến tôi liên tưởng đến hình ảnh một con tàu hùng dũng vượt gió bão đại dương. Rồi mặt trời hiện ra, tắt cả lại yên lành.

Khi chúng tôi chuẩn bị về Mỹ thì có vấn đề. Mẹ tôi bảo:

- Con không mang chiếc tàu về được. Chúng ta có nhiều hành lý quá rồi.

Tôi năn nỉ, nhưng đành chịu. Buồn rầu đi đến bờ hồ lần cuối, tôi tìm tảng đá lớn, đặt chiếc tàu vào một hốc đá, nhặt những hòn đá xếp che đi và thăm nhủ một ngày kia sẽ trở lại với kho tàng của mình.

Giã biệt ông nội mà tôi có biết đâu rằng không bao giờ còn gặp lại ông nữa! Ông nắm chặt tay tôi và nói: "Tạm biệt con!"

Mùa hè năm 1964 tôi trở về Na Uy với cha mẹ, vợ và các con tôi. Một ngày, tôi rời trại đi đến bờ hồ tìm kho tàng cũ. Có biết bao nhiêu tảng đá lớn! Tôi cố tìm nhưng hầu như vô vọng.

Đang định bỏ cuộc thì nhìn thấy một đồng đá nhỏ nằm chen chúc dưới một tảng đá lớn. Tôi nhặt những hòn đá ra, moi vào trong một cái hốc dưới tảng đá. Tay tôi chạm phải vật gì chuyển động. Tôi lôi chiếc tàu ra, ngấm ngấm. Đã 34 năm nó nằm ở đây. Lớp gỗ sần sùi của lòng tàu và cái cột buồm vẫn còn y nguyên, chỉ có miếng buồm bằng vải thì không còn nguyên vẹn.

Tôi sẽ chẳng bao giờ quên giây phút đó. Khi nâng niu chiếc tàu, tôi thấy như ông nội tôi đang hiện diện dù ông mất đã 22 năm rồi. Cả ba chúng tôi lại đoàn tụ - ông nội, tôi và chiếc tàu nhỏ, sợi dây buộc chúng tôi lại với nhau.

Tôi mang chiếc tàu về trại, khắc vào thành tàu hàng số 1930 và 1964. Có người bảo tôi nên mang nó về Mỹ. Tôi nói: "Không. Nhà của nó là dưới tảng đá bên bờ hồ".

Tôi trở lại bờ hồ năm 1968, 1971, 1977 và 1988. Mỗi lần tôi

nâng chiếc tàu lên, khắc những con số vào đó, ông nội tôi hình như đều ở bên cạnh.

Chuyến đi vừa rồi của tôi là năm 1991. Lần này tôi dẫn theo hai đứa cháu gái: Catherine 13 tuổi và Claire 12. Khi trèo lên sườn núi, tôi nghĩ về ông nội tôi, so sánh đời ông và những đứa cháu tôi bây giờ. Hai đứa được tạo thành cùng chất liệu như ông cha chúng ngày trước. Chúng đều quả quyết và độc lập. Tôi thấy điều đó trong cách chúng học và chơi. Tuy nhiên hình như xưa ông nội tôi không bận tâm nhiều như các cháu tôi bây giờ.

Cứ sự thường, những điều chúng ta mơ tưởng rồi cố công thực hiện cho thành, là những gì chúng ta quý hóa nhất. Không biết những đứa cháu tôi, được đầy đủ mọi sự, có bị tước đoạt niềm vui thực của cuộc đời không?

Làm việc không biết mệt ở một trang trại hẻo lánh, ông nội dạy tôi rằng, chúng ta phải biết chấp nhận và tạ ơn những gì chúng ta có, dù có ít hay nhiều. Chúng ta phải biết nhận lãnh gánh nặng và hưởng thụ niềm vui. Có quá nhiều thứ ở ngoài tầm tay, chúng ta phải cố gắng làm tốt hơn những gì chúng ta có thể.

Các cháu tôi sinh trưởng dưới mái nhà tiện nghi của thành phố, trong những hoàn cảnh khác biệt. Nhưng tôi mong, tôi tin, chúng sẽ làm được những điều chúng muốn theo cách riêng của chúng như ông nội tôi ngày xưa đã làm, và cũng học được những bài học ông nội tôi đã dạy tôi ngày trước.

Hôm dẫn các cháu đến bờ hồ, tôi hy vọng chúng sẽ hiểu được phần nào tầm quan trọng của chiếc tàu nhỏ và ý nghĩa đơn giản của nó về tính tự lập.

Mãi cao trên triền núi, tôi ngập ngừng không muốn nói, sợ khua tan sự tĩnh lặng. Rồi Claire ngược nhìn lên, nhỏ nhẹ:

- Ông ơi, một ngày kia con sẽ trở lại.

Ngưng một lúc:

- Và con sẽ mang các con của con về.

Dế Mèn

Quách Ngọc Trân

Anh Tuấn,

Anh còn nhớ bài hát *Con dế mèn* mà bọn mình hay hát hồi nhỏ vào dịp Trung thu không? Tôi không biết tựa bài hát là gì mà chỉ nhớ trong có đoạn:

*Có con dế mèn
Suốt trong đêm thâu
Hát xẩm không tiền
Nên nghèo xác xơ...*

Anh nhớ bài hát đó chứ, phải không? Đối với tôi, bài hát đó là một kỷ niệm.

Đạo đó tôi đang học lớp năm bậc tiểu học. Buổi chiều trước đêm Trung thu bọn tôi được phát bánh kẹo và ngồi trong lớp tập hát. Ngoài bài đó, tụi tôi còn được dạy nhiều bài hát khác, nhưng tôi vẫn khoái bài đó nhất, về đến nhà là ngêu ngao "*có con dế mèn...*"

Lý do tôi thích bài hát đó cũng dễ hiểu, vì như bao nhiêu đứa trẻ hiếu động khác, hình ảnh con dế ngo ngoe râu, nghênh cổ gáy reng róc hẳn là phải sống động hơn Hằng Nga hay trăng sao, nhất là đối với thằng nhóc mê đá dế như tôi.

Hát rồi lại nghiền ngẫm vớ vẩn, tính tôi vẫn thế. Dế gì mà chỉ biết hát, rồi lại còn nghèo? Bọn nhóc mình, sinh ra lớn lên trong thời chiến, đứa nào cũng một hai lần chạy giặc, thấy cảnh lính đánh nhau với Việt cộng, bom dội, súng đạn nổ rần rần. Tôi thích dế than, dế lửa, đá nhau là phải

húc thật mạnh, hàm phải nghiền thật chặt, hoặc mấy con dế ốc tiêu dễ hăng và xoay trở thật nhanh. Hình ảnh mấy con dế của tôi cũng tựa tựa mấy anh lính Biệt động quân đánh nhau với Việt cộng ở nóc chợ thị xã hôm Tết Mậu Thân vậy. Anh nào anh nấy súng ống đầy nhóc, kiêu hùng, khí phách.

Đang này dế chỉ biết hát, dế mèn! Tôi không chịu chữ mèn. Mèn nghĩa là sao? Bọn nhóc tụi tôi hồi đó hay tụ tập đánh lộn, thằng này khi dế thằng nọ: "Mày là đồ mèn!", hoặc "Thằng mèn đó ăn nhằm gì!" Thắc mắc này tôi đem hỏi anh An. Anh ngần ngừ rồi trả lời đại: "Dế mèn

chắc là dế chó!"

Dế chó là loại dế nhỏ hơn dế đá, không có màu gì rõ rệt, lúc nào cũng chỉ luốc luốc như màu đất, đầu nhỏ xíu và có khích mấy cũng không chịu đá nhau. Tệ hơn nữa là dế chó gáy nghe rì rì chứ không hùng dũng như dế đá. Thế thì nghèo xác xơ là phải!

Nhưng tôi vẫn ám ức vì tại sao người ta lại đặt bài hát cho loài dế đó? Một hai hôm sau gặp anh Lễ, tôi hỏi lại và được giải thích, dế mèn là dế đá. Anh còn mua tặng tôi cuốn *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài có vẽ hình minh họa. Tôi đọc đi đọc lại cuốn truyện hai ba lần, lòng nở ra khoan khoái.

Sau đó ít lâu, những trò chơi khác, những bài hát khác đã làm tôi quên bống dế mèn.



Để mèn có mang những ý nghĩa cao cả hơn, có tiêu biểu cho cái gì là câu chuyện sau này, lúc đó tôi đã lớn khôn. Đúng ra hình ảnh tiêu biểu ấy đã tái diễn nhiều lần, mỗi lần một phức tạp, qua hai người, ba tôi và anh Lẽ.

Ba tôi làm công chức, trưởng ty thông tin của thị xã. Ngày ngày, mỗi buổi chiều khi đi làm về, trong bộ pyjama phẳng phiu, ông ra dạo vườn hoa trước nhà. Thú vui của ông là trồng hoa, trồng cây cảnh, nuôi súc vật. Ông nói với tôi về cây cỏ, thú vật như nói về những con người, đại loại: “À loại hoa này ưa phân chuồng lắm!”, “Con vá đạo này hư quá, cứ chạy rong với lũ chó trong xóm. Hồi nào hần đã được dạy bắt tay, chào khách, nay chắc quên hết rồi. Để chiều nay hần về mình thử lại xem sao!”,...

Buổi tối bên mâm cơm, ông hỏi han anh An và tôi về chuyện học hành. Ông hay hỏi tôi về văn thơ. Ông cũng thuộc vài đoạn trong *Bích câu kỳ ngộ* và vài câu trong *Gia huấn ca*. Khi tôi học đến Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ thì có lúc đang ăn ông cũng cao hứng bỏ đĩa đọc vài câu thơ của họ. Có lẽ vì vậy mà môn quốc văn ở trường tôi học khá xuất sắc. Những môn khác ba tôi chỉ hỏi cho có lệ.

Sau bữa ăn tối, ba tôi lên phòng khách, mở chiếc ghế xếp, ngả người ngồi, khoan khoái hút thuốc lá, đọc báo hoặc nghe radio. Thỉnh thoảng ông bật dậy, chau mày, cầu nhàu phê phán hoặc cười nói sảng khoái theo những tin tức vui buồn ông vừa nghe, đọc được.

Đêm trẻ hơn, khi báo chí đã đọc hết, tin tức đã nghe qua đủ lượt đài và mẹ tôi cũng đã xong việc bếp núc, may vá, lúc ấy ông và mẹ tôi vào phòng đi ngủ hay chuyện trò gì đó.

Cuộc đời ông bao năm trong thuở niên thiếu của tôi vẫn bình lặng như vậy. Con người ông bao năm trong trí tôi là một người bình thường. Mãi sau này, khi ông đi học tập cải tạo về ít lâu, tôi mới hiểu cái bản tính sôi nổi ngấm ngấm của ông. Nhưng đó

là chuyện sau này.

Không, thật ra hồi ấy đã có lúc tôi nhận ra ở ba tôi cái tâm tính sôi nổi hăng say qua những lần trò chuyện với bạn bè thoảng đôi lúc ghé chơi. Những lần ấy tôi không chú ý lắm, vì ở nhà tôi con nít không được lai vãng chỗ người lớn nói chuyện.

Về anh An tôi thì anh biết đó, nhà chỉ có hai anh em. Anh An hơn tôi bảy tuổi, có lẽ vì mẹ tôi đã hư thai hai ba lần sau khi sinh anh tôi nên mới có sự cách biệt tuổi tác giữa hai anh em như vậy.

Tính anh An tôi trầm lặng, hiền lành, siêng năng như tính mẹ tôi. Anh nói chậm, hiểu chậm, học hành chỉ trung bình mặc dầu anh rất cố gắng. Khi đủ trí khôn, tôi hiểu rằng cha tôi kỳ vọng ở tôi nhưng ông dành tình thương nhiều hơn cho anh tôi. Tôi không hề ganh tị điều ấy vì đã sớm nhận ra một cái gì như là sự bù trừ. Vả lại còn có mẹ tôi, bà thường vỗ về âu yếm tôi như là một đứa con cầu tự xin từ Chúa Mẹ.

Năm lớp mười hai anh An thi rớt tú tài hai, anh đi quân trường Thủ Đức rồi về đi lính Địa phương quân đóng ở gần nhà. Đó cũng là do công ba tôi lo lót chạy chọt. Tất nhiên một người cha hiểu rõ con mình, hẳn phải lo liệu để bảo bọc cho con.

Lúc ấy tôi cũng có đôi chút gì không thoải mái. Hình ảnh kiêu hùng của mấy anh lính Biệt động quân hồi Tết Mậu Thân chẳng? Cả lời kể của lũ bạn về anh chúng nó đi lính Dù, Lôi hổ hay Biệt kích nữa, trong khi anh tôi chỉ đi lính Địa phương quân! Nhưng nỗi khó chịu ấy qua nhanh vì tôi biết mẹ tôi sợ anh tôi chết trận. Lúc ấy, hình ảnh chiếc xe nhà binh chở quan tài có phủ lá cờ chạy trên phố đã rất thường. Một điều nữa, trong thâm tâm tôi lúc đó, anh An đã tâm thường lắm, hình như cũng có bóng hình con đế chó nữa. Đạo ấy tôi hay đánh lộn với lũ bạn học, với đám nhóc láng giềng xóm trên, xóm dưới, như cơm bữa. Bọn nhóc khác hễ đánh thua thường chạy về kêu anh đến đánh trả thù, còn tôi, ăn hay thua một mình tôi rán chịu, vì nếu có mếu máo chạy về mách, anh An cũng chỉ hỏi

han, phàn nàn hoặc khuyên nhủ rồi thôi.

Nhưng tôi biết, tôi vẫn rất thương anh, tình thương ruột thịt. Mãi về sau này, khi tôi đã thực sự lớn khôn, hiểu khá nhiều chuyện hơn thua ở đời, tôi mới hiểu anh, thương anh nhiều hơn nhưng đã muộn!

Đầu năm 1973, có hiệp định đình chiến. Anh An thở phào, khoan khoái xoa tay: Thôi, hoà bình rồi, lấy vợ!

Vợ anh An, chị Duyên, trước cũng học cùng lớp với anh, sau khi thi hỏng tú tài 1, nghỉ học ra chợ bán vải với mẹ. Chị cũng hiền lành mặc dầu nhanh nhẩu hơn anh. Tôi vẫn còn nhớ chị hay nhìn tôi, khuôn mặt nhỏ, cặp mắt sáng, cái miệng nhỏ hay chúm chím “ối dào” khi kể chuyện với mẹ tôi. Ba chị Duyên đi lính chết hồi xa xưa còn lại hai mẹ con chị sống với nhau, cảnh nhà cô quạnh nên mẹ tôi đồng ý để anh tôi gửi rể.

Đầu năm sau, cháu Phận ra đời. Tôi nhớ hôm chị Duyên ở nhà thương bông con về, một ngày cận Tết năm Dần, cả nhà tôi và cả anh Lẽ đang học ở Sài Gòn về ăn Tết, kéo nhau sang thăm. Anh Lẽ ứng khẩu làm bài thơ khôi hài:

Mừng nay cháu Phận ra đời,
Má Duyên sung sướng, ngoại
cười hả hê

Ba An trông cũng sướng mẹ,
Tối lui tay cứ về hàm ria thưa,
Đầu thêm vang tiếng chào thưa
Hai sui bên đực cũng vừa tới nơi.
Bác đây cũng có đôi lời,
Cầu cho cháu Phận một đời về
vang.

Mai sau thêm nữa hai nàng,
Thủ, Thường, An, Phận một nhà
yên vui.

Ba tôi nghe bài thơ bật cười khoái trá. Khi về đến nhà, anh Lẽ tỏ ý bực bội với cái tên Phận mà anh An đặt cho đứa bé. theo anh Lẽ, cái tên nghe có vẻ nhụt chí quá. Ba tôi chỉ cười, nhẹ nhàng trả lời rằng có biết đủ thì mới an phận được.

Về anh Lẽ, anh là con người chị họ của bác tôi. Bác tôi sống cảnh một mẹ một con từ khi anh Lẽ mới sanh được vài tháng. Chồng bác mất vì một tai nạn xe hơi, bác lại bị bệnh

suyễn kinh niên, không làm việc nhiều được, thành ra cảnh nhà cứ thiếu hụt thường xuyên. Ba tôi thấy tình cảnh bác như vậy, thêm nữa ông không có anh em ruột thịt gì cả, cho nên ngay từ những ngày đầu mới di cư vào Nam, ông đã rủ bác tôi về ở gần nhà để nương tựa, đỡ đần nhau. Sau này tôi nghe mẹ tôi nói là tiền học của anh Lễ từ nhỏ đến lớn ba mẹ tôi lo hết.

Mà anh Lễ học rất giỏi, năm nào cũng lãnh phần thưởng. Từ hồi học lớp 9 anh đã có thơ đăng ở tạp chí Tuổi Hoa và khi thi đậu vào trường Quốc gia Hành chánh, anh còn viết cho các báo ở thủ đô. Ba tôi thường khen thơ anh hay, có hồn, còn tôi chẳng hề đọc các báo ấy nên không biết chúng ra sao.

Như thế, ba tôi trong bao nhiêu năm đã thương anh Lễ như con ruột, và hơn nữa, một người bạn tương đắc. Cứ mỗi lần anh Lễ từ Sài gòn về chơi là hai người trò chuyện râm ran, về đủ mọi thứ, nhất là thơ văn. Đối với tôi, thuở nhỏ, anh là niềm tự hào; ở tuổi niên thiếu, anh là con đế mèn biết ca hát.

Tôi nhớ lần ấy, một buổi chiều, nhà tôi vừa mới ăn cơm xong và anh Lễ sang chơi. Lần ấy anh về thị xã nghỉ hè năm thứ hai, còn tôi lúc ấy đã học xong lớp 8, đã qua cái tuổi chơi đá đẽ từ lâu. Trước khoảng sân nhà, dưới tàn cây anh đào, ba tôi và anh Lễ bàn tán đủ mọi chuyện, còn tôi chơi quanh quẩn gần đấy. Câu chuyện loanh quanh dẫn đến văn chương. Bỗng đâu tôi nghe nhắc đến tên Tô Hoài. Tôi lên lại gần sau lưng hai người. Ba tôi nói những câu như: "Đọc Tô Hoài mình như thấy lại khung cảnh quê mình ở ngoài Bắc", "Thật là tuyệt, mượn chuyện loài vật để nói chuyện đời, mượn đế mèn để nói lên chí khí của kẻ trượng phu"... Nhân lúc hai người đang hứng chí, tôi hỏi xen vào:

- Thế còn con đế mèn trong bài hát thì sao anh Lễ?

- Đó là hình ảnh người nghệ sĩ chân chính. Anh Lễ trả lời.

Đế mèn lúc đó trong tôi đã thành người cụ thể, một đấng anh hào dẫn

chút thân huyễn mộng cũng sâu nhân gian

về đâu buốt lạnh tiếng chim
hay em ngày nọ biệt chìm từ đây
cũng mùa thu đó heo may
tiếng hò ơi lại trùng vầy anh rồi
em đi ủa một dòng đời
ánh trăng xưa cũng mờ khơi dặm đường
không chung được một con đường
mà em là nỗi vô thường trong anh
về đâu đời rẽ ngọn ngành
từ vô lượng đó tan thành bể dâu
người về chiếc bóng đêm thâu
phân tâm giữa một cõi sâu nhân gian
người về mộng huyễn dư vang
quên chẳng một ánh trăng tàn giữa khuya.

huỳnh liêu ngân



thân vì nghiệp lớn mà không màng lợi danh. Cũng vậy, với đế mèn nghệ sĩ, công việc tuy có khác nhưng mục đích như nhau: vì hạnh phúc con người!

Cảnh sống gia đình tôi đang êm ả bình lặng bỗng biến chuyển xáo trộn đột ngột.

Vài năm sau này, khi một mình lang thang chốn củi trong rừng, tôi cứ vẫn tự hỏi: Tại sao số phận lại nghiệt ngã đối với gia đình mình như vậy? Mà nhớ lại, suy nghĩ lại thì cuộc chiến tranh ấy như một lưỡi búa của định mệnh oan nghiệt treo lơ lửng trên đầu từng gia đình, từng con người của dân tộc tôi. Và cuộc chiến tranh phi lý ấy mang lại cái gì, nếu không phải là cảnh mẹ góa con côi, sự hoang tàn đổ nát, vết tích tàn phế trên thân thể và tâm hồn con người!

Sau Tết năm Mão ít lâu, có tin Ban Mê Thuột đánh lớn. Ở nhà, ba tôi nghe tin tức có vẻ lo âu. Ở trường, bọn tôi kháo nhau về trận chiến rôm rả, thằng nào cũng tin quân ta rồi sẽ quét sạch quân thù như rác, giống hồi mùa hè đỏ lửa vậy.

Rạp thị xã lúc đó đang chiếu phim Ngày dài nhất (The longest day), tôi xin tiền mẹ đi coi. Phim thật hay, lời cuốn tôi từ đầu đến cuối qua hình ảnh của trận đánh tàn khốc. Hết phim, tôi ra về, lòng lạc quan phơi phới, đi lững thững dọc bờ hồ, huyết sáo bản nhạc phim véo von. Hình ảnh những người lính Mỹ trong phim làm tôi bừng bừng nhiệt huyết.

Sự kiện trở nên dồn dập gấp rút không ngờ! Ban Mê Thuột mất, đến Huế rồi Đà Nẵng. Dân chúng thị xã bắt đầu ùn ùn ra đi. Cái tin thị xã sẽ bị bỏ rơi được đồn ầm ĩ. Ở trường, lớp học thưa dần, thầy cô chệnh mảng dạy dở và cuối cùng trường đóng cửa. Bọn nhóc tui tôi cũng đã ỉu xiu, hết tán phét. Cái lo ở nhà khiến bọn tôi hết hứng. Bây giờ chúng tôi nói đến chuyện ra đi, chuyện bỏ nhà cửa, chớ mèo... Chúng tôi chia tay nhau ngậm ngùi, lo âu, không biết nay mai về lại ai còn, ai mất!

Gần cuối tháng ba, ba tôi mới thu xếp được để đưa gia đình tôi, bác tôi - anh Lễ lúc đó đang học năm thứ tư ở Sài gòn - và gia đình vợ anh An về

Nha Trang. Ở Nha Trang được một hai hôm, nghe tin thành phố sắp bị tấn công, chúng tôi lại thuê tàu chạy tiếp về Sài Gòn.

Anh An tôi một mình ở lại thị xã, lúc đó anh đã mang cấp bậc trung úy. Đến bây giờ tôi còn nhớ rõ hình ảnh anh lúc ấy. Hôm đó trông anh An có vẻ tự tin và mặc dầu sắp chia tay với vợ con nhưng anh có vẻ rạng rỡ hơn mọi lần. Anh mặc quân phục, đội nón sắt, vai, lưng đeo đủ thứ đạn được súng ống. Trông anh có vẻ oai hùng, cứng cáp hơn mọi khi.

Anh mỉm cười vỗ vai tôi khi hai anh em chia tay:

- Em lớn rồi đó, coi đẹp trai cứng cáp lắm. Đi đường nhớ săn sóc má, chị Duyên và cháu giùm anh.

Tôi ngừng đầu nhìn anh, hỏi ngơ nghe:

- Ở đây có đánh lớn không anh?

Anh nhìn tôi thật nhanh rồi cúi xuống vỗ nhẹ lên khẩu súng Colt đeo bên hông:

- Cũng có thể có đánh lớn. Mà lâu quá rồi chỉ đánh đấm lẻ tẻ, lần này đánh một trận ra hồn coi ra sao!

Và ngày 30 tháng 4 đến một cách sững sờ. Cuộc chiến kết thúc lẫm nhách nhưng chúng tôi lúc ấy chẳng ai còn tâm trí để nghĩ đến cái hay, cái dở của cuộc chiến. Cái lo về anh tôi, về số phận sắp tới của ba tôi, về sinh kế gia đình tôi trong những ngày sắp tới đã làm tất cả khốn khổ.

Tôi cũng không ngờ là chẳng còn dịp nào trong đời nhìn lại được người anh trai duy nhất. Suốt trong thời gian chạy loạn chúng tôi chẳng biết chút tin tức gì về anh. Sau ngày 30 tháng 4 cũng chẳng thấy anh đâu. Chị Duyên để cháu Phận cho bà nội, bà ngoại trông rồi cùng tôi về lại thị xã để dò tin anh. Một người lính trong đại đội anh quả quyết là anh tôi đã chết trong trận đánh ở khu rừng ngoài Bình Thuận. Anh ta kể là lính tráng trong đơn vị đã tan tác, lạc nhau trên đường trên đường rút chạy về phía biển. Đại đội anh tôi chỉ còn lại một nhóm nhỏ được tái phối trí với một đơn vị khác ở Ninh Thuận rồi tan, lại tái phối trí với một đơn vị khác nữa

ở Bình Thuận. Sau trận đánh, anh ta muốn đi tìm kiếm, chôn xác bạn bè nhưng không được phép của đơn vị bộ đội cộng sản chiếm đóng. Theo anh, nếu anh An còn sống thì trong trại tạm giam chắc chắn anh đã gặp. Anh còn cho biết khi gặp những người sống sót cùng đơn vị, anh có hỏi thăm về anh An và cũng được khẳng định là đã chết.

Tôi không muốn tin điều đó mặc dầu hy vọng về sự sống sót của anh tôi rõ ràng là rất mong manh. Ngồi trên chuyến xe trở vào Sài Gòn, chị Duyên sụt sùi lặng lẽ, còn tôi nghĩ ngợi mông lung, mong những chuyện thần tiên xa xưa là có thật, ước là vào đến Sài Gòn thì đã gặp anh tôi ở đó. Chuyện ấy tất nhiên là không có, vì thần tiên và thượng đế đã chán làm phép lạ từ lâu!

Tôi lại được cử đi Bình Thuận để dò thăm tin tức anh. Tôi đến Phan Thiết hỏi thăm những người ở chợ, ở bến xe, nhưng những câu trả lời đều mơ hồ. Lang thang cả mấy ngày vô vọng, cuối cùng tôi đành theo lời khuyên của một anh đạp xe ba bánh, trước kia là lính sư đoàn 18, tìm đến trụ sở Ủy ban Nhân dân Cách mạng của một xã mới lập gần rừng lá. Một gã cách mạng 30 phách lối trả lời tôi:

- Lính ngụy hả? Chết cả đống

chôn tít ngoài kia.

Gã đưa tay chỉ ra phía cánh đồng mênh mông nằm cạnh quốc lộ.

Tôi ghé quán lá bên đường mua một bó nhang đi về phía cánh đồng, dừng lại ở một khoảng có nhiều mộ đất nhấp nhô, có nón sắt và thùng đạn đại liên rỉ sét nằm rải rác, vì nghĩ đó có thể là nơi mộ địa. Lang thang cúi tìm một lúc với hy vọng có thể tìm thấy tấm thẻ bài của anh tôi, cuối cùng tôi đành lấy bó nhang, đốt lên, cắm rải rác ở những mộ đất đã mọc đầy cỏ. Lúc ấy, niềm mong ước nhỏ nhoi là đáp cho anh tôi một năm mồ cũng không thể có, nhưng một niềm an ủi khác đã đến với tôi, cả cho đến bao nhiêu năm sau này: anh tôi không đến nỗi lẻ loi. Anh đã nằm xuống bên cạnh rất nhiều đồng đội.

Mặt trời xế bóng. Gió bắt đầu lạnh. Những người đi làm rẫy, làm rừng về ngang qua, liếc nhìn tôi với ánh mắt nửa thương hại, nửa tò mò. Tôi bước ra đường đón xe về Sài Gòn, nét mặt lạnh căm. Lên xe rồi, nước mắt tôi mới trào ra lặng lẽ.

Về đến Sài Gòn, tôi chẳng gặp b tôi. Ông đã đi học tập cải tạo. Cảnh nhà tôi lúc đó thật thê lương. Mẹ tôi và chị Duyên như mất hồn, ngơ ngẩn, sụt sùi cả ngày. Hai người đi coi bói, đi xin lễ cầu bình an cho anh An, làm



đủ mọi chuyện... Khốn khổ hơn, gặp lúc đám bà con, người thì tản lạc, kẻ thì gia cảnh cũng rối bời, chẳng còn mấy ai để an ủi, chia sẻ. Hai tháng sau, niềm hy vọng tắt hẳn, mẹ tôi xin lễ cầu hôn cho anh An và bảo tôi, chị Duyên để tang cho anh. Rồi bà về thị xã, bán đồ bán tháo tất cả nhà cửa, đồ đạc, cùng bác tôi dọn về sinh sống ở một xã miệt Hưng Lộc, Long Khánh. Chúng tôi không còn sức để về sống lại nơi vùng có nhiều kỷ niệm thân thương. Tất cả gần như đã hết. Cuộc sống còn lại như cuộc sống tàn.

Cảnh nhà tôi bây giờ đơn sơ hiu quạnh: một nếp nhà tranh, một mảnh vườn nhỏ trồng khoai sắn và hai mẹ con sớm tối đi về.

Tôi cũng đành từ giã mái trường từ đạo ấy. Ngày ngày tôi đi phá rừng làm rẫy trồng khoai mì, trồng lúa. Rảnh việc đồng, tôi đi hái củi về bán cho dân buôn. Làm quần quật từ sáng đến tối mịt, hai mẹ con cũng chỉ đủ cơm độn khoai. Suốt hai ba năm sau đó, những kỷ niệm với bạn bè cùng lớp cứ quay về trong giấc mơ và cả trong những lúc tôi làm việc một mình thui thủi.

Mẹ tôi sau những biến cố đó già đi nhanh chóng. Bà làm việc gì cũng chậm chạp, vụng về; tính toán gì cũng lẫn lộn. Bà đi nhà thờ, đọc kinh nhiều hơn và hình như phó thác mọi việc vào tay Chúa. Những con heo, con gà nuôi trong nhà trở thành bầu bạn, con cái bà. Cho heo ăn, bà cần nhẫn nại chờ chúng chê cám. Đứng bên máng, bà kiên nhẫn giải thích về thời buổi khó khăn, cám nuôi heo đắt lắm, mua không phải dễ. Gà què cũng thế, bà la con này hay nhảy nhót, máng con kia đại vì không chịu đẻ trứng vào ổ mà cứ đi đẻ bậy... Điều ấy có phải vì sự trống vắng trong gia đình tôi chăng?

Nhiều lần hai mẹ con ngồi ăn cơm tối với nhau, bà hỏi han tôi về những cực nhọc, khó khăn của công việc, và căn dặn, khuyên nhủ tôi phải cẩn thận. Những hôm du kích chặn bắt lúa, bắt củi, tôi phải trốn trong rừng, đợi thật khuya mới dám về. Nghe tiếng tôi gọi cửa, bà vội vàng

mở, ánh mắt hân hoan mừng rỡ. Tôi biết những lúc ấy, ở nhà mẹ tôi chỉ ngồi bên bàn thờ đọc kinh cầu cho tôi bình yên.

Trong cảnh sống như vậy, tôi luôn luôn làm ra vẻ cứng cáp, cam chịu để mẹ an lòng.

Cảnh nhà bác tôi tình cảnh vẫn như xưa. Trước năm 75 anh Lễ đi học ở Sài Gòn, bác ở thị xã một mình. Nay bác cũng vẫn một mình, anh Lễ đi Thanh niên Xung phong.

Ngày 30 tháng 4, tôi thấy anh thoáng có vẻ buồn, có lẽ ước vọng chính trị của anh đã chấm dứt. Nhưng ngay sau đó anh lại sôi nổi đi làm công tác sinh viên. Nét mặt anh đánh lại, tính toán, cả quyết. Tôi nhớ lúc ấy anh đưa tôi xem một tờ báo ở Sài Gòn có đăng bài thơ của anh, tôi còn nhớ mấy câu:

Ta đi thênh thang trong ngày hoà bình

Hồn phơi phới thơm nắng bình minh

Bất cứ nơi đâu cũng là bóng mát
Khi ta về trong tình tự quê hương.

Anh say sưa nói đến việc xây dựng quê hương, đến tinh thần dân tộc, đến chuyện hy sinh lợi ích cá nhân,... cả những bất công, tham nhũng của chế độ cũ. Tôi cũng bị thuyết phục bởi giọng hùng hồn và lý luận khúc chiết của anh. Lòng tôi cũng dấy lên ước nguyện được tham gia xây dựng đất nước. Nhưng ý ấy chỉ thoáng qua ngẩn ngui vì cảnh nhà lúc đó đã làm tôi kiệt quệ và càng về sau, khi va chạm với thực tế của xã hội cộng sản, ước nguyện ban đầu ấy đã hoàn toàn tan thành mây khói. Có lẽ tôi không được độ lượng để bỏ qua những "sai sót lặt vặt" trong cách quản lý của chính quyền "cách mạng" như anh Lễ tôi, như một nhạc sĩ lúc đó đã hát: "*Những giọt nước mắt ai lăn qua môi vừa cười, là những mắt riêng của mình, đời người ai cũng có, hãy cho nhau tình yêu, hãy thương nhau thật nhiều!*"

Sau khi về xóm được ít lâu, làm cho bác tôi một mái nhà tranh, một quán lá đầu đường để bán bánh trái, đầu đèn, kim chỉ, sinh sống qua ngày, anh Lễ lại ra đi.

Và bây giờ chỉ còn để mền ở lại với tôi. Để mền của tôi, tôi biết, không tăng công, không ham danh hão, không muốn nhận ơn ai. Để chỉ nhận ơn đất trời:

Đền công cho để nỉ non,

Trời cho sao chiếu ngàn phương.

Từ đó, mỗi khi khổ cực, tủi thân, giai điệu bài hát của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương lại trở về an ủi tôi.

Trong những năm ở Thanh niên Xung phong, thỉnh thoảng anh Lễ cũng từ nông trường Lê Minh Xuân về thăm nhà. Có lần anh khoe anh được làm ở ban văn công của tổng đội TNXP. Anh say sưa đọc cho tôi nghe những bài thơ anh làm, ca ngợi lao động, ca ngợi cuộc sống mới. Bài nào cũng vẽ nên cuộc sống đầy triển vọng và chan hoà tình người. Chẳng hạn bài thơ anh làm đã được phổ nhạc, trong đó có đoạn: "*Nông trường bao trai gái xây đời màu hồng; mây vờn cánh cò trắng bay đầy đồng xanh quê hương...*" Thật là đẹp như tranh!

Khi bị hỏi về những cảnh bất bớ tước đoạt hàng hoá, nông phẩm của dân mà đám thuế vụ, du kích vẫn làm hàng ngày; cảnh xô đẩy, mắng chửi, đánh đập những người già, những phụ nữ xác xơ vì sinh kế buôn lậu bán lén vài ký cà phê, ký trà; cảnh ăn trên ngồi trốc của cán bộ... anh Lễ đã dài lời biện hộ, nào là chế độ đang gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn đủ thứ; nào là một số cán bộ không thông suốt đường lối; và một cuộc cách mạng bao giờ cũng có những đau thương tựa như cơn đau của bà mẹ chuyển bụng sinh con, nhưng tất cả rồi sẽ qua. Anh đọc cho tôi nghe hai câu thơ của Tố Hữu:

Giàu đức tin nên vẫn thấy đời vui
Cả tương lai ngào ngạt vị thơm bùi.

Anh còn dẫn chứng một lô tên tuổi những nhà văn, nhà thơ danh tiếng, trong đó có Tô Hoài, những giáo sư đại học, những nghệ sĩ lấy lòng... những người ấy đều đứng về phía nhân dân, tức đứng về phía chế độ (nói theo kiểu cộng sản).

Tôi đuối lý. Tôi đâu có được học nhiều, đọc sách nhiều như anh! Tôi không thể có "đức tin" như anh được.

Tôi không thể tin rằng có thể có một chế độ nhân ái, công bằng, bình đẳng khi mà công cụ xây dựng chế độ toàn là những kẻ đầy thành kiến, nhẵn tâm, tham lam và dốt nát!

Tôi nhớ lại đoạn nhạc đầy tình thương, tình dân tộc của người nhạc sĩ suốt thời hoa niên tôi đã ngưỡng mộ và bây giờ cũng đứng về phía chế độ: *"Việt Nam ơi, bừng cơn mơ cho mắt nhìn sạch tan căm thù... Đường đi đến những nơi lao tù ngày mai sẽ xây trường hay hợp chợ, dân ta về cây bừa đủ áo cơm no..."* Bây giờ lời ấy tựa tựa như một lời mê hoặc, một lời dối trá. Bỏ súng xuống, chúng ta liền trở thành tù nhân hoặc kẻ lưu đày ngay trên chính quê hương mình.

Cuối năm 1978, chị Duyên từ thị xã bồng con về xin phép mẹ tôi ra đi vượt biên. Mẹ tôi ràn rụa nước mắt nhưng không ngăn cản. Bà chỉ cầm chị lại ít ngày để bồng ẵm cháu cho đỡ nhớ. Cháu Phan lúc đó đã được 4 tuổi, lanh lẹ, thông minh và đẹp trai. Mẹ tôi đi xin lễ cầu bình an cho chị và cháu, có lẽ lần đó Chúa đã nhậm lời, mẹ con chị được tàu Nhật vớt trên biển.

Cũng cuối năm 78, anh Lê mãn hạn TNXP, trở về làm Chi hội trưởng hội Liên hiệp Thanh niên ở huyện. Anh hăng hái hoạt động, tổ chức văn nghệ ở địa phương, anh xin giùm hàng hoá của dân làng đi buôn, đi làm rẫy bị tịch thu, thu mua, cũng được vài vụ. Rồi ít lâu sau anh bỗng bị bắt đi tù 6 tháng. Sau này, tù ra, anh giải thích với gia đình tôi là đám cán bộ huyện vì sợ anh tố cáo chúng tham nhũng nên đã chơi anh.

Thời gian sau đó anh Lê cũng đi làm rẫy, đi củi như tôi và cũng nếm mùi trốn chui trốn lủi khi bị kiểm lâm, du kích chặn bắt. Giai đoạn ấy anh tỏ ra bất mãn chế độ đến cùng cực. Anh nói đến hệ thống đảng trị độc đoán, hẹp hòi; đến sự tàn bạo, bất cận nhân tình của nhà cầm quyền. Đôi lần anh còn than van vì số phận hẩm hiu: chỉ còn ít tháng là ra trường, về ngồi ghế phó quận mà phải gầy gánh đứt ngang!

Một buổi chiều chủ nhật, khi đang ngồi uống cà phê ở quán bên

quốc lộ với vài người bạn, tôi kinh ngạc nghe từ chiếc loa phóng thanh đặt trên trụ điện một bài thơ có tên tác giả là Trương Lễ. Bài thơ chan chứa niềm tin vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà những khó khăn chỉ là những cọng rác nhỏ.

Anh Lễ bây giờ bừng lên vẻ kiêu hãnh, tự mãn. Thơ anh đã được người ta đọc ở đài phát thanh tỉnh. Rồi đây mọi người hẳn sẽ biết tiếng anh nhiều hơn. Tình cảm giữa tôi và anh không còn như xưa nữa.

Và ít lâu sau đó, quả thật anh Lễ đã thành công. Anh được mời về tỉnh làm phóng viên báo chí. Anh đi đây đi đó trong tỉnh, viết bài, phỏng vấn... Đám cán bộ huyện bây giờ kiêng mặt anh, hay rủ anh đi nhậu để xóa bỏ chuyện xưa. Anh lấy bút hiệu là Trương Nghi Lễ, còn tôi thầm đặt bút hiệu cho anh là Trương Tang Lễ.

Sau này khi qua Mỹ gặp lại những bạn học cũ may mắn đi lọt từ năm 75, so sánh với họ, tôi thấy mình quả thật là con người chua chát. Nhưng làm sao được! Nếu ai đó cùng sống một khoảng đời, vừa lam lũ vừa không có tương lai, tệ hơn nữa là phải chứng kiến một xã hội đang phân hoá kỳ cực, người ấy chắc cũng không khác tôi mấy.

Một người bạn của tôi vốn hiền lành, thậm chí khù khờ nữa, bạn bè gọi anh là Hải đù. Ngày xưa, vì sợ con mình bị bắt đi bộ đội, gia đình Hải xúi anh ta vào du kích xã. Hải bấy giờ bất kể lời khuyên, tiếng chửi của bạn bè, chồm xồm, hăng hái rình rập, lòng sục bất bở hàng hoá của bà con trong xóm. Hình như lúc ấy hẳn chỉ thích người ta sợ, van xin quỳ lạy hẳn thôi! Vài năm sau, hết làm du kích, Hải đù lại khù khờ đi rẫy, đi buôn.

Một ông cựu thượng sĩ quân lực VNCH lớn tuổi, được chính quyền mới cho làm tổ trưởng để khuyên bảo bà con sống đúng "qui ước" của nhà nước. Ngày nọ ông trở thành chủ tịch thôn. Ông mang dép râu, đội nón cối. Ở chợ ông đeo súng lục la nạt bà con buôn bán trái phép, nửa đêm ông mở loa phóng thanh, oai vệ đọc lệnh thu mua nông sản của nông dân. Con trai

ông nhờ đó được vô trường trung học y tế tỉnh, con gái ông làm hiệu trưởng trường cấp I trên xã. Dân làng gặp ông e dè cúi đầu chào. Các ông già bà lão gặp ông thì vồn vã làm quen để có lúc còn nhờ cậy. Một hai năm sau thôi chức chủ tịch, ông đi nhà thờ hàng ngày, gặp người quen ông kể công ơn ông làm cho dân ấp thuở trước. Vài năm sau người con trai ông vượt biên đến đảo và được Mỹ nhận, ông hãnh diện khoe với mọi người đó là nhờ công lao chống cộng của ông gần 20 năm trong quân lực VNCH.

Những cảnh nhớ nhãng ấy ở nông thôn xem ra cũng còn hiểu được, vì người ta ít học, vì khổ cực nghèo đói, vì tranh sống,... Nhưng những giáo sư đại học, những trí thức, những văn nghệ sĩ, những kẻ được tôn là "lương tâm của dân tộc", không ít người bấy giờ cũng lằng xằng thi đua. Tôi ngờ rằng họ không chỉ đơn giản là bị lừa. Vả lại, nếu có bị lừa, sao lại bị lừa lâu thế? Thật oái oăm, trong số đó có nhiều người tôi đã từng kính phục, có cả thân nhân tôi nữa! Vậy thì, trách chi những người dân đã trở thành công an, nhân viên thuế vụ, kiểm lâm!

Dế mèn của tôi lúc này đã cô đơn, mệt mỏi. Ngày xưa trong truyện, dế ra đi kêu gọi đồng loại côn trùng yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. Cảnh đường xa gian khổ, cảnh đói kém, giam cầm không làm nản lòng dế. Những nàng bướm, chàng ve, những vũ điệu lá lướt, âm nhạc du dương không quyến rũ được dế. Dế đã làm được vậy bởi dế chỉ cần ăn cỏ, uống sương, những thứ có đầy rẫy trong trời đất. Danh vọng dế cũng chẳng cần bởi cung điện của loài mối, kiến không thích hợp với dế bằng lỗ hang, bãi cỏ ven sông. Ngày nay nhiều con dế đã quen ăn cao lương mỹ vị, thích cảnh cung điện, ưa lời nịnh hót mà quên đi điệu đàn khoáng khoáng năm xưa. Chúng đã lạc lối về và biến thành dế chó, dế chũi, dế cơm hay một loại dế nào đó rồi!

Giữa năm 80 ba tôi được thả về. Tóc ông bạc gần hết, mặt đầy nếp nhăn, người gầy đi nhưng không đến

nổi hốc hác. Giọng nói và cặp mắt ông bộc lộ sự vui vẻ, lạc quan. Tôi hiểu, năm năm trong trại cải tạo đủ làm ông cam chịu, chấp nhận những gì xảy đến; về lại cuộc đời bên vợ con đã là sung sướng lắm rồi!

Những tháng sau đó là thời gian hồi sinh của gia đình tôi. Mẹ tôi như được phục hồi sinh lực. Bà lảng xãng thu dọn nhà cửa, chăm chút nấu ăn, săn sóc ba tôi. Về phần tôi, hạnh phúc sum họp của gia đình làm tôi hăng say làm việc, lòng lâng lâng vui sướng khi nghĩ đến buổi chiều về nhà có cha mẹ nhìn mình âu yếm.

Mấy hôm sau khi ba tôi đi “học tập” về, anh Lễ có đến thăm vào buổi tối, lúc ấy tôi đi uống cà phê đến khuya với bạn bè. Về nhà, tôi thấy ông bác ghế ngồi hút thuốc một mình sau hiên nhà, dáng vẻ đăm chiêu. Buổi chiều mấy hôm sau đó, trong bữa cơm, ông nói với mẹ con tôi là anh Lễ đã hỏng và tỏ ý tội nghiệp cho bác tôi. Sau lần đó, anh Lễ hiếm khi ghé qua nhà và nếu có ghé, anh chỉ hỏi thăm qua quýt.

Một lần khác, trong bữa cơm chiều, tôi lại nghe ba tôi cần nhàn gay gắt về anh Lễ. Lần đó ông nghe một bài thơ của anh đọc trên đài. Bài thơ nói về một người mẹ liệt sĩ cộng sản. Ba người con của bà đã hy sinh cho Đảng và bây giờ tuy tuổi đã già, bà vẫn cùng con dâu, cháu chất lao động sản xuất, bán lương thực vượt chỉ tiêu cho nhà nước. Đạo ấy chiến trường Kampuchea đang sôi động và nhà nước CS đang vận động tuyển quân, thu mua lương thực.

Ba tôi bảo:

- Kể ra cộng sản nó “giải phóng” miền Nam, mình cũng được cái lợi. Đó là nó là vạch mặt giùm cho mình mấy thằng “ngụy” như thằng Lễ. Thứ như nó mà làm chức này chức nọ thì mất nước là phải! Hồi trong trại cải tạo, tôi đã gặp mấy thằng như nó, sẵn sàng bán rẻ anh em để lập công. Oái oăm một điều là cái thằng ấy lại chui từ nhà mình ra chứ!

Mẹ tôi vội vàng xua tay gạt ngang. Chiến tranh, chết chóc, chia lìa đã làm bà khốn khổ lắm rồi! Bữa cơm hôm đó, ba tôi ăn cầm chừng để

đường làng năm xưa

Tiếng ve kêu giữa trưa oi ả
Trên đường làng, em hối hả bước mau
Trời đổ nắng, em hồng thêm đôi má
Chân vội vàng, không kịp ngăn trước, sau.

Lúa ngoài đồng đang vào thì con gái
Như tuổi em, bát ngát một màu xanh
Mảnh vườn kia, sao um tùm cây trái
Trái thơm ngon, nhiều chi chít trên cành.

Con bướm bướm, bay nhón nhơ theo bước
Muốn làm quen để kiếm bạn lang thang
Em có hay, mà chỉ mau về trước
Bỏ lại sau, hun hút bóng đường làng.

Nay xa cách, em nhớ về kỷ niệm
Nhớ đường làng, chân em bước năm xưa
Mỏ đất nhỏ, sát bên bờ ruộng lúa
Nhớ vườn cây, mùa trái chín dong đưa.

Quê hương cũ, đã chịu bao cay đắng
Em ước mơ cho mau chóng đổi thay
Em trở lại con đường làng rợp nắng
Hương lúa thơm nồng, thoang thoang gió bay.

trần hoài ngọc

(hongkong)



mẹ tôi yên lòng, ông nuốt cơm có vẻ khó khăn, sự phấn nộ đã làm ông uất nghẹn.

Sống ưu tư mãi cũng chán. Một thời gian ba tôi qua qua làm vườn, trồng kiểng, xây hòn non bộ phía sau vườn nhà. Buổi sáng buổi chiều, ông cắt tỉa, tưới bón cây cối. Thời gian còn lại ông giao du với dân trong xóm, lâu lâu đón xe đi Sài gòn, Long Khánh thăm bạn cũ. Mẹ tôi thấy vậy cũng mừng.

Một buổi sáng chủ nhật mẹ tôi nhờ tôi mang tấm nệm ở phòng ba tôi đi phơi nắng sau vườn. Nhà tôi nền đất, mùa mưa hơi ẩm xông lên nên lâu lâu phải phơi phóng đồ đạc một lần. Hôm ấy ba tôi đi Dầu Dây từ sáng sớm để thăm một người bạn tù vừa được thả. Lúc nhắc chiếc gối để sang bên, nhìn thấy tập sách, giở ra xem, tôi ngỡ: tập thơ của ba tôi.

Buổi trưa hôm ấy tôi mắc võng

giữa hai cây mít sau vườn, nằm đọc tập thơ của ông. Cái cảm giác đến liền ngay khi tôi mới đọc lướt qua bài đầu đó là sự then thùng. Tôi thấy ngưỡng giùm ông. Tôi lật nhanh, đọc lướt những bài thơ sau. Không có bài nào đáng được gọi là thơ cả. Đúng hơn, không có một câu đáng được gọi là thơ! Lòng tôi dâng lên nỗi xót xa, tội nghiệp. Cầu trời ông đừng đưa ai đọc tập thơ ấy.

Nhưng lúc ấy, có lẽ tôi chỉ thương ông với sự tội nghiệp đơn giản. Sau này, nhớ chuyện cũ, nhớ ba tôi, nhớ anh tôi, tôi tập làm thơ và thất bại. Bây giờ tôi mới thấm thía đắng cay vì nỗi niềm muốn nói mà chẳng xuôi. Nhớ lại ông, tôi thương ông vô hạn. Tôi mới đọc Hoài Thanh được ít lâu. Ông ta viết: “Sao người ta thương hại những kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những

kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng lớn và quý nhất đời: giấc mộng thơ?" Bi thảm hơn, tôi nghĩ, giấc mộng thơ ở cuối đời người!

Khi lòng đã lắng dịu, tôi lật tập thơ đọc lại. Có những bài thơ ba tôi làm trong tù, chắc dạo ấy ông nhầm cho thuộc rồi về nhà chép lại. Đa số ông làm ở nhà, sau khi ở tù về. Trong một bài thơ tù, ông tả mẹ tôi đi bán

trà đá ở ga xe lửa, còn tôi lên rừng phá rẫy. Tôi buồn cười. Thật ra, chuyện tôi lên rừng, hẳn ông nghe mẹ tôi kể lại, còn chuyện bà đi bán trà đá là điều không hề có. Bà chẳng buôn bán gì cả. Nhưng có lẽ trên chuyến tàu chở ông ra Bắc, ở một trạm ga nào đó, ông đã nghe tiếng rao, hoặc nhìn thấy một phụ nữ nào đó giống mẹ tôi mà liên tưởng tới bà. Kể cũng được, vì ông đã đồng hoá mẹ

con tôi với tầng lớp thấp, nghèo của xã hội; cảnh khổ của họ là cảnh khổ của mẹ con tôi. Trong tình yêu thương mẹ con tôi, ông cũng yêu luôn cả họ. Ông cũng làm một bài thơ cho các em bé quàng khăn đỏ. Khi ấy ông đang học tập ở Thanh Hoá. Trong một buổi đi làm đồng, ông và các bạn tù bị các em thiếu nhi quàng khăn đỏ đi học về ném đá và gọi là "ngụy ăn thịt người". Bài thơ nói đến chiến tranh như là hệ quả của lòng thù hận được nuôi dưỡng nơi con người từ thuở thơ bé bằng tuyên truyền, khai thác các mâu thuẫn giai cấp. Tinh thần dân tộc cũng bị bế ngoéo đi theo hướng đó. Trong một bài thơ tù khác, ông bộc lộ sự hối hận vì những việc ông làm trong thời gian tại chức trước 75. Những bài thơ ông làm sau khi đi tù về có vẻ tươi sáng, lạc quan hơn. Ông nói đến sự thức tỉnh của nhân dân miền Nam mà sự áp bức bóc lột của chế độ đã làm họ đoàn kết, yêu thương nhau hơn trước. Qua bài thơ *Thăm bạn mới ra tù*, ông bày tỏ sự tin tưởng là sẽ có một phong trào cách mạng vì tất cả mọi người, thuộc mọi tầng lớp đều có tinh thần hy sinh, không ham danh lợi. Ông nói đến tình bạn như tình yêu thương thân thiết của những người cùng chí hướng.

Tôi chỉ điểm qua một số bài tiêu biểu để anh hiểu tâm trạng của ba tôi lúc đó. Việc trích dẫn ra đây vài câu thơ của ông, tôi thấy không cần thiết và gần như bất kính, cũng đau lòng tôi nữa. Tôi biết anh hiểu.

Mùa hè năm 84, bác Tấn, người bạn tù chung với ba tôi ở Xuyên Mộc, lên chơi. Máy ngày có bác, ánh mắt, nét mặt ba tôi lộ rõ vẻ hăng say sôi nổi. Ông trông giống như một sinh viên cả tin và đầy nhiệt huyết. Bác Tấn trước năm 75 hình như làm trưởng ty giáo dục tỉnh Ninh Thuận hay Bình Thuận gì đó. Phong thái bác điềm đạm, ung dung. Nhìn bác, tôi đỡ lo ngay cái chuyện ba tôi nói về thơ văn của ông. Tôi biết bác tất hiểu và thông cảm.

Bác Tấn hay chữ hơn ba tôi. Tôi còn nhớ mấy câu thơ bác đọc cho ba tôi nghe sau vườn, khi tôi đem trà và

huế và tôi

Tuổi mười ba tôi trở về thành nội
Nơi chào đời lúc còn thuở chiến chinh
Cha vội ôm con tiếp bước hành trình
Mẹ yếu đuối lên đường làm nhiệm vụ
Mười ba tuổi áo tôi màu ủ rũ
Lửa đạn bom thiếu rụi những mái trường
Rời bỏ làng quê tìm lại sông Hương
Dòng nước ngọt vỗ về tôi khôn lớn
Đây chuyến đò ngang mái chèo mơn trớn
Nổi đời bờ cho thiếu nữ sang sông
Mái tóc dài như khung nhạc dang lòng
Tôi ghi nốt viết tình yêu thứ nhất
Mười sáu tuổi thư trao lời ngọt mật
Có mây mưa trắng gió gói bên trong
Có môi em pha màu phượng tươi nồng
Tình lớn dậy theo từng bài thơ mới
Tôi thương mãi những chiều vàng thành nội
Tà áo bay khép nép mọi nẻo đường
Mùi nhân lồng chim sẻ hót uyên ương
Hồ lặng lẽ nhánh sen hồng chớm nụ
Rồi có buổi đạp xe qua Linh Mục
Lên Thiên An hái trộm quả cam vàng
Dưới dãy Trường Sơn hùng vĩ hiên ngang
Trắng ngoan ngoãn theo thuyền về Bến Ngự
Tình thứ nhất mấy ai còn được giữ
Tôi vụng về ghi lại dấu chân quen
Gom những bờ sông, đại nội, hồ sen
Buộc thật chặt làm hành trang từ giã
Gần hai mươi năm bão đời nghiệt ngã
Huế điêu tàn, người ly tán bể dâu
Huế và tôi chia sẻ tận niềm đau
Dòng sông ngủ ôm câu hò chết lặng!

nguyễn sĩ long



thuốc lá cho hai ông sau bữa cơm chiều:

*Đất Nam có lão khờ khờ
Về vườn cuốc đất làm thơ ngâm sâu.*

*Lũ giun bầy kiến rủ nhau,
Về châu quanh lão nâng bầu rượu xanh*

*Thôi thì trời đất mệnh mang,
Sá chi dâu bể giữa dòng nhân sinh.*

Giữa dòng nhân sinh, cảnh dâu biển không chỉ làm ta đau, nhiều lúc còn làm ta mím môi cười chua chát. Bác nói:

- Ông A, ông B trước kia làm nhạc tình thì chỉ toàn chia với lìa, đau với thương, làm nhạc lính thì cũng chỉ toàn than thân trách phận. Bây giờ ông ta chuyển sang làm nhạc "nước" khi người ta xây đập dẫn thủy và làm nhạc "điện" khi người ta làm đập thủy điện. Mà mấy thứ nhạc ấy xét ra cũng còn có mặt tích cực, chứ cái thứ nhạc xúi người ta đi chết ở xứ người hoặc lên rừng thiêng nước độc, vào nơi hoang địa để ốm đau, đói khát thì còn vạ hơn. Đấy, cái ông gì trước rất nổi tiếng về nhạc tình, nhạc phản chiến, bây giờ cũng đã có bài *Em ở nông trường, em ra biên giới rồi đấy!* Ông Hồ ngày trước bảo: "Nay ở trong thơ nên có thép", tôi thích cụ thể hơn, tôi bảo nay ở trong thơ, nhạc nên có điện, nước, sốt rét, chết, què... có phải là dễ hiểu hơn không nào!

Ngừng một lát để nhấm ngụm trà, bác Tấn băn khoăn:

- Tại sao như vậy được nhỉ? Tại sao cứ rêu rao những lời gian dối để rồi có lúc phải chối bỏ, phải xấu hổ? Những cái ấy có phải là ước vọng của người dân đâu! Nhân dân bây giờ muốn gì? Họ muốn cái bạo quyền kia đi, họ muốn tự do làm ăn sinh sống, họ đòi cơm áo! Thật, nhiều lúc tôi không thể hiểu được. Ăn cơm chúa thì phải múa tối ngày. Nhưng sao lại đi ăn cái thứ cơm ấy làm chi?

Lần ấy ba tôi thấy tôi đứng nán lại, lắng nghe chăm chú, ông chẳng nói gì. Chắc ông nghĩ đã đến lúc tôi phải biết điều ấy.

Ba tôi có vẻ dứt khoát hơn bác

Tấn. Ông gạt hết những con người ấy ra ngoài. Ông tin vào những người dân nghèo hèn. Ông nói đến sự bất hợp tác, sự tẩy chay mà người dân bày tỏ qua việc trốn thuế, trốn đi bộ đội, đi lao động hay đóng góp tiền bạc xây dựng đất nước. Khôi hài hơn, họ biến những bài hát, những khẩu hiệu tuyên truyền thành giễu cợt, kỳ quặc. Ba tôi cũng hằng say nói đến một ngày mai tươi sáng của dân tộc, một cuộc hồi sinh tắm gội sạch sẽ những căn bã và dân chúng hủ hê góp sức xây dựng quê hương.

Thật lòng, tôi cũng thấy say sưa, hân hoan với viễn tượng ba tôi vẽ ra. Nhưng tận đáy lòng, tôi vẫn cảm thấy băn khoăn, không biết việc ấy sẽ xảy ra theo cách nào. Trong lời ba tôi nói vẫn có cái gì đó nhiệt thành, tin tưởng thái quá.

Đầu năm 85, bác Tấn vượt biên qua Mã Lai. Ít lâu sau, ba tôi cũng điền đơn xin đi theo diện HO. Đường như đã có gì thay đổi bên trong ông. Có vẻ ông đang tính toán một chuyện gì khác. Những lần nhận thư bác Tấn, tôi thấy ông ra dáng suy nghĩ mông lung và nhiều đêm thức giấc giữa khuya, tôi vẫn còn thấy ánh đèn dầu trong phòng và giọng ông tăng háng.

Một buổi chiều cuối năm ấy, trong bữa cơm, ba mẹ tôi nói đến việc cho tôi ra đi. Ông bà không muốn tôi phải cày sâu cuốc bẫm mãi.

Nhà tôi trước năm 75 cũng chỉ sống tương đối phong lưu. Sau năm ấy, sự loạn lạc, di chuyển đã làm tiêu tan gần sạch gia sản. Khi tính chuyện cho tôi ra đi, ba mẹ tôi phải chạy vay, vay mượn mỗi nơi một ít. May sao, chỉ đi một lần, tôi đã thoát được đến Thái Lan.

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ cảnh nhà buổi tối khi tôi ra đi. Trong bữa cơm chiều, ba tôi ngập ngừng vì cảm xúc, rồi ông nhìn tôi, căn dặn vài lời ngắn ngủi, bảo phải gắng học và luôn nhớ đến gia đình, quê hương. Có điều lạ, là ông dặn tôi sau này rần rần tìm cách chăm lo cho cháu Phận, cứ như là ba mẹ tôi sẽ không ra đi. Tôi biết ông hằng theo dõi đài BBC, VOA và tin tưởng vào chương trình HO. Ở xóm lúc đó đã có một, hai gia đình ra đi

đoàn tụ theo chương trình ODP, như vậy ông biết chắc là sẽ được đi theo một trong hai diện đó, không hiểu sao ông lại dặn tôi như vậy. Phần mẹ tôi, đêm ấy bà như muốn lánh mặt con. Trong bữa cơm chiều, bà cầm cúi hoặc ngẩng lên nhìn quanh quất, ăn qua loa bát cơm rồi bỏ ra nhà sau cho heo ăn. Khi người ta đến gọi đi, tôi vội chạy ra sau nhà từ già, khuôn mặt bà lúc ấy đã chan hoà nước mắt.

Sau khi đến Mỹ được một năm, tôi đi học lại. Chứng kiến những chuyện người ta làm ở hải ngoại, nhiều lúc tôi sững sốt, tự hỏi: Người ta đang làm gì vậy? Tôi cũng thấy nhiều con đế mền đã hát khan cả cổ. Nhưng sau bao nhiêu năm xa trường, bây giờ kiến thức của tôi đã phai nhạt gần hết. Tôi phải chú tâm, cố học cho kịp tuổi trời trước đã. Hai năm vừa làm vừa học để hoàn tất chương trình trung học, thêm hai năm nữa ở College, hiện nay tôi làm cho một tiệm sửa chữa đồ điện tử, đồng lương cũng tạm.

Bác Tấn vẫn thư từ liên lạc đều đặn với ba tôi, thỉnh thoảng bác phôn qua hỏi thăm về cuộc sống của tôi. Chỗ bác ở cách chỗ tôi cả ngàn dặm. Bác tuổi đã cao nhưng vẫn rần rần làm lụng đủ thứ nghề để dành dụm chờ vợ con qua đoàn tụ. Những lần thăm hỏi, chúng tôi cùng tránh né nói đến chuyện năm xưa bên quê nhà.

Hôm nhận được tin ba tôi sắp qua, bác phôn hỏi tôi đã lờ lửng chuẩn bị ra sao, có cần bác giúp đỡ gì không. Chúng tôi nói chuyện lan man qua cuộc sống trong thời kỳ suy thoái, bỗng bác buột miệng:

- Anh ấy qua đây sẽ buồn nhiều đấy... nhưng có lẽ không sao, một thời gian rồi sẽ lại đâu vào đấy.

Tôi hiểu bác không nói ba tôi buồn về kinh tế suy thoái, đời sống có khó khăn hơn; mà vì qua thư từ liên lạc, bác biết ba tôi chẳng thay đổi gì, mặc dầu bác đã kể căn kẽ cuộc sống bên đây.

Nhưng tôi nghĩ, ba tôi cũng như nhiều người khác, kể cả tôi nữa, nếu có ra đi thì cũng chỉ vì những ước muốn cố gắng làm điều gì đó cho quê

hương. Nói đến việc ấy, thường chúng ta nghĩ đến chính trị. Cái món này hình như có nhiều gia vị thủ đoạn, tráo trở, chai mặt của danh, lợi. Chúng ta chưa cần đến món ấy. Cái vị của chúng ta đã ềo uột nhiều bận vì bao năm trước đã nếm món kia ở quê nhà. Đã đến lúc chúng ta nên xào nấu món chính trị lại cho hợp với tạng của người mình. Việc như vậy quả là khó và chắc chắn sẽ gây nhiều buồn phiền, nhưng không hoàn toàn vô vọng. Tôi nghĩ, cái chuyện “sẽ lại đâu vào đấy” của ba tôi là như vậy.

Ngày Boxing năm nay tôi rủ cô bạn gái đi mua quần áo, giường nệm cho ba mẹ tôi. Tiền vé máy bay cho ông bà tôi đã đóng trước đó hai tuần. Tất cả đã đâu vào đấy và tôi đang sung sướng chờ đợi cha mẹ qua đoàn tụ. Bỗng chiều hôm sau tôi nhận được điện báo tin: ba tôi đã từ trần 5 ngày trước Giáng sinh vì cơn đau tim đột ngột! Anh Lễ là người đánh điện.

Nhà tôi bây giờ đã chia hai, một nửa ở cõi âm, nửa còn lại dương thế. Người chết không biết đã đoàn tụ với nhau chưa người sống thì còn cách nhau cả nửa vòng trái đất! Suốt nửa năm nay, tôi cứ viết thư thúc giục, năn nỉ nhưng mẹ tôi vẫn khẳng khái không chịu ra đi. Mẹ tôi bảo trước kia có ba tôi, hễ ông đi đâu thì bà theo đó, còn bây giờ bà không thể chịu được cảnh xứ người xa lạ và phải một mình vò vố trong khi tôi đi làm. Máy hôm trước bà điện thoại sang bảo rằng bà muốn nằm lại bên cạnh ba tôi sau này, khi bà qua đời. Bà

xóm vắng

*Trở về xóm vắng chiều nay
Xác xơ cỏ úa mọc đầy giậu thưa
Vườn hoang
thoảng chút hương thừa
Quanh đây ẩn hiện
dáng xưa năm nào
Bóng gầy ủ rũ hàng sao
Chợt nghe trong gió
thì thảo tiếng ai.*

trương ái minh

72 làng văn

cũng muốn tôi lấy vợ và dắt nhau về thăm nhà để ít ra bà còn được thấy tôi thêm một lần trước khi nhắm mắt. Mẹ tôi năm nay đã ngoài 60, nghe giọng nói, tôi đoán bà đã yếu lắm.

Còn một thành viên nữa trong gia đình tôi là cháu Phận. Năm ngoái khi biết tin ba tôi mất, chị Duyên và cháu có phen sang chia buồn. Chị cũng gửi hình của hai mẹ con, mỗi người mang một miếng vải đen nhỏ trên ngực áo. Chị Duyên đã lấy chồng người Nhật từ năm 80. Lần đó chị có viết thư về xin phép, báo tin cho ba mẹ tôi. Những năm trước chị vẫn thỉnh thoảng gửi quà về giúp gia đình tôi.

Cháu Phận năm nay 19 tuổi, đã vào đại học. Nhìn hình thấy cháu hao hao giống anh An và có vẻ nghiêm nghị buồn buồn. Chị Duyên có hứa là khi tôi cưới vợ sẽ cho cháu sang dự. Bây giờ có lẽ cháu không đọc được tiếng Việt, còn giọng nói cháu trên phone nghe lơ lớ và ấp úng vì thiếu chữ để diễn tả. Cái tên Phận khiêm tốn chắc đã thay thế bằng một cái tên Nhật nào đó mà tận cùng bằng âm cuối là i hay ô. Sẽ khó mà nói cho cháu tất cả về ba cháu, ông nội cháu, cũng như về quê nhà nơi chúng tôi sinh ra. Nhưng tôi biết, chắc chắn cháu sẽ nên người. Nên người cái đã, những chuyện kia rồi cháu sẽ biết.

Tôi đã nói với anh là để mền vẫn hay về an ủi tôi mỗi khi tôi buồn chán, cô đơn. Giai đoạn đó cũng thế. Nhưng để mền của tôi bây giờ đã khiêm tốn nhiều rồi! Công danh bây giờ không phải cứ lớn lao, kỳ lạ; miễn sao có ích cho đời, miễn đã làm tận lực. Và có khi, chỉ cần tấm lòng cũng đủ.

Tôi nhớ đến anh tôi, với mặc cảm thua sút, anh chỉ mong an phận sống đời khiêm tốn. Nhưng con người ấy, khi bỗng nhận ra mình đang đối đầu với một cái gì như là sự tàn ác kinh khủng đang đe dọa đến người thân, bà con, bạn bè, hàng xóm thì đã liều mình chống lại. Hàng bao nhiêu năm, nhớ đến anh, tôi cứ tưởng tượng hình ảnh anh và đồng đội đang ngã gục dần dần, trong khi ở tuyến sau, những lãnh tụ, tướng lĩnh đang an toàn thu

dọn của nả để bôn tẩu.

Mẹ tôi, trong bao năm sau vẫn nhắc đi nhắc lại, tiếc nuối, tức tưởi vì đã không được nhìn mặt con lúc lìa đời, không đáp cho con được nắm mộ. Tuy vậy, tôi biết, trong thâm tâm bà vẫn rất tự hào về con mình. Khi gặp những thiếu phụ có chồng tử trận, những bà mẹ có con đi lính chết, mẹ tôi nói những lời chia sẻ cảm thông. Bà kể rành rõi rằng con bà đã chết trận ở đâu, đạo nào... Trong cảnh bần hàn cơ cực của cuộc sống mất nước, những lời ấy như mang ý nghĩ: “Tôi cũng như chị, như em, chúng ta đã làm đủ bốn phận. Sự nghèo khổ hôm nay ư? Xin cam chịu theo ý trời”. Những bà mẹ Việt Nam thường ít lời trách móc.

Tôi nhớ đến ba tôi khi tuổi đã cao, sức đã cùng, lực đã tận, tấm lòng ông vẫn tha thiết với quê nhà. Giấc mộng thơ của ông vẫn trẻ với những ước nguyện rạo rực, kêu gọi bạn bè nắm lại tay nhau. Ông không cố chấp che giấu lỗi lầm cũ, thành tâm mong mỗi được đóng góp chút gì cho tương lai.

Hôm tôi phôn báo tin, bác Tấn nói lời chia buồn:

- Tôi nghĩ, có khi thế lại hay vì anh ấy được nằm lại trên mảnh đất quê nhà. Tôi hiểu anh ấy, chưa đi khỏi anh ấy đã muốn quay về quê hương. Còn cuộc sống ở đây, cháu hiểu rồi đấy. Nói chung, khó khăn còn lớn lắm! Anh ấy thao thức trăn trở, nhiều nhiệt huyết quá, tuổi lại cao rồi! Ở đời, cái tâm lớn quá nhiều khi cũng khổ.

Vâng, có lẽ vậy! Để mền như thế khó làm chính trị đời nay, bởi các lãnh tụ lớn thường hay nho nhoe đa xảo. Để mền cũng khó làm nghệ sĩ lớn, bởi các nghệ sĩ lớn thường có đám đàn em xung hô chúc tụng, họ khó có thể từ bỏ danh vọng được. Để mền, như phận để nhỏ nhoi, xin hay sống đời thường và tận tụy với bốn phận của mình, đầu nhỏ. Nếu có thất bại, xin giữ lại tấm lòng.

Anh Tuấn, xin cảm ơn anh đã lắng nghe tâm sự.

xóm cũ

LTS. — Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đầm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Chùa Từ Ân

Trần Lang

Nhớ về một ngôi chùa gần hoang phế



Lời nói đầu: Bài viết này là một trong một loạt bài viết về tám ngôi danh lam mà tuổi thọ gắn liền với lịch sử thăng trầm của mảnh đất Sài Gòn-Gia Định mến yêu, đó là: Giác Lâm, Giác Viên, Phụng Sơn (chùa Gò), Long Huê, Tập Phước, Trường Thọ, Bảo An và Từ Ân. Và những nét đan thanh về đôi chốn cổ tích này là những ấn tượng đậm màu từ một quê hương yêu dấu.

Con đường nhỏ mà xấu ấy vẫn gọi lại cái bỏ quên và luộm thuộm của một chốn quê mà hơn trăm năm trước, người sư trưởng chắt mót từng chút gạch đá để dựng lại một chốn danh lam từng bị binh hỏa mà mất dấu.

Con đường mang tên Tân Hoá, đầu bây giờ được liệt vào chốn nội thành, vẫn tồn tại như một đường quê ở nơi thôn ỏ. Chỉ ngót trăm thước dẫn

đến chùa mà lầy lội và mấp mô của con đường đủ làm nản lòng khách hành hương. Ở bên trái và lùi sâu vào trong ngót mươi thước, ngôi chùa rõ ra ở vào cái thế đất thấp, mà con đường dần dần được đắp cao, tạo nên cái cảm giác ngôi chùa vốn thấp như bị chìm xuống cái vũng của lầy lội và nhem nhuốc. Cái mái ngói cũ kỹ chụp xuống mấy bức tường vôi sứt mẻ lỗ chỗ.

Được tái sinh trong cái hẻo lánh và u tịch của ngoại ô, không đầy 200 năm trước, mà ngôi Từ Ân này sớm gặp cảnh tiêu tụy của một ngôi chùa hoang phế. Ở một bức ảnh nhỏ, cái nhỏ nhắn kèm theo nét xác xơ lại là nét nên thơ của ngôi chùa vắng mà chiếc cổng nhỏ với ba chữ "Chùa Từ Ân" góp vào cho nhà chùa chút khiêm cung và giản dị. Nhưng sớm nay, cái đậm bạc của một danh lam thực rõ là cái tiêu tụy làm se lòng người mộ đạo. Chiếc biển "Sắc tứ Từ Ân tự" dưới chân dày đặc những cỏ dại, cây hoang và đất đá càng làm mĩa mai một lời ngự tứ. Cái dải đầu của mảnh sân cỏ phía trước, cái nhộp nhúa lầy lội của con đường trước mặt, cộng thêm khoảng đất bên hông bị chiếm cứ, thâu hẹp vùng đất Phật trong nghèo và lạnh. Căn nhà lâu nghênh ngang che khuất hai ngôi bảo tháp cũ kỹ. Mấy kẻ đang sửa soạn bữa ăn hàng ngày dưới chân tổ tháp, nở một nụ cười đồng loã khi trút chậu nước nhày nhờn xuống nền đất nện. Đứng sau thứ kiến trúc cao lớn vừa được lén lút dựng lên, hai ngôi tổ tháp trông nhỏ nhắn mà khiêm tốn lạ thường. Hai tháp giống nhau mà chiều cao cũng gần bằng nhau. Ngôi cao hơn một chút và ở bên trong là của vị sư trưởng có công trùng kiến qui mô là sư Như Bằng. Hai ngôi nhỏ nhắn chênh vênh trên nền xi-măng lở lói chẳng bình phong, chẳng tay ngại, không dấu được cái đậm bạc của các nhà sư tiền nhiệm.

Cái thế lương của đồ nát và điêu tàn, cái xót xa khi thấy một vật sắp bị hủy diệt dường như là cảm giác khi thấy Từ Ân trong buổi nhất kiến này. Cái hàng mái trụt lõ không che hết được lớp hiện sứt mẻ và nhem nhuốc

theo chân người đến tận khung cửa mở bên hông chùa.

Khi xưa, chùa hẳn phải giữ một vị thế được trọng vọng nơi thôn ố. Cái khoảng đất hai bên hông chùa khi còn là đất Phật cũng đủ để giữ cho tòa Tam Bảo thế ngồi chính chệch giữa chòm đạm bạc nhưng u nhã. Cái đức vọng của vị khai sơn là Tổ Phật Ý hẳn cũng đã đảm bảo cho ngôi chùa được tái sinh trên mảnh đất ngoại ô này một lời truyền ngôn. Thế nhưng trong cái nhất lăm đối với một danh lam, Từ Ân không có cái phong sương của nơi cổ sái mà cái phong ba tuế nguyệt cộng với cái hững hờ của thế nhân khiến cho ngôi cổ tự có đủ cái tiêu tụy của một nơi bị ghẻ lạnh. Khuôn cửa hông sứt sè mở ra chốn thiên tình của nhà chùa. Ít ánh sáng và khí trời hứng xuống mảnh sân nhỏ này, hiện nét bối rối pha lẫn ngạc nhiên của đôi người trú tạm trong chùa khi gặp người khách họa hiếm. Chốn thiên tình ấy không còn là cái không gian phổ được thiền vị trong nghệ thuật khi ngôi chùa còn buổi thịnh thời. Khoảng không gian ấy làm rõ hơn cái tăm tối và luộm thuộm của mấy gian hương đăng lạnh lẽo từ mù những cột, hương án. Và đôi phút chờ người thủ tọa ở cái không gian có chút màu xanh hiếm hoi của cây cảnh, cái giang san của Thích già quanh mấy bức tường vôi loang lổ đang vây hãm nhà chùa trong cảnh khốn cùng, mà nhà sư tất tả đi lên, không áo, chân xéo lấm là cái thực chứng cho điều bùi ngùi về một tiên kiến có thật.

Huyền sử của một mối tình éo le và hy hữu nơi chốn thiền môn ngót hai trăm năm trước dường như còn u uất trong cái thê lương và hoang phế khác thường của một toà cổ tự. Hàng cột gỗ to, chắc lờ mờ trong bóng tối cùng với bàn thờ, tượng gỗ bụi bặm, kiên gan nâng đỡ cái mái ngói nặng nề của toà phạm vũ. Ở đây như chỉ có bóng tối và lãng quên. Bóng dương họa hoàn lọt qua tấm nhựa trong thay viên ngói, đem lại chút sinh khí cho nhà chùa. Ở chốn hấp hối của ánh sáng và tiếng động ấy, mấy hồi triều mộ của chiếc hồng

chung đặt ở góc bên tả chánh điện, nếu có được đóng lên hàng bữa cũng chỉ đủ để góp thêm lay lút một chốn hương đăng. Tịnh không có một chút hương hoa. Hôm ấy là ngày sóc tháng mạnh hạ.

Ngôi cổ tự một thời được ghi vào tự điển ấy, giờ chỉ còn một người duy nhất ăn mày cửa Phật. Nhà sư già còn có nhất danh Thiện Thành, giản và phác, ngồi xuống nền lát bằng gạch tàu dày và mát của toà Đại Hùng bửu điện, nói chuyện với người thiện tín họa hiếm, điểm thêm nụ cười chất phác với đôi tay còn bụi lấm.

Tám biển "Sắc tứ Từ Ân tự" phai nhạt nét vàng vẽ sơn, sách chép do Hoàng đệ Thường Tín cung tiến năm Minh Mạng thứ 13, giờ thì hàng lạc khoản đã mờ phai, dù người trụ trì đã gắng công đọc.

Người chủ của chốn sơn môn không tăng chúng này, dễ dãi đọc và giảng đôi câu đối lòng máng sơn then chữ vàng nơi chánh điện:

Công viên vạn đức vi chứng nhất thừa thi thiên trung thiên thượng vô nhị thượng

Thụ cùng tam tế hoạch biến thập phương thành Phật đánh Phật tôn duy độc tôn.

Đôi liên này và chiếc mõ gỗ mít khá lớn sơn son nét chạm còn rõ năm tu tạo "Quý Mão trung nguyên tạo" (1903).

Đôi câu ở gian ngoài mà nhà sư nói, vốn hàm ý của câu văn treo trước một toà thập điện mà cái ý răn chúng thực đã rõ ràng.

Chánh trực đợi thiên phán định âm dương nhi hữu chuẩn.

Thông minh như nhật chiếu lâm sanh tử dĩ vô tư.

Bức văn ấy nghĩ ra thật đặc vị với hai gian bên thờ Tổ Đạt Ma và thập điện. Vàng tuy đã phai, sơn tuy có nát nhưng nét sắc sảo của người thợ vẫn còn đây. Quả người thợ tạc nghệ sĩ ấy đã cung cấp thêm cho nhà chùa một hình ảnh mới về vị thiền sư Thiên Trúc này. Đây là cái thế mặc tưởng để thấu lẽ chân hư trong thời gian dài ở núi rừng Thiếu Thất, chẳng phải cái phép màu thoát hải vượt biển của một đấng đặc pháp. Cái thế ngồi

trầm mặc của vị tổ này có thể tìm thấy ở chùa Giác Viên.

Bàn tay công đức của con người làm hại đến toà kiến trúc, may thay đã dừng lại ở bàn thờ giữa chánh điện. Các pho Di Đà, Hộ Pháp, Di Lạc và Cửu Long đều mang một màu lố bịch của sơn mới. Cái âm u, cũ kỹ mà thanh đạm của ngôi phạm vũ sáng lên cái lố lảng của mấy toà tân tu này. Nhà sư có nói tuy được sơn mới nhưng các lớp thép vàng cũ vẫn được giữ nguyên. Lớp áo mới này phải đợi đến bao giờ mới thành cũ kỹ?

Bên phải điện thờ, trên chiếc bàn con ở góc tường, mấy chõng kinh A Di Đà khâu bằng tơ xe, chữ lớn, đã húng nhiều bụi. Cái chuông của ngôi chùa gần như hoang phế, đặc tên những thí chủ cầu an. Tiếng chuông giải được tai ách của đám chúng sinh, nhưng có cời bỏ được chăng mối oan khiên của người xuất gia được thờ ở gian tổ đường.

Huyền sử về cái dây oan ràng buộc nhà tu, năm xưa đã được sư Hồng Cừ kể lại khúc nhôi*.

Sư trụ trì tại chùa Từ Ân thuở ấy là đệ tử của hoà thượng Phật Ý, pháp danh Liễu Đạt. Có bà Hoàng cô thuộc cảnh vàng lá ngọc, năng đến chùa làm công quả, chuyển lòng ngưỡng vọng thành cảm mến sư trụ trì. Sư Liễu Đạt giữ lòng chân tu nên đôi ba phen tìm chốn hẻo lánh để tránh lụy trần. Bà Hoàng cô thì vẫn quyết một lòng giữ mối chân tình. Thấy không có cách nào khác để giữ trọn kiếp tu, sư Liễu Đạt nổi lửa thảo am, chấp tay mà hoá trong lửa đỏ. Bà Hoàng cô thấy vậy cũng gửi mình cho ngọn lửa. Cái dây oan ấy đã một lần toan thất buộc cửa thiền, làm mất đi của nhà chùa một đấng chân tu, giờ lại góp cho chùa Từ Ân một trang huyền sử được người xuất gia kể lại với cái cảm lòng người.

Giờ thì hoà thượng Hồng Cừ, người thuật chuyện, đã viên tịch được 15 năm (1978). Người truyền đăng ngôi cổ tự này không phụ lòng người vãn cảnh đã cố đứng lên chỗ cao để đọc cho hết hai long vị được tôn trí ở tầng nhì bên tả cổ đường:

"Thích môn hộ giác Lâm Tế

chánh tông Hoàng cô sùng tu Từ Ân Bồ tát giới đệ tử pháp danh Tế Minh tự Thiên Nhựt giác linh chi vị” và:

“Sắc tứ Từ Ân đường thượng Lâm Tế chánh tông tam thập ngũ thế hỷ Thiết Thành thượng Liễu hạ Đạt hoà thượng giác linh muộu toà”

Cao nhất và chính giữa là long vị của Tổ Phật Ý, người khai sơn ra Từ Ân tự.

“Sáng tạo Từ Ân tự, Lâm Tế chánh tông tam thập ngũ thế hỷ Phật Ý thượng Linh hạ Nhạc lão hoà thượng giác linh muộu toà”

Xem như thế thì sư Liễu Đạt không phải là đệ tử của hoà thượng Phật Ý như truyền ngôn vì cả hai đều thuộc đời 35 dòng Lâm Tế. Nhà sư hiện giữ hương đăng của đời thứ 41 truyền thừa này không giấu vẻ tự hào mà rằng chỉ có Từ Ân còn giữ được đầy đủ long vị của chư tổ từ đời thứ 35 trở xuống.

Tổ đường gồm ba gian nhưng việc thờ phụng chỉ thu vào gian giữa. Đôi câu đối sơn then thếp vàng ca ngợi người cảm tích tượng mở đường nâng đỡ bức hoành cũ kỹ “Từ hàng vĩnh thế”.

Diện mạng nhĩ đề bá tải nan vong ân chí trọng

Truyền y phổ bát thiên thu kế thuật đạo tinh vi.

Được xây dựng vào năm Gia Long nguyên niên (1802), được sắc tứ năm 1921, Từ Ân tự cũng phải chịu những phù trầm trong thời Pháp xâm như chùa Kim Chương, chùa Khải Tường. Nhưng may mắn chùa Từ Ân có một nền mới để tái sinh là mảnh đất trên đường Tân Hoá (Phú Lâm), còn Kim Chương và Khải Tường chỉ còn lại phương danh trong lịch sử.

Pháp bảo của chùa Khải Tường một phen phiêu lạc. Pho tượng Phật do vua Gia Long cung tiến, lưu lạc nhiều nơi, sau cùng mới có chỗ dừng chân là viện Bảo tàng Sài Gòn, còn vư vật mang danh chùa lại được tìm thấy nơi ngôi chùa hoang phế này. Tám biển sơn son chữ vàng “Quốc âm Khải Tường tự” đối mặt với biển “Sắc tứ Từ Ân tự” nơi gian chánh

điện. Điều có thể hiểu được là Tổ Phật Ý, người khai sơn chùa Từ Ân cũng là vị tăng già nắm quyền trụ trì chùa Khải Tường. Tổ Phật Ý còn là người đã cử đệ tử Viên Quang đến trụ trì chùa Giác Lâm, như thế hẳn là vị cao tăng có nhiều uy vọng trong giới tăng già này đã dành cho Từ Ân cái cơ duyên gìn giữ một di vật của chốn danh lam chỉ còn trong trang sách.

Bùi ngùi nhìn lại “của tin còn một chút này” của một ngôi chùa mắc họa ngoại xâm, nhà sư đáp lời khách vãng cảnh, than không có dịp quét lớp bụi mờ xem hàng lạc khoản tên người tiến cúng. Từ Ân, Phụng Sơn, Giác Lâm, Giác Viên, chỉ cách nhau trên dưới một cây số, tạo nên cái thế ỷ dốc đạo tâm lẫn vật chất, giữa tăng chúng với thập phương, kể cả phương tiện cần thiết cho các cuộc trùng tu, trùng kiến sau này nữa.

Ngày nay, đất nhà chùa đã bị thu hẹp nhiều. Cửa thiền nằm lọt trong cái đám nhà cửa và chúng sinh hỗn mang. Ba ngôi cổ tháp nằm lọt ra ngoài khuôn viên, và hành lang bên phải chùa bất đắc dĩ trở thành cái hẻm thông quá cho đám quần cư.

Ngôi bệ dưới tám biển sắc tứ nơi gian chánh điện, nhà sư duy nhất của ngôi sắc tứ này kể về các đời truyền thừa của chư tổ kể từ tổ Phật Ý thuộc đời 35 dòng Lâm Tế. Như thế dòng Lâm Tế của nhà chùa đã truyền đến nay là đời 41 qua các vị: Minh Tài (đời 38), Như Bằng (đời 39 - Đây có lẽ là sư Thanh Ấn tục danh Nguyễn Văn Bằng, một vị tăng có đức vọng lớn nhất miền Sài Gòn Gia định thuở ấy), Hồng Cử (đời 40) và sư trụ trì hiện tại là Thiện Thành (đời 41).

Chính Tổ Minh Tài đã nhận chức trụ trì ngôi chùa trên nền đất mới này mà buổi đầu cũng chỉ là một mái thảo am. Ngôi chùa có được cái qui mô khá quy vĩ này do công trùng kiến của Tổ Như Bằng. Chùa được lạc thành năm Canh Ngọ 1930, năm Tổ được 61 tuổi.

Chùa Từ Ân quả đã có một quy mô đáng kể. Chiều ngang 14 thước, chiều dài ngót 40 thước không kể phần nhà trù được xây thêm sau này. Chùa được chia làm hai phần rõ rệt:

không tên

Cuối xuân hoa tím nở

Ở góc vườn yêu xưa

Phất phơ lời cổ đại

Đâu biết tình gió mưa

Một thời qua lãng đãng

Giữa chừng nhớ và quên

Người xa dần mất dấu

Vùng ký ức không tên

nguyễn hải hà

chánh điện, tổ đường và giảng đường nối với nhà trù bằng một thiên tỉnh. Bây giờ, khách đến chùa bằng cửa bên hông, lối vào nhà trù để thấy cái cảnh bần bách và hoang phế không che đầy của một nơi từng là danh lam.

Nhà giảng còn mang biển vàng tôn danh là Bát Nhã đường, dù từ lâu vắng tiếng giảng kinh, vẫn còn để lại những vệt thương của toà kiến trúc. Trên hàng cột cái cao nhất và lớn nhất của toà phạm vũ là đôi câu mà nét khắc và hình chạm xứng với công phu tạo lập ngôi sắc tứ. Nét chữ sơn then nổi bật trên nền chạm rồng màu kim rực rỡ như muốn cùng giống linh vật này bay vút lên trời.

Khi tiến chân khách, nhà chùa như muốn bảo vệ cảnh chùa quá đậm bạc nên đã bị bỏ quên. Thế nhưng cái cảnh tiêu điều và hoang phế ngày nay của ngôi sắc tứ không phải do nghèo mà có, mà nét đậm bạc vốn là vị chính của chốn thiền gia. Các pháp bảo, pháp khí của nhà chùa tuy ngổn ngang bụi phủ nhưng hầu như vẫn còn nguyên vẹn. Đôi tích tượng vẫn còn yên vị hai bên gian thờ tổ.

Đã có một thời, chùa chỉ là đồng gạch vụn, mà cũng có lúc chùa là chốn trú trì của nhiều bậc danh tăng vào bậc nhất, thì tình của thập phương cũng như chiếc giếng kia lúc đầy lúc vơi, nhưng không bao giờ cạn.

Chuyện Ông Già Đá

Kim Thành



Giữa bãi đất hoang có một tảng đá to bằng cái cột thóc nằm chơ vơ. Xung quanh nó không có một thứ cây cối nào cả bởi đất ở đây cằn cỗi và lởn nhón sỏi đá. Thế

mà bỗng một hôm, từ cái ngách đất ngay dưới chân tảng đá mọc lên một mầm cây. Cái mầm cây non nót xanh phơn phớt. Được ba hôm thì nó xoè ra một cái lá bé xíu phủ

đầy lông mượt: hoá ra nó là một cây bầu. Một chú chim nào đó tha hạt bầu đi đã vô ý đánh rơi xuống khe đất và hạt đã nảy mầm. Bắt đầu từ đó cô bé Bầu non sống bên ông già Đá.

Sự xuất hiện của cô bé Bầu dường như chẳng khuấy động chút gì cuộc sống ở đây. Ông già Đá không mấy quan tâm đến cô bé vì lão vốn dửng dưng với mọi người và mọi sự xảy ra ở trên đời. Thế nhưng cô bé Bầu lại là một cô bé rất lảm lời. Suốt ngày cô cứ xoắn xuýt hỏi ông già Đá hết cái nọ đến cái kia:

- Ông ơi, sao da ông bạc thếp vậy?

- Lão già rồi.

- Ông ơi, sao ông chẳng hay nói năng gì cả?

- Vì lão là đá.

Cô bé không để cho ông Đá yên lấy một phút vì cái tính hiếu động và nhạy cảm của cô. Một làn gió nhẹ thổi tới, cô ào ra đón, miệng reo tay múa. Trời mưa, cô xoè hết lá ra hứng nước rồi nghịch ngợm trút xuống chân ông Đá. Một chú chào mào bay qua, cô gọi rồi gọi rít.

- Này cô bé! - Một lần ông già Đá bảo cô - Tại sao cô cứ làm ồn ĩ suốt ngày thế? Cô không biết mệt à?

- Nhưng cháu làm sao mà yên được hở ông? Ông thấy không: nắng này, gió này, chim chóc và ong bướm, tất cả đều yêu cháu. Cháu vui quá, làm sao mà cháu nín lặng được?

Vừa nói cô bé vừa kiễng chân, xoa tay nịu lấy cổ ông Đá và âu yếm hôn lên bả vai xù xì của ông.

- Vui ư? Ta chưa từng nghe cái tiếng ấy bao giờ.

Ông già Đá trầm ngâm...

Lần khác, có một đàn kiến vớng khiêng xác một con chuồn chuồn lạc lẽ bỏ qua tảng đá. Cô bé Bầu mở to mắt ngơ ngác nhìn theo mãi. Đàn kiến đi rồi, cô bỗng rúc đầu vào lòng ông Đá khóc thút thít.

- Lại làm sao nữa thế này, cô bé? Tại sao cô lại khóc mới được chứ?

- Ông ơi, con chuồn chuồn chết rồi, cháu thương nó quá!

Cô bé nức nở nói, nước mắt ròng ròng.

- Thương ư? - Ông già Đá cố tìm lời dỗ dành, khuyên bảo cô bé

- Cháu ơi, ta không biết thương xót là thế nào, nhưng ta già rồi, ta biết rõ điều này: nếu cháu muốn cuộc sống của cháu kéo dài mãi mãi thì cháu phải từ bỏ tính nết của cháu đi. Còn nếu cháu cứ buồn vui với thương xót như thế thì cháu sẽ không thể sống được lâu như ta đâu!

- Ông ơi, - Cô bé Bàu nũng nịu ngả đầu vào ngực ông Đá - nhưng đến lúc ấy, lúc cháu không còn ở bên ông nữa ấy mà, lúc đó chắc hẳn ông sẽ rất nhớ cháu, ông sẽ không thể quên cháu được đâu!

Cứ như thế, ngày lại ngày qua, cô bé Bàu lớn dần. Những tay bầu bở lan ra, những tán lá xanh rì che rợp cả tảng đá. Bây giờ thì không ai có thể nói cô bé Bàu đã sống bé bỏng bên cạnh ông già Đá hay chính cô đã che chở ông.

Vào một ngày nắng rực rỡ, ông Đá đang thiêu thiêu ngủ bỗng giật mình thức tỉnh. Ông nằm mơ thấy một ngôi sao băng. Ngôi sao trắng lấp lóa giữa đám lá xanh ngân ngất.

- Cháu ơi, lạ quá, một ngôi sao băng giữa ban ngày!

Ông lão gọi Bàu. Nhưng Bàu - bây giờ không còn là một cô bé nữa mà đã là một cô gái rồi - cô ngả mái tóc xanh mát xuống vai ông Đá, then thùng và sung sướng:

- Ông ơi, không phải sao băng đâu! Hoa của cháu đấy, hoa bầu đấy mà. - Giọng cô gái dịu dàng đến kỳ lạ - Ông có biết không, rồi hoa sẽ kết thành quả, cháu sẽ sinh ra một đàn con đẹp dễ tốt tươi. Khi mà cháu già rồi không còn sống nữa, những đứa con của cháu sẽ thay cháu có mặt trên cõi đời này.

Ông ơi, cháu hạnh phúc biết bao!

Ông già Đá thờ dài, ông không hiểu hạnh phúc là gì, ông chưa từng biết thế nào là hạnh phúc, nhưng dư âm của giọng cô gái khi nói hai tiếng lạ lùng ấy cứ ngân nga mãi trong lòng ông.

Rồi cô Bàu sinh một đàn con ngọt ngào gần chục quả. Lũ quả càng lớn, người cô càng gầy rạc, cánh tay cô khô xác nổi đầy gân, nhưng ông Đá chưa bao giờ thấy cô than trách một lời. Vào những lúc rảnh rỗi cô chơi trốn tìm với lũ con quanh ông Đá. Nghe tiếng cười lanh lốt của mấy mẹ con, ông già Đá thấy lòng mình như mềm lại.

Đến cuối mùa hè, những quả bầu tròn căng đã đánh mặt, đã bạc đầu như rắc phấn. Có một người kiếm củi đi qua thấy gốc bầu sai quả thì mừng quá, anh lựa hái từng quả đem về làm giống. Vào cái hôm trái bầu cuối cùng chia tay với mẹ, ông Đá cảm thấy những tay bầu vẫn bám níu ông lâu nay lỏng rời ra. Cô Bàu đã chết. Cũng lặng lẽ

như lúc cô sinh ra ở cái ngách đất ngay dưới chân ông già Đá.

*

* *

Chỉ qua một ngày mà những dây bầu đã héo queo héo quắt, những lá bầu khô cong lại. Đêm hôm đó, ông già Đá không sao ngủ được. Lần đầu tiên trong đời, ông Đá bỗng rung mình bởi những hạt sương lạnh thấm vào từng thớ đá. Lần đầu tiên trong đời, ông Đá cảm biết được sự trống trải và cô đơn. Trái tim đá của ông muốn vỡ ra vì đau đớn.

Sớm hôm sau, ai qua bãi đất hoang cũng lấy làm ngạc nhiên: đêm hôm trước trời không mưa không gió mà tảng đá nứt toác ra một cái khe lớn. Những chiếc lá bầu khô rụng trút xuống cái khe đó mủn ra thành một thứ đất mùn tốt kỳ lạ. Dường như tất cả đã được chuẩn bị, chỉ còn chờ một hạt cây nào từ đâu lạc tới để nảy mầm...

●



xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI

Trương Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

CHƯƠNG NĂM MƯƠI BA

Buổi sáng hôm đó, khi phụ tá Guzick tụ họp các Caporegime lại để thông báo về buổi họp bất ngờ của xếp, thì ở cái căn lầu phía bên kia, toàn bộ tham mưu của Ness cũng đang tề tựu sau cái viễn vọng kính của Tom. Tom Calvern đã "dịch" hết những gì thoát ra từ cửa miệng Guzick cho mọi người nghe. Cho nên, những toan tính của Capone, ngày giờ, địa điểm và mục đích của buổi họp bọn Ness đều biết rõ.

Ness nghe tới đâu là... mừng tới đó. Chàng và Malone, hai người cứ nhìn nhau và gật gù mấy lần.

Cuộc tổng tấn công của Capone dự định đánh thằng O'Bannon, chuẩn bị rất kỹ nhưng cuối cùng không thực hiện được bởi vì còn kẹt chút... David Yale. Chính vì cái chút xíu kẹt này mà thầy trò Capone phải khổ sở lặn lội xuống Florida để đánh lạc hướng tai mắt của Unione rồi bất thần lén xâm nhập vào Nữ Ước để thực hiện kế hoạch giết thằng chủ tịch Unione phá đám. Công việc chẳng phải dễ dàng gì. Mấy thằng đàn em của nó bị bắn chết tươi, còn hai thầy trò thì bị bầm

dập không biết bao nhiêu lần, xém bị cảnh sát bắt một lần, xém chết dưới bàn tay đầm máu thằng Kabri một lần, và cuối cùng mới giết được David Yale. Bây giờ, chẳng những búng được David Yale, nó còn đưa được thằng bạn thân là Lucky Luciano lên làm chủ tịch thì nó còn chờ gì mà chưa đưa thằng O'Bannon đi theo tổ phụ Abraham của nó.

Ness hỏi Malone:

- Thằng Guzick mời anh em đi họp để nghe xếp ban chỉ thị đập thằng O'Bannon đấy. Vậy là nhất định nó sẽ đánh thằng O'Bannon, nhưng theo ông thì nó sẽ xuống tay lúc nào?

- Nội trong ngày mai hay chậm lắm là vài ngày nữa.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng tôi nghĩ là nó sẽ làm liền tối ngày mai, ngay sau buổi họp, bởi vì, nếu thằng O'Bannon biết quan thầy của mình chết thì nhất định nó sẽ đề phòng.

Malone đứng lên khỏi ghế, ra đứng nơi cửa sổ nhìn sang khách sạn Lexington, mấy ngón tay xoay xoay mấy trái lưỡng thiết cầu nghe canh cách.

Thầy đời suy nghĩ một lúc rồi hỏi Ness mà không xoay người lại:

- Kế hoạch của ta là muốn cho chúng nó đánh nhau một trận để tiêu tán bớt sức mạnh rồi mới nhảy vào đập chúng nó, nhưng theo tôi, cái vụ này chắc có gì không ổn.

- Không ổn ra sao?

- Thằng Capone ghê gớm quá. Nó xưa nay nổi tiếng trong chốn giang hồ là một thằng biết biến nghịch cảnh thành dịp may của mình...

- Biến nghịch cảnh thành dịp may, hình như tôi đã đọc được cái câu này trong sách luân lý hồi còn nhỏ.

- Đúng vậy. Ông ở Hoa Thịnh Đốn, ông chưa biết nó nhiều bằng tôi, tôi biết rõ nó quá mà.

- Như thế nào?

- Trước hết, nói về cái nghịch cảnh thứ nhất của nó. Hồi còn nhỏ, chẳng hiểu nó làm ăn thế nào, chọc người ta giận ra sao bỗng một ngày, cái đầu của nó bị một lần cả 5 gia

đình Mafia lớn nhất ở Nữ Ước treo giá. Thời đó, bị một gia đình treo giá là đã không thể sống nổi rồi, nó bị tới năm gia đình treo giá một lần thì ai cũng tin chắc là đời nó coi như tới đó là hết. Tổng thống Hoa Kỳ có muốn cứu cũng không được. Vậy mà, giữa sự ngạc nhiên của mọi người, không hiểu nó làm thế nào chuồn về được Chicago, chẳng mất một sợi lông. Ngũ đại gia đình Nữ Ước chưa kịp gọi người xuống Chicago để làm thịt nó thì chỉ trong vòng vài tháng, từ một tên "tội phạm" vô danh không có đất sống, nó bỗng trở thành một khuôn mặt anh chị bự, có thể lực, có tiền bạc và phe cánh khắp nơi trong giới giang hồ Chicago. Capone đã biến một nghịch cảnh của cuộc đời thành dịp may cho mình.

Cái nghịch cảnh thứ hai, từ một thằng vô lại mà lên mau quá thì thế nào cũng bị người ta ghét. Và người ghét nó đầu tiên chính là ông trùm của nó, ông trùm Weiss. Trong cuộc đời, đầy tớ mà bị chủ ghét thì cùng lắm là bị đuổi việc nhưng trong giới giang hồ, đầy tớ mà bị chủ ghét thì trước sau gì cũng chun vào hòm mà nằm. Trùm Mafia không thích để đầy tớ lọt vào tay người khác, rất nguy hiểm. Một lần nữa, ai cũng lo sợ cho Capone, nghĩ là thằng này trước sau gì cũng chết. Chẳng ngờ, người chết lại là ông trùm Weiss chứ chẳng phải là nó. Giết Weiss xong, nó trở thành trùm của cánh này, chẳng ai dám phản đối.

Cái nghịch cảnh thứ ba, nó lên làm trùm rồi mà đâu có ai coi nó ra gì. Đi họp đi hành, vì lịch sự người ta phải mời nó tới nhưng hễ tới phiên nó trình bày ý kiến thì thiên hạ cứ gạt đi. Một thằng con nít vô danh, may mắn nhờ thời leo lên được tới chức vụ chóp bu của một cánh nhỏ chẳng có gì đáng nói để người ta nghe. Chẳng những không nghe nó, mọi vụ giàn xếp hay phân chia đất đai lãnh thổ, trùm Capone là người bị thiệt thòi nhiều nhất. Cái hay của Capone là khi nanh vuốt chưa đủ mạnh thì nó biết ngồi im chờ thời. Mặc ai muốn làm gì thì

làm, chia sao thì chia, hai thầy trò Capone và Nittie chỉ một mực ngồi im, không thém nói một lời. Nó làm vậy thì ai cũng tưởng thằng này dễ chịu, hoặc là nó hèn, chẳng dám làm gì.

Cho đến một ngày, khi gom đủ sức mạnh, lượng sức mình biết có thể tấn công được mà không sợ thua, Capone bắt thần xuống tay cái ào. Làm sao đỡ nổi? Chẳng ai đỡ được! Đỡ không được thì chỉ còn nước cầu hoà. Mà hoà thì bao nhiêu đất đai, bao nhiêu mối làm ăn xưa nay đều phải trả lại cho Capone hết. Chẳng những trả hết mà còn phải cắt đất của mình ra tặng thêm để bù thiệt hại cho nó. Capone bấy giờ hét ra lửa, ai nghe nói cũng phải kiêng nể. Thế là cái nghịch cảnh thứ ba này lại trở thành dịp may cho nó trở thành "trùm của các trùm", một cơ hội mà có nhiều ông trùm Mafia khác chờ suốt đời cũng không có được. Nó lừng danh đến độ qua mặt luôn cả O'Bannon, là một thằng trùm quý quái nhất mà ai cũng sợ...

Ness gật gù. Malone mời một ống tẩu, nhìn xuống đường, tiếp tục:

- Đã hết đâu, đến cái nghịch cảnh cuối cùng, gần đây nhất, khi nó muốn đánh thằng O'Bannon để trả thù cho mấy cái vụ làm ăn lẻ tẻ bẩn thỉu của thằng Do Thái khi nó bị tội mình đập, nó mới kinh hoàng khám phá ra là thằng O'Bannon có ông trùm David Yale và cả một Unione Siciliane ở trong túi. Bọn mình cũng tưởng phen này chắc nó đành chịu bó tay. Nó bèn lẳng lẳng làm một chuyện động trời chẳng ai có thể tưởng tượng nổi là lên về Nữ Ước để dứt luôn David Yale, ngài chủ tịch tối cao của Unione...

Malone nhắc ống tẩu ra khỏi miệng, lắc lắc cái đầu, đưa cặp mắt ngó mông lung sang cái sân thượng của tổng hành dinh Lexington:

- Quả là một chuyện không ai có thể tưởng tượng nổi. Kể cả tôi. Chẳng những nó bung được David Yale một cách yên tĩnh, Unione không ai có ý kiến, không ai thắc mắc, nó còn đưa được thằng bạn Luciano lên ngồi ở ghế chủ tịch

Unione Siciliane thì trong thiên hạ xưa nay chỉ có nó là một. Bấy giờ, nó đã trở thành một ông trùm không phải mạnh nhất Chicago mà mạnh nhất nước Mỹ. Khi nó đã có được Unione Siciliane trong túi rồi thì Nữ Ước, Los Angeles, San Francisco, New Orleans, Cleveland v.v... chẳng bao lâu sẽ tiếp tục chui vào túi nó. Làm sao có một thằng trùm nào ở trên thế giới này dám chống lại Unione Siciliane? Mẹ kiếp, cái thằng khốn nạn này, hễ mỗi lần nó gặp một khó khăn, mỗi lần thiên hạ tưởng nó sắp chết là mỗi lần nó nhảy một bước thành công dài bảy dặm. Tóm tắt lại, cái sự thành công của nó chỉ gom góp được trong câu "biến nghịch cảnh trở thành dịp may" trong mấy bài học luân lý hồi nhỏ như tôi đã nói.

Ness nghe thầy đội luận tới đó thì mới thấy giật mình. Thầy đội nói đúng quá. Bấy giờ nó mới chỉ là "Capone of Chicago" mà cả nước Mỹ còn đang chơi với, mai một nó trở thành "Capone of America" thì chắc hết ai trị nó nổi.

- Ông nói đúng. Thằng này quả là thiên tài. Nó tài giỏi và ghê gớm hơn mình nghĩ nhiều. Vậy thì, theo ý ông, tình hình này sẽ đi đến đâu?

- Tôi nghĩ mình phải can thiệp.

Ness giật thót mình:

- Can thiệp? Bằng cách nào?

Malone quay trở vào, đưa tay lên vuốt hàng ria mép rồi ngồi xuống trước mặt Ness:

- Thằng Capone độc lắm. Nó đánh cú này là cú chết, Do Thái O'Bannon có ba đầu sáu tay cũng không thể nào đỡ nổi. O'Bannon không phải là một thứ trùm hiền, nó quý quyết lắm nhưng nó không thể nào ngờ được trên thế giới này lại có một thằng dám làm chuyện động trời như thằng Capone.

- Thằng Capone hơn người ở điểm này.

- Trong khi thằng Do Thái cứ bình chân như vại dưới sự che chở của David Yale, bấy giờ Capone bắt ngờ xuất thủ một phát thì làm sao nó đỡ nổi? Cánh thằng O'Bannon coi như sẽ vĩnh viễn bị xoá tên trong

bản đồ. Chết chắc.

- Chết không?

Malone lắc đầu:

- Chết chắc. Về sự tàn bạo, về sự hung dữ thì không ai bằng Capone. Ông không còn nhớ vụ thảm sát ngày lễ thánh Valentine à?

- Làm sao quên được. Chính cái vụ đó mới làm cho tổng thống Hoover lợm giọng và tôi mới về đây và giờ này ngồi nói chuyện với ông.

Malone nhìn ra xa xa tiếp:

- Nếu nó diệt được thằng O'Bannon một cách bất ngờ, một cách tàn bạo như vậy thì mình chẳng khác gì đã làm cái việc đi nuôi cạp cho béo. Đẹp xong O'Bannon, nó sẽ trở thành một ông trùm mạnh nhất, còn mạnh hơn hồi xưa nữa. Vậy là kế hoạch của mình coi như hỏng hết.

Ness nhú mày, cầm bạnh ra với ý tưởng đó. Malone nói luôn:

- Chừng đó tôi nghĩ nếu mình có muốn ra tay cũng không còn kịp nữa. Lúc đó, Tổng thống Hoover chỉ có nước gọi Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Châu Mỹ La Tinh về mới trị nổi chúng nó. TQLC Mỹ mặc đồ trận ngồi xe tăng đi trong thành phố vài ngày coi thì thấy đẹp mắt nhưng đi kiểu đó trong vòng... vài năm thì chẳng đẹp chút nào cả.

Ness gõ gõ bàn tay xuống mặt bàn:

- Vậy mình phải can thiệp, tôi đồng ý, nhưng bằng cách nào đây?

- Có nhiều cách, nhưng cách dễ nhất, đơn giản nhất là thông báo cho O'Bannon biết bọn Capone đang chuẩn bị úp đồn chúng nó.

- Vậy cũng dễ thôi. Bây giờ cho tới ngày mai chỉ có 24 tiếng, mình thông báo gấp vậy thằng O'Bannon có chịu tin không? Tụi nó chẳng cũng chẳng lạ gì cái vụ gọi là "chiến tranh tin đồn" mà xưa nay chúng nó vẫn đấu với nhau.

- Đúng, tuy rằng tụi nó luôn đề phòng một cái vụ gọi là vụ "chiến tranh tin đồn" nhưng đa nghi như thằng O'Bannon, và gặp phải một người như... Malone này thì nhất định nó phải tin...

Lúc ấy, phiên họp mật của ông

phụ tá Guzick với đám Caporegime ở lâu phía bên kia đã chấm dứt, các Caporegime đang lần lượt ra về. Tom chẳng còn gì để quan sát bèn rời cái ống viễn vọng kính, ngồi xuống, gộp chuyện hỏi:

- Có chuyện gì mà mấy ông ai nấy mặt mày một đống như vậy?

Ness không nói gì nhưng Malone trả lời thế:

- Sắp sửa có chiến tranh ông Tom ạ.

Tom nhún vai:

- Tôi cũng mong cho chúng nó đánh nhau một trận đi cho rồi, để tôi còn đi về Hoa Thịnh Đốn nữa. Không hiểu sao mấy tuần nay bỗng nhiên nhớ nhà quá xá.

Malone đang ngồi im suy tư, nghe nói vậy bỗng ngồi thẳng người lên, nhìn Tom bằng một cặp mắt lạ lùng:

- Ông nói gì kỳ vậy, lớn rồi, sắp sửa có đánh lớn, ông đương không lại bỗng đâm ra... nhớ nhà là làm sao?

Tom trả lời tự nhiên:

- Chẳng biết nữa, tự nhiên thấy nhớ nhà.

Malone lắc cái đầu mình mấy cái. Hình như linh tính thầy đội vừa báo cho thầy biết một cái gì đó. Thầy đội vỗ vai Tom, cười, mở miệng tính nói một điều gì đó nhưng lại thôi.

Ness nói:

- Nếu thằng O'Bannon biết được Capone tính đập nó, nó sẽ làm gì?

Malone cười:

- Nó có thể làm nhiều chuyện nhưng tôi biết việc đầu tiên nó sẽ làm là gọi người về Nữ Ước điều tra xem việc David Yale như thế nào.

- Khi đã biết David Yale chết, mất nơi nương tựa, nó sẽ làm một trong hai việc sau đây. Hoặc là nó sẽ chuẩn bị đề phòng tới tận răng, hoặc là nó sẽ ra tay hạ thủ trước. Nó sẽ chọn cái nào, ông nghĩ thử coi?

Malone nhú mày:

- Thằng O'Bannon thuộc loại cáo già. Mà những thằng cáo già thường thì tính toán rất kỹ và rất sợ chiến tranh. Hơn nữa, nó hưởng thái

bình lâu quá rồi, cũng đâm ra nhụt chí. Tôi nghĩ nó sẽ gọi sứ giả tới gặp Capone, nói cho Capone biết là nó đã biết trước vụ tấn công bất ngờ và đã chuẩn bị. Nó sẽ đề nghị điều đình, có thể trả lại cho Capone vài khu vực làm ăn, vài cái nhà thổ mà nó đã lấy. Nếu thằng Capone còn một hai đời đánh thì nó sẽ sẵn sàng sống chết với thằng này một trận cho trời long đất lở.

- Mình cũng chỉ mong cho chúng nó đánh nhau thôi, nếu chúng nó không đánh nhau thì hóa ra mình lại làm cái việc giúp đỡ và nuôi dưỡng chúng nó.

- Dù mẹ đúng như vậy. Đó là cái kẹt của bọn mình. Không giúp thì thằng O'Bannon sẽ bị tiêu diệt, còn giúp thì sợ hai đứa chúng nó không chịu giết nhau.

- Nhưng nếu thằng Capone cứ một hai đời đánh thì sao?

Malone lắc đầu, cười:

- Chắc không đâu, ngu gì. Tôi biết thằng Capone là một thứ mưu chước đầy mình chứ đâu phải là loại ngựa non háu đá. Kế hoạch của nó để đập thằng O'Bannon hoàn toàn tập trung vào một yếu tố: Yếu tố bất ngờ. Giữa lúc lực lượng hai bên ngang nhau thì đây là yếu tố duy nhất để đem lại thành công. Thằng Capone rành binh pháp, nó biết rõ chuyện này hơn bất cứ ai. Bây giờ, yếu tố bất ngờ đã mất, nó ngu gì đổ lính xuống mấy chỗ mà súng ống đã chờ sẵn. Nó cũng biết đàn em O'Bannon có nhiều thằng Caporegime ngon lành đâu có thua gì nó.

- Như vậy, nó sẽ ký hoà ước với O'Bannon một lần nữa chẳng?

- Dù mẹ đúng vậy. Lần này chẳng biết nó sẽ ký thoả ước Sherman hay thoả ước con c... gì nhưng việc của mình là không để cho chúng nó ngồi với nhau mà ký thoả ước được. Mình phải gài cho chúng nó giết nhau.

Ness, Malone và Tom ngồi im với những tư tưởng đó một lúc rồi Malone bỗng đứng đứng lên, nói:

- Vậy thì mình đi. Ông đi với tôi. Tom ở lại canh cái ống viễn vọng kính, những gì chúng nó nói với

nhau trong 24 tiếng đồng hồ sắp tới rất là quan trọng.

Ness hỏi:

- Đi đâu?

- Đi gặp thằng O'Bannon.

- O'Bannon?

- Đúng. Gặp thằng này không khó lắm, cứ tới thẳng tiệm hoa của nó là gặp liền.

Quay sang nhìn Lite, Malone nói luôn:

- Bọn tôi đi có chút chuyện, ông ở đây để bảo vệ ông Tom. Có gì, lát nữa tôi sẽ gọi điện thoại về.

Bước xuống cầu thang, Malone nói với Ness: "Tới đó gặp nó, mình sẽ nói như vậy..., như vậy... để coi phản ứng của nó. Ông nên nhớ nó là một thằng Do Thái. Nói chuyện với một thằng Do Thái dễ hơn với một thằng Ý Tà Lồ vì chúng nó không có mấy cái tình cảm vụn vặt lắm của mấy thằng ăn mì ống. Nếu nó chịu, mình sẽ đề nghị với nó như vậy, như vậy..."

Ness mỉm cười gật đầu...

Nửa tiếng đồng hồ sau, cặp bài trùng Ness và Malone đã thắng xe trước một tiệm hoa sang trọng, thông thả bước vào...

Trời lúc ấy đã về chiều, O'Bannon đang ngồi tư lự nơi bàn giấy. Những lúc về sau này, càng về già thì O'Bannon càng có cái tật... yêu hoa. Được cái, hoa này là hoa thật chứ không phải hoa người như hồi còn trẻ.

Lúc ấy, lão vừa tĩa xong mấy cụm hoa, đang ngồi trên bàn giấy trong văn phòng phía trong lim dim nhìn những cành hoa mình vừa tĩa xén để thưởng thức cái tài khéo tay của mình thì đuôi mắt của lão ghi nhận có hai ông khách mặc đồ sang trọng bước vào. Làm nghề bán hoa đã mấy chục năm, O'Bannon nhìn thoáng qua một cái là biết liền khách vào để mua hoa, để bán hoa, hay để tính làm chuyện gì khác.

Bộ điệu hai ông khách này thì không đến để mua hoa, mà cũng chẳng phải bán hoa. O'Bannon liền thò tay xuống dưới bàn giấy, bấm nhẹ vào một cái nút điện giấu phía dưới bàn rồi bình thần ngẩng mặt

lên, không cười cũng không nhăn, điềm tĩnh chờ khách vào.

Ồi chào, tưởng ai lạ lùng vào đây hóa ra lại là thằng cớm liên bang lưng danh Eliot Ness. Mấy tháng trước, mặt mũi nó ngày nào lại chẳng có trên mặt báo? Đằng sau nó, trời đất, lại là thằng hung thần Gary Malone. Cái thằng này mình quen biết nó đã lâu mà sao chẳng bao giờ ưa được, hễ đứng gần là trong người thấy nổi gai góc. Mà hôm nay ngọn gió nào lại đưa chúng nó tới đây?

Tuy không biết ngọn gió nào thổi hai người tới, nhưng O'Bannon ngờ ngợ chúng nó đến đây là có chuyện chẳng lành. Xưa nay có thằng nào là dân anh chị khi nhìn cảnh sát tới nhà mà không thấy lo. O'Bannon vừa suy nghĩ tới đó thì hai cái thầy... cảnh sát liên bang đồ sộ đã lù lù đứng trước mặt mình.

Ness lịch sự móc cái thẻ hành sự, chìa ra, cất giọng không lạnh lùng mà cũng không niềm nở: "Eliot Ness, Federal Agent."

Ness thì làm vậy nhưng Malone thì khỏi cần biểu diễn cái thẻ của mình làm gì. Thầy đội neho mắt hỏi liền:

- Charlie O'Bannon. Lâu quá không gặp. Có rảnh không, tụi này có chút chuyện muốn nói với ông.

O'Bannon ra dấu mời hai người ngồi xuống. Vừa ngay lúc ấy, một thằng cô hồn trả lời tiếng chuông báo động bất ngờ của chủ, đã ôm sẵn cây Shotgun đứng thù lù một đồng nơi ngoài cửa sau lưng hai người khách. Mặt mày nó hung ác bặm trợn, chỉ chực chờ một cái hất đầu là sẵn sàng bơm mấy viên đạn vào lưng hai thằng khách lạ liền. O'Bannon bước ra đóng cửa lại và bí mật ra dấu cho nó rút đi.

- O'Bannon có thể mời hai vị liên bang giải khát gì không, như nước trà chẳng hạn?

Hai cái miệng thịt của dân liên bang không thèm hé ra đáp lại lời mời, làm O'Bannon đánh giá được tầm quan trọng của cuộc viếng thăm. Nhưng chưa thèm hấp tấp vội, lão ngồi xuống ghế, tay với ra trước

mở nắp hộp xì gà:

- Xì gà Ảng Lê, quý vị mỗi người làm một điếu cho câu chuyện thêm phần... thơm tho chẳng?

Thằng này đúng là trời sinh nó ra để làm trùm, Ness nghĩ thầm như vậy. Tư cách đáng điệu của nó luôn luôn hoà hoãn thư thái mà sao như ngầm chứa một sức mạnh vô song.

Hộp xì gà đưa trước mặt mình, Ness lấy một điếu, khom người tới mời lửa từ cái hộp quẹt của bàn tay kia của ông trùm đang đưa tới. Khi cái hộp tới trước mặt Malone, thầy đội nhãn mũi ngửi ngửi mấy cái rồi thò bàn tay hộ pháp bốc luôn một nắm tới 8, 9 điếu bỏ vào túi áo:

- Cám ơn ông O'Bannon. Lâu lâu mới được mời mấy điếu xì gà quý, không lấy vài điếu để dành kể cũng uống.

O'Bannon cười lớn:

- Xin tự nhiên, tự nhiên. O'Bannon được thầy đội "chiếu cố" như vậy thật là một hân hạnh.

Nói xong, lão ngả người ra sau, bình thần chờ đợi những gì hai người tới đây để nói cho lão nghe.

Ness nhả một hơi khói xì gà lên trần, nhìn Malone ra dấu cho thầy đội nói trước. Malone bắt đầu:

- Ông có biết chuyện thằng Capone hơn tháng nay đi nghỉ mát không?

Câu trả lời của O'Bannon làm cả Ness lẫn Malone ngạc nhiên:

- Thằng đó đời nào mà thêm đi nghỉ hè lâu như vậy. Nó có thể qua mặt được ai chứ không thể qua mặt mấy thầy và qua mặt tôi được.

Tiên sư, mình tưởng thằng Do Thái này chẳng biết gì, ai ngờ nó nắm được ngọn ngành ngon như vậy. Nhưng nó nhờ đâu mà biết được chuyện này, Ness và Malone tự hỏi mình như vậy. Thầy đội Malone làm bộ như không hiểu thằng Do Thái nói gì, tiếp tục:

- Ủa, ông nói gì kỳ vậy. Nếu vậy thì nó đi đâu?

O'Bannon cười lên sảng sặc:

- Tôi xin thầy. Nó đi đâu tôi không biết nhưng nó không về Florida. Đúng hơn, nó chỉ ở đó mấy ngày để che mắt thiên hạ rồi bỏ đi

mất biệt.

Ness và Malone thấy nhẹ nhõm được một chút. Ra là nó có gài tình báo của nó ở khu giải trí của thằng Capone ở Florida mà thằng này không hề hay biết. Gớm thật. Nhưng nó đã gớm vậy mà không ngờ thằng Capone còn gớm hơn một bậc. Bằng chứng là nó hoàn toàn mù tịt về việc làm của thằng này ở Nữ Ước.

O'Bannon quả là một con người ghê gớm. Lão xì ra một câu như vậy rồi nhìn sắc mặt hai thầy đội cảnh sát là nó biết nó hớ liền. Linh cảm được một chuyện lạ lùng, nụ cười lão tắt ngấm, cặp mắt O'Bannon bỗng long lên đầy sát khí. Lão chồm tới trước, hỏi:

- Hai ông liên bang đến đây chắc không phải nói chuyện nghỉ hè của thằng Capone. Hai ông muốn gì, xin nói đi, đừng có úp mở nữa.

Malone nhìn Ness làm hiệu. Ness hỏi:

- Ông O'Bannon, nếu tôi nói với ông rằng tôi có một tin tức quan trọng đáng giá bạc triệu muốn bán cho ông, ông sẽ nghĩ như thế nào.

O'Bannon nhú mồm. Chuyện thằng cớm Ness ăn bản của Capone ở Chicago này ai lại chẳng biết. Hồi đó, thằng Ness được lệnh của Hoa Thịnh Đốn xuống dưới này để trị thằng Capone, tuyên bố một câu xanh rờn: "I come here to get Capone." Nó xông xáo, nó hùng hổ, nó quật thằng Capone mấy trận thất điên bát đảo. Rồi tự nhiên một ngày, sau khi kết nạp được thằng Malone, ai cũng tưởng phen này thằng Capone sẽ về nhà Chúa thì nó bỗng "đổi tánh," thò tay ra ăn bản của thằng này. Chuyện quay hướng 180 độ bất ngờ của nó có một đạo đã làm tổn không biết bao nhiêu là giấy mực của báo chí Chicago và đã làm cho không biết bao nhiêu người dân lương thiện cảm tức đến rơi lệ.

Ai cũng cảm tức nhưng dưới cái nhìn... Do Thái của O'Bannon thì chuyện này chẳng có gì khó hiểu hết. Chỉ tại thằng Capone không biết chỉ cho đúng vào lúc ban đầu mà thôi. Bị đập cho mấy trận đau quá, nó chịu không nổi mới trả giá cao

thì mới mua được thằng này. Tuy chậm nhưng còn hơn không. Cái nó không hiểu là hai thằng này sao hôm nay lại tự dưng muốn chĩa mũi dùi về mình. Bất địa được thằng Capone, bây giờ nó muốn bắt luôn cả mình đây sao?

O'Bannon chưa thèm trả lời vội, nhú mồm suy nghĩ. Ai bất địa thì còn từ chối được chứ cảnh sát liên bang mà muốn bắt địa thì phải xì tiền cho chúng nó rồi. Cái quan trọng là không biết phải xì bao nhiêu đây.

- Thưa ông Ness, ông biết tôi là một chủ tiệm hoa buôn bán lương thiện...

Malone cắt ngang liền:

- Thôi đi ông nội, bọn tôi không có thì giờ nhiều. Ông nói cha nó ra đi, rào trước đón sau hoài.

Miệng thầy đội Malone quả có gang có sắt. Thầy chỉ nói có vậy là O'Bannon liền sửa thế ngồi, đổi giọng câu nói:

- Dĩ nhiên, nếu mấy ông về hợp tác với tôi thì tôi sẽ chi thật đẹp cho mấy ông. Tôi hứa, thằng Capone chi cho ông một thì tôi sẽ chi hai. Tôi chỉ sợ một điều là thằng Capone nó không để cho mấy ông làm như vậy thôi.

Ness nói luôn:

- Đẹp thằng Capone qua một bên đi. Để tôi hỏi ông chuyện này, ông có muốn làm vua Chicago không?

O'Bannon khựng người lại. Từ hồi ông tổ là vua David lên làm vua nước Do Thái cho tới bây giờ, có thằng Do Thái nào lại sinh ra mà không muốn làm vua kìa? Làm vua há, muốn lắm chứ nhưng thân phận Do Thái sống tạm bợ trên đất người đâu có dám mộng mơ lớn như vậy.

Ness nhìn thấy rõ nét lúng túng trên mặt lão già O'Bannon.

- Tôi hỏi thật, ông nghĩ là ông sẽ ở đây và sẽ chịu đựng được thằng Capone trong bao nhiêu lâu nữa?

O'Bannon vẫn không nói gì.

- Ông biết chuyện thằng Capone ký hoà ước với chúng tôi để chuẩn bị làm thịt ông rồi chứ?

- Chuyện đó tôi biết.

- Nó chưa dám ra tay là bởi vì nó còn nể mặt ngài chủ tịch thôi.

Ông nghĩ coi, ông còn có thể mong chờ nơi David Yale bao nhiêu lâu nữa? Nếu có chuyện gì xảy ra cho David Yale thì ông thấy thế nào?

O'Bannon cũng không nói gì được. Đầu óc lão căng thẳng tột độ. Làm vua thì muốn rồi nhưng với cái giá nào kìa. Nếu phải trả bằng cái giá đem tính mạng và tài sản của mình ra để thử thời vận thì lão chẳng thà ở vậy. Lão quá khôn ngoan để đem cuộc đời mình ra chiếu bạc một lần nữa như vậy.

Bây giờ Malone mới tung vào "chiến trường tư tưởng" một đòn cân não quyết liệt:

- Tin tức tối mật của sở đặc vụ bài trừ rượu liên bang cho chúng tôi biết thằng Capone ăn dầm nằm dề ở Nữ Ước mấy tháng qua.

O'Bannon nghe tới đó thì thấy muốn xây xẩm mặt mày. Nữ ước là trung tâm quyền lực của Unione Siciliane, thằng chó đẻ Capone về đó mà sao David Yale lại không cho mình biết. Nó về đó mà David Yale không thông báo cho mình thì hoặc là lão không muốn thông báo hay là lão không hề biết. Cả hai giả thuyết, giả thuyết nào cũng dẫn tới một kết quả bi đát. Lão trợn mắt nhìn Malone như không muốn tin những gì mình vừa nghe:

- Thầy nói vậy thì thầy có bằng chứng gì không?

Malone nhìn cái điện thoại trên bàn giấy của O'Bannon, hỏi:

- Chúng tôi không bỏ thì giờ tới đây để dọa non dọa già ông. Chuyện thằng Al Capone về Nữ Ước chỉ là chuyện phụ, chuyện chính chúng tôi muốn ông tự tìm hiểu lấy. Ông có số điện thoại mật của David Yale ở tổng hành dinh Nữ Ước, ông cứ gọi về đó hỏi thăm thì biết liền.

O'Bannon kinh hoảng quá. Lão chụp liền điện thoại nhưng không gọi về Nữ Ước mà gọi cho hai thằng Caporegime thân tín mấy chục năm qua của mình, Krugg và Borland, bảo chúng tăng cường canh gác và chuẩn bị chiến tranh gấp gáp.

Gọi tới gọi lui dận dò cẩn thận mấy lần, O'Bannon mới móc đường dây viễn liên với tổng đài Nữ Ước

gọi một con số bí mật của văn phòng trung ương Unione Siciliane.

O'Bannon xém té ngã ra khỏi ghế khi nghe cái giọng ồm ồm của một thằng nào lạ hoắc trả lời điện thoại. Lão hỏi:

- Kabri đó hả.

- Không phải.

- Vậy ai đó, cho tôi gặp Kabri chút đi.

- Thằng phản tặc đó chết mẹ nó đời nào rồi sao còn nhắc tới làm gì. Mà ông là ai vậy?

O'Bannon thấy trời đất quay cuồng. Số điện thoại này là số điện thoại tối mật của David Yale mà chỉ có hai người nghe được, một là Kabri hoặc là ngài chủ tịch, bây giờ

cái thằng nào lạ hoắc xen vào đây lại còn dám chửi thằng Kabri là phản tặc thì ắt có loạn lớn rồi. Mồ hôi O'Bannon lấm tẩm trên trán. Lão áp úng hỏi tiếp:

- Vậy thì ngài chủ tịch đâu rồi?

Đầu giây bên kia có giọng chửi thề liên:

- Dù mẹ ai gọi tới đây mà không dám xưng tên họ? Tên là gì, nói nghe coi rồi mới tiếp tục nói chuyện được.

- Tôi là chỗ người nhà. Cho gặp David Yale chút coi...

Đầu giây đằng kia lại vang lên tiếng chửi thề:

- Motherfucker, người nhà cũng phải có tên chớ. Dù mẹ đã bảo tên

tuổi gì xưng lên coi rồi mới nói chuyện được... Luciano, xếp tới đây coi có thằng c... nào không biết cứ đòi nói chuyện với ngài chủ tịch mà nó nhất định không chịu xưng tên, thằng này có vẻ côm quá.

O'Bannon đi hết ngạc nhiên đến ngạc nhiên khác. Thằng Luciano làm gì ở trong văn phòng ngài chủ tịch mà không thấy ngài, cũng chẳng nghe tiếng thằng Kabri.

O'Bannon nhận ra giọng nói ào ào của thằng Luciano ở đầu giây bên kia:

- Luciano tôi nghe đây. Xin lỗi giới chức ở đầu dây là ai vậy?

- Tôi là nhân viên của bộ tư pháp Hoa Kỳ, cho tôi được nói chuyện với David Yale.

- Không được!

- Sao vậy?

- Xin Chúa thương xót, ngài chủ tịch chết rồi. Mà xin lỗi ông, ông biết được số điện thoại này của ngài chủ tịch hẳn là ông phải thân với ngài lắm. Xin ông cho biết tên tuổi cùng điện thoại để thằng Luciano này có dịp hầu tiếp ông trong tương lai.

Chỉ vừa nghe tới đó là O'Bannon cúp máy cái cụp, ngã người ra sau, đưa hai tay ôm lấy đầu. Ness và Malone nhìn nhau trao đổi một cái nhìn bí mật.

O'Bannon đắm chìm trong sự suy nghĩ. Có lý nào, có lý nào thằng Capone lại cả gan làm cái việc mà cả thế giới này chưa hề có ai dám làm: Giết chết chủ tịch của Unione. Nếu nó làm vậy thì nó phải chết. Nhất định nó phải chết. O'Bannon nhìn Malone hỏi:

- Thằng Capone mà dám giết ngài chủ tịch sao? Nếu nó có gan làm vậy thì giờ này nó đã là một cái xác không hồn rồi.

- Ông hiểu thằng Capone mà. Nó ngu gì đụng tới ngài chủ tịch của Unione để bị băm xác ra như cám. Có thể giờ này nó còn đang đứng bên cạnh quan tài của ngài chủ tịch đọc diếu văn và khóc bù lu bù loa lên nữa kìa....

O'Bannon chợt hiểu hết mọi chuyện. Đúng, thằng Capone đâu có



ngu gì chạm đến ngài chủ tịch để bị bầm xát ra như cám. Đầu óc như nó thì phải làm một chuyện gì ngoạn mục hơn.

Malone tung thêm một chương:

- Nếu ông là Capone, ông sẽ xử sự như thế nào trong trường hợp này?

O'Bannon nghe tới đó thì liền nhận ra ngay sự nguy cấp của tình thế. Căn nhà của cánh O'Bannon đứng vững được là nhờ bởi cái cột trụ David Yale. Bây giờ, cái cột trụ đó đương không bị gãy thì chỉ còn nước... bỏ chạy ra khỏi nhà nếu không muốn bị đè chết.

O'Bannon suy nghĩ một chút rồi gằn giọng:

- Tôi sẽ thương thuyết với nó.

Malone gật gù:

- Ý kiến rất hay, nhưng tôi sợ rằng hơi trễ rồi đấy.

- Tôi còn sức mạnh, còn thực lực, tôi có thể thương thuyết với tư cách kẻ mạnh được. Nếu nó không chịu, tôi sẽ cùng tử chiến với nó một lần cho biết ai hơn ai thua.

- Tôi hiểu ông còn sức mạnh, còn thực lực, còn nhiều thứ nhưng tôi sợ ông chưa hiểu lòng dạ thằng Capone đó thôi.

- Nó muốn gì?

- Nó muốn diệt ông.

- Đây có phải là lý do hai thầy tới đây không?

Malone tính mở miệng thì Ness đã khoát tay cho hắn im rồi nói chen vào:

- Không! Nói thật với ông, dưới mắt chúng tôi, cả ông lẫn thằng Capone đều là kẻ cướp. Cướp giết nhau không phải là chuyện của chúng tôi. Chúng tôi tới đây vì một lý do khác: Tiền.

- Tiền.

- Đúng vậy.

- Các thầy làm được gì để giúp tôi trong vụ này?

- Chúng tôi sẽ giúp ông giết được thằng Capone.

- Giá nào?

- Hai trăm ngàn đô la. Đưa trước một trăm, một trăm còn lại sẽ giao khi Capone chết.

O'Bannon ngã người ra sau suy

nghĩ một chút rồi hỏi:

- Nhưng các thầy giúp chúng tôi bằng cách nào?

- Chúng tôi sẽ thông báo cho ông biết giờ giấc và sự đi đứng của nó để ông thiết lập kế hoạch phục kích thằng Capone.

- Tôi có đề nghị riêng của tôi.

- Ra sao?

- Hai trăm ngàn, tôi muốn các ông làm lấy luôn. Tôi không muốn dính dáng gì đến vụ này hết.

Malone cười gằn, tiên sư thằng Do Thái này khôn quá. Nó muốn ngồi mát ăn bát vàng sao kìa:

- Không bao giờ. Ông biết tui tui là nhân viên của bộ tài chánh liên bang, chúng tôi không bao giờ đi giết mướn hết. Ông đưa đây hai trăm ngàn, chúng tôi bán tin nó cho ông còn không thì thôi, khỏi có nói chuyện mặc cả đi.

O'Bannon chồm tới trước, gỡ gọng kính ra để lên bàn rồi đưa hai tay lên vuốt mặt, giáng điệu căng thẳng và mệt mỏi:

- Diệt thằng Capone cũng tốt lắm, lúc nào tôi chẳng muốn nó chết, nhưng thực tình, trong giai đoạn này, tôi không muốn gây cuộc can qua chút nào hết.

- Ông không muốn diệt nó nhưng nếu nó cứ một lòng đòi giết ông thì ông tính sao?

O'Bannon lắc đầu, chậm rãi:

- Tôi chưa thấy bằng chứng gì là nó muốn diệt tôi hết.

Malone hỏi:

- Vậy nó về Nữ Ước để làm gì? Tại sao nó phải hạ David Yale.

O'Bannon đeo gọng kính vào trở lại.

- Có thể thằng Capone không có dính dáng gì tới vụ này hết. Theo sự suy luận của tôi thì có cho vàng thằng Capone cũng chẳng dám lớn gan như vậy.

Ness và Malone nhìn nhau trao đổi một dấu hiệu thất vọng. O'Bannon tiếp:

- Tuy nhiên, tôi cũng xin cảm ơn các ông đã đến đây đề nghị chuyện đó với tôi. Các ông cho tôi số điện thoại đi, nếu tình thế biến chuyển và nếu cần gì tôi sẽ gọi các ông ngay.

Tôi hứa.

Chẳng còn gì để nói thêm, Ness thấy tám danh thiếp lên bàn rồi hất đầu làm dấu cho Malone đứng dậy. O'Bannon đứng lên theo:

- Dù sao thì tôi cũng xin cảm ơn hai thầy đội đã cho tôi biết cái tin tức bí mật về ngài chủ tịch. Tôi sẽ đề phòng hết sức.

O'Bannon tiễn hai người ra tới cửa rồi quay trở về, nhắc điện thoại lên gọi liên tục một lúc, quát tháo nhặng lên...

Ra tới ngoài xe, Ness thở dài, nói với Malone:

- Những gì ông luận là đúng. Thằng Do Thái khôn quá, nó nhất định không chịu đánh nhau. Hóa ra mình lại là người cứu nó thoát chết, cứu cả cái gia tài sự nghiệp của nó mà chỉ nhận được hai tiếng "cảm ơn".

- Dù mẹ đúng là công dã tràng.

Nét mặt Malone trở nên buồn buồn, ngồi im trên xe với cái ống tẩu nơi miệng. Ness cũng lặng yên, sang số lái xe rảo rảo như muốn trút mọi sự bức tức xuống cái chân ga mà mình đang đạp...

*

* *

Sau phiên họp ở Indianapolis, các ông Caporegime lái xe chưa về tới Chicago thì Capone đã bí mật leo lên phi cơ về trước và đang ngồi chễm chệ trong bộ tư lệnh hành quân ở khách sạn Lexington. Đi mấy tháng mới trở về, xếp rất hài lòng vì mọi chuyện ở nhà Guzick lo lắng đầy đủ chu đáo. Ngoài chuyện kinh tế khủng hoảng, tiền thu vào mỗi ngày một ít đi, còn Chicago chẳng có gì lạ cả. Thằng O'Bannon xem ra chắc cũng chưa biết được việc cây gươm Goliath của nó đã bị gãy. Bọn thằng cớm Ness cũng im hơi lặng tiếng, chẳng thấy động tĩnh gì.

Buổi chiều hôm ấy, cơm nước xong, Capone cùng Guzick đang ngồi phân chia lại lãnh thổ của thằng O'Bannon xem giao cho ai thì chuông điện thoại reo vang. Frank Nitti bắt máy lên rồi mặt tái nhợt đi, kinh hoảng nhìn Capone nói:

- Xếp, thằng O'Bannon gọi.
Capone nghe vậy thì mặt cũng tái luôn:

- Thằng O'Bannon, hỏi nó coi nó muốn chuyện gì?

Frank Nitti nói vào trong máy rồi quay nhìn Capone:

- Nó không chịu nói. Nó nói nó muốn bàn với xếp về chuyện chiến tranh gì đó.

Capone hốt hoảng đứng dậy chụp liền ống nói:

- Tôi đây, Capone đây.

- Charlie O'Bannon đây Al ơi. Tin tình báo của tôi cho tôi biết ông đang cho người chuẩn bị đánh úp tôi tối nay đúng không?

Capone như người vừa rớt từ trên trời xuống, ngạc nhiên và tức giận quá đến độ nói không nên lời:

- Ai... ai... ủa mà ai nói cho ông biết?

Nói xong, Capone mới nhận ra mình hớ, liền lẹ làng chữa lửa:

- Không, ai là người phao cái tin đồn thất thiệt đó?

Có tiếng cười của O'Bannon trong máy:

- Bạn Al, tụi mình già đầu rồi. Tôi nói ít bạn hiểu nhiều. Tôi biết chuyện bạn về Nữ Ước, tôi còn biết nhiều thứ nữa...

Capone há hốc miệng, không nói được một lời. Giọng nói của O'Bannon vẫn vang lên đều đặn:

- Bạn Al, tôi còn biết là ngài David Yale không còn nữa. Chuyện sống chết là chuyện thường tình ở đời, tôi rất lấy làm tiếc, nhưng tôi có một đề nghị này muốn nói với bạn không hiểu bạn có chịu nghe tôi không?

Đến lúc đó, Capone vẫn chưa lấy lại được hồn, còn ú ớ:

- Nói... nói... đi.

Giọng của O'Bannon hình như có pha lẫn chút tiếng cười đắc thắng:

- Bạn ngạc nhiên lắm hả. Tôi thông cảm. Để khỏi mất thì giờ quý báu của bạn, tôi đi thẳng vào sự thật liền, mong bạn hiểu cho tôi.

- Nói đi.

- Trước hết, nếu bạn có âm mưu tấn công bất ngờ tôi tối hôm nay thì xin bạn ra lệnh cho chúng nó đừng

tay đi. Vì chúng tôi đã biết trước và đã chuẩn bị đầy đủ rồi. Nếu chúng tôi bị tấn công thì chúng tôi sẽ phản công liền cấp kỳ. Chẳng những cấp kỳ mà còn phản công đẹp nữa...

Capone toát mồ hôi trán. Giọng khàn khàn của thằng Do Thái lại tiếp tục:

- Nếu bạn không tin tôi, bạn có thể bước ra đứng nơi cửa sổ văn phòng bạn mà nhìn xuống, bạn sẽ thấy mấy chiếc xe Cadillac đen đậu phía dưới đó. Người của chúng tôi đẩy bạn ạ. Nhưng bạn đừng lo, chúng nó chỉ đậu đó một chút rồi đi liền, bạn đừng gởi người xuống rượt theo chúng nó làm chi. Đây, nếu tổng hành dinh của tôi bị tấn công thì mười sáu thằng đàn em tôi ở trong mấy chiếc xe đó cũng sẽ bắt ngờ xông lên Lexington mà làm đẹp như vậy để trả thù. Chúng nó còn đem bom nữa ông bạn ạ. Tôi không có ý hăm dọa bạn đâu, tôi nói thật đó. Hơn nữa, tôi cũng biết bạn là con người khôn ngoan. Tại sao tụi mình lại giết nhau làm gì nhỉ, trong khi chúng ta có thể sống chung hoà bình được. Bạn thấy thế nào?

Capone vừa nghe điện thoại vừa bước tới cửa sổ nhìn xuống. Xếp quả nhìn thấy mấy chiếc Cadillac lạ hoắc đậu dưới đường. Trong chiếc xe nào cũng lộ nhố mấy thằng mặt mày bặm trợn mặc áo bành tô ngồi thù lù mấy đồng.

Capone bỗng thấy rờn rợn nơi gáy. Xếp bịt ống nói lại rồi ra lệnh thật lẹ cho thằng Frank Nitti đang đứng gần đó: "Lộ hết rồi. Thằng chó đẻ O'Bannon biết hết rồi. Mày gọi gấp cho chúng nó, cho hủy bỏ tất cả mọi cuộc tấn công cho tao. Nghe rõ không, đẹp, đẹp hết. Nói lẹ lẹ, để chúng nó vác súng đi thì có phiền phức lớn."

Giọng của O'Bannon lại tiếp tục trong ống nghe:

- Đó là chuyện thứ nhất. Còn chuyện thứ hai tôi muốn nói với bạn là, dĩ nhiên, khi David Yale chết đi rồi thì tôi cũng tự biết thân biết phận mình không như ngày xưa nữa...

- Rồi sao?

- Tôi muốn gặp bạn trở lại để ký

một thoả ước bất tương xâm mới. Chúng mình từ nay sẽ làm việc trên sự bình đẳng và chân thật. Bạn nghĩ thế nào?

Còn nghĩ cái chó gì nữa. Dù mẹ mình mất bao nhiêu thì giờ lặn lội về tới Nữ Ước để làm thịt David Yale, chỉ để làm thịt thằng Do Thái này. Khổ sở như vậy, kế hoạch thần sầu như vậy, kín như vậy mà cuối cùng cũng không qua mặt được cái thằng Do Thái ghê gớm này. Nhưng tại sao chuyện mình làm kín như vậy mà nó lại biết được kìa?

Nhức đầu quá và tức hộc máu ra nhưng Capone biết mình chẳng thể nào có được một lựa chọn khác hơn. Yếu tố thành công của cuộc tấn công là bất ngờ. Mà nó đã gọi điện thoại cho mình để cảnh cáo như vậy thì còn chó gì là bất ngờ nữa. Chắc chắn nó đã giăng bẫy chờ mình, ra quân là chết chắc. Bây giờ, đánh nhau không được thì dù đau như hoạn nhưng mình vẫn phải làm hoà với nó. Chẳng lẽ đứng đây mà chửi tay đôi với nó à? Hơn nữa, nó đã nhận rằng David Yale chết là nó mất đi một cột trụ thì có thể nói chuyện phải trái với nó được. Cứ hòa đi đã rồi từ từ tính kế khác cũng được.

Nghĩ vậy là Capone dù đau khổ lắm nhưng cũng gắng gượng cất lời mềm dẻo:

- Dĩ nhiên, ông O'Bannon, tụi mình là con nhà làm ăn mà. Ông đã hạ mình nói như vậy thì tụi mình phải gặp nhau để ký hòa ước rồi. Có điều lần này, phải lấy tình thật mà xử với nhau, tôi cũng chán nản mọi chuyện lắm rồi.

Xếp nói câu sau này có nhiều phần thật. Quả thực xếp đã mệt mỏi lắm rồi. Hơn một tháng trời ăn dầm nằm dề hết Florida rồi tới Nữ Ước, xếp muốn nghỉ ngơi chút ít để dưỡng sức và tận hưởng cuộc đời. Nếu thằng O'Bannon biết nó bị mất cột trụ mà thật lòng muốn điều đình thì tại sao không cho nó điều đình kìa?

- Vậy thì tốt quá. Chừng nào mình có thể gặp nhau để nói chuyện phải trái đây?

- Lúc nào cũng được.

- Tốt lắm, Al Capone. Để tỏ thiện chí của tôi, tôi để cho bạn toàn quyền chọn lựa ngày giờ và địa điểm gặp mặt. Bạn muốn gặp tôi ở Lexington cũng được, tôi sẽ lên gặp bạn để tỏ thiện chí của tôi mà không cầu nể gì cả.

- Giang hồ với nhau, một khi đã tin nhau thì ai lại làm vậy. Ông tỏ thiện chí thì tôi không biết tỏ thiện chí hay sao? Tôi sẽ kiếm một chỗ ở nơi một vùng đất trung lập để mình gặp nhau. Đó là thiện chí của tôi.

O'Bannon bật cười lên sảng sặc trong ống nói: "Very good, very good. What a man!" rồi cúp phôn cái cup.

Nghĩ đến chuyện bao nhiêu công trình của mình bỗng một sớm một chiều tan thành mây khói, Capone điên tiết lên, chụp cái điện thoại quăng tuốt ra khỏi cửa sổ. Sợi dây điện thoại căng ra, ủa hết một mớ vật dụng trên bàn xuống mặt đất rồi đứt đến bứt một tiếng. Capone càng điên tiết, thò hai tay ủa hết những gì còn lại trên bàn xuống, miệng chửi rống lên: "Đù mẹ bố tiên sư cha bọn Do Thái khốn nạn, dân giết Chúa. Đù mẹ nó, tao sống mà không giết được mày thì chết tao cũng hiện về đây để phá mày..."

Rồi Capone bỗng thấy xây xẩm mặt mày, phải đưa hai tay vịn lên bàn mới đứng vững được. Xếp biết cơn bệnh giang mai lại trở về hành hạ mình, bèn nói luôn với Guzick trước khi mình... quên: "Mình sẽ gặp thằng O'Bannon để ký hòa ước bất tương xâm mới. Ông sắp xếp để mình đi gặp nó, càng sớm càng tốt..."

Chỉ nói được có vậy là Capone ngã xuống đất, miệng mồm xùi bọt mép lên. Frank Nitti lẹ làng mở cửa văn phòng, thò đầu ra nói với một thằng cận vệ đang đứng gác ngoài cầu thang: "Đem thằng bác sĩ lên đây gấp, xếp lại lên cơn rồi."

Một lúc sau, Guzick và Frank Nitti đã đưa xếp lên giường, nới lỏng cà vạt và xắn tay áo xếp lên, chờ bác sĩ tới chích thuốc...

(còn tiếp)

ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác



(tiếp theo)

Khi tôi trở lại Trung Hoa thì chiến tranh đã bước vào một giai đoạn khốc liệt. Sau cuộc tấn công của Nhật vào Trân Châu cảng, Hoa kỳ chính thức tham dự cuộc chiến nhưng lúc đó quân Nhật vẫn đang nắm thế chủ động. Chỉ một thời gian ngắn, họ chiếm Hương Cảng, tấn công các căn cứ quân sự của Anh tại Phi Luật Tân, Mã Lai và Tân Gia Ba. Để đối phó, cả Anh quốc lẫn Hoa kỳ đều gia tăng các phi vụ dội bom lên thành phố của Nhật, mặt khác họ tăng cường viện trợ cho Trung Hoa để tổ chức các cuộc chiến đấu trên bộ. Chiến thuật của quân Trung Hoa khi đó là tập kích, phá hoại các cơ sở, đường giao thông chứ không trực

tiếp đối đầu với quân Nhật. Hiển nhiên một cuộc chiến như thế gây nhiều xáo trộn và thiệt hại lớn cho dân chúng. Để trả đũa, quân Nhật liên tiếp tấn công các tỉnh lớn của Trung Hoa như Triết Giang, Hàng Châu, Hồ Kiều, Nam Xương. Mục tiêu chính của họ là phong tỏa Trùng Khánh, nơi chính phủ Trung Hoa đặt bộ chỉ huy. Tình cảnh dân chúng khi đó hết sức bi đát, hàng triệu người luôn luôn ở thế bị động, di tản từ thành phố này qua thành phố khác để lánh nạn. Nhiệm vụ mới của tôi là liên lạc với các nhà trí thức lãnh đạo Trung Hoa, đưa họ đến những nơi chốn an toàn hoặc nếu cần, giúp họ xuất ngoại. Ngoài ra tôi còn hợp tác với bộ giáo dục để tổ chức các lớp học tại những nơi

thuộc quyền kiểm soát của chính phủ Trung Hoa. Phải nói rằng tinh thần học hỏi của người Hoa rất cao. Mặc dù các đại học đều đóng cửa hoặc di chuyển về vùng xa xôi nhưng sinh viên ghi tên học vẫn chiếm một con số rất lớn. Cũng trong thời gian này tôi có dịp tiếp xúc với hai nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng là hoà thượng Thái Hư và Đại sư Hutukhutu.

Hoà thượng Thái Hư là người đã khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo vào đầu thế kỷ 20 tại Trung Hoa. Khi đó tình hình Phật giáo đang rơi vào một tình trạng suy đồi trầm trọng. Những bậc cao tăng đạo hạnh thì ít nhưng các người mượn áo tu hành như một nghề nghiệp để kiếm sống thì nhiều vô kể. Tôi đã gặp nhiều nhà sư không biết đọc, biết viết hay hiểu nghĩa một câu kinh mà chỉ thuộc lòng một số nghi thức cúng kiếng như một hình thức sinh nhai. Nhiều người uống rượu, ăn thịt, không giữ giới luật, có người còn có cả vợ con nữa. Phần lớn chùa chiền không còn là những nơi có thanh quy mà chỉ là chốn tụ tập để buôn thần bán thánh, để tén đồ đến cầu tài, cầu lộc hay cầu phước. Thay vì thuyết pháp độ sinh, giảng dạy các chân lý cao thượng thì các sư sãi này lại mang những hình thức mê tín dị đoan ra dọa nạt, chiêu dụ tín đồ. Chân lý cao đẹp nhằm đưa đến việc thoát ly sinh tử đã bị các tăng sĩ biến thành một thứ thần quyền với những hứa hẹn hão huyền, các nghi thức cúng kiếng cầu đảo, lên đồng nhập cốt, cúng sao giải hạn, v.v...

Trước tình trạng hủ hoá này, hoà thượng Thái Hư, một tăng sĩ có uy tín, đã lên tiếng kêu gọi việc chấn hưng Phật giáo. Ngài đặt ra một hệ thống giáo dục mới, tổ chức một giáo hội tương tự như giáo hội của Thiên Chúa giáo. Các tăng sĩ phải đến lớp học, trải qua những kỳ thi, được cấp bằng về Phật học trước khi được gửi đến trụ trì một ngôi chùa nào đó. Đây là một sáng kiến mới mẻ nhằm đưa Phật giáo ra khỏi con đường mê tín, hủ hoá, nhưng có lẽ

vì quá mới nên nó gặp nhiều chống đối. Ngoài phản ứng của các tăng sĩ đương thời, ngài còn gặp sự chống đối của chính quyền, lo ngại một lực lượng tôn giáo có tổ chức sẽ ảnh hưởng đến tình hình chính trị đang bấp bênh khi đó.

Mặc dù chính quyền Trung Hoa hay Quốc Dân Đảng là một tổ chức được công nhận trên chính trường quốc tế nhưng thực ra nó gồm nhiều thành phần hỗn tạp khác nhau hợp lại. Tuy kết hợp để chống Nhật nhưng các thành phần này vẫn tranh giành ảnh hưởng và không ngại thanh toán lẫn nhau. Chính vì tổ chức lỏng lẻo, nội bộ chia rẽ nên những người cầm quyền dễ bị mua chuộc bởi những kẻ lợi dụng thời cơ trục lợi. Tình trạng hối lộ, tham nhũng, hối mại quyền thế và nạn cướp bóc, giết người đoạt của xảy ra rất thường. Một trong những nơi bị nhiều người nhòm ngó là các chùa chiền, tu viện vốn có tài sản, đất đai, ruộng nương riêng. Tôi đã thấy nhiều ngôi chùa bị chính quyền địa phương trưng dụng làm cơ sở, các đồ quý giá bị tẩu tán, ruộng nương của chùa bị tịch thu hoặc bán cho người khác. Vì tổ chức độc lập, không có một giáo hội làm hậu thuẫn, nên đa số chùa chiền dễ trở thành những miếng mồi ngon cho kẻ tham lam sẵn có quyền lực trong tay. Ngày xưa tuy không được tổ chức chặt chẽ nhưng chùa chiền được đặt dưới sự bảo trợ của triều đình. Các vị vua tôn sùng đạo Phật đã cho xây cất những bảo tháp, những đại hùng bảo điện to lớn nguy nga, đúc những pho tượng bằng vàng, ban phát cho chùa nhiều đất đai, ruộng nương để các tăng sĩ có thể sống tự túc bằng những hoa lợi đó. Sau cuộc cách mạng Tân Hợi (1911), chính quyền dân sự triệt để bài trừ những tàn tích phong kiến cũ. Họ không mấy có cảm tình với giới tăng lữ mà họ cho là đứng về phe cựu hoàng. Nhiều người đã coi Phật giáo như những gì cổ hủ lỗi thời, có hại cho sự phát triển của quốc gia. Họ không ngần ngại đàn áp, cướp bóc, phá hoại những gì

thuộc về truyền thống cũ.

Tôi gặp Hoà thượng Thái Hư tại Nam Kinh, một thành phố đổ nát hoang tàn vì bom đạn của quân đội Nhật. Hoà thượng là một người mập mạp, thấp bé, giọng nói đặc sệt âm Phúc Kiến nên rất khó nghe. Ngài có khuôn mặt tròn trĩnh, phúc hậu với chòm râu bạc khá dài, trông như một tiên ông trong tranh vẽ hơn là lãnh tụ một phong trào. Lần đó, trên hàng hiên của ngôi chùa địa phương, ngài đã kể cho tôi nghe về chương trình làm việc của ngài. Theo Hoà thượng, để thích hợp với hoàn cảnh mới, Phật giáo phải được tổ chức thành một giáo hội thống nhất thay vì hoạt động lẻ tẻ riêng rẽ.

- Nhưng tôi được biết các bậc lão tăng không đồng ý việc tổ chức một giáo hội như thế.

- Hiển nhiên rồi. Bất cứ một thay đổi nào cũng đều khó vì đa số đã quen với nếp sống cũ. Ít ai muốn thay đổi vì sợ xáo trộn mà hậu quả ra sao không ai có thể biết trước. Tuy nhiên đây là một vấn đề khẩn thiết vì nếu không thay đổi thì chính quyền có thể ban hành các biện pháp mạnh đối với Phật giáo giống như khi xưa Hoàng đế Henry đệ bát đã làm đối với giáo hội Thiên Chúa giáo tại nước Anh của tiên sinh vậy.

Tôi ngạc nhiên vì sự hiểu biết của Hoà thượng. Trong cuộc tiếp xúc với những tu sĩ Trung Hoa, tôi nhận thấy ít ai có kiến thức về văn hoá, xã hội hay lịch sử Âu châu. Chúng tôi bàn luận khá lâu về những việc đã xảy ra trong thời trung cổ và phục hưng. Hoà thượng Thái Hư cho biết:

- Chúng tôi cần đào tạo những tu sĩ ưu tú để phục hồi Phật giáo tại Trung Hoa. Nói một cách khác, một thời đại phục hưng tương tự như những sự kiện đã xảy ra tại Âu châu rất cần cho quê hương chúng tôi. Có lẽ tiên sinh cũng thấy, hiện nay chúng tôi sống có khác gì thời đại trung cổ đâu! Mỗi miền được cai trị bởi một vị lãnh chúa có toàn quyền sinh sát, muốn làm gì thì làm. Chính quyền trung ương quá bận rộn, đâu chú ý gì tới nhu cầu của dân chúng.

Do đó, để sống còn, Phật giáo cần phải được tổ chức lại dưới một hình thức mới mẻ, hợp với thời đại mới. Tiên sinh có biết tại sao chính quyền Trung Hoa lại đối xử đặc biệt với những nhà truyền giáo người Âu trong khi coi thường những tu sĩ địa phương không? Tại vì những nhà truyền giáo này đã xây dựng được những trường đại học, mở mang và hướng dẫn dân trí. Họ đã thiết lập những hệ thống giáo dục mới mẻ, có thể đưa Trung Hoa tiến theo đà văn minh của thế giới. Trong khi đó, những tu sĩ Phật giáo vẫn mơ mộng những chuyện viển vông, lo cầu an, cầu siêu, hay các hình thức mê tín dị đoan, vốn thật ra không hề có trong truyền thống của Phật giáo.

Hoà thượng trình bày những kế hoạch mà ngài đang cho thi hành, từ việc tổ chức các trường học Phật giáo đến chương trình giảng dạy cho tăng sĩ. Theo ngài, học trình sẽ được chia làm hai phần rõ rệt: Ngoài phần căn bản về Phật học, các tăng sĩ còn phải học thêm sinh ngữ, toán, khoa học và lịch sử thế giới nữa. Nghe Hoà thượng nói, tôi thấy ngài là người có

óc tổ chức theo đường lối khoa học. Nếu sinh ra ở Trung Hoa trong thời trước, chắc hẳn ngài có thể trở nên một vị quan lớn, một tể tướng hay một chức quan nhất phẩm triều đình không chừng. Tuy nhiên tôi không hoàn toàn đồng ý với ngài về đường lối cải cách rập theo khuôn Âu châu, nhất là việc giảng dạy thêm các bộ môn như khoa học, xã hội, triết học và lịch sử cho các tăng sĩ. Là người Âu, tôi có một cái nhìn khác. Tôi thiết nghĩ thế giới này đã có quá nhiều trường đại học, quá nhiều chương trình giáo dục phân tách tỉ mỉ các khía cạnh của đời sống ra thành các mảnh vụn vặt. Đã có biết bao nhà khoa học xếp đặt đời sống qua các lý thuyết về triết học, kinh tế, chính trị và xã hội nhưng họ đã giúp ích gì cho nhân loại? Phải chăng chính các lý thuyết mơ hồ này đã đem lại sự phân hoá con người? Lịch sử cho thấy mỗi khi một lý thuyết mới được đề xướng thì xã hội

lập tức xáo trộn. Dù lý thuyết đó chủ trương gì chăng nữa, nó cũng chỉ là những mảnh vụn không hoàn hảo khi người sáng chế ra nó chưa đạt được sự toàn thiện nơi mình. Tôi nhớ khi còn ở Hương Cảng, Tạ Hải thường khuyên: "Này bạn, nếu muốn đến Tây Hồ thì bạn phải nhắm hướng đó mà đi. Nếu ngồi nhà đọc tất cả những cuốn sách nói về Tây hồ thì có ích gì? Dĩ nhiên bạn có thể biết vị trí Tây hồ qua bản đồ, bạn có thể biết xuất xứ, nguồn gốc của nó qua các cuốn sách địa dư, bạn có thể biết rõ nước trong hồ gồm những chất gì qua sách hoá học, nhưng biết thế thì lợi ích gì? Làm sao bạn có thể hưởng được vẻ đẹp tuyệt vời của Tây hồ vào một buổi sáng mùa thu, vào một ngày trăng tròn, trên con thuyền nhỏ lênh đênh trên mặt hồ? Bạn phải đến đó mới thường thức trọn vẹn được nó. Người ta không thể thưởng thức vẻ đẹp tuyệt vời đó qua sách vở được. Cũng như thế, mục đích của Phật giáo là giải thoát khỏi luân hồi sinh tử. Con đường này đòi hỏi người đi phải nỗ lực tu hành qua các phương pháp mà đức Phật đã chỉ dẫn chứ không thể đọc sách vở, bàn luận các danh từ, sắp đặt thành các hệ thống mà có thể giải thoát được!"

Tôi nghĩ rằng tình trạng suy thoái của Phật giáo Trung Hoa một phần là do những tu sĩ thiếu học thức, thiếu thực hành đã chỉ dẫn sai lạc nhưng phần khác cũng do hoàn cảnh xã hội và trình độ hiểu biết của dân chúng khi đó nữa. Việc chấn hưng Phật giáo qua chương trình đào tạo tăng sĩ là điều nên làm nhưng việc tổ chức và giảng dạy thêm các bộ môn như khoa học, lịch sử, xã hội sẽ chẳng giúp ích gì cho mục đích giải thoát khỏi luân hồi sinh tử. Phật giáo không cần những học giả, những tăng sĩ có kiến thức khoa học mà chỉ cần những người biết tự giác và giác tha.

Theo thiên ý, chính người Âu phải tìm về Á châu để học hỏi những tinh hoa nơi đây chứ không phải người Á tìm học gì ở văn minh Âu châu. Lịch sử cho thấy rõ tất cả mọi

truyền thống tôn giáo, mọi tinh hoa tốt đẹp nhất của nhân loại đều xuất phát từ châu Á, kể cả Thiên Chúa giáo, vì Trung Đông cũng thuộc vào văn hoá Á châu. Chính những người Âu đã vay mượn văn minh Á châu, sửa đổi nó đi cho thích hợp với lối sống và tư tưởng của họ, và thường thường làm cho các tinh hoa này suy đồi và trở nên thô bạo hơn xưa. Tuy khoa học đã giúp Âu châu thiết lập những định chế, quy luật và tổ chức xã hội, nhưng nó cũng góp phần vào việc tiêu diệt con người qua các tham vọng cá nhân hay quốc gia dưới danh nghĩa một lý thuyết chi đó. Trải qua bao thế kỷ, việc thu góp và tích lũy tài sản đã trở nên một lối sống, một chủ trương hợp tình hợp lý tại Âu châu và điều này đã đưa đến các hậu quả tai hại như chiến tranh, thù hận và bạo động xảy ra khắp nơi trên thế giới. Dù cho các nhà khoa học có biện luận thế nào chăng nữa, lương tâm họ cũng không thể yên ổn khi thấy công trình tâm huyết của họ đã được mang ra để phục vụ cho những chính sách vô luân và phi nhân. Dĩ nhiên giá trị của những lý thuyết như vậy chẳng đáng kể gì và theo thời gian nó sẽ bị thay đổi bởi một lý thuyết khác. Trong khi đó những chân lý và tinh hoa của Á châu vẫn tiếp tục trường tồn. Nó tồn tại vì nó đáp ứng đúng những ước nguyện của con người và đúng với sự thật. Lịch sử cho thấy những đế quốc hùng mạnh nhất cũng chỉ tồn tại nhiều lắm là vài trăm năm trong khi những giá trị tinh thần kéo dài cả ngàn năm và sẽ tiếp tục nhiều hơn thế nữa.

Chúng tôi tiếp tục bàn luận thêm về chi tiết nhưng tôi thấy chương trình cải cách của Hoà thượng khó có thể thành công. Giác ngộ thành lập một giáo hội Trung Hoa thống nhất rất khó thành tựu vì sự phân hóa của các tăng sĩ và sự nghi ngờ của chính quyền. Tinh thần Phật giáo Trung Hoa đã suy vong từ lâu, có lẽ từ trước khi triều đại Mãn Thanh sụp đổ. Những bậc chân tu đạo hạnh, những người có thể hướng

dần dần đồ càng ngày càng hiếm trong khi các kẻ buôn thần bán thánh thì càng ngày càng nhiều. Phật giáo Trung Hoa giống như một cái cây đã bị đánh bật cả gốc rễ, các cành lá đang khô cằn chỉ chờ một mùa đông nữa là tàn úa. Tuy nhiên tinh hoa Phật giáo, những mầm mống tốt đẹp được gieo trồng từ trước bởi những tăng sĩ thánh thiện, những cư sĩ dày công đức, sẽ tiếp tục phát huy khi có đủ nhân duyên. Biết đâu một ngày nào đó Phật giáo Trung Hoa lại chẳng phát triển mạnh mẽ để đưa quốc gia này trở lại thuở thái bình thịnh trị như thời Nghiêu Thuấn ngày trước.

Sau cuộc gặp gỡ với Hoà thượng tại Nam Kinh ít lâu thì tôi được tin ngài qua đời. Mặc dù công trình chấn hưng Phật giáo của ngài còn dang dở nhưng Hoà thượng Thái Hư vẫn xứng đáng được coi như một nhà cải cách lớn của Phật giáo Trung Hoa vào đầu thế kỷ 20.

Một lãnh tụ Phật giáo khác nổi

tiếng khi đó là Đại sư Hutukhutu, người lãnh đạo tinh thần của dân Mông Cổ. Khác với Phật giáo Trung Hoa, giáo hội Mông Cổ được tổ chức chặt chẽ không khác giáo hội Tây Tạng. Đứng đầu giáo hội là một vị đại sư quyền hành tương tự như Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng. Tuy nhiên, từ nhiều năm nay các vua chúa Mãn Thanh đã bắt vị này phải sống tại Bắc Kinh, một hình thức giam lỏng để khống chế người Mông Cổ. Đại sư Hutukhutu sống trong một ngôi chùa rộng lớn, đẹp để không xa cung điện nhà Mãn Thanh bao nhiêu. Trong các ảnh chụp mà tôi được thấy, ngài thường mặc quần áo may bằng gấm lụa sang trọng và đeo những đồ trang sức lộng lẫy không khác một vị hoàng đế. Là người lãnh đạo tinh thần, ngài nhận được nhiều phẩm vật cúng dường vô cùng quý giá và được hưởng các quyền lợi đặc biệt. Mỗi khi ngài đi đâu đều có tiền hô hậu ủng, có kiệu đưa rước và quân sĩ hộ

tống.

Khi chính phủ dân sự Trung Hoa lên cầm quyền thì họ thay đổi ngay thái độ với nhà lãnh đạo tinh thần bị giam lỏng này. Họ thẳng tay cướp phá ngôi chùa lộng lẫy và đưa Đại sư Hutukhutu đến một ngôi chùa khác, nhỏ bé, khiêm tốn hơn. Nhiều lần Đại sư xin phép được trở về Mông Cổ nhưng chính phủ Trung Hoa từ chối mặc dù họ không có lý do gì để giam giữ một người như vậy nữa.

Ngài sống một cách âm thầm, khiêm tốn cho đến khi Nhật Bản thành lập Mãn Châu quốc. Biết rõ tầm quan trọng và uy tín của ngài, họ đã phục hồi quyền hành cho ngài để lấy lòng dân Mông Cổ và đưa ngài ra Sơn Đông cùng với Hoàng đế Phổ Nghi. Tuy nhiên điều họ không ngờ là Đại sư lại tìm cách trốn về Trung Hoa. Ngài đã cải trang thành một người tùy tùng của Giáo sư Robert Winter, một học giả Hoa kỳ chuyên nghiên cứu về Khổng học tại Bắc Kinh. Có người cho rằng ngài vẫn trung thành với chính phủ Bắc Kinh nhưng Giáo sư Robert Winter cho biết ngài làm vậy để tránh việc người Nhật lợi dụng danh nghĩa của ngài mà tuyển quân từ các bộ lạc Mông Cổ. Tuy nhiên chính phủ Trung Hoa chẳng cần biết đến điều đó. Họ cho phép ngài tạm trú tại một ngôi chùa ở Nam Kinh nhưng chẳng cấp dưỡng gì cho ngài cả.

Khi tôi gặp Đại sư Hutukhutu tại Nam Kinh thì ngài đã già yếu rồi. Nhìn khuôn mặt đen đui, gầy gò đầy những vết nhăn và thân hình còm cõi quần trong bộ quần áo xanh đã bạc màu, người ta không thể tưởng tượng trước đó không lâu, vị Đại sư này đã từng sống trong nhung lụa không khác một vị vua xa hoa nhất. Tôi biết chính quyền địa phương đã đối xử tệ bạc với ngài. Có thể họ không biết ngài là ai hoặc không thèm để ý đến một nhân vật mà họ cho rằng không còn quan trọng nữa. Lúc đó nạn đói đang tràn lan khắp Trung Hoa, người chết nằm la liệt đầy đường và tôi không ngờ Đại sư



Hutukhutu đã không có gì ăn trong nhiều ngày rồi. Để có thể nói chuyện một cách tự nhiên, tôi mời ngài đến một tiệm ăn và ngạc nhiên thấy ngài ăn rất khoẻ. Lúc đầu tôi nghĩ có lẽ vì món ăn hợp khẩu vị, nhưng về sau tôi mới biết ngài đã đói nhiều ngày rồi.

Tuy bị ngược đãi như vậy nhưng ngài không hề tỏ ra oán hận chút nào. Ngài vui vẻ nói chuyện một cách thân nhiên, trên môi luôn luôn nở một nụ cười thoải mái. Ngài kể cho tôi nghe về cuộc đời trôi nổi của ngài một cách trầm tĩnh, từ lúc sống tại Bắc Kinh trong ngôi chùa lộng lẫy xa hoa như một vị vua, đến khi bị giam lỏng trong một tu viện nghèo nàn ở ngoại ô. Ngài nói về tham vọng xâm lăng của người Nhật và ngổ ý tiếc cho quốc gia này đã không biết áp dụng tinh thần Phật giáo để xây dựng xã hội tốt đẹp mà lại đi vào vết chân của người Tây phương. Ngài không tỏ ra cay đắng mà trái lại, hết sức lạc quan về kinh nghiệm đã trải qua:

- Phùng tiên sinh nên biết, ta rất may mắn được học hỏi về giáo pháp của đức Thế Tôn và có cơ hội để áp dụng nó trong cuộc đời. Khi sống trong nhung lụa, đeo những trang sức quý báu ta không thấy thích thú gì hơn khi phải mặc những quần áo rách nát. Khi phải nhịn đói nhiều ngày ta cũng không thấy khác gì khi được ăn những món cao lương mỹ vị. Mặc dù mấy tuần nay không có cơm ăn ta vẫn không thấy khổ vì ta biết sống và tu trong mọi hoàn cảnh.

Nhìn khuôn mặt thoải mái rạng rỡ của ngài tôi bồi ngùi cảm động. Khi sống trên Ngũ Đài Sơn, tôi đã thấy vị "Phật sống" Mông Cổ thiếu tư cách, thiếu đạo đức như thế nào thì nay tôi lại thấy một vị đại sư Mông Cổ với đầy đủ tác phong và đức hạnh như một vị thánh. Chúng tôi đàm đạo khá lâu và ngài ngổ ý muốn được trở về Mông Cổ. Tuy nhiên tình trạng chiến tranh lúc đó không cho phép ngài trở về quê hương nên tôi đã thu xếp với bộ ngoại giao để đưa ngài qua tạm trú tại Hoa kỳ. Tại đây ngài đã thành

lập ngôi chùa đầu tiên của người Mông Cổ trên đất Mỹ và giúp nhiều học giả Âu Mỹ nghiên cứu về truyền thống và phong tục của người Mông Cổ.

Ít năm sau, tôi có dịp đi ngang một khu chợ trời và thấy người ta bày bán một bộ quần áo hết sức lộng lẫy, gắn đầy những viên ngọc quý. Người bán đã đòi một giá hết sức cao vì đó là y phục của một vị vua nổi tiếng. Tò mò, tôi hỏi bộ quần áo đó của ai thì được trả lời rằng đó chính là bộ áo Đại sư Hutukhutu thường mặc khi sống ở Bắc Kinh. Tôi tiếc không có đủ tiền để mua bộ áo đó gửi biếu ngài như một kỷ niệm, nhưng tôi nghĩ có lẽ ngài đã quên những bộ quần áo đó rồi.

Công việc mới giúp tôi có phương tiện du lịch dễ dàng hơn trước. Sau khi làm việc tại Nam Kinh một thời gian, tôi có dịp ghé qua Nga Mi, một ngọn núi thiêng nổi tiếng không thua Ngũ Đài Sơn bao nhiêu. Theo truyền thuyết, Nga Mi là nơi cư ngụ của Bồ tát Phổ Hiền, tượng trưng cho những hạnh nguyện cũng như đức Văn Thù tượng trưng cho trí tuệ. Phần lớn những bức tượng đều tạc đức Thích Ca ngồi giữa, một bên có đức Văn Thù cưỡi sư tử và bên kia có đức Phổ Hiền cưỡi con voi trắng sáu ngà. Voi được coi như con vật có thể chuyên chở rất nhiều. Voi sáu ngà là chúa loài voi, tượng trưng cho Lục Độ. Ngụ ý nói rằng Bồ tát Phổ Hiền có uy lực cứu vớt rất lớn, có thể phân thân khắp mười phương thế giới để cứu độ chúng sinh.

Nếu Ngũ Đài nằm trên cùng thảo nguyên thuộc khí hậu ôn đới thì Nga Mi lại nằm trên vùng rừng rậm thuộc khí hậu nhiệt đới. Rặng Ngũ Đài có năm đỉnh riêng rẽ nhưng Nga Mi chỉ có một đỉnh cao. Mặc dù có đến năm sáu ngôi chùa rải rác quanh núi nhưng ngôi chùa chính được xây cất cho vợ trên tận đỉnh, muốn lên người ta phải leo những bậc thang bằng đá xây uốn quanh núi. Thông thường một người khoẻ mạnh cũng phải mất cả ngày mới leo đến nơi. Không như Ngũ Đài Sơn

nổi tiếng với những tu sĩ thánh thiện, Nga Mi Sơn được biết đến qua truyền thống đặc biệt về võ thuật. Tại sao các tu sĩ tại đây lại chuyên về võ thuật là điều tôi không thể hiểu. Tiểu thuyết kiếm hiệp Trung Hoa thường đề cao Nga Mi như một trung tâm võ thuật với những tu sĩ có thể "bay" từ mái nhà này qua mái nhà khác, có thể thổi ra những thanh kiếm "vô hình" cắt đầu đối thủ trong chớp mắt. Tôi nghe nói nhiều thanh niên quá say mê những tiểu thuyết này, đã bỏ nhà tìm đến Nga Mi để xin học võ. Số phận các thanh niên này ra sao, không thấy ai nói đến, họ có được thu nhận hay không tôi cũng không rõ. Trong thời gian ngắn ngủi tại Nga Mi tôi không hề nhìn thấy các sư sãi tập luyện võ nghệ hay nhìn thấy dấu tích của một võ đường nào. Tôi chỉ thấy trên núi này có rất nhiều khí. Khách hành hương thường bị lũ khí này quấy nhiễu rất nhiều. Trên đường lên núi, khí lớn khí nhỏ kéo từng đàn ra khọt khẹt dọa nạt người đi. Chúng ăn cắp hoa quả, lễ vật của người hành hương hoặc nhiều lúc lấy trộm cả quần áo của họ treo lên những thân cây cao trên sườn núi. Đối với đàn ông khoẻ mạnh chúng còn sợ, nhưng với những người già hay phụ nữ thì chúng không mấy khi tha cho ai. Có lúc chúng ném đá, có khi chúng nhảy chồm lên lưng họ cấu xé, la hét làm ai nấy hoảng hồn kêu la om xòm. Tôi nghe kể một vị tướng lên thăm chùa có mang theo một nàng hầu và bày khi đã không chịu tha cô này. Nổi giận, vị tướng rút gươm chém con vật vô lễ kia. Chẳng dè bày khi báo động kéo cả trăm con đến bao vây đoàn người hành hương. Trước khí thế hung dữ của bày khi, dù có vũ khí trong tay, các người hầu cận cũng không dám sử dụng cho đến khi một vị sư trong chùa chạy đến dàn xếp. Có lẽ bày khi nhận ra vị sư này nên chúng để ông vượt qua vòng vây. Ông đề nghị vị tướng nên thu hồi vũ khí lại và đem các lễ vật, hoa quả ra cho bày khi ăn. Khi các thức này được ném ra, bày khi xúm lại tranh nhau ăn và

đoàn người hành hương vội vã rút lui.

Phải mất hai ngày tôi mới lên đến đỉnh núi. Một màn sương trắng mờ mờ bao phủ quanh ngôi chùa khiến không khí nơi đây đượm một vẻ huyền bí lạ lùng. Tuy nhiên tôi không có nhiều thì giờ để xem xét phong cảnh vì đầu óc còn bận nghĩ đến Tạ Hải. Từ khi quân Nhật chiếm đóng Hương Cảng, tôi không nhận được tin tức gì về người bạn mà tôi coi như anh em ruột thịt này. Tin tức từ Hương Cảng cho thấy tình hình thành phố này rất bi đát. Nhiều người đã chết đói. Số người bị lính Nhật nghi ngờ bắt thủ tiêu cũng nhiều. Lần này lên Nga Mi Sơn, ngoài lý do thăm viếng phong cảnh, tôi còn một lý do riêng nữa là cầu nguyện cho Tạ Hải.

Thông thường những người tu theo hạnh Bồ Tát thường lựa chọn một vị Bồ tát nào đó thích hợp với mình để làm gương noi theo. Tôi biết Tạ Hải đã chọn đức Phổ Hiền như một vị thầy hướng dẫn. Trong căn phòng làm việc của anh có để một bàn thờ đức Phổ Hiền, lúc nào cũng hương khói thơm ngát. Sáng nào Tạ Hải cũng tụng kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên và cố gắng theo đúng mười hạnh nguyện của ngài là *Lễ kính chư Phật, Tán thán Như Lai, Cúng dường tất cả, Sám hối nghiệp chướng, Tùy hỷ công đức, Thỉnh Phật chuyển Pháp luân, Thỉnh Phật thường ở đời, Thường theo học Phật, Hằng thuận chúng sinh và Hồi hướng công đức*. Nhiều năm nay Tạ Hải vẫn thường ao ước có thể đi hành hương tại núi Nga Mi nhưng công việc quá bận nên anh chưa có dịp hoàn tất tâm nguyện này. Lần này lên Nga Mi, tôi đã dành trọn một ngày trước bàn thờ đức Phổ Hiền để cầu nguyện cho Tạ Hải. Tôi không tin Bồ tát là một vị thần ban phước cho những ai đến cầu xin ngài nhưng tôi chí tâm, chí thành hồi hướng công đức cho Tạ Hải với hy vọng rằng anh có đủ sức chịu đựng những khổ đau hay khó khăn trong giờ phút hiện tại. Tôi theo chân những người hành hương vừa đi vừa

ngỡ

*Ngỡ em là tia nắng
Ấm lòng anh đông tàn
Xua tan mùa băng giá
Thấm đất trời miền man*

*Ngỡ em bờ cát vàng
Đợi tình anh con sóng
Suốt cơn đau muộn màng
Đâu ngàn năm chờ ngóng*

*Ngỡ em niềm hy vọng
Ru anh trong dối lừa
Nghe bể đời đau khổ
Gọi bóng hình xa xưa.*

*Ngỡ em là hạt mưa
Trong trời buồn xa vắng
Trao anh chút hương thừa
Của tình ta cay đắng*

*Em là giọt lệ rơi
Suốt đời ta vẫn ngỡ
Bóng quê hương xa vời
Khi tình xưa đã vỡ.*

nguyễn dũng

cầu nguyện quanh đỉnh núi để chí tâm hồi hướng công đức cho Tạ Hải. Có thể bạn đọc cho rằng tôi mê tín nhưng tôi tin rằng đây là một việc chính đáng. Tôi cẩn thận ghi tên Tạ Hải lên một mảnh giấy màu vàng rồi đưa cho vị sư trụ trì nhờ ngài làm lễ cầu an. Trước pho tượng của đức Phổ Hiền trong chánh điện, tôi cung kính quỳ xuống cầu nguyện cho người bạn thân được tai qua, nạn khỏi. Vì số người hành hương khá đông nên đa số mọi người chỉ ghé vào chánh điện để làm lễ một cách sơ sài, ít ai theo trọn cả khóa lễ. Tuy nhiên với tấm lòng chân thành, tôi đã quỳ tại đó trong nhiều giờ để cầu nguyện.

Đêm đó trong căn phòng nhỏ sau chùa, tôi đã nghĩ rất nhiều về những chuyện đã xảy ra trong đời mình. Tôi đã trải qua những giờ phút êm đềm tại Hương Cảng, dưới sự hướng dẫn và khuyến khích của gia đình Tạ Hải. Tôi đã sống với Tạ ngũ



thúc và học hỏi rất nhiều nơi ông trước khi bắt đầu một đời sống tự lập tại Bắc Kinh. Những người Trung Hoa đầy lòng nhân từ này đã đón nhận một người ngoại quốc xa lạ, một thanh niên mơ mộng viễn vông, vào gia đình họ, đối đãi như ruột thịt. Tiếc rằng hiện nay khi họ cần sự giúp đỡ của tôi thì tôi vẫn chưa làm gì để đền đáp công ơn của họ.

Sáng hôm sau, trời đổ mưa nên tôi không có cơ hội chiêm ngưỡng một hiện tượng mà những người hành hương tại Nga Mi thường nói đến. Vào buổi đẹp trời, khi mặt trời vừa mọc, nếu đứng vào một vị trí nhất định sau chùa nhìn xuống thung lũng phía dưới, người ta sẽ thấy ánh mặt trời phản chiếu sau rặng núi thành hình ảnh một người đang ngồi thiền mà những người hành hương cho rằng đó là hình ảnh của đức Phổ Hiền. Vẫn biết đó chỉ là cái bóng phản chiếu của rặng núi nhưng nếu có lòng tin mãnh liệt thì

người ta có thể giải thích nó qua nhiều khía cạnh khác nhau. Khi hình ảnh này xuất hiện, tất cả những người hành hương đều quỳ xuống tụng kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên, nhiều người phát nguyện sẽ noi gương đức Phổ Hiền, tu hạnh Bồ Tát để cứu độ chúng sinh.

Tôi trở về Nam Kinh được ít hôm thì bị thuyền chuyển đi công tác tại Trường Sa, một thành phố đang xáo trộn và không an ninh lắm. Lý do của việc thuyền chuyển này vì sứ quán nhận được một bản báo cáo khá dài kể về hành vi của tôi tại núi Nga Mi. Một vài người ngoại quốc, trong đó có ba nhà truyền giáo, đã cho rằng việc một nhân viên ngoại giao quỳ gối trước một "ngẫu tượng" là một sỉ nhục lớn cho danh dự nước Anh. Bản báo cáo ghi chép đầy đủ chi tiết rằng tôi đã "cư xử như một người Trung Hoa", đã đốt vàng mã trước bàn thờ, đã đi vòng quanh chùa đúng bảy lần, đã tham dự các nghi thức thờ ma cúng quỷ của dân địa phương. Tôi bị gọi lên khiển trách nặng nề và được chỉ thị tuyệt đối không được tái diễn "hành vi không thể chấp nhận" như thế nữa. Cho đến khi đó tôi mới ý thức được sự ràng buộc của các kỷ luật ngoại giao và sự thiếu tế nhị, thiếu hiểu biết của người Âu trên đất Trung Hoa.

Tôi đến làm việc tại Trường Sa dưới sự giám sát nghiêm mật của một nhân viên ngoại giao không có cảm tình với tôi. Có lẽ ông đã được nghe kể về tôi nên thường tỏ ra khó chịu vì sự giao thiệp thân mật giữa tôi và những người dân bản xứ. Ngay khi tôi vừa trình sự vụ lệnh, ông đã lạnh lùng cho biết nếu tôi còn tái phạm một lần, và chỉ một lần thôi, thì tôi sẽ bị cách chức ngay. Công việc tại đây hết sức tẻ nhạt vì suốt ngày tôi phải phiên dịch những hồ sơ vừa dài vừa khô khan. Có lẽ người ta cố tình thu xếp cho tôi một chân "cạo giấy" như một hình thức trừng phạt. Ngoài ra tôi được lệnh nếu không cần thiết thì phải hạn chế việc giao thiệp với người Trung Hoa đến mức tối đa. Suốt mấy tháng làm việc dưới sự kiểm soát của những người mà tôi không ưa đã giúp tôi hiểu được ý nghĩa của câu "ái biệt ly, oán tăng hội" (người yêu phải xa lìa, kẻ ghét thường gặp gỡ).

Một hôm chúng tôi có việc phải đi ngang qua một ngôi chùa ở đầu tỉnh, tôi có ý đi chậm lại vừa để xem cảnh chùa vừa để nghe tiếng kinh trầm trầm vang lên. Bất chợt tôi nhìn thấy một vị sư quen thuộc đang từ trong chùa bước ra: Hoà thượng Ninh Hải. Vì chúng tôi đi ngang qua cửa chùa nên chắc Hoà thượng cũng nhận ra tôi. Ngài đứng

lại chăm chú nhìn tôi và mỉm cười. Theo đúng phong tục Trung Hoa, tôi phải quỳ xuống làm lễ ra mắt bằng nghi thức khấu đầu đúng ba lần vì dù sao ngài cũng là một vị thầy có công hướng dẫn tôi tại Ngũ Đài Sơn. Tôi bối rối không biết phải xử trí ra sao. Nếu vi phạm kỷ luật, người bạn đồng nghiệp chắc chắn sẽ không bỏ qua, nhưng tôi cũng không thể lạnh lùng bước đi mà không nói gì. Đã mấy năm không gặp, tôi thấy Hoà thượng già yếu hơn trước nhiều, lưng ngài còng hẳn xuống, bước đi không còn vững nên ngài phải chống gậy. Lòng tôi dường tan nát. Tôi định bỏ qua tất cả mọi sự để nhào đến trước mặt ngài làm lễ ra mắt nhưng ngay trong giây phút đó bỗng ngài thân nhiên chống gậy bước trở vào chùa. Tôi đứng sững chưa kịp phản ứng thì người bạn đồng nghiệp đã lên tiếng: "Này, đi nhanh lên chứ! Chúng ta còn phải đến dinh quan tỉnh trưởng cho kịp giờ hẹn. Cái lão già này khó tính lắm, đến chậm một chút là lão cần nhân liên". Tôi bước đi và chợt hiểu câu nói lạ lùng mà Hoà thượng Ninh Hải đã tiên tri: "Chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhau nhưng ta sợ rằng khi đó con sẽ không dám nói chuyện với ta nữa".

Tôi đến dinh tỉnh trưởng làm việc nhưng đầu óc cứ quay cuồng về mặc cảm tội lỗi này. Liệu Hoà thượng có buồn về thái độ của tôi không? Làm sao tôi có thể hành động như thế được? Phải chăng bây giờ tôi đã khác ngày trước, tôi đã là một nhân viên ngoại giao của Hoàng gia Anh quốc nên không thể khấu đầu trước một người Trung Hoa được nữa?

Ngày hôm sau tôi có việc phải rời Trường Sa. Khi trở lại tôi đã thu xếp công việc để có thể đến thăm ngài tại ngôi chùa kia nhưng người ta cho biết Hoà thượng đã di tản đi nơi khác rồi. Tôi đã tìm đủ mọi cách để liên lạc với ngài nhưng vô hiệu. Trong tình trạng chiến tranh, hàng triệu người di tản tứ tung, làm gì có địa chỉ để liên lạc.

(còn tiếp)



thuyền trên sông kỳ cùng

Thuyền độc mộc rừng Nùng
Ngửa mặt, mây ung dung
Vượt gềnh nghiêng thác đứng
Tay sào cao Kỳ Cùng

cao hoàng nhân

quay trong con lốc



TRUYỆN DÀI

Nguyễn Ngọc Ngạn

(tiếp theo)

Chương 7

Gần hai giờ sáng Cồn mới về tới

nhà. Dù đã quá khuya, gã vẫn hết sức tỉnh táo, nói cười luôn miệng, khiến ký giả Bàng Thống ngồi bên

cạnh cũng vui lây cái vui của Cồn. Mà Cồn yêu đời là phải. Buổi dạ tiệc hôm nay, kỷ niệm 20 năm ngày cưới của vợ chồng Ngọc, kéo dài đến mấy tiếng đồng hồ với đủ mọi nghi thức xét ra còn long trọng và tỉ mỉ hơn cả đám cưới chính thức hồi hai thập niên về trước. Suốt mấy tiếng đồng hồ đó, Cồn toàn quyền nắm micro độc diễn, muốn nói gì thì nói, không ai bon chen, chẳng ai giành giật, khác hẳn những buổi ra mắt sách hay băng nhạc mà Cồn điều khiển trước đây. Đã thế, lúc bước vào cuộc khiêu vũ, Cồn lại làm quen được một phụ nữ mới từ Việt Nam qua, mặt mũi còn đang ngơ ngác, tha hồ cho Cồn trở tãi nói phét. Người đàn bà ấy không còn trẻ, ít lắm cũng xấp xỉ tuổi Hồng và nhan sắc chỉ ở mức trung bình, nhưng với Cồn thì như vậy cũng là quý lắm rồi. Mọi việc xem chừng có vẻ thuận lợi bởi bước đầu rất êm xuôi. Chiều mai, nàng sẽ hân hoan chờ Cồn đón đi ăn tối.

Xe dừng lại trước sân, Cồn đẩy cửa thông một chân ra ngoài và lên tiếng mời theo thói quen:

- Vào làm ly cà phê đã! Lâu lắm anh em mình mới gặp nhau!

Bàng Thống lắc đầu:

- Thôi, để dịp khác. Trễ quá rồi, sáng mai tôi phải đi làm....

Cồn nghiêm giọng:

- Ông vậy mà hay! Lúc nào cũng nhìn xa hơn tôi. Nghĩ lại, lắm lúc tôi thấy mình dại. Mấy năm ôm tờ báo dở sống dở chết, cuối cùng vẫn phải đóng cửa, rồi tay trắng lại hoàn trắng tay!

Nói ra những lời chân thật ấy, lòng Cồn chợt buồn man mác vì hoàn cảnh hiện tại của mình. Cái buồn không phải lần đầu tiên đến với Cồn đêm nay khi gặp lại người bạn cũ, mà thật ra đã từng làm Cồn đau nhói trong giao tế thường nhật với đồng hương.

Trong cộng đồng tị nạn, rải rác ở mỗi thành phố, không thiếu gì những người như Cồn, quanh năm suốt tháng giành quá nhiều thì giờ cho những sinh hoạt tập thể, tham gia hội đoàn hoặc bắt tay làm báo,

quên cả trách nhiệm đối với gia đình và quên luôn việc gây dựng cho chính bản thân một số những điều kiện căn bản và thực tế trong cuộc sống. Rồi ngày tháng trôi qua quá nhanh, nhìn đi nhìn lại, bằng hữu chung quanh, kể cả những người đến sau, đều đã nhà cao cửa rộng, nghề nghiệp vững chắc, Cồn mới giật mình thấy mình phung phí sức lực và thì giờ quá nhiều cho những chuyện không đâu.

Lắm đêm nằm trằn trọc, nhìn lại hành trình mười mấy năm ở hải ngoại, Cồn nhẩm tính từ bước đầu khi lao vào sinh hoạt đấu tranh rồi từ đó tiến sang làm báo, người khác thì Cồn không biết, nhưng riêng với Cồn thì tất cả những thứ ấy chỉ bắt nguồn từ một động lực là ham danh và ham vui! Cái động lực ấy có sức hút kỳ lạ, cứ kéo Cồn đi mãi, đã lao vào thì khó rút chân ra. Một ông bạn của Cồn ở thành phố này, đã 18 năm qua chưa hề nghĩ đến bất cứ một công việc gì ngoại trừ làm báo. Cứ ra được vài số lại đóng cửa vì hết tiền. Rồi ít lâu sau lại ra tờ khác, tên khác, và rồi lại đình bản để ông nghĩ xả hơi xoay tiền làm tờ khác! Cuộc sống lao đao vất vưởng, quanh năm chỉ có mì gói hoặc bánh mì độ nhật. Giá không nhờ đồng lương cố định của vợ thì chắc cả đời chưa ăn được bữa cơm ngon! Thôi thì cứ đành giải thích là cái nghiệp cho đỡ tủi thân. Đó là lối thoát mà Cồn vẫn thường tự trấn an mình mỗi khi nhìn lại thân phận khố rách áo ôm sau chuỗi ngày miệt mài theo đuổi hư danh.

Mới đây sau khi tờ *Trục Diện* đình bản, Cồn chua chát bảo Hoàng Tiến:

- Giá ngày mới sang, mình đi học lại từ đầu, thì bây giờ cũng đã xong mấy cái bằng Ph.D. rồi!

Hoàng Tiến gật đầu chia sẻ:

- Chẳng Ph.D. thì ít ra cũng có cái nghề chuyên môn.

Trầm ngâm một lúc, Cồn buồn rầu thêm:

- Bây giờ bắt đầu lại thì muộn quá rồi!

Và Cồn lại nghĩ đến những người quen cùng thời đi tị nạn với

mình, giờ này hầu như ai cũng đã an thân với cuộc sống điều hoà và vững chắc, trong đó có ký giả Bàng Thống từng lăn lóc với Cồn mấy năm ở toà soạn. Cồn nhớ mãi những ngày háo hức ấy, Bàng Thống dường như còn say mê hơn cả Cồn. Thế mà tự dưng anh dứt bỏ, đi học và đi làm, chỉ vài năm đã tạo một khoảng cách khá lớn giữa anh và Cồn về mức sống.

Bàng Thống an ủi Cồn:

- Chẳng qua là cái số hết! Nhưng mà sao ông lại khen tôi? Tôi đã có cái gì hơn ông đâu mà ông khen! Thành phố này biết bao nhiêu người giàu, tôi đã thăm vào đâu!

Cồn toan lên tiếng cãi thì Bàng Thống từ già:

- Thôi, tôi về để ông ngủ. Gặp ông sau...

Cồn giơ tay:

- Cảm ơn ông. Thỉnh thoảng phone tôi một tiếng!

Bàng Thống nói "Sure" rồi sang số, lao đi. Cồn đứng nhìn theo chiếc Lexus mới tinh của Bàng Thống, cho đến khi chỉ còn là một vệt trắng rất xa ở cuối đường, gã mới lững thững quay vào. Cồn thọc tay vô túi quần tìm chìa khoá, nhưng chợt nhớ ra Hoàng Tiến đã lấy xâu chìa khoá và lái xe của gã về trước. Cồn đập mạnh mấy tiếng lên cánh cửa vì đoán giờ này Hoàng Tiến chắc hẳn đã ngủ say. Gã tựa vào vách, moi thuốc ra hút, lơ đãng nhìn sang tiệm ăn Tàu rực sáng bên kia đường, thực khách đang tấp nập ra vào. Họ là những người tìm vui ở các vũ trường đêm cuối tuần, rồi ghé đây làm một tô mì nóng trước khi về nhà ngủ.

Tiếng cửa mở làm Cồn quay lại. Hoàng Tiến mặc bộ pyjama nhàu nát, thoang thoang mùi chua nồng của mồ hôi thấm thấu lâu ngày không giặt. Cồn vừa bước vào vừa hỏi:

- Chắc anh đang ngủ?

Hoàng Tiến trở lại sofa, uể oải ngồi xuống, đề lên cả mấy trang báo khổ lớn:

- Không, tôi đã ngủ đâu. Đang xem dở bài báo.

Và để chứng minh mình nói thật,

ông thêm ngay:

- Nguyễn Văn Thiệu chả gì cũng là cựu tổng thống, mở mồm đòi hòa giải với Việt cộng làm gì để thiên hạ sỉ vả! Người quốc gia thì chửi mà Việt cộng thì khinh, không thêm nói chuyện! Thế mới biết là lãnh tụ của miền Nam không có ai cứng rắn bằng Ngô Đình Diệm! Thiệu với Kỳ già gần xuống lỗ rồi, sao không rút lui vào bóng tối để giữ lại tên tuổi trong lịch sử!

Cồn cười:

- Thì chính vì già rồi nên người ta càng cần phải múa may để đời khỏi quên lãng!

Câu này, mới lúc nãy ở nhà Ngọc, Cồn nghe Phan Trúc nói ra và bây giờ nhắc lại nguyên văn. Gã tháo cái nơ đen trên cổ, quăng lên mặt bàn viết rồi cởi jacket máng lên thành ghế. Hoàng Tiến đắm đắm theo dõi động tác của Cồn, nhũm mày ngẫm nghĩ một lúc mới nhớ ra và hỏi:

- Hồi chiều, lúc đi, tôi thấy cậu thất cà-vạt kia mà?

Cồn gật đầu cười, tỏ vẻ hiểu biết:

- Vâng. Nhưng mà hể lên sân khấu, đứng trước đám đông, nhất là khi làm M.C. thì thủ tục quốc tế là phải thất nơ! Anh để ý mấy chương trình hoa hậu của Mỹ thì thấy ngay!

Nói câu ấy, mặt Cồn vênh lên tỏ ra hết sức tự đắc về kiến thức thời trang của mình khiến Hoàng Tiến toan phì cười nhưng phải cố nhịn. Ông nhẹ nhàng đáp:

- Người ta chỉ thất nơ khi mặc tuxedo thôi! Và cũng chỉ mặc tuxedo trong những dạ hội quan trọng có tính cách nghi lễ mà thôi!

Hoàng Tiến toan nói thêm cho Cồn biết rằng bộ com-lê duy nhất của Cồn, bó sát lấy cơ thể gã tưởng chừng có thể nứt ra ở hai vai, đã lỗi thời từ lâu lắm rồi mà Cồn không biết gì cả. Và cũng chính bộ đồ ấy, hể cứ khi nào đứng sau micro là Cồn chỉ việc rút trong túi ra cái nơ đen, máng lên cổ, rồi hãnh diện yện trí rằng mình là người đúng mốt! Hoàng Tiến đã nhiều lần ngửa mặt, nhưng ngại nói bởi không có gì quan

trọng. Bản thân Hoàng Tiến không theo thời trang, bởi ông biết ông lớn tuổi rồi. Nhưng ông vẫn theo dõi rất sát vì Hồng đã tạo cho ông thói quen đó mấy năm gần đây. Hàng tháng nàng mua về khá nhiều tạp chí thời trang và thường khao khát những bộ quần áo đắt giá của Armani cũng như đồ trang sức của Chanel. Cồn thì trước sau không thay đổi. Cái nhìn thẩm mỹ của gã có lẽ từ 75 đến nay chẳng khác nhau chút nào. Gã đẩy đôi giày vào gầm bàn rồi ngồi thẳng người, dang rộng hai cánh tay, há mồm ngáp một cái thật dài. Hoàng Tiến hỏi:

- Ai đưa cậu về?

- Bằng Thống.

Hoàng Tiến phân bua về việc bỏ về giữa buổi tiệc:

- Hồi chiều có việc bất ngờ, tôi phải đi gấp, mãi gần nửa đêm mới xong. Định quay lại đón cậu nhưng mà thấy trễ quá, tôi đoán thể nào cậu cũng nhờ ai đưa về nên tôi không lại đằng đó nữa!

Cồn đang vui bỗng xụ mặt xuống. Gã cầm cái remote control nhưng không bật đài. Hồi chiều, lúc Hoàng Tiến bỏ đi, thật sự Cồn không biết lý do. Mà nói cho đúng thì lúc ấy Cồn cũng chẳng quan tâm đến đàn anh. Gã vừa lo bàn thảo chương trình với chủ nhà, vừa lăm lét theo dõi mấy bà mặc áo tắm đi đi lại lại cạnh hồ bơi, đâu có rảnh mà nghĩ đến Hoàng Tiến! Mãi đến khi mọi người kéo ra sân sau ăn thịt nướng thì gã mới khám phá ra nguyên nhân đích thực đã khiến Hoàng Tiến phải bỏ chạy. Đó là bà Nhân! Bà bung cái đĩa giấy đựng một khoanh bánh mì, một cái đùi gà, dăm miếng thịt quay và nắm xôi gấc, từ từ tiến lại cạnh Cồn, vừa nhai vừa hỏi:

- Lão Tiến trốn đâu rồi? Chắc thấy mặt tôi là bỏ chạy ngay chứ gì?

Cồn ngơ ngác không hiểu gì. Dĩ nhiên Cồn biết bà Nhân và cũng đã có lần phải "giật nóng" vài ngàn trong lúc khẩn cấp, nhưng Cồn chưa thể nghĩ ra được tại sao Hoàng Tiến gặp bà lại phải bỏ trốn. Chuyện tình chẳng? Cồn tò mò hỏi:

- Bộ ông ấy sợ bà sao?

Bà Nhân vênh mặt:

- Sợ chứ! Nợ nần không trả được thì phải sợ!

- Ông ấy nợ bà?

- Bảy ngàn bạc tiền hụi, hốt non, ôm về Việt Nam cho gái!

Cồn lặng người không nói gì. Đang nhai miếng thịt quay, gã khựng lại ngẫm nghĩ. Gã vẫn tin rằng mấy năm trước, khi chuẩn bị về Việt Nam, Hoàng Tiến rất giàu, không lẽ phải lừa của người ta vài ngàn bạc! Bà Nhân đổi giọng, giảng giải về triết lý cho vay của bà:

- Làm ăn thua lỗ mang công mắc nợ, tôi thông cảm. Có thì trả, không có thì tôi cho... khát! Nhưng cái thứ già đầu mà còn dại gái thì tôi không tha! Tôi đòi cho đến khi nào bán xối cái đất này mà đi, tôi mới thôi! Nghe nói lão bị vợ đuổi, phải dọn sang ở nhà ông, đúng không?

Cồn bèn đàn anh:

- Ông ấy tự ý bỏ đi chứ đâu phải bị bà Hồng đuổi! Thiên hạ chỉ đồn nhảm!

Bà Nhân véo nắm xôi, dùng mấy đầu ngón tay vo tròn lại như trái bóng bàn, nhưng không ăn. Hình như bà cứ xoay xoay cho vui thôi. Bà nhấn mạnh:

- Không bỏ đi cũng không được! Con mẹ Hồng đem một thằng ranh con về ở lù lù ngay trong nhà. Thằng gì nhỉ?

- Khang.

- Ủ, thằng Khang. Hồi ông, vợ bung nhân tình về, cố đấm ăn xôi mà ở lại nhìn chúng nó ôm nhau hay sao? Không biết nhục à?

Cồn bùi ngùi thương cảm cho hoàn cảnh của đàn anh, nhưng đồng thời cũng thầm trách Hoàng Tiến quá nhu nhược. Gã bảo bà Nhân:

- Tôi biết hôm nay có bà thì tôi rủ ông ấy đến đây làm gì! Tội nghiệp, chưa ăn được miếng gì đã bỏ chạy!

Bà Nhân chuyển sang giọng nhân nghĩa:

- Nói thì nói thế thôi, chứ đòi nợ cũng phải tùy nơi tùy chỗ! Ngày vui của gia đình nhà người ta, người ta mời đến ăn tiệc, ai nỡ mở mồm đòi

nợ! Chỉ tại lão yếu bóng vía cho nên lão lánh mặt tôi, chứ ai mà đòi lão ở đây! Trời đánh còn tránh miếng ăn cơ mà!

Cồn cười:

- Thế thì để tôi phone cho ông ấy, bảo ông ấy quay lại?

Bà Nhân gật đầu:

- Thật đấy! Bảo lão đến mà ăn, bỏ uổng!

Chủ nhà bung khay thịt barbe-cue đến mời. Bà Nhân nhón một miếng sườn heo và gật gù khen:

- Ướp khéo mà nướng cũng khéo! Chả bù cho con mẹ Thìn, nướng thịt bên ngoài cháy đen mà bên trong vẫn đỏ lòm! Cắn miếng thịt, máu chảy ròng ròng, gớm quá!

Ngọc cười sung sướng:

- Cám ơn bà!

Nhân tiện anh hỏi Cồn:

- Ông Hoàng Tiến mới nãy thấy ngồi nói chuyện trong phòng khách, bây giờ chả thấy đâu! Chẳng hiểu ông ấy có công việc gì mà đi gấp vậy!

Cồn sợ bà Nhân tố khổ đàn anh trước mặt Ngọc và hàng chục người chung quanh, vội lên tiếng đáp:

- Anh ấy có việc cần, phải đi một chút!

Chờ Ngọc bước đi, Cồn bảo nhỏ bà Nhân:

- Bà cứ an tâm đi! Ông ấy còn tới hai căn nhà ở Sài gòn, bán giá rẻ mặt cũng phải được ba trăm cây. Tháng tới, tôi với ông ấy sẽ về lo vụ ấy. Bán nhà xong, ông ấy trả tiền bà ngay chứ giữ làm gì cho mang tiếng!

Đến lượt bà Nhân trợn mắt nhìn Cồn. Bà không nghĩ được là Cồn bị Hoàng Tiến gạt, mà dứt khoát đoán ngay là Cồn thông đồng với Hoàng Tiến để gạt bà. Cho nên bà gay gắt nói như mắng vào mặt Cồn:

- Này! Tôi nói cho ông biết, lừa ai thì được chứ đừng có lừa con này! Thà nói thẳng với tôi một tiếng là không có tiền, may ra tôi còn cho khát, chứ giữ giọng bố láo với tôi thì đừng có hòng! Nhà ở đâu ra? Một cái còn chả có, hướng hồ là hai cái! Nói phét thì cũng vừa vừa thôi!

Cồn nhả mặt:

- Bà nói tôi gạt bà hay sao? Ông ấy nợ tiền bà chứ mắc mớ gì đến tôi mà tôi phải nói dối! Chính ông ấy bảo với tôi là còn hai căn ở Phú Nhuận với lại Trần Hưng Đạo. Tết vừa rồi người ta trả 300 cây mà ông ấy không thèm bán! Bây giờ kẹt tiền, ông ấy mới nhờ tôi đưa về để thanh toán. Tháng tới, tôi định cùng ông ấy đi một chuyến. Mới nói chuyện với ông ấy hôm qua đây mà! Tôi nói dối bà để làm gì!

Bà Nhân vẫn giữ giọng chua chát:

- Nếu ông không gạt tôi thì ông bị lão ấy gạt rồi! Nhà ở đâu ra? Có mỗi một căn ở quận Tân Bình, vợ ông ấy đã bán quách cho người ta trước khi đi đoàn tụ rồi, còn đâu nữa! Hỏi con mẹ Hồng thì biết ngay! Mà không tin thì cứ về với lão ấy đi, rồi biết!

Cổn điếng người không nói gì được nữa. Gã thấy gai gai khó chịu vì câu nói của bà Nhân hàm ý chê gã là một thằng ngu, bị Hoàng Tiến lừa mà không hay. Lòng Cổn chợt bùng lên một niềm uất hận. Cổn là kẻ tâm phúc của Hoàng Tiến, là nơi nương tựa cuối cùng khi Hoàng Tiến lâm vào ngõ cụt, thế mà Hoàng Tiến nỡ lừa Cổn! May mà hôm nay gặp bà Nhân, chứ không thì chắc chắn Cổn sẽ tốn mớ bạc lớn, lo cho Hoàng Tiến về ăn chơi, để rồi chẳng được việc gì!

Bà Nhân giải thích thêm:

- Tôi còn lạ gì những thằng đàn ông như lão! Tiếng là về thăm nhà nhưng có thăm ai đâu! Chỉ có gái thôi! Một lần, hai lần, rồi thành quen, nhin không được. Ra ngoài này cứ thấp thòm chân trong chân ngoài, hễ có tí tiền là lại về kiếm gái! Mà không có tiền thì đi lừa người ta để về! Ghiền rồi! Bỏ không nổi đâu!

Cổn vẫn không nói gì. Bao nhiêu thiện cảm với Hoàng Tiến còn sót lại trong lòng Cổn, nhanh chóng tan biến hết. Gã thấy sự lừa đảo của Hoàng Tiến trầm trọng quá. Đúng là chó cắn áo rách! Đêm hôm qua trong lúc bàn tính về tiền bạc, Hoàng Tiến đã dám xúi Cổn bán xe,

lấy tiền đưa ông về Việt Nam. Ông hứa sau khi bán nhà, ông sẽ hoàn lại Cổn chiếc xe mới hơn. Làm đi chín phương phải để một phương lấy chồng! Cổn không thể ngờ Hoàng Tiến gạt cả mình! Gã gượng cười bảo bà Nhân:

- Cảm ơn bà đã cho tôi biết. Lát nữa về, tôi sẽ hỏi tội ông ấy!

Cổn định bụng như vậy thật. Nhưng rồi bây giờ ngồi đây, bên cạnh Hoàng Tiến, Cổn lại ấp úng. Tính Cổn vốn không quen nói thẳng. Giận ai, Cổn thường chỉ lầu bầu chửi sau lưng. Nghe ai nói điều gì chướng tai, Cổn chỉ bực bội than với người khác chứ chưa bao giờ dám chất vấn trực tiếp, dù trong lòng rất ấm ức. Người không thân còn thế, huống hồ đối với Hoàng Tiến vốn đã có ân nghĩa với Cổn và một thời được Cổn coi là thần tượng.

Cổn đổi đài ti-vi xoành xoạch, nhưng rõ ràng không chú ý coi bất cứ chương trình nào. Gã quăng cái remote-control, đứng dậy, lạnh lùng bước vào phòng tắm thay pyjama. Vừa rửa mặt, gã vừa nhớ lại trọn vẹn cái hào quan đêm nay tại nhà Ngọc mà gã tự cho là thành công vượt mức trong quá trình cầm micro của gã. Giá không vướng vụ Hoàng Tiến thì đây là đêm đáng ghi nhớ nhất đời Cổn. Gã thở dài quay ra, thấy Hoàng Tiến vẫn còn nằm đọc báo.

Vốn ít ngủ, tối nay Hoàng Tiến lại càng khó ngủ hơn bởi sự xuất hiện đột ngột của Khang, xin lỗi ông một cách tha thiết, làm ông bối rối và hoang mang không biết phải xử trí thế nào. Ông mất vợ vào tay thằng học trò, nỗi đau ấy ngàn đời không xóa nổi. Nhưng thằng học trò bỗng dưng đến thú tội và xin tha thứ. Ông như người bị bóp cổ quá chặt, bất ngờ được nới lỏng đôi chút, tuy vẫn nghẹt thở nhưng dù sao cũng thấy thoải mái hơn. Nghe Khang nói, ông cảm động đến bật khóc. Ông ngồi thừ ở gốc cây, không nói được lời nào. Lâu lắm mới ngẩng lên thì đứa học trò đã đi mất tự bao giờ. Bên tai ông vang vang tiếng nói ngậm ngùi của nó: "Em có lỗi với thầy... Em sẽ đi khỏi

thành phố này, không bao giờ còn gặp cô nữa!"

Ông đứng dậy, lững thững bước vào nhà, mang theo hai dòng nước mắt cảm động chảy dài trên khuôn mặt hốc hác. Đó là ngày vui nhất của ông kể từ khi khăn gói quả mướp sang nương nhờ Cổn. Ông mặc nguyên bộ com-lê, đi tới đi lui trong phòng, nôn nóng chờ Cổn về để kể cho gã nghe bản tin vui. Ông là loại người không thể giấu kín được cảm xúc. Ông luôn luôn cần có người tâm sự lúc vui cũng như khi buồn, dù rằng có những chuyện đáng lẽ ông chỉ nên áp ủ một mình. Ông biết đó là nhược điểm của mình và nhiều lần đã tự nhủ sẽ thay đổi nhưng rồi đâu lại vào đấy. Đến ngay như cái chuyện ăn nằm với Đào ở Việt Nam mà ông cũng có lúc yếu lòng phun ra cho Cổn biết để rồi Cổn lại tường trình và dĩ nhiên thêm bớt cho Hồng nghe, gây ra bao nhiêu phiền toái.

Chờ Cổn từ buồng tắm ra, Hoàng Tiến hỏi hớp kể:

- Cậu biết không, lúc nãy thằng Khang mới lại đây xin lỗi tôi. Nó thề với tôi là từ nay sẽ không gặp vợ tôi nữa! Nó sẽ đi xa, bỏ thành phố này!

Ông tưởng bản tin bất ngờ ấy phải làm Cổn kinh ngạc và háo hức theo dõi. Không ngờ Cổn lạnh nhạt hỏi lại:

- Như vậy là anh sắp quay về với chị ấy?

Hoàng Tiến tưởng Cổn ngờ vực câu chuyện của mình nên nhấn mạnh:

- Tôi nói thật mà! Tôi về đến nhà đã thấy nó ngồi chờ sẵn ngoài cửa!

Cổn cười nhạt:

- Tôi hỏi thật, tại sao chiều nay đang ở nhà thằng Ngọc, anh lại bỏ về?

Hoàng Tiến tặc lưỡi:

- Có chút việc riêng...

Biết Hoàng Tiến giấu giếm, Cổn mĩa mai:

- Việc gì? Bảy ngàn tiền hụi của bà Nhân chứ gì!

Hoàng Tiến đoán chắc con mẹ khốn nạn kia đã kể hết cho Cổn nghe, nên đành gạt đầu. Nhưng ông

vẫn chưa dám nhìn thẳng vào sự thật. Ông làm bộ than:

- Vợ với con, thật chán mớ đời! Chả hiểu các bà ấy chơi hụi với nhau từ đời nào, bây giờ cứ đổ riết cho tôi là thiếu của bà Nhân bảy ngàn! Tôi có biết gì đâu! Cậu thấy đấy, cả năm vừa rồi tôi ở Việt Nam, có mấy khi qua bên này đâu mà chơi hụi!

Cổn ngồi xuống chiếc ghế bên bàn computer, móc gói thuốc lá trong túi áo, rút ra một điếu nhưng không châm lửa. Gã âm ức muốn hỏi Hoàng Tiến về hai căn nhà tại Sài Gòn nhưng thấy nét mặt ông ngượng ngập quá, Cổn lại không nỡ. Hoàng Tiến ngượng vì đoán rằng hôm nay

ở nhà Ngọc, trước mặt cả gần trăm thực khách, con mẹ Nhân chưa ngoa kia chắc hẳn đã lớn tiếng công bố cho mọi người biết là ông giạt hụi. Ông nghĩ ngay đến Nguyễn Bản Hùng Vương, đến Phan Trúc, Trần Duy Hưng và khá đông chính khách hiện diện, từ nay sẽ nhìn ông bằng cặp mắt khinh thường và tiếng nói của ông sẽ mất hẳn sức nặng để hiệu triệu đồng bào!

Cổn đứng dậy, bước vào phòng ngủ, bỏ lại Hoàng Tiến ngồi trên sofa ngơ ngác trông theo. Ông hết sức thất vọng vì lần đầu tiên Cổn có thái độ lạnh nhạt với ông. Không lẽ chỉ vì con mẹ Nhân loan tin ông giạt

hụi mà Cổn phản ứng ngay với ông như vậy? Vô lý quá, bởi chuyện đó có dính gì đến Cổn! Ông quăng tờ báo, thở dài nằm xuống, mắt mở thao láo nhìn lên trần. Ông ngồi thức chờ Cổn đến gần ba giờ sáng, chỉ cốt để kể cho Cổn nghe bản tin Khang đến tìm ông xin lỗi, mong Cổn chia sẻ với ông một niềm vui. Không ngờ chỉ vì con mẹ Nhân mà Cổn lạnh nhạt với ông! Ông với tay tắt đèn rồi kéo tấm chăn mỏng lên đắp ngang ngực và nhắm mắt lại. Nhưng Cổn lại từ buồng ngủ bước ra, băng ngang chỗ ông nằm, đi thẳng vô phòng tắm. Cổn cần giặt cái sơ-mi trắng và nhất là đôi vớ đã nặng mùi để chiều mai đi đón người đẹp. Cổn chưa biết nhiều về Diệu vì chỉ mới gặp lần đầu, nhưng Cổn cảm thấy một điều chắc chắn là Diệu có thiện cảm với Cổn và nhìn Cổn bằng cặp mắt thán phục lúc Cổn điều khiển nghi thức kỷ niệm ngày cưới của vợ chồng Ngọc. Rồi lúc mọi người say mê khiêu vũ, Cổn lôi Diệu ra sân, ngồi bên nhau cả tiếng đồng hồ. Cổn càng nói, Diệu càng thích thú theo dõi. Đã hơn hai năm, đời Cổn trống rỗng, thiếu bóng đàn bà. Cổn đã lao đao tìm kiếm nhưng chưa được đối tượng nào đáp ứng. Gã hy vọng lần gặp gỡ này sẽ giúp gã hồi sinh cuộc sống tình cảm, bù đắp lại những đắng cay trong thời gian qua.

Cổn trút sà-bông bột vào bồn rửa mặt và vắn vỏi nước nóng; rồi vừa mạnh tay vò cổ áo, vừa sắp xếp chương trình hẹn hò ngày mai. Việc đầu tiên là Cổn phải dọn dẹp căn nhà bừa bộn của mình vì sớm muộn gì cũng sẽ mời Diệu ghé thăm, có khi ngay tối mai sau bữa ăn cũng không chừng. Nhưng nghĩ đến chuyện dọn dẹp, Cổn thấy cái trở ngại rất lớn hiện nay là Hoàng Tiến. Nhà chỉ có một buồng ngủ dành cho Cổn. Còn Hoàng Tiến thì nằm lù lù ngay tại phòng khách, chân gối lúc nào cũng quăng bừa trên sofa, chưa kể từng đồng báo biểu khuôn vẽ vứt ngổn ngang bên cạnh. Hoàng Tiến chán đời, cho nên chẳng tha thiết gì đến tắm rửa, giặt giũ, áo quần lúc nào cũng toát mùi chua loét. Tuy



vậy, hơn hai tháng nay Cồn chưa bao giờ thấy ngứa mắt, trái lại Cồn còn vui vì hai tâm hồn cô đơn tìm đến với nhau. Đêm nay, lần đầu tiên Cồn thấy Hoàng Tiến là cái gai cần phải nhổ bỏ, bởi có ông, việc hẹn hò của Cồn và Diệu sẽ rất trở ngại.

Cồn lấy móc áo máng chiếc sơ-mi và đôi vớ lên phía sau cửa phòng tắm rồi bước ra và hỏi:

- Ngủ chưa, anh Tiến?

Hoàng Tiến ngồi bật lên, với tay bật đèn, giọng rất tỉnh táo:

- Chưa! Chắc là quá giấc rồi thành ra không thấy buồn ngủ nữa.

Cồn kéo ghế ngồi, loay hoay tìm cách nhập đề:

- Có hai việc tôi định bàn với anh. Thứ nhất là chuyện anh với tôi về Việt Nam...

Hoàng Tiến háo hức ngắt lời:

- Ủ, cậu định chừng nào mình về? Hôm qua cậu bảo với tôi là tháng tới, phải không?

Cồn nghiêm nghị lắc đầu:

- Không. Tôi nghĩ lại rồi. Tôi không về. Anh muốn về thì tùy ý anh.

Hoàng Tiến trợn mắt nhìn Cồn, toan mở miệng nói thì Cồn đã tiếp ngay, chuyển sang vấn đề quan trọng hơn là đuổi khéo Hoàng Tiến:

- Đó là một việc. Còn việc thứ hai là, lúc nãy anh bảo tôi là thằng Khang đã dứt khoát ra đi, như vậy anh có ý định quay về với chị Hồng hay không? Tôi thấy anh nên quay về thì hơn! Anh ở đây... chật chội và... bất tiện cho anh quá. Tôi đi ra đi vào làm anh mất ngủ... Đạo này anh gầy đi nhiều, kéo dài tình trạng này không được đâu... Ớm đau thì khổ!

Đã dặn lòng là phải cương quyết mà Cồn vẫn ngập ngừng khi ngỏ ý, bởi Cồn không thể nói thẳng. Nhưng như thế cũng rõ lắm rồi! Không cần thông minh lắm, Hoàng Tiến cũng phải đoán được ý Cồn. Không ngờ ông quá chủ quan, cho rằng lúc nào Cồn cũng quý mến ông vì đã từng mang ơn ông, cho nên ông gạt đi:

- Cảm ơn cậu có lòng lo cho tôi. Việc quay lại với nhà tôi thì hiện nay tôi chưa nghĩ đến. Bà ấy không

phone lại xin lỗi tôi thì đời nào tôi về! Tạm thời tôi cứ nằm đây với cậu, không sao cả! Cậu cứ tự nhiên, đừng sợ tôi mất ngủ!

Nghe Hoàng Tiến trả lời, Cồn chán ngấy và muốn đâm vào cái mặt đàn độn của đàn anh. Nói đến thế mà Hoàng Tiến vẫn không hiểu là Cồn muốn gì! Chính Hoàng Tiến đêm nào cũng trần trọc thao thức, lại vì yếu thận, đi đại liên miên làm mất giấc ngủ của Cồn. Cồn thấy mình chẳng nên tể nhị nữa, gã tấn công tàn nhẫn hơn bằng cách dọa:

- Tôi không biết là anh nợ tiền bà Nhân, cho nên lúc bà ấy hỏi thăm anh, tôi lại nói ngay cho bà ấy biết là anh đang ở với tôi! Thế nào nay mai bà ấy cũng mò tới! Anh nên

tránh đi thì hơn. Bà ấy thì anh còn lạ gì nữa! Bà ấy cứ đứng ở cửa mà gào lên thì anh và tôi có nước độn thổ!

Vô ích, vì Hoàng Tiến vẫn nói cứng:

- Tôi đã bảo cậu rồi, nhà tôi nợ tiền bà ấy chứ đâu phải tôi! Con mẹ Nhân muốn đến, cứ việc đến. Nói mãi mỗi mồm phải cảm!

Cồn chán nản đứng dậy bỏ vào phòng ngủ. Hoàng Tiến ngồi im một lúc rồi lại với tay tắt đèn và nằm xuống. Dĩ nhiên ông cũng đâu có muốn tá túc lâu dài tại nhà Cồn. Ông khăn gói qua đây ôm theo cả một trời uất hận. Đêm đêm ông nằm trần trố trên chiếc sofa rách nát này, hình dung cảnh tượng Hồng và Khang



nằm ôm nhau mặn nồng trên chiếc giường king size do chính tay ông chọn kiểu và mua về, thử hỏi còn nỗi đau nào trên đời này nhức nhối hơn! Cho nên chiều nay sau khi gặp Khang, được tin thằng học trò đã buông tha vợ ông, ông điện thoại ngay về cho Hồng để dò ý. Ông không nhắc gì đến Khang, cũng chẳng đề cập gì đến chuyện hàn gắn giữa ông và Hồng, bởi tự ái chưa cho phép ông đi xa như vậy. Ông chỉ vờ vịt hỏi thăm hai đứa con cuối tuần nay có về thăm nhà hay không mà thôi. Và ông hết sức thất vọng bởi sau câu hỏi của ông, Hồng không thêm nói gì, trao ngay điện thoại cho con gái. Mà ngay cả con Dung, đứa con gái đầu lòng của ông, khi nói chuyện với bố cũng rất thản nhiên, không hề tỏ một chút thương hại và hỏi thăm tại sao ông phải lưu vong! Muốn biết chắc xem lời Khang nói có đúng hay không, ông hỏi con gái:

- Nhà có khách hả con? Những ai đến chơi mà đông thế?

Con bé ngơ ngác:

- Có ai đâu bố! Có mình con chứ có khách nào đâu!

Hoàng Tiến mừng rỡ:

- Thế à!

Ông vờ vịt câu giờ thêm một lúc nữa bằng những câu hỏi thừa thãi, rồi bảo con:

- Mẹ đâu? Để bố nói chuyện lại với mẹ một chút!

Ông hỏi hộp chờ đợi. Đầu dây bên kia, ông nghe con Dung gọi: "Mẹ ơi, nói chuyện với bố", rồi ngay sau đó ông nghe Hồng gắt với con:

- Cúp đi! Có gì đâu mà nói!

Con nhỏ nghe lời mẹ và lập tức gác phone, quên cả chào Hoàng Tiến. Hoàng Tiến lặng người muốn khóc. Dĩ nhiên ông không kể cho Cồn nghe chuyện ấy, bởi cũng giống như đa số đàn ông Việt Nam, tự ái buộc ông phải nói dối, dù ngay cả những lời nói dối không cần thiết. Ông vẫn bảo Cồn rằng, Hồng mà không điện thoại mời ông về thì không bao giờ ông về! Ông dự trù nay mai chính ông sẽ gọi phone năn

nỉ vợ cho tái hợp, rồi nếu Hồng chấp nhận thì ông sẽ bảo cho Cồn biết rằng: Hồng vừa điện thoại sang xin lỗi và khẩn khoản mời ông quay lại!

Nhưng cái ước mơ thầm kín ấy có lẽ không thành, dù rằng Khang có bỏ đi thật như lời Khang nói. Ông sẽ còn phải tị nạn ở nhà Cồn lâu lắm, chờ một khúc rẽ bất ngờ nào đó mà hiện nay ông chưa tính ra. Trước mắt, ông chỉ nghĩ đến một biện pháp nhất thời là về lại Việt Nam, và ông lại thêm một lần thất vọng nữa vì Cồn vừa thông báo đã đổi ý, không về chung với ông. Cồn không về thì ông đành nằm lì tại đây, vì ông đã tính nát óc, không nghĩ ra cách nào xoay nổi hai ngàn đồng trong lúc này. Ông nóng ruột ngồi dậy, bước lại gõ cửa phòng Cồn, dù rằng cửa chưa đóng. Cồn vừa ngả lưng, từ từ ngồi dậy. Hoàng Tiến đứng tựa khung cửa, buồn rầu hỏi:

- Cậu không về Việt Nam với tôi nữa à? Tại sao vậy?

Giá như gặp người khác, Cồn sẽ trả lời một cách chính trị rằng, Cồn chưa về là vì không chấp nhận chế độ hiện tại. Khi nào thay đổi hẳn, Cồn mới về. Nhưng với Hoàng Tiến, Cồn không thể nói như vậy được bởi cả hai đều đã quá hiểu nhau. Cồn bùi ngùi đáp:

- Kẹt tiền, anh! Lúc này tôi đâu còn lãnh tiền của bảo hiểm nữa, thành ra kẹt lắm!

Hoàng Tiến gãi đầu:

- Hôm qua cậu bảo tôi là bán tạm cái xe đi, rồi mai kia sắm lại!

Cồn ngược mắt nhìn Hoàng Tiến, chớp ngay câu nói của đàn anh để hỏi ngược lại:

- Cần bán xe thì tôi bán ngay. Nhưng anh bảo mai kia sắm lại, tiền đâu mà sắm lại? Rủi anh không bán được hai căn nhà ở Sài Gòn thì sao?

Hoàng Tiến không biết mình đã lộ tẩy, nên vẫn quả quyết:

- Được chứ sao không! Cái ấy thì dễ quá mà! Thị trường nhà cửa ở Việt Nam đang lên cơn sốt, bán chạy như tôm tươi. Mình đừng có neo giá cao quá thì tổng đi lúc nào chả được!

Cồn hỏi như thăm vấn:

- Nhà của anh nằm ở khu vực nào nhỉ? Giá cả lên xuống tùy theo từng khu vực.

Hoàng Tiến đáp ngay:

- Một căn ở quận ba, một căn ở ngay gần bùng binh Sài Gòn. Khu đó nhà có giá lắm!

Cồn đột ngột đổi đề tài:

- Thôi anh đi nghỉ đi. Gần sáng rồi! Anh khép hộ tôi cái cửa...

Gã nằm xuống và tung chăn đắp ngang bụng. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, rõ ràng Hoàng Tiến cố tình lừa Cồn. Mới hôm qua ông cho biết hai căn nhà của ông, một nằm ở Phú Nhuận, một ở Trần Hưng Đạo. Hôm nay ông quên, cho nên đã chuyển hộ khẩu hai căn đó sang vị trí khác! Vậy mà ông vẫn dám xúi Cồn bán xe đưa tiền cho ông! Ngày mai, có lẽ Cồn sẽ phải dứt khoát mời ông dọn đi chỗ khác.

Sáng hôm sau Cồn choàng dậy, quơ tay chớp vội cái đồng hồ đeo tay đặt bên cạnh, nhướng mắt nhìn và thở phào nhẹ nhõm. Hôm nay là ngày trọng đại, cần quét dọn nhà cửa rồi tắm rửa lau chùi, xịt nước bông toàn thân trước khi đi ăn với người đẹp. Cồn đẩy cửa bước ra. Ánh nắng chói loà xuyên từ cửa sổ chạy thẳng đến giữa phòng khách, soi rõ từng hạt bụi trong không khí. Hoàng Tiến nằm ngửa trên sofa, mồm há ra như một cái xác đã chết khô. Cồn nhìn thoáng khuôn mặt xương xẩu ấy rồi đi nhanh vào bếp pha cà phê, trước khi đánh răng rửa mặt. Gã cầm cái nồi nhỏ, loay hoay mãi không làm sao luồn được vào phía dưới vòi nước, vì bồn rửa chén đã ngập tràn ra ngoài những nồi niêu soong chảo và bát đĩa. Cơm thừa canh cạn vung vãi quanh lò nấu, rơi rớt cả xuống sàn. Lốp gạch men gần quanh tường bếp, loang loáng vết dầu mỡ, một đàn kiến đang thản nhiên đi lại trên đó. Cồn vốn đã lười mà Hoàng Tiến thì chẳng bao giờ phụ Cồn những công việc lật vật trong nhà. Dù đã thất thế, ông vẫn thấy mình là đàn anh và không có bổn phận phải nhúng tay vào những việc nhỏ nhặt thường

nhật này.

Cồn bung cái nôi vào phòng tắm lấy nước. Lúc trở ra thì Hoàng Tiến đã thức giấc, kê hai cái gối, nửa nằm nửa ngồi, nhướng cặp mắt kèm nhèm nhìn Cồn. Ông đưa tay che miệng ngáp và nói:

- Dậy sớm thế?

Cồn bung nôi nước vào bếp và làm như đã hẹn trước với Diệu là tối nay sẽ đón Diệu lại chơi. Gã bảo:

- Hôm nay tôi có khách. Nhờ anh gấp hết chăn màn bỏ vào phòng ngủ giùm tôi... Với lại, tối nay nếu anh đi loanh quanh đâu được thì tốt. Tôi có... cô bạn lại chơi, ngại không muốn gặp ai!

Hoàng Tiến cười buồn:

- Được, không sao! Chừng nào bạn cậu sắp đến thì bảo tôi. Tôi sẽ đi. Có gì đâu, chui đại vào rạp hát ngồi là xong chứ gì!

Cồn dặn thêm:

- Trước khi về anh phone tôi một tiếng cho chắc ăn. Có thể cô ấy sẽ ngồi chơi khuya đấy!

Hoàng Tiến tò mò hỏi:

- Ai vậy? Quen hồi nào mà tôi chả thấy cậu nhắc đến bao giờ!

Cồn hững hờ:

- Mới hôm qua.

- Vậy là cậu trúng mối rồi! Đúng như người ta nói: Được ăn được nói được gói mang về!

Hoàng Tiến cố tạo không khí thân tình dù ông linh cảm thấy Cồn có cái gì đối khác đối với ông từ đêm hôm qua sau bữa tiệc ở nhà Ngọc. Ông cứ thắc mắc mãi là việc ông thiếu nợ bà Nhân, sao lại có thể làm Cồn giận ông được! Bởi từ bản chất, Cồn vốn không phải là đứa đạo đức đến nỗi khinh rẻ một người giết hại, chỉ trừ kẻ đó giết của chính Cồn!

Về phần Cồn, tuy vẫn nói chuyện với Hoàng Tiến nhưng trong lòng ám ức lắm. Và sự ám ức ấy bắt nguồn từ một nguyên do duy nhất là Hoàng Tiến âm mưu lừa Cồn, đem hai căn nhà tưởng tượng ra để xúi gã bán xe, cùng Hoàng Tiến về Việt Nam.

Không thấy Cồn nói gì, Hoàng Tiến lại thêm:

- Cô nào vậy? Tôi có biết không?

Cồn lạnh nhạt:

- Không. Mới ở Việt Nam qua.

Hoàng Tiến bình phẩm:

- Ở Việt Nam mới qua thì phải chộp ngay. Vậy là cậu nhanh tay đấy!

Vừa nói ông vừa đứng dậy, lê đôi dép lẹp kẹp vào phòng tắm. Cồn tiếp tục thanh toán đồng chén bát. Nồi nước trên lò sôi ừng ực. Cồn ngưng rửa, vẩy mạnh hai tay cho ráo bớt nước rồi chùi đi chùi lại vào ống quần. Gã pha cho mình tách cà phê, hớp một ngụm rồi bung lại bàn ăn, ngồi hút thuốc lá.

Ở phòng tắm bước ra, Hoàng Tiến thoáng buồn vì Cồn thân nhiên không mời mình uống cà phê, cũng không pha sẵn cho ông một ly như thông lệ mỗi buổi sáng. Gã chú ý đầu xuống tờ báo, đọc lướt thật nhanh những cái tựa, nhưng không theo dõi bất cứ bản tin chi tiết nào. Hoàng Tiến bước lại quầy bếp, nói bâng quơ:

- Làm báo lúc này dễ quá! Chả phải viết lách gì cả, cứ việc lấy bài của báo Việt cộng mà ỉn vào! Vừa đỡ tốn thì giờ đánh máy, vừa khỏi phải trả tiền nhuận bút!

Ông múc cà phê vào tách, chờ đợi Cồn góp ý nhưng gã không nói gì. Ông buồn rầu hỏi:

- Máy giờ thì cậu muốn tôi ra khỏi nhà?

- Năm sáu giờ. Tôi đi thì anh đi luôn.

- Độ mười giờ tôi về được không?

- Chưa biết. Trước khi về phòng anh cứ phone tôi ở nhà cho chắc ăn.

Giọng nói của Cồn hôm nay xa lạ lắm dù rằng Hoàng Tiến đã cố tỏ ra thân tình và chiều chuộng Cồn. Ông nhấp ngụm cà phê, đắn đo một lúc rồi nhin không được, đành run run hỏi thẳng:

- Cậu có điều gì buồn tôi không? Chỗ anh em cậu cứ cho tôi biết.

Cồn như người được gỡ đúng chỗ ngứa, vội quay đầu lại đáp:

- Anh hỏi thì tôi mới nói. Hôm trước anh bảo tôi hai căn nhà của

anh ở Phú Nhuận và Trần Hưng Đạo. Hôm qua anh lại bảo ở quận ba và bùng binh Sài Gòn. Thành ra tôi chả hiểu là anh có hai căn hay bốn căn!

Hoàng Tiến tái mặt, ú ớ phân trần:

- Thì một căn ở Phú Nhuận ngày trước, nhưng mà bây giờ chỗ ấy sát nhập vào quận ba. Còn căn kia ở đường Trần Hưng Đạo, cũng gần chợ Sài Gòn! Chỉ có hai căn thôi chứ làm gì có đến bốn căn!

Hoàng Tiến càng nói dối càng lộ. Dù chưa về lại Sài Gòn lần nào, Cồn cũng biết chắc Phú Nhuận không bao giờ sát nhập vào quận ba. Còn đường Trần Hưng Đạo mà bảo rằng gần bùng binh chợ Bến Thành thì quả là gương ép quá! Nhớ lời bà Nhân, Cồn nói:

- Một là nhà của anh bị nhà nước tịch thu lúc anh vượt biên, hoặc khi ra đi anh giao lại cho thân nhân trong coi, thì đó mới có thể gọi là nhà của anh và mới hy vọng đòi lại được. Đằng này, nhà đứng tên vợ anh. Trước khi xuất cảnh, bà ấy bán đứt cho người khác, có giấy sang tên, lấy tiền đầy đủ rồi thì anh làm gì còn căn nào nữa!

Hoàng Tiến ngượng tái người nhưng vẫn cố chống chế:

- Cậu không hiểu đâu, chuyện dài dòng lắm! Để hôm nào tôi kể cho cậu nghe!

Sẵn đang có đà, Cồn gay gắt phun ra nỗi ám ức mà gã chất chứa trong lòng suốt đêm qua:

- Giá tôi nghe lời anh, bán xe lấy tiền đưa anh về Việt Nam thì lúc trở lại Mỹ tôi đi bộ à? Anh xúi tôi cái đó tầm bậy quá!

Hoàng Tiến nở nụ cười méo xệch và nói dối quanh:

- Đời nào tôi để oậu thiệt thòi! Thằng em tôi ở bên ấy còn giữ của tôi năm chục ngàn, chờ dịp đầu tư, tôi sẽ trả cậu chứ...

Cồn càng bức:

- Nếu anh còn năm chục ngàn ở bên ấy sao không bảo nó gửi qua, lấy tiền mua vé máy bay? Anh xúi tôi bán xe làm gì? Tôi đối xử với anh như anh em ruột thịt mà anh nở gạt

cả tôi nữa sao? Vừa thôi chứ! Anh để bà Nhân bà ấy mắng vào mặt tôi chỉ vì tôi bệnh anh, tôi bảo bà ấy là anh còn nhà ở Việt Nam...

Cổn chưa dứt câu thì có tiếng chuông điện thoại reo. Hoàng Tiến đang đứng ngay bên cạnh điện thoại nhưng không dám nhắc lên. Cổn hăm hăm đi nhanh lại, từ từ nâng ống nghe áp vào tai, mặt vẫn còn lộ nét giận dữ. Nhưng nghe tiếng nói từ đầu dây bên kia, Cổn tươi hẳn lên và giọng nói chuyển ngay sang thứ văn chương cải lương vốn là sở trường của Cổn:

- Diệu hả? Anh đây... Anh có ngủ tí nào đâu mà bảo anh dậy sớm! Cả đêm chỉ nghĩ đến Diệu và mong thời gian trôi thật nhanh để chiều nay gặp lại Diệu!... Có gì đâu mà ngại! Diệu mới qua, chưa biết nhiều về thành phố này... Đừng nghe thiên hạ mà có thành kiến, từ từ rồi chính Diệu sẽ tự tìm hiểu.... Chuyện dài lắm, để chiều nay gặp Diệu anh sẽ kể.... Năm giờ nhé! Năm giờ anh sẽ có mặt trước cửa nhà em! OK, bye! Mặc gì chả được! Anh không phải là người để ý nhiều về bề ngoài. Anh quý nếp sống nội tâm, những người có chiều sâu như Diệu, chứ không bận tâm đến áo quần hay son phấn!... Chiều nay gặp lại! Bye!

Buông điện thoại, Cổn lịm người sung sướng, cười cười ngồi im khá lâu rồi mới sực nhớ ra đóng chén bát chưa rửa xong. Hoàng Tiến thì chui vào phòng tắm ngay từ khi biết Cổn nói chuyện với đàn bà. Ông tế nhị lánh mặt để Cổn đỡ ngượng, bởi ông biết thế nào trong lúc trao đổi, cũng có lúc Cổn phải nói phét, giống như ông đã từng khoác lác khi tiếp xúc với phụ nữ. Ông đứng yên trong phòng tắm, nghe hết mọi câu nói của Cổn. Ông để ý thấy Cổn có lời tán gái hay hơn ông, vì Cổn biết khen người ta có tâm hồn, có chiều sâu, dù rằng không ai định nghĩa được thế nào là chiều sâu! Ông cũng thấy rõ một điều là ông nên đi khỏi đây càng sớm càng tốt, bởi Cổn vừa chớm bước vào một cuộc tình, cần căn nhà riêng để tạo một giang sơn không có ai quấy rầy chung quanh.

chẳng qua thất tình

chạm tay
vào sợi dây đàn
dè dặt
cũng vẫn
âm vang thuở nào
buồn thay
một kiếp bôn đào
hôm nay chạy trốn
lạc vào
hôm qua...
loanh quanh
chẳng biết lối ra
u mê lạng quạng
chẳng qua thất tình
mây mờ
trong cõi vô minh

gặp cơn mộng dữ
thất kinh
vỡ òa
ta tung toé
khắp đời ta
máu xương về mẹ
tim
là về em...

hồ ông



Hơn thế nữa, dưới mắt Cổn, ông đã bắt đầu xuống giá và lần đầu tiên trong cuộc đời, Cổn đã dám gay gắt mắng lại ông chỉ vì ông túng thiếu! Và đó mới thực là điều làm lòng ông se thắt! Ông thốt nhớ đến hai câu thơ mà ngày trước vẫn giảng cho học trò về nhân tình thế thái, và bùi ngùi tự đặt mình vào tâm trạng náo nức của cổ nhân:

*Còn bạc còn tiền, còn đệ tử
Hết cơm hết gạo, hết ông tôi.*

Ông đánh răng rửa mặt rồi mở nước đầy bồn tắm, bước vào ngâm mình, nhắm mắt lại theo thói quen mỗi khi cần suy nghĩ.

Ở nhà ngoài, Cổn vừa thanh toán xong cái bếp. Gã mở tủ lạnh, thấy cả ba ngăn đều trống rỗng. Gã đứng trầm ngâm một lúc rồi lấy chùm chìa khoá chạy lao ra cửa. Gã cần mua sắm vài thứ vì biết đâu tối nay chẳng mời được Diệu ghé nhà chơi. Cổn chui vào xe, nổ máy, liệt kê trong trí danh sách những thứ sẽ mua ở cửa hàng thực phẩm và tạp hoá. Đầu óc Cổn hết nghĩ đến Diệu lại bận tâm về Hoàng Tiến, không biết làm cách

nào để tống cổ ông ra khỏi nhà. Cổn thấy rõ, đáng lẽ hôm nay phải là một ngày vui nhất đời mà chỉ vì vương hình ảnh của Hoàng Tiến, gã thấy niềm hạnh phúc của mình không thể trọn vẹn.

Quá mười hai giờ trưa, Cổn mới trở về. Gã thấy nhà cửa gọn ghẽ khác hẳn mọi ngày. Đống chăn gối của Hoàng Tiến không còn quăng bừa bộn trên sofa nữa. Cả chồng báo trên bàn cà phê và cái va-li bên cạnh cũng đã biến mất. Cổn mỉm cười vì lần đầu tiên thấy Hoàng Tiến biết điều, phụ gã dọn dẹp nhà cửa. Cổn khệ nệ khuôn nước ngọt, trái cây và các thứ bánh kẹo vào bếp. Gã cũng chẳng bận tâm lên tiếng gọi Hoàng Tiến. Mãi đến khi vào phòng tắm lấy áo ra ủi, Cổn mới giật mình thấy mảnh giấy dính trên tấm gương, ghi mấy hàng chữ của Hoàng Tiến:

"Cảm ơn cậu đã cho tôi tạm trú mấy tháng nay. Tôi thấy không thể làm phiền cậu thêm được nữa. Mong sẽ có dịp gặp lại và món nợ ân tình cậu dành cho tôi, tôi sẽ cố hoàn trả sau này. Hoàng Tiến".

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

CHỦ-QUYỀN CỦA VIỆT-NAM TẠI HOÀNG-SA, TRƯỜNG-SA

Hỏi: Tôi là người Hoa, ba đời sống tại Việt-nam, tôi nói tiếng Việt rành hơn tiếng Hoa, nên thân với quê-hương Việt-nam hơn cố-thổ Trung-quốc.

Tôi thấy hành-động lấn-chiếm của Trung-quốc tại Trường-sa là sai. Tôi cũng giận nhà cầm quyền Hà-nội quá khiếp-nhược, không dám mạnh dạn tự-vệ, giữ đất mà chỉ giỏi hà-hiếp dân.

Tôi nhờ ba tôi, một nhà kinh-doanh quốc-tế, nhân-danh một người Hoa yêu-chuộng sự công-bằng, viết thư phản-đối nhà nước Trung-quốc. Ba tôi đồng ý, nhưng yêu-cầu tôi cung-cấp thêm dữ-kiện lịch-sử chứng-tỏ chủ-quyền của Việt-nam tại các quần-đảo này. Nếu có thêm, xin nhà báo đăng lên cho những người cảm thấy mang nợ ân-tình với nước Việt-nam (như ba tôi và tôi) cùng lên tiếng.

Tôi nghĩ khi có nhiều người nói, nhà nước Trung-quốc dù ít dù nhiều cũng sẽ phải chú ý.

Tôn Đại-Bằng
Cựu-kim-sơn

Đáp: BC biết chắc, trong Bắc kinh thư-khố có lưu-trữ cuốn *Hoàng Việt địa-dư chí* của Phan Huy Chú (1782-1840), ấn-hành năm Minh Mạng thứ 16 (1834). Trong cuốn này có in Đại-Nam nhất thống toàn đồ (xem bản đồ), ghi rõ vị-trí của hai quần-đảo Hoàng-sa và Vạn lý Trường-sa nằm trong lãnh hải Việt-nam, căn-cứ theo *Địa-bạ Gia-long* và *Đại Nam thực-lục chính biên*, kỷ thứ nhất, quyển 50 (1815). Khi viết thư, xin cụ ông nêu ra chi-tiết này.

Vụ đo và ghi dấu Hoàng-sa năm 1815 do Phạm Quang Ảnh chịu trách-nhiệm.

Đại Nam thực-lục chính biên, kỷ thứ nhất, quyển 52, ghi: "Năm (Bút Chì chuyển ra dương-lịch) 1816, vua Gia-long sai đội Hoàng-sa ra quần-đảo Hoàng-sa đo thủy-trình".

Đại Nam thực-lục chính biên, kỷ thứ hai, quyển 122, ghi: "Năm 1834, vua Minh Mạng sai Giám thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ mang 20 thủy quân tới quần-đảo Hoàng-sa thuộc địa-phận Quảng-nghĩa đối-chiếu địa-hình, soát lại bản-đồ."

Đại Nam thực lục chính biên, kỷ thứ hai, quyển 104 ghi: Vua (Minh Mạng) ra lệnh cho bộ Công rằng: "Dải Hoàng-sa thuộc địa-phận Quảng-nghĩa xa trông trời nước một màu, không phân-biệt được cạn hay sâu. Gần đây thuyền buôn thường bị đắm. Nay nên dự-bị thuyền bè, đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngay sau cây cối to lớn, xanh tốt, người dễ nhận biết. Việc này có thể tránh được nhiều nạn mắc cạn. Đó cũng là việc muôn đời vậy."

Đại Nam thực lục chính biên, kỷ thứ hai, quyển 165 ghi: "Năm 1836, vua Minh Mạng phái Thủy quân đội trưởng Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền ra biển đo-đạc, thống-kê toàn bộ quần-đảo Hoàng-sa một lần nữa. Khi đi, phái-đoàn mang theo 10 cái bài gỗ, mỗi cái

cao 5 mét, rộng 3 tấc, dày 1 tấc, khắc hàng chữ Minh Mạng thập thất niên, Bính Thân." (tức 1836).

Sách-vở nhà Nguyễn để lại cho thấy dân Việt đã tới Hoàng-sa, Trường-sa ở suốt 6 tháng không có mưa bão mỗi năm để tìm sản-vật, hóa-vật: cá, vỏ ốc, hải-sâm, ba-ba, đồi-mồi.

Trong *Phủ-biên tập lục* (1776), Lê Quý Đôn ghi chép công-lao của các đội thủy quân chuyên đi tìm vật quý ngoài biển, trong đó có các đội làm việc tại Hoàng-sa, Trường-sa như sau: "Đội Hoàng-sa lấy hải vật và hóa vật ở Trường-sa, Côn-lôn và Hà-tiên."

Đội này thành-lập từ thời chúa Nguyễn-phước Trấn (1687-1691), sau này vẫn được nhà Tây-sơn duy-trì. Khi Nguyễn Ánh lên ngôi, đội này ngưng hoạt-động trong mấy năm, rồi tiếp-tục trở lại cho tới khi Pháp bảo-hộ Việt-nam. Nhiệm-vụ của đội Hoàng-sa bao gồm:

- Lấy hải-vật (đồi-mồi, ốc xa-cù, ốc tai tượng, ốc hương, hải-sâm, ba-ba,...) và hoá-vật của các tàu bị đắm, giạt vào các đảo (gươm, súng hỏa-mai, súng thần-công, quý kim, kim-loại thường, ngà voi, đồ sứ, sáp ong, len, vải,...) về nộp vào công-khố.

- Tổ-chức của đội: 70 suất.

- Nguồn tuyển-mộ và bổ-sung: dân xã An-vĩnh trên cù-lao Ré, huyện Bích-sơn.

- Quyền-lợi: ai tình-nguyện đi được cấp giấy sai đi, miễn thuế sưu và tiền tuần, đồ; hoàn-thành nhiệm-vụ sẽ được thưởng tiền, lãnh bằng khen.

- Chế-tài: không hoàn-thành nhiệm-vụ sẽ bị trừng-phạt.

- Thời-gian hoạt-động trong năm: tháng 2 lãnh giấy và lấy 5 thuyền ra đi, mang theo 6 tháng lương-thực, tháng 8 về.

- Tất cả các thứ thu lượm được, mang qua cửa Eo (Thuận-an) vào thành Phú-xuân (Huế) cân đo và phân hạng.

Phẩm-vật thu được nhiều ít tùy theo may mắn của đội. Trong sổ phẩm vật của một cai đội, ghi:

- Năm Nhâm Ngọ (1702) lượm được 30 thỏi bạc.

- Năm Giáp Thân (1704) lượm được 5.100 cân thiếc.

- Năm Ất Dậu (1705) lượm được 126 thỏi bạc.

- Năm Kỷ Sửu (1709) đến Quý Tị (1713) nhặt được mấy khối thiếc, hai cái bát bằng đá và hai khẩu súng đồng.

Căn-cứ theo các dữ-kiện trên, nước Việt-nam đã đạt được nguyên-tắc thực-sự (*effectivité*), chiếm-hữu thực-sự quần-đảo Hoàng-sa, Trường-sa, thực-hiện nhiệm-vụ cai-trị một cách liên-tục trong một thời-gian kéo dài gần 300 năm, chứng-tỏ đầy-đủ đòi-hỏi về chủ-quyền theo công-pháp quốc-tế.

Nước Trung-hoa không đạt được bất cứ điểm nào trong các đòi-hỏi pháp-lý này. Nhà Thanh Trung-quốc còn gián-tiếp công-nhận Hoàng-sa, Trường-sa thuộc về Việt-nam.

Trong *Phủ-biên tập lục* của Lê Quý Đôn còn ghi lại một đạo công-văn của Trung-quốc liên-quan tới chủ-quyền của Việt-nam tại Hoàng-sa, Trường-sa. Đạo công-văn này do huyện Văn-xương, thuộc Quỳnh-châu (đảo Hải-nam, Trung-quốc) ký, mang niên-hiệu Càn-long thứ 18 (tức 1753), gửi cho xứ Thuận-hóa, báo rằng: "10 tên quân-nhân ở xứ An-vĩnh, đội Cát-liêm, huyện Chương-ngĩa, phủ Quảng-ngĩa, nước An-nam, ngày tháng 7 đến Vạn-lý Trường-sa tìm kiếm các thứ, có 8 tên

lên bờ tìm kiếm, chỉ để 2 tên giữ thuyền, bị gió đứt giây thuyền, giạt vào Thanh-lân cảng, quan ở đây xét có thực, đưa trả về nguyên-quán."

Ngoài đạo công-văn này ra, tất cả bản-đồ Trung-quốc đời nhà Thanh (1644-1911) đều vẽ tới đảo Hải-nam là hết.

Trung-quốc địa-lý giáo-khoa thư do Thượng-hải ấn thư quán in năm 1906 nêu rõ: "Phía nam bắt đầu từ vĩ-độ bắc 18 độ 13, lấy bờ biển phía nam châu Nhai, đảo Quỳnh-châu làm điểm chốt."

Cuốn *Quảng-dông dư-địa đồ thuyết* in năm 1909 ghi: "Biên-giới trên biển ngày nay lấy phía nam đảo Hải-nam làm giới-hạn."

Xét qua những dữ-kiện trên, chủ-quyền quần-đảo Hoàng-sa và Trường-sa thuộc về Việt-nam một cách hiển-nhiên.

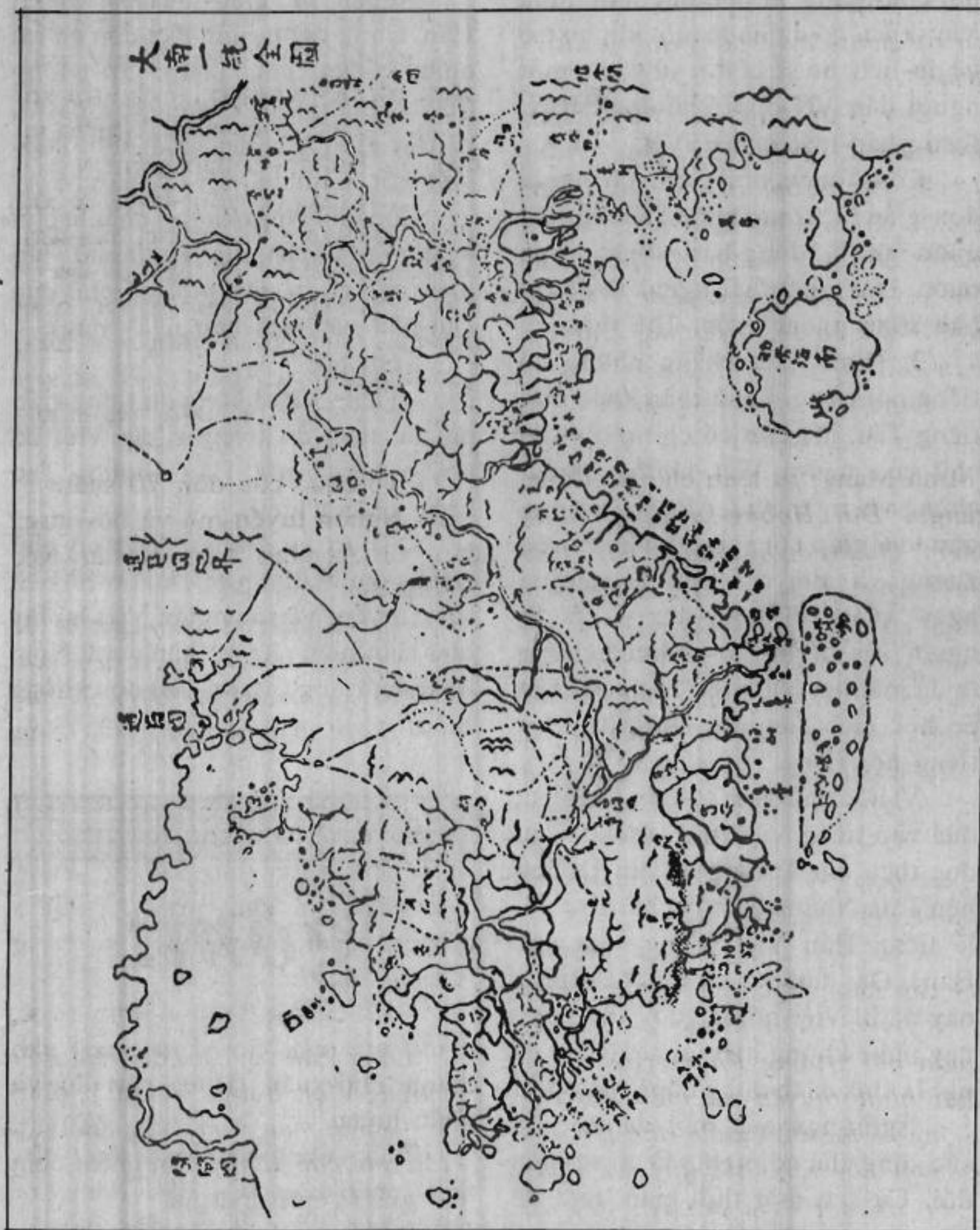
"ĐI NGỰA"

Hỏi: Cháu rất khoái mục *Độc giả thắc mắc*. Vì chờ mãi không thấy ai có thắc-mắc giống mình nên hôm nay cháu gửi thư cho bác, xin giải-thích giùm. Nếu câu hỏi của cháu có ...hơi ngu thì xin bác bỏ qua cho. Cháu còn nhỏ tuổi, lại xa quê-hương quá sớm...

1. Xin bác cho biết con ngựa có liên-quan gì đến chữ "đi ngựa" mà các bà mẹ thường mắng các cô con gái hơi quá... nhí-nhảnh.

2. Quốc là nước, gia là nhà, cháu hiểu, nhưng tại sao khi nói đến Việt-kiều nước ngoài, người ta lại dùng chữ hải-ngoại, như "Việt-kiều hải-ngoại", trong khi gọi người trong nước là "đồng bào quốc-nội"? Có phải Việt kiều hải ngoại là những người sống ở ngoài bờ bể Thái-bình dương?

3. Ngày xưa còn đi học, các thầy giảng giải rằng: dân-tộc ta khi trước có một mối nhục, nói tiếng Việt mà viết chữ Hán, sau này chế một thứ chữ riêng, gọi là chữ Nôm. Rất nhiều lần cháu nghe mọi người bảo tiếng Việt là do từ tiếng Hán mà ra. Cháu tức muốn bẻ ngược. Đồng ý là trong tiếng Việt có nhiều từ Hán



Việt, nhưng không phải vì vậy mà bảo tiếng Việt từ tiếng Tàu mà ra.

Vậy xin bác Bút Chì cho biết tiếng Việt chúng ta sử-dụng ngày hôm nay bắt đầu có từ khi nào? Đại-khái là ngày xưa mấy ông Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Lê Thánh Tông nói là “uống trà” hay “nhắm xà”? Thành thật cảm ơn bác.

Nguyễn T.M.
Montréal

Đáp: Có điều gì không biết cứ hỏi, dù hỏi... ngu. Biết đặt câu hỏi là đã ...bớt ngu rồi! Nói tới cái ngu, khi đọc câu hỏi của độc giả gửi tới, rất nhiều lúc bác cảm thấy mình ngu quá sức, vì có nhiều điều bác cũng mù-mịt, chẳng thể trả lời!

1. Thành ngữ “đĩ ngựa”, bác nghi là bắt nguồn từ câu “lòng lên như ngựa Thượng-tứ” của đồng-bào Thừa-thiên. Nguyên ở cửa Thượng-tứ ngày xưa có tàu ngựa của vua. Giống ngựa được cho ăn uống đầy đủ rất sung sức, không được chạy rông nên cuồng căng, thấy người thì lòng lên. Kể ra các bà mẹ cũng ác khẩu, khi mắng con gái mình “hề thấy trai thì lòng lên như ngựa Thượng-tứ.”

Vào tới miền Nam, thành ngữ này bị đéo gọt ngắn gọn lại thành: “ngựa”, rồi gắn thêm chữ “đĩ” cho ...mạnh câu văn. Nhưng “đĩ ngựa” trong Nam tuy là tiếng mắng mỏ, nhưng tùy theo giọng nói của bà mẹ, đôi khi có phần nào âu-yếm chứ không cay-nghiệt lắm.

2. *Hải-ngoại* là “ở biển ngoài.” Cách dùng chữ “hải ngoại” do ảnh hưởng Trung-hoa. Họ quan-niệm nước họ ở chính giữa, chung quanh một phần là biển, còn lại là man di mọi rợ. Khi rời khỏi nước, là đi ra hải ngoại. Người ở các nước xa, là tứ hải giai huynh-đệ (người ở bốn biển cùng là anh em).

Nói “Việt-kiều hải-ngoại” là dư. “Việt-kiều” đã là “người Việt ở nước ngoài.”

Kiều, do chữ kiều dân: dân sống ở nước ngoài.

Về mặt pháp-lý, muốn là “Việt-kiều”, phải có ba điều-kiện:

- là người Việt,
- ở nước ngoài, và
- vẫn mang quốc-tịch Việt-nam (bây giờ là CSVN).

Nếu không còn quốc-tịch Việt-nam, gọi tắt là “người Việt” thôi.

Tương-tự, chắc cháu còn nhớ: người Mỹ ở VN là Mỹ-kiều, người Phi ở VN là Phi-kiều, người Pháp ở VN là Pháp-kiều, v.v. Những người này tuy ở VN nhưng vẫn giữ quốc-tịch của họ, là kiều dân của nước họ.

CSVN gọi người Việt ở hải-ngoại là “Việt-kiều”, là có dụng-ý tuyên-truyền rằng những người Việt này tuy sống ở hải-ngoại nhưng “trái tim vẫn hướng về tổ-quốc ...xã-hội chủ-nghĩa”. Mặt khác, gọi họ là Việt-kiều, có nghĩa là một khi họ trở về du-lịch, họ sẽ bị đối xử y như một người dân VN dưới chế-độ XHCN, theo pháp-luật của CSVN.

Còn “quốc nội”, chỉ có nghĩa đơn-giản là “trong nước.” Đồng-bào quốc-nội là đồng-bào sống trong nước. Đồng-bào hải-ngoại là đồng-bào sống ngoài nước. Thế thôi.

3. Nước Việt chẳng những có tiếng nói riêng, hoàn-toàn khác biệt tiếng Tàu, mà còn có chữ riêng. Số chữ của người Việt không nhiều, chừng vài ngàn chữ, cách viết giống như loại giáp cốt văn (chữ khắc trên xương và mai rùa của Trung-hoa ngày xưa). Vì loạn-lạc, và vì bị người Tàu đô-hộ, tổ-tiên của chúng ta đã mất hết chữ viết, bị người Tàu ép học chữ Tàu, chỉ còn giữ được tiếng nói riêng.

Vì học chữ Tàu, tổ-tiên chúng ta đưa vào tiếng Việt một số chữ Tàu, đọc theo âm Trường-an đời Đường bên Tàu. Những chữ ấy chúng ta gọi là tiếng Hán Việt (tiếng Việt gốc Hán). Đại đa-số cách đọc các tiếng này đã bị Việt-hóa, người Tàu ngày nay nghe không hiểu gì cả. Ngay cả nghĩa chữ, cách dùng cũng thay-đổi.

Ngôn-ngữ của mỗi dân-tộc có sức sống của nó, nghĩa là có sự biến đổi. Cứ sau một thời-gian, một số

chữ cổ mất đi, một số chữ mới thêm vào, và cứ biến-đổi như thế mãi. Nếu có phép lạ nào đưa bác cháu mình đi ngược lại thời-gian, tới bá-kiến vua Hùng, chưa chắc hai bên đã hiểu nhau! Nếu chỉ gặp cỡ Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt thôi, may ra còn hiểu nhau chút đỉnh. Có điều chắc chắn là các cụ nhà ta không nói “nhắm xà” mà nói “uống trà” (tiếng Hán Việt là *ẩm trà*).

Ngôn-ngữ còn là sự giao-lưu giữa các giống dân. Chúng ta không nên có mặc-cảm là dùng nhiều tiếng gốc Hán quá. Người Nhật hiện cũng dùng hơn 1000 chữ gốc Hán, chỉ khác cách đọc; cũng như người Anh, Pháp, Đức, v.v. đều dùng rất nhiều tiếng La-tinh.

Ngoài sự giao-lưu với tiếng Hán, trong ngôn-ngữ Việt còn có rất nhiều tiếng gốc Pháp: *xà-phòng* (hay *xà-bông*), *lưỡi lam*, *xe xích-lô*, *ra trải giường*,... hay gốc Anh: *cao-bồi*; gốc Lào: *bề hội-đồng*, v.v.

Còn chữ Nôm không phải là chữ Việt cổ (đã mất), mà lấy từ chữ Hán biến chế ra (y như một số chữ của Đại-hàn và Nhật-bản ngày nay).

Tóm tắt:

- Tiếng Việt không do tiếng Hán mà ra, mặc dù trong tiếng Việt có nhiều tiếng gốc Hán (người Tàu nghe không hiểu).

- Thuở xưa người Việt có chữ riêng, sau vì bị người Tàu đô-hộ nên thất truyền. Về sau người Việt lại lấy chữ Hán biến chế ra thành chữ Nôm để dùng riêng (người Tàu đọc không hiểu).

gôm:

Làng Văn số 106, bài *Đôi điều về tiếng Việt*, trang 36, cột 1, dòng 18: “lớp tô màu xám” xin sửa lại là “lớp mô màu xám”. Xin tạ lỗi cùng tác giả và quý độc-giả.

Cái Chết Được Báo Trước

Nguyễn Anh Dũng

Nghi thức đã xong xuôi. Tôi trình trọng ngồi xuống. Trang giấy trắng như mời mọc, như thách đố.

Và tất nhiên, ly cà phê, bình trà, gói thuốc!

Tôi cầm bút, chợt nhớ lời “ông bố”, khi tôi hỏi ông một câu hết sức ngớ ngẩn: “Viết, thì phải làm sao?”

- Thì cứ ngồi xuống. Và viết!

Tôi làm y lời. “Hãy cứ coi đây là một trò ghi nhật ký, lưu bút thuở còn... xanh! Một cách giết thời giờ, như mình đã từng giết nó vô tội và bằng những đam mê vô bổ, những bản nhạc, quán hàng, khói thuốc...” Ôi, cái thời gian khủng khiếp ở trại tị nạn!

Nhấp một ngụm cà phê, cố tưởng tượng vị cà phê khác hẳn những lần uống “cũ”. Thời gian không bình thường! Không thể bình thường! Mỗi điếu thuốc, hít một hơi dài. Khói thuốc tan dần vào khung vuông chật cứng. Căn lều tị nạn có sức chứa thật đáng sợ: Trên 300 mạng. Tôi bỗng giật mình nhìn ra ngoài. May quá, không thấy “ổng”...

Có thể ông già sẽ bực mình vì những nghi thức lảm cẩm, nhưng chắc là ông sẽ mỉm cười: “Hừ! Cố thử viết đi! Bởi đó cũng là hy vọng, cho dù hy vọng khi nhão nhẹt, mòn mỏi, càng làm cho tháng ngày thêm bệnh hoạn. Viết sẽ làm mày “đau”

đấy... Ngay cả khi mày đựng tới những kỷ niệm êm đềm thường được người ta quen gọi là hạnh phúc!

Tôi quen ông tính gần hai năm. Cũng trong không khí trại tị nạn, gồm đủ các loại người vượt biên, vượt biển, vượt cạn... vào lúc cuối mùa. Hãy thử tưởng tượng con quái vật cộng sản, trong cơn dẫy chết kinh hoàng của nó, đã thổi bay mọi thần tượng, lãnh tụ, miếu thiêng, đài cao... Và những rác rưởi đã không trôi giạt tứ tung mà lại tụ về một chỗ. Ở đây có những tên cướp biển thành nạn nhân. “Tụi nó còn đáng thương hơn mình nhiều!” Có những kẻ chỉ còn “tương lai” huy hoàng ở đằng sau họ, luôn luôn nói về “ngày xưa” của mình! Nhưng thôi... đừng làm cho vị cà phê thêm cay đắng. Hãy bỏ qua những ngày nhìn các ông già phờ phạc, lúc nào cũng như mất hồn, chỉ vui lên một chút khi ngồi vào bàn cờ tướng!

- Hay là bố cho con một đề tài?

- Đề tài thật ra không quan trọng.

- Con định viết về những ngày ở đây, nhưng sao chỉ thấy toàn cay đắng!

- Đám trẻ, nhất là đám trẻ sau 75, luôn cảm thấy cay đắng! Rượu ngon đàn anh uống sạch, chỉ còn toàn rượu phạt! Nhưng khi đám lớn



chịu thua cộng sản với bất cứ giá nào, kể cả sự đầu hàng nhục nhã, chính là vì họ muốn đám trẻ được sống! Chuyện sau đó không phải lỗi ở họ. Hơn nữa, thành công hay thất bại của mọi trò chơi chỉ có thể được trả lời bằng những bài viết chậm, sau đó...

Những người ở trại cấm S. chắc không bao giờ quên được Giáng sinh 1992. “Đây có lẽ là lễ Giáng

sinh cuối cùng của các con ở trại này!" Đức Cha cai quản địa phận đã nói như vậy. Và ngài cho một số tiền lớn để tổ chức đêm Chúa ra đời, tại ngôi giáo đường vốn được xây cất tại khu đất thấp nhất trong trại, như thể Chúa cũng muốn chia sẻ nỗi thống khổ với đồng bào bị nạn, như thể đây mới là nơi xứng đáng nhất để Chúa ngự, không cần tới hình ảnh một cây Thánh giá ở trên cao.

S. có ba khu, A, B và C. Mỗi khu là những cổng sắt, những kẽm gai bao bọc, tách biệt với thế giới bên ngoài và phân chia với phần tù còn lại. Một người ở khu A phải đi qua mấy lần cổng, kẽm gai, qua khu nhà MOI (bộ Nội vụ), khu bệnh viện "Các bác sĩ không biên giới" (Médecins sans frontière), xuống thấp mãi theo con đường dốc, tới nhà thờ...

- Viết, như vậy chỉ là miêu tả?

- Nhưng qua cách miêu tả, người viết đưa ra một quan niệm...

- Như vậy "cách" miêu tả rất quan trọng?

- Nó là linh hồn của văn chương.

Trong những điều được nói về Sikiew, chỉ có mỗi điều này là đúng: Nó thực sự là một địa ngục. Có một câu chuyện được rỉ tai giữa những người bị nạn. Sikiew có ma! Nhất là vào những đêm trước khi xổ kết quả thanh lọc. Có người nói đó là linh hồn cô gái treo cổ tự tử sau khi bị "out", đêm đêm lang thang trên các mỏm đá trước nhà thờ. Có người nói, ma đâu mà ma, chỉ là đám người lớn đêm đêm lăn mò bắt mấy chú dế trong các kẽ đá, để ban ngày xúm lại chơi trò trẻ con thay vì chúi đầu vào mấy cái máy bấm điện tử "tít tít, tít tít..."

Cuối cùng, một hai tay cứng cựa đã rù nhau thức suốt đêm để "coi". Câu chuyện do hai tay này kể cũng có lý.

Họ đã nhìn thấy hai ông tiên, mỗi ông cầm một cuốn sổ, ngồi trên mỏm đá, bên dưới là những hồn ma, người khóc lóc, kẻ luôn miệng kêu

oan!

Đó là Nam Tào, Bắc Đẩu, kẻ giữ sổ sinh, người sổ tử. Câu chuyện được truyền tai. Một đồn mười, kéo theo một số người tò mò muốn tận mắt chứng kiến. Để tránh bực bội, và cũng để cho sự phán xét được công minh, hai ông tiên đã cho xây những bức tường cao che kín mọi bí ẩn.

Bây giờ nếu không tin, bạn cứ "xuống" Sikiew. Những bức tường cao này vẫn còn, và nơi đó trở thành nhà tù đóng dấu ấn "địa ngục".

- Đó chỉ là tưởng tượng...

- Nhưng tưởng tượng nhiều khi "đúng" hơn cả thực tại đời sống. Nếu không, mày viết làm gì? Thay vì viết, hãy sống!

12 giờ đêm: Không ai ngủ được, có chăng chỉ là dật dờ. Cứ trần trọc, âu lo, bứt rứt áy náy vì một cái gì đó... Không phải tại nóng. Thời tiết S. cuối năm se lạnh về đêm. Một số bình thường vốn dễ ngủ, sao đêm nay cũng bực bội vô cớ, bỏ ra ngoài bày một bàn trà phía sau căn lều. Đám trật tự vốn rất nghiêm khắc với ba cái trò quá giờ giới nghiêm, vậy mà cũng bỏ qua. Họ cũng đang chờ đợi...

Trong nhà, đèn đã tắt từ lâu. Ngoài kia, trăng hạ tuần treo chéch, ngược ngạo một bên trời sau rặng cây.

1 giờ sáng: Làn gió lạnh buốt đầm đẫm thứ sương đêm ẩm độc của miền núi lửa xuống thung lũng Sikiew. Bóng dãy núi xa sau trại đè nặng khối đen khổng lồ xuống mớ lều thấp. Từ mãi đâu đâu trong hòng núi, vọng lại tiếng cú kêu làm loài chó hoang hoảng sợ, ngừng cổ tru dài. Mọi người tỉnh cả ngủ, chờ đợi tiếng phán quyết của núi thiêng. Con cú hướng về căn lều, rúc lên thảm thiết! Con mèo đen đang rình mò trong một xó xỉnh, hốt hoảng nhảy tót lên bàn làm mấy cái ly đập mình kêu loảng xoảng! Dưới ánh trăng màu huyết dụ, con cú ngoái đầu lại như tiếc rẻ... Câu chuyện đang từ đề tài muôn thuở "thanh

lọc" bỗng chuyển sang điềm báo cái chết. Vãn anh chàng trung niên tự xưng sĩ quan quân đội VNCH quả quyết chính mắt đã nhìn thấy một con cú khổng lồ trên nóc dinh Độc Lập những đêm cuối tháng tư... Nó cứ rúc lên những hồi báo tử... Mọi người dài cổ, há miệng hồi hộp... "Hỡi anh em binh sĩ, hãy bỏ súng đầu hàng..."

2 giờ sáng: Sương xuống nhiều hơn. Trời đất mù mù ảo ảo, nhuộm màu sẫm như màu máu bầm từ lưỡi trắng ma quái treo ngược đầu bệnh viện. Con cú lại trở lại, như quyết tâm làm tròn sứ mệnh. Mấy tay quanh bàn trà như bảo nhau, ném đá tới tấp. Con cú lượn hai vòng quanh căn lều, rồi như thỏa mãn, chúi đầu chui vào hòng núi đen...

- Nước mắt cũng có hạn! Nơi nào đổ ra nhiều thì chỗ khác dề xén lại...

- Bố muốn nói đừng lạm dụng cảm xúc?

- Đúng! Người ta đọc, khi xúc động. Nhưng người viết chớ bao giờ lạm dụng nỗi bi thiết, của chính mình cũng như của đồng loại.

3 giờ sáng. Anh chàng thanh niên chợt tỉnh giấc, nhìn lên... Anh lẩm bầm "Quần áo của ai treo..." Anh tỉnh ngủ tiếp, nhưng chợt giật bắn người "...sao treo cao quá thế không biết!"

Xác chết được mang tới bệnh viện cho mấy ông bác sĩ không biên giới. Cả trại như lên cơn sốt. Từng đám tụm năm tụm ba thì thăm to nhỏ. Ai cũng muốn "có" được một vài "chi tiết" về cô gái... 26 tuổi. Trẻ quá! Bố sĩ quan chết trong cái tạo... Tháng trước rớt thanh lọc...

Đây là vụ tự sát thứ tư thời gian gần đây. Những vụ trước may phát hiện kịp nên không có xác chết. Không có "chi tiết"!

Sikiew nổi tiếng trong đám người bị nạn vì bụi!

Ngay cả trong giấc mơ của họ cũng đầy bụi!

diễn-đàn

TIẾNG VỌNG TỪ ... BA-LAN

Tôi vừa nhận được *Làng Văn*, mừng quá quên cả đi chơi, vì đi học thì không thể bỏ được. Tôi mới quen *Làng Văn* chưa lâu mà đã mê rồi. Truyện ngắn, truyện dịch của *Làng Văn* đều rất hay, nhất là những mục về quê hương Việt Nam. Tôi và bạn bè rất khoái mục bác Bút Chì trả lời độc giả. Tuy chính mình không hỏi nhưng nhờ đọc nên cũng sáng ra nhiều điều. Đọc *Làng Văn* vừa được thả hồn về quê thăm nhà, nhớ lại tuổi thơ từ thành phố về quê thăm ông bà, chơi ở vườn ruộng; lại vừa được sang Mỹ sang Canada xem bà con người Việt mình sinh sống ra sao. Đó là chưa kể thế giới thiên và thế giới... Mafia trong những trích đoạn mà *Làng Văn* đăng tải. Thực lòng mà nói, tôi rất phục những cây viết của *Làng Văn*, đúng là những người làng văn, không làng nho một chút nào dù có rất nhiều chương hồi cổ. Năm đọc *Quay trong cơn lốc* của Nguyễn Ngọc Ngạn đôi khi cứ cười to một mình làm mấy thằng cùng phòng (người Ba-lan) tưởng... bị điên.

Nếu có những hội đoàn hay báo Việt ngữ nào không ưa *Làng Văn* thì *Làng Văn* cứ mặc kệ họ. Với tôi, *Làng Văn* chỉ "gây nguy hiểm" khi đến tay tôi vào trước hôm thi hay kiểm tra bài vở ở trường. Vì có *Làng Văn* trong tay là tôi tự ý thưởng cho mình thời gian đọc báo vô hạn định. Đọc liền một mạch, đoạn văn nào hay còn đọc đi đọc lại mấy lần. Mê

đọc đến nỗi chong cả đèn ngủ lên sau 12 giờ đêm để đọc. Và thế là *Làng Văn* lại có thêm hai "kẻ thù" mới, đó là hai thằng Nga ở cùng phòng với tôi. Mỗi bận tôi đọc *Làng Văn* về đêm là chúng bị làm phiền, lại cầu nhau. Tuy thế bọn nó cũng khen báo in đẹp, lại còn cãi nhau rằng cô gái trong tờ quảng cáo hãng sửa chữa ô-tô bìa trong *Làng Văn* ấn-bản Toronto (Al Guaranteed) là gái Mỹ hay gái Việt.

Ở Ba-lan này cuộc sống của người Việt khá tẻ nhạt. Xã hội nước sở tại có thay đổi nhưng tự do dân chủ vẫn còn là chuyện tương lai. Người Việt thì chủ yếu lo kiếm tiền, vì cuộc sống còn rất vất vả, chưa kể đủ thứ dở hơi của buổi giao thời. Ngoài một số người có quốc tịch Ba-lan hay giấy cư trú, còn lại là dạng ăn nhờ ở đậu. Đa số vẫn sống dưới sự quản lý về mặt giấy tờ của sứ quán Cộng sản. Cộng đồng Việt tựa như một xã hội Việt Nam ở nhà thu nhỏ mang sang...

Lý Thanh
(Sinh-viên VN du-học
tại Ba-lan)

NGHĨ VỀ QUÊ "CŨ"

.... Còn cái tên em chọn, em cũng không thật sự hiểu nghĩa là gì. Em chỉ chọn hai chữ tắt V.N. từ tên của một người yêu cũ, và tên của một quê hương cũ, Việt Nam. Chị nghe em nói có ngậm ngùi không, quê hương cũ!

Việt Nam bây giờ, cho dù vẫn luôn luôn là nơi em coi là quê hương, chỉ còn được gọi là quê hương cũ mà thôi. Em không biết có bao giờ em sẽ được trở về, đường đường chánh chánh, không thẹn với lòng.

Đây là nỗi ưu tư lớn nhất của em bây giờ.

Em nhớ có lần đọc một bài báo của anh NHN, nói rằng cho dù chính phủ và thể chế của nước CHXHCN VN sắp lụn bại nhưng nếu mình tiếp tay cứu họ, đỡ họ đứng dậy thì sẽ muôn đời không bao giờ CSVN hoàn

toàn bị tiêu diệt. Không biết em có hiểu đúng không, chỉ nghĩ rằng bất cứ hành động nào có lợi về kinh tế hoặc chính trị cho nhà nước CSVN bây giờ cũng đều không nên, từ chuyện mua bán giao dịch nhỏ bé như thực phẩm cho đến chuyện trực tiếp giúp đỡ như trở về thăm và "du lịch" quê hương.

Vậy đó, với ý nghĩ như vậy, em rất bức bối và khó chịu, thậm chí giận dữ, khi gia đình em có người về VN. Cho dù em giải thích cách nào, khuyên nhủ cách nào, cha mẹ anh chị em của em đều không chịu nghe theo. Có thể họ hiểu nhưng không muốn làm theo. Chẳng lẽ em lại không yêu nhớ quê hương, họ hàng bạn bè bên ấy hay sao? Em còn nhớ những ngày tháng trước khi được ba bảo lãnh qua Mỹ, em đã xin ở lại VN nhưng ba không cho. Em không sợ khổ, em đã từng trải qua những giai đoạn nghèo vô cùng tận. Bây giờ qua đây rồi, em không muốn về, ít nhất trong lúc này. Em mong có một ngày em được về vĩnh viễn sống trên quê hương, chứ không phải du lịch, chứ không chỉ về thăm, nhất là nếu cuộc vui du lịch ấy làm hại tới bao người. Em không có thân nhân bên trại tị nạn, nhưng em cảm thấy bất nhẫn cho những người còn kẹt lại bên ấy. Mỗi một Việt kiều trở về là mỗi một lời từ chối định cư bên đảo. Gia đình em cứ dùng cái lý luận "mình không về thì vẫn có hàng ngàn người khác về". Vậy đó, nếu mỗi một con người chịu ý thức và chu toàn bốn phận, trách nhiệm của riêng mình thì cái lý luận cù nhầy kia làm sao đứng vững? Em không thể thuyết phục người khác nhưng em phải cố giữ mình cho đúng. Em không chịu được ý nghĩ thấy người ta té xuống hố mà mình, vì muốn giống như số đông, phải tự đâm đầu xuống theo.

Chị nghĩ em làm như vậy có đúng không? Gia đình em nhiều người nói em bày đặt thanh cao, làm như hay lắm! Dù là trắng trong một đám đen, hay là đen trong một đám trắng, cũng vẫn là lạc loài. Em không biết là em khác biệt, hay

người trong gia đình mới khác biệt. Đôi lúc em thấy mình đúng, nhưng có một vài khi em thấy mình nhỏ nhoi bất lực quá. Em chỉ muốn làm gì cho quê hương và cho dân VN mình, cho dù một việc rất nhỏ nhoi, nhưng phải là một việc hữu ích. Tình hình bây giờ phức tạp quá, cho dù chỉ là đấu tranh trong một cuộc diện như vậy, em cũng rất nhiều khi cảm thấy mệt mỏi. Và tệ hơn nữa, có đôi lúc em thấy mình mất cả phương hướng và niềm tin. Em làm tất cả những gì em có thể, cho cộng đồng người Việt nơi thành phố nhỏ của em, nhưng chỉ một mình, ý tưởng dị biệt với đa số làm em nản chí. Em muốn chứng minh, không riêng cho gia đình, cho cộng đồng VN, mà cho cả người Mỹ ở đây thấy người Việt không chỉ toàn là phạm pháp, làm lậu, ăn tiền xã hội, buôn bán phi pháp, nhưng hình như chẳng

có mấy hiệu quả. Chỗ em ở, chắc cũng như mọi nơi có người Việt trên đất Mỹ, có đủ mọi thành phần, nhưng có thể nói đại đa số đều vì tư lợi. Không ai chịu nghĩ đến lợi ích chung, cho chính bản thân họ bây giờ, cho con cái, thế hệ sau này.

Ồi, em lười thôi quá phải không? Viết lách lung tung lộn xộn. Vậy đó, em cứ viết thư như viết cho riêng mình đọc, như viết nhật ký mỗi ngày. Em không mong chị viết thư riêng. Em chỉ mong được một nơi ủng hộ tinh thần, ít nhất là về vấn đề mà em bày tỏ. Em có thể sai hay em có thể đúng, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là em có thể giải bày những ý nghĩ không thể nói ra với người chung quanh. Hơn nữa, em có thể nhận được lời khuyên của người mà em tin tưởng....

V.N.
Canada

MỖI NGƯỜI TỊ-NẠN LÀ MỘT VIÊN ĐẠN BẮN VÀO CHẾ-ĐỘ CỘNG-SẢN

Chờ đợi trong trại cấm nên chúng tôi không có điều kiện biết nhiều những gì đã và đang xảy ra tại quê nhà và hải ngoại. Được vài lần đọc *Làng Văn*, vui và mừng. Vui vì những người bất hạnh sau kẽm gai trại cấm này không đơn độc, mừng vì có nhiều sự thay đổi ở quê nhà, báo trước sự tàn lụi của một chế độ phi nhân. Chúng tôi xin chia vui cùng toà soạn về cố gắng của tất cả những người cầm bút ở hải ngoại đang đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do, nhưng cũng rất lấy làm buồn trong vườn hoa muôn sắc đó, có một vài loại cỏ gai làm vườn hoa văn học kém phần hương sắc.

Chúng tôi, những người con lạc loài, đang chờ tự do, mỗi mồn trong trại cấm và có thể bị trả về ngục tù Việt Nam một ngày gần đây. Nhưng xin quý anh chị hãy tin, dù bị trả về, mỗi thuyền nhân Việt Nam sẽ là một chiến sĩ, một viên đạn bắn vào tim của chế độ CS và là một viên đạn bắn vào đầu những tên hoạt đầu chính trị tại hải ngoại. Nghịch cảnh và đau thương sẽ giúp những người Việt Nam chân chính thấy được sự thật và đào thải những phần tử cơ hội, đón gió trở cờ....

Nguyễn Văn Thảo
Hương-cảng

CHUYẾN LỬA VỀ QUÊ-HƯƠNG

Đề-nghị *Làng Văn* tiếp-tục làm mạnh chương-trình *Chuyến lửa về quê-hương*. Mỗi kỳ nên đăng một vài địa-chỉ các cơ-quan của cộng-sản để đồng-bào tự-động mua báo, mua sách chống cộng chuyển về.

Tôi đã thử nhiều lần và lần nào cũng nghiệm thấy kết-quả tốt. Rất nhiều người ở Việt-nam viết thư sang cho biết những tờ *Làng Văn* tôi gửi về đều trót lọt hết.

Lê Đặng
California



nhận được, giới-thiệu



BỎ CHỐN MÙ SƯƠNG

Tập truyện ngắn của Song Thao, Kinh Đô xuất-bản.

Song Thao tên thật Tạ Trung-Sơn, sinh năm 1938 tại Hà-nội, từng cộng-tác với nhiều báo tại Sài-gòn từ 1959 đến 1975. Ông định-cư tại Gia-nã-đại từ 1985, đã có nhiều truyện ngắn đăng trên *Làng Văn*.

Sách dày 232 trang giá 12 mỹ-kim; liên-lạc: Song Thao, 7805 Claire Fauteux, #1, Montréal, PQ H1K 5B6, Canada.

TRÊN LUNG TÌNH BUỒN

Tập truyện ngắn của Phương Khánh, tranh bìa của tác-giả, Đông Phương xuất-bản.

Sách dày 304 trang, giá 14 mỹ-kim; liên-lạc: Đông Phương.

QUAN HAI LANG TÂY LÍNH THỦY ĐÁNH BỘ

Bút ký của Tôn Kàn, Tập-san Y-sĩ xuất-bản, Phạm Hữu Trác giới-thiệu.

Sách gồm 11 đoản văn, viết theo lối "thấy sao nói vậy", giọng văn bình-dị, trôi chảy, đôi khi chất-chuồng. Đằng sau sự chất-chuồng ấy, là một tấm lòng nhân, một tình-yêu trong-sáng đối quê-hương, đồng-bào, đồng đội. Tóm lại, *Quan hai lang tây lính thủy đánh bộ* là một tập bút-ký chiến-trường đầy tính nhân-bản, đáng đọc, đáng giữ.

Sách dày 106 trang giá 10 gia-kim; liên-lạc: Tập san Y-sĩ, 5851

Viau, Montréal, PQ H1T 2Y2, Canada.

TÌM NẸO ĐƯỜNG VỀ

Tham-luận chính-trị của Vũ Ngọc Long, ghi-nhận các diễn-biến quan-trọng thời-sự thế-giới và Việt-nam trong một thập niên.

Vũ Ngọc Long sinh năm 1946 tại Sơn-tây, tốt-nghiệp Báo-chí tại Đại học Vạn Hạnh và Cao-học Chính-trị Xã-hội Đà-lạt, biên-tập-viên nhật-báo *Sóng Thần* trước 1975, hiện định-cư tại Đức.

Tìm nẻo đường về dày 460 trang giá 25 đức mã; liên-lạc: Vũ Trường Chinh, Quellenstr. 11, 7414 Lichtenstein, Germany.

THIÊN THẦN QUÉT LÁ

Tập truyện ngắn, tác-phẩm thứ

tư của Vĩnh Hảo, viết về cuộc đời của các chú tiểu Việt-nam: "Hơn 2000 năm, các chú tiểu có mặt trên nhiều quốc-gia, đã sống lặng-lẽ, chẳng cần ai nhìn tới, nói tới. Nhiều chú đã rơi rụng đi sau những hoàn-cảnh khắc-nghệt của thời-thế hay của tâm-tình riêng; nhiều chú đã thành-đạt sao bao nỗ-lực phấn-dấu cam-go trong cửa thiền. Thất-bại trong im-lặng, thành-công cũng trong im-lặng..."

Sách dày 214 trang, giá 10 mỹ-kim, liên-lạc: *Làng Văn*.

BÀNG HOÀNG

Tập thơ của Giáng Vân, tác-giả xuất-bản. Sách dày 124 trang giá 12 gia-kim,.

Liên-lạc: 23 Shoreham Court, #9, North York, Ontario M3N 1T4, Canada.

Đã phát-hành khắp nơi

giá 10 mỹ-kim (13,5 gia-kim)

LÊ VĂN LÂN

**Bút-khảo
về
ăn**

làng văn

Nỗi Buồn

Trong Cõi Văn Chương

Của Việt Phương

Hồ Trường An

Việt Phương là một cây viết trẻ, sinh vào thuở Cộng sản từ bên kia Bến Hải bắt đầu xâm nhập vào miền Nam, và ngòi lửa cuộc nội chiến bắt đầu âm ỉ trên phần đất miền Nam Việt Nam. Do đó, anh trưởng thành trong tang tóc, gian nan, điêu đứng. Rồi chung cuộc miền Nam kết thúc vào ngày 30/4/75, anh kẹt ở lại quê hương để làm chứng nhân cho biết bao cảnh lầm than khổ ải của lớp người bại vong dưới ách thống trị của bọn Cộng sản. Và rồi thêm một lần cực nhục nữa, anh đã vật lộn với đói khát và Tử thần trên chuyến hải trình vượt biên để tìm đến bờ bến tự do. Nhưng chưa hết đâu, khi được định cư ở tiểu bang Texas xứ Hiệp Chúng Quốc, anh còn phải đương đầu với cuộc tiến thân, với biết bao cuộc mưu sinh cam go khe khát nữa.

Chỉ phác thảo đôi chút tiểu sử của anh, tôi muốn bày tỏ với độc giả rằng Việt Phương là một tác giả trẻ tuổi có kinh nghiệm sống rất phong phú. Cho nên văn chương anh là thứ văn chương bắt nguồn từ văn chương hiện thực. Nhưng tác giả muốn vượt lên thứ văn chương hiện thực theo kiểu tiền chiến của Mạnh Phú Tứ, của Nguyễn Công Hoan hoặc theo kiểu gần đây (trước 1975) của Nhật Tiến. Việt Phương có một kỹ thuật viết lách rất sắc sảo, có một nếp suy nghĩ tương đối sâu sắc. Cho nên cái đường lối hiện thực trong văn chương của anh được nâng cao lên ở hàng ngũ tân hiện thực.

Tôi xin đơn cử một thí dụ về nếp suy tư của một mẫu người thời đại dưới ngòi bút của Việt Phương qua

truyện ngắn "Bên Thềm Cuộc Sống":

"Chào tạm biệt Vũ xong, chàng thần thờ bước xuống xe. Cánh cửa đóng lại phía sau phát ra một tiếng kêu khô. Bước lên nấc thang của căn "apartment". Những bước gỗ. Khô. Đêm yên vắng. Vài giọt mưa nhỏ xuống từ mái gỗ. Tích-tắc. Rồi cũng qua một đêm cuối tuần. Ngày mai, Vũ cũng như mọi người đi làm, chàng ở nhà. Ngày tháng đều đặn qua. Những tờ báo được khoan tròn từng cột màu đỏ. Công việc nào cũng đòi hỏi phải có kinh nghiệm. Chàng đã mệt nhọc với những "résumé". Những phong thư đều đặn gửi đi và nhận được. Không có gì khả quan cả. Vẫn những lá thư cảm ơn gửi về theo thủ tục. Cuộc sống của chàng là thế. Sống và chờ đợi. Còn sống là còn dính liền với mì gói. Để quá. Chỉ cần bóc ra, nấu nước sôi đổ vào. Xong một bữa. Đêm về co quắp như tôm luộc, chờ gián bò tràn lên mặt, chàng bỗng thấy mình nhỏ bé quá đỗi. Nhỏ bé giữa không gian, giữa những mối lo toan, giữa hàng ngàn ngã rẽ của đời sống.

Chàng đã bám lấy đời sống bằng những ước mơ tầm thường nhưng quá mỏng manh. Mỏng manh đến độ chàng không dám mơ ước nữa. Sợ gãy đổ tội tình. Thôi! Cứ mặc cuộc sống đưa đẩy. Như vậy chàng sẽ cảm thấy dễ chịu hơn. Ngày nào qua được thì mừng ngày đó. Đôi khi, chàng thấy thật túng quẫn, thiếu thốn. Ngay cả tình thương. Gia đình tí tấp. Mới được thư bố. Bố bệnh, cần thuốc. Chàng đau thắt cả ruột gan. Suýt chút nữa chàng không nhận ra được bố

trong hình. Người gầy và già đi rất nhiều. Mẹ tóc không còn một sợi đen, đứng bên bố cười như mếu. Chàng còn lòng dạ nào để nghĩ đến những thú vui riêng?"

Tập truyện "Trước Bến Văn Lâu" gồm mười truyện ngắn như: "Chỗ Nằm", "Số Mệnh", "Dây Oan", "Mụ Xe", "Giọt Nước Mắt Hình Vương", "O Rô Bông Cau", "Trước Bến Văn Lâu", "Bên Thềm Cuộc Sống", "Nếu Như Đừng Đối Diện", "Lão Bà Ở Lèng-Lao". Chỉ mười truyện ngắn thôi, tác giả đã đưa độc giả dự khán biết bao thảm trạng, biết bao cảnh tượng đổ vỡ tan hoang.

Chúng ta đã bắt gặp ở "Trước Bến Văn Lâu" một bà mẹ từ ấu thời đã là nạn nhân của một gia đình phong kiến (đa thê, nam trọng nữ khinh). Khi lớn lên bà đã quay mòng với cơn trốt thời cuộc, với sự ức hiếp gia đình bên chồng, với gánh mưu sinh. Tuy nhiên, vốn có căn tính tốt, bà giữ được tấm lòng nhân hậu, với niềm tươi son bền sắt cùng cố hương. Bà mẹ đó đã chịu nhiều mất mát trong cuộc sống nhưng không hề mất mát cái thiên lương giữa thời đời điên đảo, giữa thời cuộc đổi thay, vẫn mãi mãi là một biểu tượng lòng lầy của một bà mẹ Việt Nam.

Cũng ở truyện ngắn "Trước Bến Văn Lâu" này, chúng ta đã thấy biết bao biến cố đầy nước mắt, biết bao hoạn nạn xảy đến một người phụ nữ suốt chiều dài lịch sử đầy khúc quanh thê thảm. Văn chương của Việt Phương ghi từng nỗi đoạn trường của từng nhân vật, nhưng ở mỗi nam nhân vật trẻ tuổi ở mỗi truyện ngắn có thể phản ánh một phần nào cái tôi của tác giả. Nhưng mà ở từng mỗi thảm cảnh, độc giả chúng ta bắt gặp niềm tin yêu của tác giả. Ngoài bà mẹ trong "Trước Bến Văn Lâu", chúng ta đã bắt gặp bà lão Việt Nam sớm xa tổ quốc sinh sống ở đảo Hải Nam thể hiện tấm lòng quê sâu sắc và hình ảnh dịu hiền bà ngoại của tác giả nói riêng, của chúng ta nói chung (ở truyện ngắn "Lão Bà Ở Lèng-Lao"). Còn bà ngoại cô Lai trong "Giọt Nước Mắt Hình Vương", còn mụ Cám mẹ o Rô trong "O Rô Bông Cau" há không phải là phản ánh lớp phụ nữ Huế quê mùa, lúc nào cũng muốn con gái mình nên người. Chính

ở những phụ nữ già nua này, tác giả đã thể hiện được trạng thái tinh thần (*mentalité*) của lớp phụ nữ Việt Nam điển hình.

Tuy nhiên, mục Xê trong "Mục Xê", o Rô trong "O Rô Bông Cau", cô Đoan trong "Nếu Như Đừng Đối Diện", ông bà Hoan trong "Giọt Nước Mắt Hình Vương" lại là những người xấu. Nhưng tác giả đã kiến trúc họ một cách tinh vi, các hành động xấu của họ có nguyên nhân. O Rô và mục Xê sở dĩ ăn ở phản phúc với người thì ơn là tại mặc cảm tự ti, bị Cộng sản lợi dụng. Cô Đoan hững hờ với mẹ già và các em là tại cô bị Mỹ hóa trong cái xã hội chạy theo chủ nghĩa cá nhân trên đất Hoa Kỳ. Ông Hoan háo sắc, bà Hoan ích kỷ cũng chỉ là cái cớ để tác giả làm nổi bật cảnh huống tủi nhục của cô Lai trên xứ lạ quê người. Trước sau, khi đọc suốt mười truyện ngắn trong tập truyện "Trước Bến Vắn Lâu", độc giả vẫn thấy một vài tia chớp, một vài ánh đèn trong đêm đen để họ tin tưởng vào tình thân yêu gia đình, chủng tộc, nhân loại.

Một tác phẩm có giá trị phải có một trong ba yếu tố: nhân tính, nhân đạo, nhân bản. Qua "Trước Bến Vắn Lâu", tôi thấy văn chương của Việt Phương hội tụ hai điều kiện then chốt đó là nhân tính và nhân đạo.

Trước hết, nếu hiểu giá trị nhân bản theo ý nghĩa: cuộc đời qua cái bản chất uyên nguyên là một chuỗi bi đát, con người vẫy vùng trong đó bằng những phản kháng tuyệt vọng v.v... Các tác phẩm truyện ngắn của Việt Phương tuy không đưa độc giả vào niềm bi quan chủ bại, nhưng vẫn là những câu truyện buồn. Cái buồn của anh không phải là cái buồn hiện sinh nồn mửa, hay cái buồn theo chủ trương của tiểu thuyết nhân bản, mà là cái buồn sinh ra trên đất nước đầy dẫy tai ương, trên bước lưu vong cô độc. Anh chỉ có cái hơi hướm của cái buồn nhân bản là ở mỗi nhân vật, anh vẽ lên những cảnh đời hẩm hiu, cái số phận thiết tha, chuỗi bi đát kéo dài. Nhưng mà ở mỗi hoàn cảnh truân chuyên, anh còn đưa độc giả bắt gặp được tình người. Do đó, ở mỗi cái

buồn, tác giả tránh bất chước theo cái buồn thời đại của lớp nhà văn nhân bản hay lớp nhà văn hiện sinh ở Tây Âu. Anh đưa độc giả đối diện với cái buồn thật sống động thiết tha của dân tộc chúng ta trong dòng hưng phế của lịch sử. Đó là cái buồn tự nhiên do số phận cay nghiệt đẩy đưa, khác xa cái buồn nhân bản. Đó là nỗi niềm chân thành của một nhà văn trẻ khởi nghiệp văn chương ở đất nước tạm dung, mà giá trị căn bản của một tác phẩm là gì nếu không là sự chân thành? Chính ở điểm này, Việt Phương thuyết phục được độc giả. Họ sẽ cùng cảm thông và chia sẻ nỗi buồn của anh ở mỗi tình tiết, ở mỗi dòng chữ trong từng truyện ngắn. Và còn hơn thế nữa, qua từng truyện ngắn của anh, họ còn nhận rõ

đây là hoàn cảnh, là nỗi niềm của chính họ.

Thế giới chung quanh tôi hình như đã không còn thuộc về tôi, từ đêm qua, khi hay tin ba tôi mất. Tôi không còn ý chí gì hết. Nỗi thao thức về quê hương loang rộng đêm qua. Tôi nhớ nhà quá thể. Tôi nhớ ba tôi, nhớ má tôi. Nhớ từng gốc cây tôi trồng trước nhà nay đã cao lớn sum sê trong hình chụp được gửi từ bên nhà. Em út tôi mặc áo dài trắng đứng nép bên cánh cổng với hàng chữ nắn nót phía sau: Em đang đứng chờ anh về đó. Rồi lại còn mở ngoặc: chắc là dài cổ quá hén! Không dài thì cũng đã dài rồi em ơi. Ngày anh đi em nói còn chưa sôi, nay đã là một cô sinh viên rồi. Em luôn lách cựa hay. Mấy đứa trước đều bị trường đại học "từ chối" hết thảy. Về và không là nỗi dằng co bất tận trong tôi. Tôi thương những người Việt Nam tị nạn ở Hồng Kông, Mã Lai, Thái Lan, Phi Luật Tân. Bởi tôi đã từng ở một trong những nơi đó. Đã từng ăn nắm cơm khô mà lệ ứa. Bây giờ, nếu tôi trở về là tôi phản bội với chính cả lương tâm tôi sao? Nhưng không về thì tôi nhớ nhà quá đi mất. Tôi sợ không được nhìn thấy má tôi thêm một lần trong đời nữa - như đã không còn dịp nhìn thấy ba tôi. Ba tôi cười mãi nguyện trước khi nhắm mắt xuôi tay, theo thư má tôi, làm tôi nhớ đến lời ba tôi dặn (sau này tôi mới biết ba tôi cũng đọc từ trong sách)

"Con ơi! Ngày con mới sinh mọi người đều nhìn con cười mà con lại khóc. Con hãy sống như thế nào để khi con nhắm mắt là đời, mọi người đều nhìn con khóc mà con lại cười". Ít ra, ba tôi đã thực hiện được những gì mà người đã dạy tôi. Còn tôi? Tôi có nên trở về để làm một "chủng tộc Việt kiều", như ở Việt Nam báo chí đã khai sinh ra một "chủng tộc" mới cho người Việt? Liệu tôi có mỉm cười khi máy bay... hết xăng trên không? Sự dằng co giữa về và không cứ như những cơn sóng làm dao động mặt hồn tôi luôn luôn. Những con sóng lan rộng thành những vòng nước của bốn sông năm nào ba con chúng tôi tắm chung với nhau. Lúc ấy, tôi ngưỡng mộ thân hình của ba tôi bao nhiêu thì giờ đây hình dung người nằm xuống với một bộ xương còm nhom - như lời tả của bên nhà - tôi lại càng xót xa thương người bấy nhiêu. Bao nhiêu năm cách biệt. Ba của tôi đã biến dạng thành một người khác nằm ngoài tâm trí của tôi.

Chúng ta cảm thấy ngậm ngùi ai hoài trong mười truyện ngắn. Cái xấu, cái hành xử không đẹp của o Rô, của mục Xê, của cô Đoan, của ông bà Hoan và nhất là của Khải trong "Dây Oan" rốt cuộc cũng chỉ là ảnh hưởng, là kết quả của một xã hội nếu không ly tán thì cũng băng hoại. Nhưng chúng ta sẵn sàng tin vào tình nhân loại qua các nhân vật khác như bà ngoại trong "Giọt Nước Mắt Hình Vương", mẹ ngoại và bà mẹ trong "Trước Bến Vắn Lâu", mục Cám trong "O Rô Bông Cau", nhân vật chàng trong "Bên Thềm Cuộc Sống". Chúng ta không thể không buồn rày rút ở nhân vật trẻ tuổi trong "Số Mệnh", nhân vật xưng tôi, bà mẹ, Thảo Mi trong "Nếu Như Đừng Đối Diện", cô Lai trong "Giọt Nước Mắt Hình Vương". Tôi nghĩ: Việt Phương là một cây bút nhân đạo, nghiêng tâm lòng triu mến thiết tha vào nếp sống lớp người bất hạnh. tình người dù có đôi lúc đảo điên, cuộc sống đầy thảm kịch, đầy tai ương, nhưng niềm tin và tấm lòng nhân đạo của anh đã chiếu ngời ngời.

Chưa hết đâu, ở truyện ngắn "Chỗ Nằm", tác giả vẽ nên cảnh đời một chàng trẻ tuổi tên Du nhận công việc

sân sóc một bà lão Mỹ gần đất xa trời. Ở đây, chúng ta thấy ngoài tình chủng tộc đồng bào, anh còn nêu lên tình nhân loại vượt biên giới quốc gia để hát lên khúc hoan ca cuộc sống. Bà có hai đứa con: một tên Barry sang Việt Nam tham chiến và chết ở làng Kỳ La, một tên Larry gia nhập phong trào phản chiến trong cuộc chiến quốc cộng ở Việt Nam. Bà tâm sự với Du:

"- ... Với tao, nơi chốn nào đã giết con tao thì không thể nào gọi là hòa bình hết. Mà biết không, chiến tranh mới thật sự âm ỉ trong lòng tao từ khi con tao chết đến giờ. Phải! đã hơn hai mươi năm rồi mà tao cứ ngỡ là hôm qua.

Du nhìn bà già như thông cảm. Bà Jennifer cười héo hắt:

- Tao nhớ ngày xưa khi thằng Barry còn đi lính ở Việt Nam. Nó ở bên này theo đám Hippie đi lang thang như tụi ăn mày. Đã vậy rồi còn xuống đường biểu tình dả dáo. Tao biết nó sợ chết không dám đi lính cho nên mới làm như vậy để phản đối, hơn nữa đó là cái "mốt" của thời bấy giờ. Nhưng tao không thể nào tha thứ cho nó được, khi nghe tin anh nó chết, nó trở về nhà ngênh ngang ra điều việc làm của nó là đúng. Nó nói với tao một câu, tao giận quá tống cổ nó ra khỏi nhà.

Bà ngừng lại thở hổn hển rồi lim dim đôi mắt. Hình như sự việc cách đây hơn hai mươi năm như cuốn phim quay chậm lại trong đầu bà, rất rõ.

Du không nén nổi tò mò:

- Câu gì vậy?

Bà Jennifer mở mắt nhìn Du. Rồi bà òa khóc, nấc lên từng chữ, như từng tiếng động hỗn độn của cây dương cầm bị ai đó bấm lên từng chập:

- Nó nói: Barry chết một cách ngu xuẩn!

Hai nhân vật một bà già Mỹ và một chàng trẻ tuổi Việt Nam thông cảm nhau, giữa họ không còn làn mức chủ và tớ, chỉ có sự thiện cảm sâu xa để biến họ thành bạn tâm tình. Có lần bà đề nghị:

- Nếu tao cho tiền mày để đi học thì mày nghĩ sao?

Du trở mắt nhìn bà Jennifer. Nổi uất ức vừa bị chửi trước đám đông vì vô ý làm đổ ly nước cam của bà Brown

khó tính, bị bà ta la lên oai-oái; cộng thêm sự cảm động mà bà Jennifer vừa dành cho Du, làm Du bật khóc bất ngờ. Bà Jennifer ngạc nhiên nhìn Du:

- Tao nói có sai điều gì không?

Du chùi nước mắt, lắc đầu, gượng cười:

- Không, nhưng tôi nói với bà điều này bà đừng cho ai biết hết nghe. Tôi đã tốt nghiệp đại học rồi đó, nhưng kiếm không ra việc, tạm thời làm ở đây thôi.

Bà Jennifer càng ngạc nhiên hơn:

- Mày nói đùa đó phải không? Mày học ngành gì nào?

- Điện tử.

- Vậy mày là kỹ sư?

- Phải!

- Oh! My God. Mày có làm nhầm chỗ không?

Du cười. Bà lại lăm bắm: "Oh! My God, Oh! My a little boy". Rồi chép miệng đôi ba cái nữa."

Việt Phương có cái biệt tài là vẽ được chân dung người đàn bà tuổi tác xứ Huế. Anh kiến trúc những con người có cá tính mạnh rất linh động. Anh không cần vẽ tỉ mỉ đâu, chỉ vài nét phóng bút gọn gàng, chỉ vài nét phác thảo sơ sài, anh đã thể hiện được các nhân vật rất sống, cơ hồ như hoạt động trước mắt độc giả.

Trước hết là mẹ Cám, mẹ của o Rô. Mẹ có những phản ứng như sau khi biết con gái mình bị thằng chằn trâu tên Gáy ve vãn:

"Mẹ Cám - mẹ o - khi biết chuyện thì nháy dựng lên như đĩa phải vôi. Mẹ làm như con mẹ là tiểu thư trao duyên làm tướng cướp không bằng. Mẹ chửi bới, nhiếc móc o Rô, thậm chí còn tìm gặp thằng Gáy để chửi một trận nên thân nữa! Nhưng rồi cũng vô hiệu! Tiếng trống ái tình cứ thùng thùng trong tim o Rô mỗi ngày một lớn thì mằn rặng mà o dứt bỏ cho được! O vốn rất thương mẹ, hai người sống thui thủi với nhau bấy lâu, tình thương đầy ắp, chừ như bị nước lụt tràn vô nhà rồi rút đi mất hết. Đúng là nước lụt mà, chừ khi không rặng lại mang thằng Gáy vô hộp hồn con Rô nhà nì? Tổ cha cái quân gian, hần ham tiền, ham chè của con Rô thì có! Mỗi khi nghĩ tới o Rô đi rượng với thằng Gáy là mẹ tức lộn ruột. Mẹ gào lên thế

thiết."

Khi biết được o Rô chửa hoang, mẹ Cám lồng lộn lên:

"- Con ơi là con, sướng một chút mà khổ cả đời! Trời ơi là trời! Sanh chi đứa con trời đánh thánh vật ri không biết! Rô ơi là Rô, chừ lấy cái vung mó mà úp vô mặt đây?"

Mẹ Cám đúng là do trời sinh ra để khổ sở vì con. O Rô sau trận phá thai, lại bị Việt Cộng móc nối trong vụ phổ biến truyền đơn. Sau đó o bị cảnh sát bắt. Mẹ Cám đến nhà đưa cháu họ (tức là cha của nhân vật xưng tôi trong truyện) để cầu cứu:

"- Dù rằng nó cũng là em con. Con làm ơn làm phúc cứu em nó với. Nó là con gái con đứa biết chi, chỉ đại nghe người ta xúi bậy.

Ba tôi thở dài:

- Nhưng họ đã bắt được quả tang trong gánh chè của o Rô có truyền đơn mà! Mẹ Cám nói lấy:

- Rứa là mi nhứt định không giúp hỉ? Rồi mẹ đổi giọng sụt sùi. Tao biết mà! Mi chẻ tau quẻ mùa dốt nát, mi chẻ tau là con nuôi của ôn cố chứ chi! Mi có nhận là bà con với tau khi mở nờ. Trời ơi! Rặng mà khổ như ri nì! Tau lặn lội từ dưới làng lên đây để chừ nhìn mi như sắt như đá. Mi có phải là con người không? Nó là em của mi mà!

Ba tôi vỗ tóc bức tai:

- Thì o cũng phải để tui suy nghĩ đã chứ! Chưa chi mà o bù lu bù loa rồi!

Mẹ Cám sáng mắt:

- Rứa mới được chứ! Có con noái một tiếng thì việc chi cũng êm xuôi hết. Tao bảo đảm là con Rô bị oan đó. Chừ nghĩ hần bao nhiêu mà truyền đơn với lại truyền dịch!

Ba tôi nghi ngại:

- O có chắc không?

Mẹ Cám sửa lại thế ngồi ngay ngắn:

- Rặng không chắc! Hần suốt ngày đi bán chè, tối về thì hủ hỉ với tau, bạn bè mô có đứa nào. Tao nghĩ là lúc hần đang bán trong chợ thì bị người ta sợ tội dẫu dưới nời chè mà hần không hay.

Ba tôi xua tay:

- Thôi được rồi. Mời o dùng nước. Để ngày mai tui lên sở coi rặng đã.

Mụ Cám bung tách nước lên, nhưng chưa yên lòng mụ lại đặt xuống, dặn:

- Con nhớ nghe! Ôn ni o kết cớ ngậm vành. Con nghĩ thử coi, hân mà đi tù thì o không biết sống ra rãnh đây. O già rồi con à, o không đủ sức để lo cho o, huống chi phải bới xách cho hân nữa..."

Tôi thường thích giọng văn Huế của chị Nhã Ca qua hai truyện dài "Mưa Trên Cây Sầu Đông", "Cổng Trường Vội Tím", qua một vài truyện ngắn của chị Cỏ Thẳng Giềng đăng trên Làng Văn và Phụ Nữ Diễn Đàn. Giọng Huế, tiếng Huế khi thì ngọt như mè xừng kẹo cau, khi thì trầm thấp mặn mà như cá bống thệ kho mặn, nước kho đặc sánh...; sau này là văn chương giọng Huế của Võ Đình, của Vi Khuê, của Nguyễn Thị Thanh Bình, v.v.. Tất cả những cây bút đó làm nổi bật ít nhiều trạng thái tinh thần dân Huế, nhất là dân từ bậc trung lưu cấp thấp đến hạng dân lam lũ ở Sịa, ở Truồi, ở Nguyệt Biều, ở chợ Đông Ba, đem lại cho văn phong bút

pháp một sự quyến rũ nồng nàn.

Chúng ta hãy nghe bà ngoại chửi cô cháu ngoại tên Lai hay đi họp hành, tập dượt văn nghệ dưới chế độ Cộng sản sau ngày quốc hận 30/4/75 của miền Nam Việt Nam:

"- Mụ cô tam dơi nhà mi! Răng mà mi ngựa giống con mụ mi rứa?"

Tiếng bà ngoại léo nhéo ngoài sân khiến Lai vội vàng bỏ cây lược xuống, bực dọc xô ghế đứng lên. Bỗng thằng Thới thấp thoáng ngoài hàng chè tàu. Lai đi như chạy về phía cửa, nói với ngoại bằng một giọng tức giận chưa kịp lắng xuống:

- Con đã nói với mẹ rồi mà. Con đi tập dượt văn nghệ một chút rồi về.

- Văn nghệ văn gừng cái mả cha mi, mi không nghe người ta nói "má văn công như mông bộ đội" đó răng hi? Ai bóp, ai bẹo chi cũng được.

- Mẹ nói chi mà lạ rứa?

Lai nói lại, cầm đầu chạy băng qua khoảng sân. Thằng Thới đang chân chống chân chèo trên chiếc xe đạp. Lai nhảy phốc lên yên sau. Thới lấy trớn gò lưng đạp. Tiếng bà ngoại vẫn còn văng vẳng phía sau:

- Mụ cô tam dơi...

(Giọt Nước Mắt Hình Vương)

Lại có một bà mẹ hiền có linh tính bén nhạy, có cảm nhận tốt đã khuyên hai cô con gái khi thấy họ ngưỡng mộ một tăng sĩ đẹp trai:

"Em thật sự không muốn nán lại chút nào, bởi sợ chị Liên sẽ bắt gặp ánh mắt em dõi theo bóng thầy Tịnh Giác khuất dần sau đó.

Mẹ nói với chị Liên:

- Thằng nớ mà tu hành chi, vào chùa trốn quân dịch thì có. Nghĩ mà tội cho ba mi, chiến đấu cho ai không biết, rồi cũng chết không toàn thây.

Chị Liên cãi:

- Mẹ nói chi lạ rứa? Mỗi người một lý tưởng chứ. Người đi lính, người tu hành. Người ta tu đã ba bốn năm rồi, từ hồi còn là chú tiểu.

Mẹ lý sự:

- Thì gia đình hân lo xa mà, thấy mắt hân ngó con gái là tau biết hân "gian" rồi!

Chị Liên ngúng nguẩy:

- Mẹ ăn chay niệm Phật mà chẳng nề nang thầy bà chi hết.

Mẹ gắp thêm thức ăn vào chén rồi

nói:

- "Chiếc áo không làm nên thầy tu" mà con!

(Dây Oan)

Các bạn đọc giả hẳn đã thấy cái cõi văn chương của Việt Phương thật buồn. Đây không phải là cái buồn làm dáng như lớp nhà văn hiện sinh thuở trước, mà là nỗi buồn rất thật trải qua biết bao kinh nghiệm sống. Nó phản ánh nguyên vẹn tâm trạng của kẻ sinh ra và trưởng thành trong chiến tranh, phản ánh tròn đầy nỗi niềm của kẻ vừa sống vừa làm nhân chứng biết bao chặng đường lịch sử đầy nước mắt máu xương. Đây là một cõi văn chương của một lớp thế hệ đổ nước mắt trên muôn vàn mất mát, ly tán.

Trong "Dây Oan", "Giọt Nước Mắt Hình Vương", "O Rô Bông Cau", độc giả chỉ thấy thảm kịch kéo dài mà không lối thoát. Nhưng ở bảy truyện kia, dù trong đêm tối ngút ngàn của cuộc sống, họ vẫn thấy còn một yếu tố quan trọng để mà tin tưởng gắn bó vào cuộc đời. Đó là tình người. Văn chương nhân đạo nào mà chẳng xây dựng ở tình người? Điển hình nhất là qua các tác phẩm của Victor Hugo, Pearl S. Buck, A. J. Cronin... Dù là trong trùng trùng thăm thẳm, dù trong lớp lớp tai ương, thứ tình này sáng lên đầu đó, trong góc kẹt tối tăm nhất, trong cơn biến động hãi hùng nhất. Độc giả có thể khóc dài theo cuộc bút trình của anh, nhưng lòng họ không thể bị tê điếng để rồi như bị đóng băng, hóa thạch được. Giọt nước mắt của các nhân vật đầy thiên lương sẽ làm cho lòng bạn mềm lại, tuôn chảy dạt dào biết bao nguồn rung động thiết tha. Tình thương của họ làm cho tâm hồn bạn ấm áp biết bao, tin tưởng vào nhân tình thế thái biết mấy. Cho nên tập truyện "Trước Bến Vắn Lâu" là một tác phẩm có giá trị ở nhiều mặt: sự ghi chép trung thực sự việc, tính chất sống động hồn nhiên của diễn biến, sự rung động chân thành tha thiết của tác giả lúc cầm bút diễn tả sự việc. Và hơn thế nữa, đây là một tác phẩm của một tác giả với tuổi 30 ngoài, nhưng có một nếp suy nghĩ già dặn như một người đã viết văn từ nhiều năm qua, đã đóng góp cho văn đàn hải ngoại một bông hoa rực rỡ ●



MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-điện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... 50 gia-kim (cả thuế)
Gửi đi Hoa-kỳ:.....đường bộ: 50 mỹ-kim (65 GK)
đường hàng không: 70 mỹ-kim (91 GK)
Các nước khác:.....đường thủy: 50 mỹ-kim (65 GK)
đường hàng-không: 80 mỹ-kim (104 GK)

Ghi-chú:

- Gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$: (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:
tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.
Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.
Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.
Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.
Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.
Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.
Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen
- Chi-phiếu đề và gửi về đại-điện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:

Hội *Làng Văn*
(Bách Thái Hà)
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
(Điện-thoại: 34-10-26-46)
Đức:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund I
(ĐT: 656-949)

Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến
Lijster 77
1628 Am-Hoom-NH
(ĐT: 290-31666)

Anh:

Hoài Châu
19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:

Dương Kim
Kalbakkn 17
0953 Oslo 9
(ĐT: 216-5607)

Úc-đại-lợi:

P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195
(ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
(ĐT: 799-1763)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

PHIẾU ĐỔI ĐỊA-CHỈ:

Họ tên và mã-số độc-giả:.....

Địa-chỉ cũ:.....

Địa-chỉ mới:.....

Nếu không muốn cắt trang báo, xin chụp lại mẫu này, hoặc cắt nhãn địa-chỉ cũ, gửi kèm theo địa-chỉ mới về tòa-soạn

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG,..

● *Chỉ đăng trên ấn-bản Toronto:*

bìa sau (2 màu):300 gia-kim
bìa trong, (trước hoặc sau):250 gia-kim
trang trong:160 gia-kim
nửa trang:90 gia-kim
1/4 trang:50 gia-kim
1/8 trang:35 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN TỪ 3 KỶ TRỞ LÊN, ĐƯỢC HƯỞNG GIÁ ĐẶC-BIỆT

● *Ấn-bản toàn quốc Gia-nã-đại và quốc-tế:*

Nguyên trang trong:200 mỹ-kim (260 gia-kim)
Nửa trang:110 mỹ-kim (143 gia-kim)
1/4 trang:60 mỹ-kim (78 gia-kim)
1/8 trang:40 mỹ-kim (52 gia-kim)

độc-giả dài hạn được bớt 10% khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn.

thư đi tin lại

● Nguyễn Hương phụ-trách



Nhắn tin chung quý độc-giả hỏi sách tặng: Điều kiện để được tặng sách là “độc giả mới, mua hai năm”, hoặc “độc-giả dài hạn tái hạn hai năm”.

Đối với độc giả chưa mãn hạn, tòa soạn gia hạn tặng sách cho đến cuối năm 1993. Quý vị muốn nhận sách tặng, xin vui lòng tái hạn sớm và tái hạn hai năm. Sách chỉ gửi khi có chi phiếu đính kèm. Đa tạ.

Nhắn tin riêng: Hoạ sĩ Nghiêu
Đề: Xin liên lạc tòa soạn, nhận thư ông Trần Hữu Lễ ở Thụy Sĩ nhờ chuyển.

Ông Văn Tuyên, Galang II: Đã nhận được bài thơ, cảm ơn ông. *Làng Văn* vẫn tới Galang đều. Kính.

Thi-sĩ Hoài Việt, Pháp: Nhận được thư anh Hà sau khi báo đã gửi đi nên ông nhận phiếu nhắc tái hạn hai lần. Máy kiểm soát việc gửi báo, không phải người. Khi hết hạn, máy không in nhãn địa chỉ ra nữa, trừ khi người cho lệnh mới.

Ông còn mỗi ba năm nữa đã về hưu rồi, khoẻ thật! NH nhìn lại con đường hun hút trước mặt mà ngao ngán! Kính,

Thi sĩ Phan Thịnh, Hạt Cam: Cảm ơn lá thư dài, cho biết tình hình... hột cam. Thi sĩ gần *bùn mà chẳng*... như thế, đáng phục lắm.

Quý vị linh mục dòng Chúa Cứu-thế bảo “mỗi tờ *Làng Văn* là một *tập tài liệu*” làm NH rợn tóc gáy. Giữ được cái “giá” đó, e cả tòa soạn phải dốc hết tuổi xuân!

Thỉnh thoảng thấy ông chú có bài gì hợp khẩu vị người làng, nhớ “vận động” cho tòa soạn, nhé. Đa tạ.

Bạn Katherine Nguyễn, Ottawa: Sẽ gửi tài liệu chỉ dẫn về cách dùng chữ Việt cho bạn. Chúc vui.

Bạn Tần Vy, Úc: NH xin ghi nhận yêu cầu của bạn. Thật ra đó cũng là ý muốn của NH. Nhưng khi tòa soạn “ra đề” rồi, dù bạn đến mấy cũng phải tham gia đấy nhé. Mong tin.

Diệu Hương, Georgia: Đã gửi sách. Giữa tháng 7, sự cụ về làng, Diệu Hương có sang thăm không? Hè năm nay nhiều phần không đi xuống phía Nam được. Nhiều chuyện phải lo quá. Thân.

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, Mã Lai: Đã gửi thuốc men cho anh, lần này nếu không tới, NH sẽ khiếu nại với bộ Nội vụ và hoàng gia Mã Lai. Tòa soạn có mối liên lạc khá tốt với hai nơi này, nhưng không muốn nhờ cậy chuyện riêng tư, tuy nhiên, gặp chuyện ngặt nghèo lắm thì cũng đành! Thân.

Nguyễn Quân, Úc Đại Lợi: Cảm ơn về món tem tị nạn của ông. Kính.

Anh Nguyễn Văn Phước, Tangjung Pinang: Đã nhận được bài thơ Mẹ, cảm ơn anh.

Lệ Hằng, Pháp: LH gọi sao

cũng được. Cô chú cũng là cát bụi, mà anh chị cũng là cát bụi. Quý là ở tấm lòng cho nhau. Thư-mục *Làng Văn* in và đóng cặp trong số 103, LH xem lại. Mua nhiều, được bớt tới 25% đấy. Xem thể-lệ trong Thư mục. Thân.

Ông Đình Xuân Mão, Montana: Tiếc là cuốn sách ông hỏi không nằm trong danh sách sách tặng. Tòa soạn gửi cho ông cuốn XDCL. Kính.

Nguyễn Q. Thống, Georgia: Cảm ơn anh đã cho xin danh sách mới nhất của các hội ấy. Tòa soạn đã gửi một tờ báo tặng và Thư mục. Mong giúp ích được ít nhiều. Thân.

Anh Vi An, Nhật Bản: Nếu có thì giờ, mỗi kỳ xin anh một bài ngắn, vui về những vấn-đề thời sự trong vùng. Bếp Mập “chịu” lối viết của anh: ngắn gọn, đầy đủ, tinh tế và dí dỏm. Thân.

Ông Nguyễn Duy Đàm, Milpitas: Đã gửi bù số 88 cho ông. NH cũng thắc mắc lắm, không hiểu sao mình lại có thể “thiếu văn hóa” đến độ không gửi đi một số báo cũ (mà tòa soạn vẫn lưu dư dả), để ông phải nhắc tới lần thứ tư. Nghĩ mà buồn lòng!

Bích Thủy, Na Uy: Đã tìm ra tên “Anh Thảo” của loài krokus rồi thì hay, đỡ cho NH khỏi cầu viện cụ Bút Chì.

Xem lại số báo bạn thiếu là số mấy, không phải “107” (mới ra) đâu. Nhắc lại giùm nghe! Nhắc tới lần thứ ba mà vẫn chưa nhận được thì có quyền nổi sùng, mắng là “thiếu văn hóa.” NH cam đoan không cười đâu. Thân.

Nhà văn An Khê, Pháp: Xin sự ca nhắc lại những điều đã nói trong thư cho ông HĐ biết. NH tôn trọng quyết định ấy. *Chờ xem Tù U Minh biệt xứ.* Đã có thư riêng nói về việc bán sách, cùng hai gói nhỏ, gửi đợt 1. Kính.

Nhà văn Nguyễn Quốc Tru, Panat Nikhom: Không ngờ báo chí vào Panat cũng nhiều khê như vào Sikiew! Mừng anh chị sắp sang Gia Nã Đại. Đã liên lạc với Văn Bút VN/Ontario để nhờ theo dõi hồ sơ, và nếu cần, giúp đỡ được mặt nào chăng. Kính.

Thi sĩ Trần Văn Lệ, California: Hôm nào thi sĩ giả vờ ốm nặng, không “bổ củi” một tháng xem Cali có động đất không cho biết. Bao giờ thì ...ODP về Nam Cali đây? Thân.

Anh Nguyễn Công Tâm, Hòa Lan: Đọc thư, cũng mừng lung như thơ, Hòa Lan dạo này chắc lắm sương mù. Mong sáng tác mới.

Ông Võ Văn Châu, Thụy Điển: Mẫu quảng cáo của ông, nếu trình bày lại bằng chữ nhỏ, in kèm phiếu đặt mua, mất nửa trang báo (ấn bản quốc tế), giá 110 mỹ kim (hoặc 143 gia kim).

Cảm ơn ông về bài viết. Kính.

Bà Hồ Phổ Lại, Gatineau: Lời khích lệ ấm áp của bà càng khiến NH cần trọng hơn, cảm ơn bà. Đã gửi vài số cũ theo yêu cầu, biết đâu lại chẳng kết giao thêm được vài người bạn mới.

Cái trụ bà hỏi, miền Nam gọi là “nọc trâu.” Nhiều nơi không trồng nọc, mà cho trâu bò lên cây cau. NH thích làm cây cau hơn làm “nọc.” Cây cau vừa là một cái giá, lại vừa có sự sống và vừa trực tiếp sản xuất. Kính.

Ông Phan Tuấn Sơn, Hobart: Cảm ơn ông về bản tin. Có dịp sang Úc sẽ không quên cộng đồng người Việt vùng Nam băng dương. Kính.

Ông Trần Vinh Quy, Thái Lan: Toà soạn không nhận được thư ông, kêu cứu giùm anh Nguyễn Văn Oanh như viết trong thư ngày 1.6 mới đây. Xin gửi cho hồ-sơ khác, nếu còn kịp. Kính.

Ông Nguyễn Hoàng Dũng, Palawan: Đã chuyển thư hộ ông. Lần sau muốn gửi thư cho Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton, xin theo địa chỉ:

The Honorable William J. Clinton
President of the United States of America

The White House
160 Pennsylvania Ave.
Washington DC
USA

Em gái Sikiew, Thái Lan: Đã nhận đủ hai thư, đã làm theo lời dặn (trừ các số trước đã trót gửi đi theo lối thông thường). Gắng sức để thắng nghịch cảnh. NH có cảm tưởng rằng em sẽ không phải chịu đựng quá lâu nữa đâu. Cố lên!

Lưu Hải Sơn, Đức: Đã lưu ý, hóa phép biến LHS trở lại thành Kim Thành, đừng lo! Cái tên “Kim Thành” không có vẻ con gái, nhưng nghe... giàu có hơn. Thân.

Em Bé Bay: Gia đình Cún đã trình diện đủ mặt tại cổng làng, không hư hao sút mẻ chút nào! Kỳ này định gửi báo cho Em Bé qua địa chỉ “Má Năm” Cali, nhưng tính lại không kịp nữa, đành chuyển về nguyên quán. Thân.

Nguyễn Đạt, Ottawa: Cảm ơn tiền tem gửi báo tị nạn của anh, đủ cung cấp một năm, ba tờ hàng tháng, ít ra cũng giúp được khoảng 300 người đọc mỗi tháng, trước khi tờ báo tới tả. Thân.

Anh Đỗ Kim Khánh, Mã Lai: NH rất mừng khi thấy đồng bào tại Sungei Besi đã đấu tranh ôn hòa và gặt hái thành công nhiều mặt: được dùng lửa, được mở lại các lớp học và nhất là được phép nhận sách báo chống cộng. Sẽ tăng số lượng báo gửi về Sungei Besi. Kính.

Cô Ngô Huỳnh, Sungei Besi: Cảm ơn về bài thơ có khẩu khí nam nhi, được lắm. Mong tiếp tục.

Bạn Ngọc Duy, Hoa Kỳ: Lời ví von “mỗi tờ Làng Văn quý như một lượng vàng” của bạn khiến NH cảm thấy sắp thành tỉ phú đến nơi. Cảm ơn “lượng vàng” của bạn, nhưng đề nghị chuyển thẳng sang các trại, lợi hơn. Gửi vàng về “mỏ” để nhờ chuyển đi, tốn tem một lần nữa, hơi phí. Cách thứ hai hay hơn, là bạn cứ giữ báo, gửi riêng số tem ấy về làng, góp sức chuyển báo sang trại, như vậy bạn có báo lưu mà đồng bào cũng có báo đọc. Kính.

Ông Vũ Quân, Galang: Mừng ông “kim bảng quả danh thi”, chờ ngày lên đường đi định cư. Báo vẫn gửi đều. NH nghĩ Nam Dương bắt đầu chơi trò giấu báo, trong khi bên Mã Lai, người ta đã tiến tới văn minh lâu rồi! Kính.

Anh Nguyễn Trung Dũng, San Jose: Gọi bằng “ông bà, anh chị” gì thì NH cũng vẫn là NH, có sao đâu mà... giận! Xin tiếp tục viết, và nhớ một điều: bài *Làng Văn* “đánh trượt” chưa chắc đã không dùng được. “Thi tuyển” vào trường này không xong thì “thi” vào trường khác, hoặc ... làm bài lại, hoặc khi có bài khác ưng ý hơn lại nộp quyển. *Làng Văn* khó vào vì người góp bài đông gấp nhiều lần các báo văn học khác, thế thôi. “Thi” khó mà “đậu”, càng vui, phải không? Kính.

Nguyễn Thị Lộc Quy, Philadelphia: Hè này chắc bị “cấm cung”, vậy là cô cháu mình sẽ không gặp nhau, ngoại trừ trường hợp Lộc Quy sang Toronto nghỉ mát. Cảm ơn Lộc câu “cô NH ăn nói hoạt bát hơn chú N”. Chú N chống chế rằng thì là trong tòa soạn và cả trong gia đình, chú rất ít khi có dịp... nói, đâm ra không có dịp “thực tập”, nghe mà ngứa gan!

Mấy bài thơ Lộc Quy fax sang bị mất hết cả tựa, nhớ gửi lại, nghe! Thân mến.

Thi sĩ Xuân Tước, Colorado: Có người nhận xét, bài của ông Hồng Ân trên VNTP số 1 tháng 7

gọn, sắc và linh động, đại ca nghĩ sao?

Tiểu muội cũng xin chuyển câu thơ "Kiếp này đã trót thương nhau, Cùng chia mỗi đứa một đầu dây oan" cho tác giả bài *Dây oan* (LV số 105), cùng lời hứa "sẽ tu chùa Hồ Ông" của đại ca. Nhớ đấy! Thân.

Lê Thu Dung, Lachenaie: Đã chỉnh lại hạn báo, quả là sót. Em gửi chi phiếu một năm nữa, sẽ có quà. Chọn xong sách, cộng lại và trừ phần trăm trước là đúng cách. Chúc vui.

BS Lê Hiếu Huệ, Montana: Ngày 22.5, chưa nhận được báo tháng 5, có khi chỉ tới trễ thôi. Nếu ông vẫn chưa nhận được, xin vui lòng cho biết, NH sẽ gửi bù. Free trade không liên quan gì đến cách làm việc của nhân viên bưu điện cả. Kính.

BS Vũ Anh Tuấn, Nantes: Đã chỉnh lại hạn báo. Có sự sai sót trong lúc thông tin qua lại giữa văn phòng Âu châu và tòa soạn, xin tạ lỗi. Các số báo đầu năm 1993 ra trễ hai tuần, và tòa soạn đang cố rút lại

khoảng cách dần dần để có thể ra sớm hơn. Kính.

Nhà văn Đoàn Văn Thông, Milpitas: Đồng ý trên nguyên tắc việc xuất bản sách của ông CGN. Chờ đọc bản thảo. Kính.

Thi sĩ Nguyễn Văn Tạ, Panat Nikhom: Mừng anh đã qua cầu thanh lọc, dù vất vả, khó khăn. Chúc sớm rời trại. Thân.

Anh Nguyễn Kim Khánh, Sungei Besi: Thua keo này bày keo khác, đừng nản. Thường khi tuyên bố kết quả thanh lọc, Cao ủy LHQ có lệ đồn nhiều người "đậu" vào kỳ đầu để tránh phản ứng mạnh, các kỳ sau thừa thớt dần cũng không sao, vì phần lớn đã quen với liều thuốc đắng này rồi. Đã gửi các trang báo cho anh. Chúc may mắn.

Nguyễn Cường, Galang: Đã gửi báo cho anh. Tình hình nhận báo tại Galang có vẻ bắt đầu khó khăn, không biết tới bao giờ mới được cải thiện đây!

Hương Cao Cổ, Cali: Đang đọc bài. Lâu nay Hương đi học lại có vui không? Sân trường có nhiều cỏ non không? Và vườn hương mùa hạ có nhiều sâu như năm trước? Thân.

Nhà văn Nguyễn Tư, Úc: Ông cho biết rành rẽ như vậy thì tất cả những bài thơ ông gửi trước đây đành xếp kỹ để đó, khi nào có thơ mới viết, mới gửi, biết chắc không trùng mới dám đăng. Không phải NH khó tính, mà là độc giả và thân hữu phần lớn không chịu thưởng thức những món "hâm" lại. Nhà ...hàng chiều khách để giữ tiếng, là sự thường, mong ông hiểu cho. Kính.

Thi sĩ Hoài Châu, Luân Đôn: Giữa Gia Nã Đại và Anh Quốc (cũng như giữa Gia Nã Đại và Hoa Kỳ) có giao ước về ngân hàng, độc giả bên Anh và Mỹ có thể gửi chi phiếu riêng khi mua sách báo, tòa soạn

Tập truyện bộc-lộ tâm-sự sâu-kín của lớp người trẻ

TRƯỚC BẾN VĂN LÂU

VIỆT PHƯƠNG



ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim)

Hỏi tại các nhà sách hoặc gửi chi-phieu về Làng Văn

không gặp trở ngại gì. Ngoài ra, nhiều người gửi tiền mặt trong thư bảo đảm gói kín, gửi thẳng về tòa soạn ở Toronto, đều tới đủ và tới rất nhanh. Tiền Mỹ, tiền Gia Nã Đại và ngay cả tiền địa phương (Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Na Uy, v.v.) đều được. Lâu lâu, Bếp Mập vác bị tiền ra ngân hàng quốc tế ở Toronto đổi một lần. Kính.

Ông Đinh Huỳnh, Cali: Đã gửi bù số 105. Nếu số báo gửi trước đó không lạc mất, chỉ tới trễ, xin ông dùng để cổ-động giùm, đừng gửi lại tòa soạn. Đa tạ.

Lâm Xuân Hoàng, San Diego: NH thích những người viết chữ to như Hoàng, các cụ bỏ kính ra cũng đọc được. Đã chuyển thư hộ Hoàng. Chắc "người ta" cảm động quá mà không nói nên lời. Thư cho ông Hồ Trường An, em gửi thẳng về 5 Auguste Renoir, Troyes 10000, France. Chúc vui.

Nguyễn Quang Thanh, Thái Lan: Cảm ơn đã cho tin là nhận vẫn bay lọt qua hàng rào kẽm gai. Đó là điều NH hằng quan tâm theo dõi để giúp đồng bào tại các trại biết được phần nào tin tức và hưởng chút nắng tự do rơi vào. Kính.

Thi sĩ Hoài Việt Lại Văn Hạnh, Shatin: Đã nhận được thư ngày 24.5 của anh. *Làng Vắn* cố gắng vận động mọi chỗ để người bạn đã gắn bó với làng suốt 9 năm qua được LHQ và Hương Cảng đối xử một cách công bình và nhân đạo. Thân.

Nhà văn Nguyễn Văn Ba, Saskatchewan: Đang chờ "bốn cái ngu" từ Cali gửi lên. Sẽ lưu ý giá mới. Cảm ơn anh chị đã chăm sóc hộ *Làng Vắn* và *Tự Do* tại Saskatoon lâu nay. Bao giờ tìm được đại lý mới, xin cho biết. Thân.

Anh chị Trần Quang Hải, Pháp: Cảm ơn tấm bưu ảnh từ Mạc Tư Khoa lạnh lẽo gửi về. Nên đi

Móng Cổ lắm chứ sao không? Thăm anh chị mạnh. Thân.

Ngọc Sương, Sydney: Cảm ơn bạn hiền luôn luôn dành ưu tiên cho làng. Truyện không được chọn, tác giả nên đọc lại, nếu thấy có chỗ sửa được thì sửa và gửi lần thứ hai, nếu thấy không sửa được (hay không cần sửa), nên gửi cho báo khác. NH sẽ lưu ý, đổi tên hai nhân vật của bạn theo yêu cầu. Khi đưa hiện thực xã-hội vào văn chương, ít nhất cũng nên đổi tên nhân vật. "Đương sự" theo dõi tình tiết, đã nhột nhột lắm rồi, phang cả tên người ta ra thì cái truyện ngắn trở thành bản cáo trạng muôn đời không cãi được, tội nghiệp người ta! Mong có dịp gặp bạn. Thân.

Anh Lâm Văn Trung, Knoxville: Đang cố gắng hết sức, nhưng nhiều phần không "xuống núi" được trong kỳ hè này. Đã chuyển lời mời Nguyễn Bá Đình, Thủy Trang và nhờ Vi-Vi vẽ hộ mẫu áo trại.

Chúc anh chị, các bạn, các cháu vui, khoẻ. Thân.

Anh Lê Xuân Mùi, Galang: Đã chuyển hồ sơ của anh cho bà Tổng Ủy Trưởng, Phủ Cao Ủy Tị Nạn LHQ ở Thụy Sĩ. Chúc anh may mắn.

Anh Trương Bửu Tuyên, Sungei Besi: Đã nhận được sáng tác mới. Viết được gì ưng ý, cứ gửi, không nên rụt rè như thế. Chúc anh khoẻ và bớt buồn.

Trúc Giang, Blieskastel: Cảm ơn bạn về sáng tác mới và bản cung khai "lý lịch và quá trình bản thân." Xin tiếp tục viết và gửi.

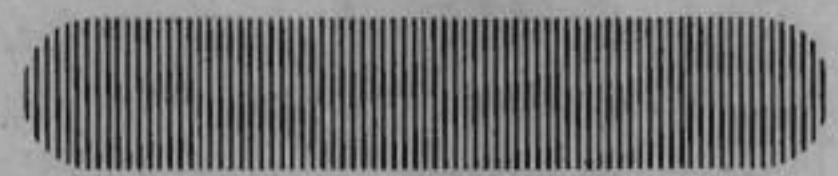
Anh Nguyễn Văn Thảo, Á Châu: Rất cảm thông với tâm sự (và lá thư) rơi mù của anh. Thư anh tới tay NH, không còn cái địa chỉ nào kèm theo cả, muốn gửi bằng thì gửi về đâu! Mong thư sau.

Bà Nguyễn Như Thi, St. Hubert, Québec: Số tiền sách bà định mua là 200,50 gia kim. Trừ 15% còn 170,43 gia kim. Bà muốn tặng một năm báo cho trại tị nạn, cộng thêm 18 gia kim, tổng cộng là: 188,43 gia kim. Chi phiếu xin đề: "Làng Vắn" và gửi về địa chỉ tòa soạn in ở trang 1. Cảm ơn bà.

Phạm Nghi, CA: Đã vào danh sách gửi báo (đường thủy) cho ông Lâm Thanh Danh ở Nam Dương. Số đầu tiên sẽ tới người nhận vào khoảng 30.9 này.

Bùi Thị Bạch Tuyết, New Port Richey: Mừng cô đã thực sự tới bờ tự do. Và cảm ơn cô đã cố gắng đi lòng "người bạn cũ" khắp Richey không thấy, phải viết thư về trại tị nạn xin địa chỉ *Làng Vắn*. Giá một năm *Làng Vắn* gửi sang Florida bằng đường bộ là 50 mỹ kim một năm, chi phiếu đề: *Làng Vắn*. Tòa soạn gửi cho cô số 107 này, nhận được chi phiếu sẽ gửi tiếp cho tròn một năm, 12 kỳ báo.

Tiện đây, xin nhấn chung quí đồng bào ở các trại, sắp lên đường đi định cư, xin chép lại, mang theo địa chỉ tòa soạn *Làng Vắn*, để lỡ có bị đưa về định cư tại một nơi xa xôi hẻo lánh, còn biết chỗ mà nối lại nhịp cầu với người làng. Đa tạ.



BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Hiếu Đệ, Vi An, Tiểu Lâm Viên, Hồ Phổ Lại (2), Nguyễn Văn Nam, Long Châu, Nguyễn Trọng Đức, Nguyễn Văn Chúc, Nguyễn Quốc Trụ, Trúc Giang, Hoàng Chính, Lê Thị Ngọc Sương, Lê Phúc Anh, Nguyễn Văn Thảo.

Thơ: Nguyễn Trung Dũng (6), Hồ Công Tâm, Hoài Việt, Lê Xuân Mùi (3), Kha Huyền, Nguyễn Văn Ngọc, Hoài Việt Lại Văn Hạnh (2),

Hoài Nam (2), Lê Tào (2), T.B.T., Đàm Thị Duyên (3), Sông Xanh (2), Việt Cường (2), Đỗ Đăng Bắc, Ngô Huỳnh (2), Đỗ Kim Khánh, Tân Vy, Hà Huyền Chi, Vạn Giả, Nguyễn Tiến Thành (3), Thanh Hữu Huyền (2), Cap Hoàng Nhân, Nam Chi Thương Nhân, Nguyễn Thị Lộc Quy (4), Nguyễn Quân (5), Nguyễn Khanh, Việt Vũ (5), Lê Nam Sơn, Phạm Bá Quát (3), Phạm Văn Thanh (2), Trần Văn Lệ (5), Đông Vũ (10), Văn Tuyên (15), Tú Bốn (2), Tú Ngớp.

Tranh: Hiếu Đệ, Thái Tuấn, Mít.



BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Điều răn thứ sáu (HC), Sợi tơ nhện (VA), Sau đêm văn nghệ (HĐ), Những ngày ở hẻm Đội Có (NQT), Những khám phá vật lý (NVN), Ràng buộc chi nhau (HPL).

Thơ: Tuyết, Chú bé và quả bóng bay (NTD), Một bài đường luật (TVL), Nhớ hồ Gươm, Ước nguyện của con (PVT), Mimosa (NK), Một thoáng xuân thì, Trà đêm (NQ), Mùa thu tây bắc (CHN), Tin Việt Nam (NCTN), Chiều Hội An, Phố Hội bây giờ (THH), Trắng tay (VG), Thơ HHC, Hoàng hôn cuối đời người (ĐKK), Say, Một ngày bên cạnh.. (LT), Một chuyến xe tang (HN), Bến quê (HV), Dạ khúc 2, Ca tụng ngày, Bến sông (NVN), Hoen màu thời gian (HCT), Mặt trời đã tắt (KH), Tặng một bài thơ (NH), Phận người, Em ơi nghe những điều, Nhớ người, Trăng..., Thương anh em nói hơi nhiều, Cảm, Lời nhắn gửi (ĐV), Rắn đe (TN).

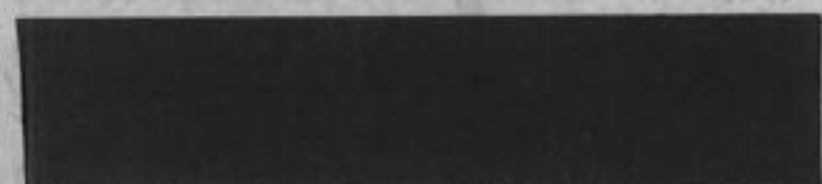
Tranh: Hiếu Đệ, Thái Tuấn, Mít.

nhắn tin tị-nạn



Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.



Cô là **Trần Kim Phượng** từ Đông Đức vượt tường sang Tây Bá-linh, hiện sống tại 49 Mc Kitrick Dr., Kanata, Ontario K2L 2J6, Canada, xin liên-lạc cháu **Trần Thanh Liêm**, Boat KG-8846, Galang 1, AS: 344046, Poskopal Armarbar, P.O. Box 7 Tanjung Pinang Riau 29112, Indonesia.

Các anh **Lê Văn Diệu**, **Lê Thuận** (vợ là Hạnh), xin liên-lạc giúp-đỡ em là **Lê Văn Dũng**. Dũng đang nằm bệnh-viện Galag-Indonesiatrong, địa-chỉ: Boat KG-2125, TS:31 AS: 197004, P.O. Box 7 Galang II, Tanjung Pinang Riau 29112, Indonesia.

Nhan Hữu Nhạc tự Bảy, con ông **Nhan Văn Tỷ** (Bình-dương), tìm chú **Nhan Văn Sáu** trước ở chúng-cư Nguyễn Thiện Thuật, Sài-gòn, sang Hoa-kỳ có lúc ở 1844 5th Ave., Apt. 6, Oakland, CA 94606,

USA, xin liên-lạc với cháu, địa-chỉ: KI 0514/165, AS: 292077 Galang II, Puskopal Armapal, P.O. Box 7, Tanjung Pinang Riau 29112, Indonesia.

Đào Tuấn Anh, 34 tuổi, kỹ-sư ngành Thủy-tinh, con bà **Nguyễn Thị Việt** ở số 11 Hàng Bút, Hà-nội, Việt-nam, năm 1992 sang công-tác tại Hoà-lan rồi ở lại, nay ở đâu, xin liên-lạc gấp với: **Tô Tiến Chúc**, 540 Emily Lane, Piedmond, SC 29643, USA.

Mai Xuân Triều, con ông Hai Tự trước ở Cù-lao An-thuận, xã Minh-hòa, huyện Châu-thành, Kiên-giang, vượt biên khoảng 1985, 1986, định-cư ở Gia-nã-đại; **Trần Văn Sáu**, con bà Mười Ninh ở Ngã ba Tàu-yếu, xã Bàn-tân-định, huyện Giồng Riềng, Kiên-giang, vượt biên khoảng 1986, 1987 định tại Gia-nã-đại (hoặc Úc-đại-lợi); **Trần Văn Triều** (hay **Nguyễn Văn Triều**), con ông Hai Hành ở tà-niên, xã Vĩnh-Hoà-Hiệp, huyện Châu-thành, Kiên-giang, vượt biên khoảng 1984, 1985, định cư tại Gia-nã-đại (hoặc Úc-đại-lợi), xin liên-lạc với **Huỳnh Tính**, trước ở chợ Minh-lương, huyện Châu-thành, Kiên-giang, địa chỉ hiện tại: PST 8165 House C-12, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302, Bangkok 10501, Thailand.

Một thuyền-nhân ở Sikiềw, tìm bạn **Nguyễn Minh Hà**, sinh ngày 16.2.1959, cha là Nguyễn Viết Huệ, mẹ là Nguyễn Thị Chính, trước ở 418/88 Trần Quý, quận 5, sang Mỹ theo thành phần ODP, do anh là Nguyễn Minh Hải bảo lãnh ngày 14.5.1992; xin liên-lạc qua địa chỉ đại-diện **Làng Văn** tại Đức: Ngô Việt Dũng, Postfach 104122, 4600 Dortmund 1, Germany.

Bà **Nguyễn Thị Lễ**, vợ đại-tá **Lê Văn Năm**, xin liên-lạc với bà **Vũ Xuân Dũng** (khuê-danh **Lê Thị Đào**, người Cần-giוע) theo địa-chỉ: 92 Box Footscray, Vic 3011, Australia; D5T: (03) 311-9470.

CÁO-PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau-đớn khắp báo cùng thân bằng quyến-thuộc:

Ông VÕ HOÀNG HIỂN

là chồng, cha, con rể, anh, em, bác, chú và cha của chúng tôi, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1940, đã thất-lộc hồi 22 giờ ngày 14 tháng 06 năm 1993, nhằm ngày 25 tháng 04 âm-lịch tại Montréal, Québec, Canada.

- Tang-gia:
- Vợ: *Nguyễn Huyền Anh*
 - Trưởng nữ: *Võ Hoàng Huyền Trân Isabelle*
 - Trưởng nam: *Võ Hoàng Nam Fabrice*
 - Thứ nam: *Võ Hoàng Đạt Alexandre*
 - Nhạc-mẫu: *Bà Nguyễn Quốc Phụng*
 - Chị: *Võ thị Ngọc Dung, chồng và các con*
 - Em: *Võ Hoàng Ân, vợ và các con*
 - Em: *Võ Hoàng Chương, vợ và các con*
 - Em: *Võ Hoàng Nghiệp và vợ*
 - Em: *Võ Thị Mỹ Ngọc, chồng và các con*
 - Em: *Võ thị Ngọc Hòa, chồng và con*
 - Em: *Võ thị Thanh Bình, chồng và các con*
 - Em: *Võ Hoàng Đoàn và vợ*
 - Em: *Võ thị Thanh Nguyên, chồng và con*
 - Em: *Võ thị Thanh Thủy, chồng và con*
 - Em: *Võ thị Thanh Tâm và chồng*

TANG GIA ĐỒNG KHẮP BÁO,
CÁO-PHÓ NÀY THAY-THẾ THIỆP TANG

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI
Tuyển-tập truyện ngắn mới nhất của Nguyễn Tư
(tác-giả tự chọn)

nguyễn tư



ĐÔI LÁ KHÔ

làng văn . 1993

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Giá 10 mỹ-kim (13.50 gia-kim)

HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:
LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI
Tuyển-tập truyện ngắn đầu tay của Bùi Tĩnh
*Tác-phẩm vui nhộn, trong sáng
của tuổi trẻ và mùa xuân*



Giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim cả thuế)

**XIN HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:**

làng văn

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada